

ĐẠI TẠNG KINH
VIỆT NAM

KINH
TRƯỜNG A-HÀM
TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẶNG KINH VIỆT NAM**

KINH TRƯỜNG A-HÀM

I

(Số thứ tự 2)

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - 2005**

**VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
THỰC HIỆN**

**HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH, CHỈ ĐẠO,
PHIÊN DỊCH VÀ ÁN HÀNH
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM**

CHỨNG MINH: *Hoà thượng* THÍCH TRÍ TỊNH

- Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH MINH CHÂU
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH THANH TỬ
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH ĐÔNG MINH
- Phó Chủ tịch : *Hoà thượng* THÍCH TRÍ QUANG
- Phó Chủ tịch : *Thượng toạ* THÍCH GIÁC TOÀN
(kiêm TB. In ấn)
- Phó Chủ tịch : *Giáo sư* MINH CHỈ
- Phó Chủ tịch : *Giáo sư* LÊ MẠNH THẮT
(kiêm TB. Thư ký)
- TB. Tài chánh : *Thượng toạ* THÍCH TỬ GIANG
- Phó Thư ký : *Đại đức* THÍCH TÂM ĐỨC
- Phó Thư ký : *Đại đức* THÍCH NHẬT TỬ
- Thủ quỹ : *Sư cô* TN HUỆ HẠNH

Hán dịch : PHẬT-ĐÀ-DA-SÁ
TRÚC-PHẬT-NIỆM

Việt dịch :
VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HUỆ NGHIÊM
Hiệu đính : *Hòa thượng* THÍCH TRÍ TỊNH

LỜI GIỚI THIỆU

Các thập kỷ qua đã hình thành nhiều bản dịch Việt văn về Kinh, Luật, Luận thuộc Nam tạng và Bắc tạng. Đây là các công trình cá nhân và là công trình của vài trường Cao đẳng Phật học. Mãi đến năm 1990, ngót mười năm sau ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thống nhất các hệ phái Phật giáo trên ba miền đất nước, Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam mới chính thức được thành lập. Năm 1991, được sự ủng hộ của Ban Tôn giáo Chính phủ và sự chấp thuận của Cục Xuất bản, Hà Nội, Giáo hội khởi đầu ấn hành bộ Trường A-hàm và bộ Trường Bộ Kinh mở đầu Đại Tạng Kinh Việt văn đầu tiên. Phật sự phiên dịch và ấn hành này là Phật sự quan trọng bậc nhất hiện nay của Giáo hội đáp ứng được lòng mong mỏi thiết tha của nhiều thế hệ Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam.

Bộ kinh Trường A-hàm do chư Tăng thuộc trường Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm dịch dưới sự hướng dẫn của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, hiện là Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội, và được Ban Phật học Chuyên môn (Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam), Ban Từ vựng (Hội

đồng Chỉ đạo Phiên dịch) và Ban Thư ký (Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch) bổ sung những điểm lược dịch hoặc do ghi chép, đánh máy sai. Trong tương lai, bản dịch có thể được tân tu.

Thay mặt Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam, chúng tôi cầu nguyện cho Phật sự phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam trọng đại này sớm thành tựu viên mãn.

TM. HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH GHPGVN
TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN DỊCH và ẤN HÀNH
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM
PHÁP CHỦ GHPGVN

Hòa thượng THÍCH ĐỨC NIỆN

KINH TRƯỜNG A HÀM

LỜI TỰA

(TRÀNG AN - THÍCH TĂNG TRIỆU)

Luận về chân lý tuyệt đối thì ly khai ngôn ngữ. Đối với vấn đề này, Hiền thánh đều im lặng. Về giáo lý huyền diệu, nếu không dùng ngôn ngữ, thì không thể truyền bá được. Do đó, đức Thích-ca Như Lai xuất thế, và sự thành lập đại giáo, thì có ba loại: Nếu để ngăn ngừa về thân, khẩu thì có giới luật; nếu thuyết minh về thiện, ác thì dùng kệ kinh; nếu giải thích điểm vi diệu sâu xa thì dùng pháp tướng. Cho nên, vấn đề thành lập Tam Tạng vốn là để ứng theo từng trường hợp sai khác mà thôi. Nhưng nếu qui hội lại, thì chỉ có cùng

một tôn chỉ : đó là, tuy khác đường, nhưng cùng tiến tới một mục đích.

Về giới luật, tức Luật tạng, gồm Tứ phần Thập tụng. Về pháp tướng, tức tạng A-tỳ-đàm, gồm Tứ phần Ngũ tụng. Về khế kinh tức gồm bốn bộ A-hàm : Tăng nhất A-hàm gồm Tứ phần Bát tụng; Trung A-hàm gồm tứ phần Ngũ tụng ; Tạp A-hàm gồm Tứ phần Thập tụng. Về kinh Trường A-hàm này, thì gồm Tứ phần Tứ tụng, hợp ba mươi kinh làm thành một bộ.

Về danh từ A-hàm, Tần dịch là Pháp quy. Pháp quy là căn nguyên của mọi điều thiện, là khu rừng tóm thu tất cả, vừa uyên bác, vừa phong phú, vừa bao la, thuyết minh dấu tích của hiền ngu, tội phước, phân tích về nguyên do chân nguy, dị đồng, ghi lại những việc thành bại xưa nay, bao hàm tất cả vạn loài đất trời. Đạo do đây mà phát khởi; pháp do đây mà tồn tại. Ví như biển cả, trăm sông đều đổ đôn về, cho nên gọi là Pháp quy. Hơn nữa, là để giải bày đường tu, thuật lại chuyện lâu dài, cho nên gọi là Trường.

Nếu người tu tập theo kinh này, dù đã mê lầm nhiều kiếp, nhưng liền được tỏ ngộ ; tà chánh dù khó phân, nhưng hiển nhiên như đêm ngày.

Việc báo ứng tuy khó nhận, nhưng chắc chắn như vang theo tiếng, như bóng theo hình. Số kiếp tuy xa vời, nhưng gần kề cũng như sớm và tối. Lục hiệp tuy bao la, nhưng như hiện ra trước mắt. Đối với kinh này, có thể nói là ánh sáng vĩ đại ở trong căn nhà tối, đồng thời ban ngũ nhãn cho chúng sanh dui mù, không cần nhìn qua khung cửa, nhưng trí đều có thể biết hết. Đại Tần Thiên vương đã tẩy bỏ các kiến giải huyền hoặc, chỉ phát huy ý nghĩa cao cả, nuôi dưỡng sự diêm tịnh lẫn trí tuệ, đạo đời đều được cứu tế.

Vì thường lo sợ những lời vi diệu của đức Phật bị che lấp bởi thói tục sai khác, nên nhà vua sai Hữu tướng quân sứ giả Tư Lệ Hiệu Ủy là Tấn Công Dao Sảng, người tánh tình chất trực nhu hòa, huyền tâm siêu việt, tôn trọng đại pháp, tự nhiên diệu ngộ, đặc biệt lưu tâm, hể làm việc gì đều nhằm vì pháp sự, vào niên hiệu Hoàng Thi thứ mười hai, năm Canh Tuất thỉnh Tam Tạng Pháp sư là Sa-môn Phật-dà-da-xá, người nước Kế Tân, dịch một phần Luật tạng, gồm bốn mươi lăm quyển, và hoàn tất vào năm Hoàng Thi thứ mười bốn.

Đến niên hiệu Hoàng Thi thứ mười lăm, năm Quý Sửu, ngài Phật-dà gia-xá đọc thuộc lòng trọn

bộ Trường A-hàm ra ; Sa-môn Phật Niệm, người Lương Châu dịch sang tiếng Trung Quốc và một đạo sĩ người nước Tần là Đạo Hàm ghi chép lại. Khi đó, tất cả các Sa-môn danh tiếng nhất kinh đô đều tập hợp lại để giảng định ; tất cả đều tuân theo giáo pháp, lãnh thọ không sai một lời, đồng thời loại bỏ những điều văn hoa, chú trọng những điểm chơn thật, cốt giữ gìn lời Phật dạy.

Tôi may mắn được dự thính trong hội này, tuy không có đóng góp công lao gì một cách đặc lực, nhưng lại là người đích thân thọ lãnh sau cùng, cho nên, tôi mới ghi những dữ kiện trên để trình bày cho các bậc hiền nhân trong mai hậu.

*
* *

KINH ĐẠI BỐN DUYÊN

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, đều ngự trong động Hoa Lâm, tại rừng cây ông Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi thọ trai xong, bèn tập họp tại giảng đường Hoa Lâm, đồng thời bàn luận như sau : “Này chư Hiền, chỉ có đấng Vô Thượng Tôn, thật là kỳ diệu ! Có thần thông thấu triệt sâu xa và oai đức rộng lớn, mới biết rõ vô số chư Phật ở quá khứ nhập Niết-bàn, đồng thời đã dứt hết các kiết sử, tiêu diệt hoàn toàn sự hý luận. Hơn nữa, còn biết rõ kiếp số nhiều ít, danh hiệu,

chúng tộc, sự ăn uống, thọ mạng dài ngắn, và sự khổ vui của các đức Phật ấy. Thậm chí cũng biết rõ các đức Phật thời quá khứ có Giới như vậy, có Pháp như vậy, Trí tuệ như vậy, Giải thoát như vậy, và An trụ như vậy. Chư Hiền nghĩ thế nào? Đức Như Lai khéo phân biệt pháp tánh mà biết sự kiện này? Hay là do chư Thiên kể lại mà biết sự kiện này ?”

Khi đó, đức Thế Tôn ngự tại chỗ thanh vắng, với thiên nhĩ thanh tịnh, Ngài nghe rõ về những sự kiện được bàn luận như trên của các Tỳ-kheo, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường Hoa Lâm ; sau đó Ngài tiến lên chỗ ngồi và an tọa tại đấy. Lúc ấy, dù Thế Tôn đã biết, nhưng vẫn cứ hỏi : “Này các Tỳ-kheo, các ông tập hợp tại đây để bàn luận việc gì ?”. Thế rồi các Tỳ-kheo đều đem tất cả những sự kiện trên để trình bày với đức Phật.

Bấy giờ đức Phật dạy :

— Này các Tỳ-kheo, hay lắm, hay lắm ! Các ông đã đem lòng tin bình đẳng mà xuất gia tu đạo, vậy các ông phải thực hành hai việc:

1. Giảng pháp như Hiền thánh.
2. Im lặng như Hiền thánh.

Do đó, những sự luận bàn của các ông phải phù hợp với hai vấn đề như trên.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai có thần thông, oai lực rộng lớn, nên biết hết những việc từ vô số kiếp trong quá khứ, là do đức Như Lai khéo có thể hiểu được nghĩa của pháp tánh cho nên biết, đồng thời cũng do chư Thiên kể lại cho nên biết.

Lúc ấy, Phật nói kệ rằng :

*Tỳ-kheo tại Pháp đường,
Luận bàn việc Hiền thánh,
Như Lai nơi tịnh thất,
Thiên nhĩ nghe biết hết.
Hào quang Phật chiếu khắp,
Phân biệt nghĩa pháp giới,
Và biết việc quá khứ,
Ba đời Phật Niết-bàn.
Danh hiệu và chủng tộc,
Phần thọ sanh cũng rõ,
Tùy theo xứ sở đó,
Bằng tịnh nhãn thấy rõ.
Chư Thiên đại oai lực,
Dung mạo rất đoan nghiêm,
Cũng đến bạch với Ta,
Ba đời Phật Niết-bàn.*

*Biết danh hiệu chúng tộc,
Đấng vô thượng Thiên, Nhơn,
Tiếng Ngài như chim loan,
Ngài biết quá khứ Phật.*

Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Các ông có muốn nghe đức Như Lai dùng Trí túc mệnh mà biết và kể lại nhân duyên quá khứ của chư Phật không? Ta sẽ nói vấn đề ấy cho?

Khi đó các Tỳ-kheo bạch Phật :

— Kính thưa đức Thế Tôn, nay chính là đúng thời, chúng con thích muốn nghe! Bạch đức Thế Tôn, quý hóa thay, xin Ngài hãy tùy thời mà nói, chúng con sẽ cung kính thực hành điều đó.

Phật bảo :

— Nay các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ về vấn đề này, Ta sẽ vì các Tỳ-kheo mà phân biệt, giải thích và trình bày cho !

Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời dạy và lắng nghe. Thế rồi Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Cách đây chín mươi một kiếp về thời quá khứ, có đức Phật Tỳ-bà-thi, là bậc Như Lai chỉ chơn xuất hiện ở thế gian. Cũng cách đây ba mươi

một kiếp về thời quá khứ, có đức Phật Thi-khí, là bậc Như Lai chỉ chơn xuất hiện ở thế gian. Cũng trong thuở quá khứ cách đây ba mươi một kiếp có đức Phật hiệu Tỳ-xá-bà, là bậc Như Lai chỉ chơn xuất hiện ở thế gian. Lại trong hiện kiếp này có bốn đức Phật xuất hiện ở thế gian hiệu là Câu-lâu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp, và Ta nay đã thành bậc tối thượng Chánh Giác.

Bấy giờ, Phật nói bài kệ:

*Quá khứ chơn mười một,
Có Phật Tỳ-bà-thi.
Ba một kiếp quá khứ,
Có Phật hiệu Thi-khí.
Cũng trong kiếp quá khứ,
Phật Tỳ-xá xuất hiện.
Nay trong hiện kiếp này,
Vô số na-duy tuế.
Có bốn đấng Giác Ngộ,
Thương chúng sanh, ra đời,
Câu-lâu-tôn, Na-hàm,
Ca-diếp, Thích-ca-vấn.*

Các ông nên biết : Thời Phật Tỳ-bà-thi loài người sống tám vạn tuổi. Thời Phật Thi-khí loài người sống bảy vạn tuổi. Thời Phật Tỳ-xá-bà loài

người sống sáu vạn tuổi. Thời Phật Câu-lâu-tôn loài người sống bốn vạn tuổi. Thời Phật Câu-na-hàm loài người sống ba vạn tuổi. Thời Phật Ca-diếp loài người sống hai vạn tuổi. Và, nay Ta ra đời loài người chỉ sống một trăm tuổi ! Số tăng thì ít, số giảm thì nhiều. Lúc ấy Phật nói kệ rằng :

*Người thời Tỳ-bà-thi,
Sống tám vạn bốn ngàn.
Người thời Phật Thi-khí,
Sống đến bảy vạn tuổi.
Người thời Tỳ-xá-bà,
Sống đến sáu vạn tuổi.
Người thời Phật Lưu tôn,
Sống đến bốn vạn tuổi,
Người thời Phật Na-hàm,
Sống đến ba vạn tuổi.
Người thời Phật Ca-diếp,
Sống đến hai vạn tuổi.
Người thời nay của Ta,
Sống không quá một trăm.*

Đức Phật Tỳ-bà-thi sanh trong dòng Sát-đế-lợi, họ Câu-ly-nhã. Đức Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-bà cũng có dòng họ như đức Phật trên. Đức Phật Câu-lâu-tôn sanh trong dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp.

Đức phật Câu-na-hàm, Phật Ca-diếp cũng có dòng họ như hai đức Phật trên. Và Ta nay là bậc chí chơn Như Lai, sanh trong dòng Sát-đế-lợi, họ Cô-dàm.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Đức Phật Tỳ-bà-thi,
Thi-khí, Tỳ-xá-bà,
Ba vị Chánh Giác này,
Dòng họ Câu-ly-nhã.
Ba bậc Như Lai khác,
Sanh vào dòng Ca-diếp.
Nay Ta bậc Vô Thượng,
Dẫn dắt các chúng sanh,
Thứ nhất trong Trời, Người,
Họ Cồ-dàm đồng mãn.
Ba bậc Chánh Giác trước,
Sanh vào dòng Sát-lợi.
Ba đức Như Lai sau,
Thuộc dòng Bà-la-môn.
Nay Ta bậc Vô Thượng,
Dòng Sát-lợi đồng mãn.*

Đức Phật Tỳ-bà-thi ngồi dưới cây ba-ba-la mà thành bậc tối thượng Chánh Giác. Đức Phật Thi-khì, ngồi dưới cây phân-dà-lợi mà thành bậc

tối Chánh Giác. Đức Phật Tỳ-xá-bà, ngồi dưới cây sa-la mà thành bậc tối Chánh Giác. Đức Phật Câu-lâu-tôn, ngồi dưới cây thi-lợi-sa mà thành bậc tối Chánh Giác. Đức Phật Câu-na-hàm, ngồi dưới cây ô-tạm-bà-la-môn mà thành bậc tối Chánh Giác. Đức Phật Ca-diếp, ngồi dưới cây ny-câu-luật mà thành bậc tối Chánh Giác.

Nay Ta là bậc Như Lai chí chơn, ngồi dưới cây bát-đa mà thành bậc tối Chánh Giác.

Khi ấy, Phật nói bài kệ :

*Đức Phật Tỳ-bà-thi,
Đi đến cây ba-la,
Ở tại chính cây này,
Ngài thành bậc Chánh Giác.
Thi-khí cây phân đà,
Thành đạo được giải thoát.
Đức Phật Tỳ-xá-bà,
Ngồi dưới cây sa-la,
Được giải thoát trí kiến,
Thần túc thông vô ngại.
Đức Phật Câu-lâu-tôn,
Ngồi dưới cây thi-lợi,
Nhứt thiết trí thanh tịnh,
Không nhiễm, không tham đắm.*

Đức Phật Câu-na-hàm,
Ngồi dưới cây ô-tàm,
Ở tại chính cây này,
Diệt tham, khổ, lo, buồn.
Đức Ca-diếp Như Lai,
Ngồi dưới cây câu-loại,
Ở tại chính cây này,
Trừ diệt nhân các cõi,
Ta nay, Thích-ca-văn,
Ngồi dưới cây bát-đa,
Như Lai đấng thập lực,
Đoạn trừ các kiết sử,
Hàng phục các ma oán,
Trong chúng nói pháp màu.
Bảy Phật, sức tinh tấn,
Phóng quang diệt tối tăm,
Các vị ngồi dưới cây,
Mà thành Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật Tỳ-bà-thi thuyết pháp có ba hội. Hội thứ nhất có mười sáu vạn tám ngàn đệ tử tham dự. Hội thứ hai có mười vạn đệ tử tham dự. Hội thứ ba có tám vạn đệ tử tham dự. Đức Phật Thi-khí cũng có ba hội thuyết pháp. Đệ tử tham dự hội đầu có mười vạn người. Đệ tử tham dự hội thứ hai có tám vạn người. Đệ tử tham dự hội thứ

ba có bảy vạn người. Đức Phật Tỳ-xá-bà có hai hội thuyết pháp. Hội đầu có bảy vạn người đệ tử tham dự. Hội kế có sáu vạn người đệ tử tham dự. Đức Phật Câu-lâu-tôn thuyết pháp một hội, có bốn vạn người đệ tử tham dự. Đức Phật Câu-na-hàm thuyết pháp có một hội, đệ tử tham dự có ba vạn người. Đức Phật Ca-diếp thuyết pháp một hội, đệ tử tham dự có hai vạn người. Ta nay thuyết pháp một hội, có một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử tham dự.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Tỳ-ba-thi quán sát,
Trí tuệ không thể lường,
Thầy khắp không sợ hãi,
Chúng đệ tử ba hội.
Phật Thi-khí bất động,
Hay diệt các kiết sử,
Vô lượng đại oai đức,
Không ai so lường được,
Phật có ba hội pháp,
Đệ tử đều nhóm họp
Phật Xá-bà đoạn kiết,
Thành đạo đại giác ngộ,
Tiếng đồn khắp mười phương,
Đại danh, xưng diệu pháp,*

Chúng đệ tử hai hội,
Khắp diễn nghĩa sâu xa.
Cầu-lâu-tôn một hội,
Thương xót cứu các khổ,
Đạo sư độ chúng sanh,
Chúng đệ tử một hội.
Đức Phật Câu-na-hàm,
Bậc Vô Thượng cũng thế,
Sắc thân màu vàng tía,
Dung mạo đều đầy đủ,
Một hội chúng đệ tử,
Khắp diễn pháp vi diệu.
Ca-diếp, mỗi mỗi lòng,
Một, tâm không loạn tưởng,
Hai, lời không trùng điệp,
Chúng đệ tử một hội.
ý Năng Nhân vắng lặng,
Bậc Sa-môn Thích chủng,
Trên hết trong Trời, Người,
Ta, đệ tử một hội,
Và thuyết pháp ở đó,
Trình bày pháp thanh tịnh,
Trong tâm thường hoan hỷ,
Hết lậu hoặc, giải thoát.
Tỳ-bà, Thi-khí ba,

*Phật Tỳ-xá hai hội,
Bốn Phật đều một hội,
Bạc giác ngộ diễn thuyết.*

Hồi đó, Phật Tỳ-bà-thi có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Kiến-trà, hai là Đề-xá. Phật Thi-khí có hai vị đệ tử đứng đầu, một là A-tỳ-phù, hai là Bà-bà. Phật Tỳ-xá-bà có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Phù-du, hai là Uất-đa-ma. Phật Câu-lưu tôn có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Tất-ni, hai là Tỳ-lâu. Phật Câu-na-hàm có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Thu-bàn-na, hai là Uất-đa-lâu. Phật Ca-diếp có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Đề-xá, hai là Bà-la-bà. Nay Ta có hai vị đệ tử đứng đầu, một là Xá-lợi-phất, hai là Mục-kiền-liên.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Kiến-trà và Đề-xá,
Đệ tử Phật Bà-thi.
A-tỳ-phù, Tam-bà,
Đệ tử Phật Thi-khí.
Phù-du, Uất-đa-ma,
Đứng đầu trong đệ tử,
Hai vị diệt ma oán,
Đệ tử Phật Tỳ-xá.
Tất-ni và Tỳ-lâu,*

*Đệ tử Phật Lưu-tôn.
Thư-bàn, Uất-đa-lâu,
Đệ tử Phật Na-hàm.
Đề-xá, Bà-la-bà,
Đệ tử Phật Ca-diếp.
Xá-lợi phất, Mục-liên,
Đệ tử Ta đệ nhất.*

Đức Phật Tỳ-bà-thi có vị đệ tử thị gia tên là Vô Ưu. Đức Phật Thi-khí có vị đệ tử thị giả tên là Nhẫn Hạnh. Đức Phật Tỳ-xá-bà có vị đệ tử thị giả tên là Tịch Diệt. Đức Phật Câu-lưu-tôn có vị đệ tử thị giả tên là Thiện Giác. Đức Phật Câu-na-hàm có vị đệ tử thị giả tên là An Hòa. Đức Phật Ca-diếp có vị đệ tử thị giả tên là Thiện Hữu. Đệ tử thị giả của Ta là A-nan.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Vô Ưu và Nhẫn Hạnh,
Tịch Diệt và Thiện Giác,
An Hòa và Thiện Hữu,
Cùng A-nan là bảy.
Đều là thị giả Phật,
Đầy đủ các nghĩa thú,
Ngày đêm thường siêng năng,
Tự lợi và lợi tha.*

*Thất hiền đệ tử này,
Hầu hai bên thất Phật,
Hoan hỷ và cúng dường,
Vững lạng vào Niết-bàn.*

Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên là Phương Ứng. Đức Phật Thi-khí có con tên là Vô Lượng. Đức Phật Tỳ-xá-bà có con tên là Diệu Giác. Đức Phật Câu-lưu-tôn có con tên là Thượng Thắng. Đức Phật Câu-na-hàm có con tên là Đạo Sư. Đức Phật Ca-diếp có con tên là Tập Quân. Nay Ta có con tên là La-hầu-la.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Phương Ứng và Vô Lượng,
Diệu Giác và Thượng Thắng,
Đạo Sư và Tập Quân,
La-hầu-la là bảy.
Những người con giàu sang,
Nói dòng dõi chư Phật,
Thọ pháp ban ân huệ,
Vô úy trong thánh pháp.*

Phật Tỳ-bà-thi có cha tên là Bàn đầu, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẫu hậu tên Bàn-đầu-bà-đê. Kinh thành của vua trị vì tên là Bàn-đầu-bà-đê.

Khi ấy Phật nói kệ :

*Phụ vương tên Bàn-đầu,
Mẹ Bàn-đầu-bà-đề,
Thành Bàn-đầu-bà-đề
Phật thuyết pháp trong đó.*

Phật Thi-khí có cha tên là Minh Tướng, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẫu hậu tên là Quang Diệu. Quốc thành vua trị vì là Quang Tướng.

Lúc đó Phật nói bài kệ :

*Thi-khí, cha Minh Tướng,
Mẹ tên là Quang Diệu.
Ở trong thành Quang Tướng,
Oai đức đẹp ngoại địch*

Phật Tỳ-xá-bà có cha tên là Thiện Đăng, thuộc dòng Sát-đế-lợi, mẹ tên là Xứng Giới. Quốc thành vua trị vì tên Vô Dụ.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Cha Phật Tỳ-xá-bà,
Thiện Đăng, dòng Sát-lợi.
Mẹ tên là Xứng Giới,
Quốc thành tên Vô Dụ.*

Phật Câu-lưu-tôn có cha tên là Tự Đắc, thuộc dòng Bà-la-môn. Mẹ tên là Thiện Chí. Vua tên là

An Hòa, nên kinh thành cũng theo tên vua mà đặt tên là An Hòa.

Khi ấy Phật nói bài kệ :

*Tự Đắc, Bà-la-môn,
Mẹ tên là Thiện Chí,
Vua tên là An Hòa,
Ở tại thành An Hòa.*

Phật Câu-na-hàm có cha tên là Đại Đức, thuộc dòng Bà-la-môn. Mẹ tên là Thiện Thắng. Nhà vua bấy giờ tên là Thanh Tịnh, nên kinh thành theo tên vua mà đặt là Thanh Tịnh.

Lúc đó Phật nói kệ :

*Đại Đức, Bà-la-môn,
Mẹ tên là Thiện Thắng,
Vua tên là Thanh Tịnh,
Ở tại thành Thanh Tịnh.*

Phật Ca-diếp có cha tên là Phạm Đức, thuộc dòng Bà-la-Môn. Mẹ tên là Tài Chủ. Nhà vua bấy giờ có tên Hấp-tỳ, kinh thành vua trị vì tên là Ba-la-nại.

Khi đó Phật dạy bằng bài kệ :

*Phạm Đức, Bà la môn,
Mẹ tên là Tài Chủ,*

*Vua có tên Hấp-tỳ,
Ở thành Ba-la-nại.*

Thân phụ của Ta tên là Tịnh Phạn, thuộc dòng Sát-đế-ly, mẹ tên là Đại Thanh Tịnh Diệu. Kinh thành vua trị vì tên Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Cha Tịnh Phạn, Sát-lợi,
Mẹ tên Đại Thanh Tịnh,
Đất rộng, dân giàu có,
Ta sinh ra tại đó.*

Đây là nhân duyên, danh hiệu, chủng tộc và nơi đản sanh của chư Phật. Người trí nào nghe nhân duyên mà không khởi tâm hân hoan ưa muốn?

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo :

— Nay Ta muốn dùng Trí túc mạng để biết và nói về việc quá khứ của chư Phật, các ông có muốn nghe không ?

Các Tỷ-kheo bạch rằng :

— Nay chính là đúng thời, chúng con muốn nghe.

Phật bảo các Tỷ-kheo :

— Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ về vấn đề này, Ta sẽ vì các ông phân biệt, giải thích và nói cho. Nay các Tỳ-kheo ! Phải biết thường pháp của chư Phật, đó là khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cõi trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, từ hông bên phải, thì tâm Ngài chánh niệm bất loạn. Ngay lúc ấy, cõi đất chấn động, Ngài phóng hào quang lớn chiếu khắp thế giới, thậm chí nơi mà ánh sáng mặt trời, mặt trăng không chiếu tới cũng đều nhờ ánh sáng lớn này mà chúng sanh ở cõi đất tối tăm đó đều trông thấy lẫn nhau và biết chỗ thọ sanh của mình, khi ánh sáng ấy chiếu đến Ma cung, Phạm thiên, Đế-thích, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sanh khác cũng đều được nhờ ánh sáng lớn ấy, đồng thời khiến cho ánh sáng chư Thiên tự nhiên không hiện.

Lúc đó Phật nói bài kệ rằng :

*Mây đây giữa hư không,
Ánh sáng báu vẫn chiếu,
Tỳ-bà-thi giáng thần,
Ánh sáng chiếu cũng thế.
Chỗ nhật nguyệt không đến,
Đều nhờ ánh sáng ấy,*

*Trong thai rất thanh tịnh,
Pháp chư Phật đều thế.*

Này các Tỳ-kheo Nền biết thường Pháp của chư Phật như sau : Ấy là khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi ở trong thai mẹ, chuyên niệm bất loạn, đồng thời có bốn vị Thiên tử tay cầm giáo mác hầu hạ, và hộ vệ mẹ Ngài, dù người hay chẳng phải người cũng không thể quấy nhiễu được. Đây chính là thường pháp.

Lúc đó Phật nói bài kệ :

*Bốn phương bốn Thiên tử,
Có danh xưng oai đức,
Trời Đế-thích điều khiển,
Khéo hộ vệ Bồ-tát.
Tay thường cầm giáo mác,
Hầu hạ không rời xa,
Nhân, Phi Nhân không phá,
Là thường pháp chư Phật.
Được thiên thần ủng hộ,
Như thiên nữ hộ trời,
Quyến thuộc thường hoan hỷ,
Là thường pháp chư Phật.*

Phật lại bảo các Tỳ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau :

— Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu suất giáng thần vào thai mẹ, thì chuyên niệm không loạn, đồng thời thân mẹ ngài an ổn, không có những lo âu, trí tuệ tăng trưởng, mẹ Ngài tự xem thai thấy thân Bồ-tát các căn đầy đủ như màu vàng tía, không có vết nhơ, cũng như người có mắt thấy khối lưu ly trong sạch, thấu suốt cả trong lẫn ngoài, không có chướng ngại. Nay các Tỳ-kheo, đây là thường pháp của chư Phật.

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ rằng :

*Như ngọc lưu ly sạch,
Trong sáng như nhật nguyệt,
Năng Nhân trong thai mẹ,
Mẹ Ngài chẳng lo âu,
Trí tuệ càng tăng trưởng,
Xem thai như hình vàng,
Mẹ mang thai an lạc,
Là thường pháp chư Phật.*

Phật bảo các thầy Tỳ-kheo như sau : Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ thì chuyên niệm không loạn, đồng thời tâm mẹ Ngài thanh tịnh, Không có những tư tưởng dục nhiễm, không bị lửa dục thiêu đốt. Đây là thường pháp của chư Phật.

Khi ấy đức Thế Tôn nói bài kệ :

*Bồ-tát ở thai mẹ,
Đấng do phúc tạo thành.
Tâm mẹ Ngài thanh tịnh,
Không có các dục tướng,
Từ bỏ sự dâm dục,
Không nhiễm, không thân cận,
Không bị lửa dục đốt,
Mẹ chư Phật thường tịnh.*

Phật dạy các Tỷ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau :

— Khi Bồ-tát Tỷ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không loạn, mẹ Ngài cũng vâng giữ năm giới. Phạm hạnh thanh tịnh, đầy đủ lòng tin và giàu lòng nhân ái, mọi điều lành đều thành tựu, an lạc không sợ hãi, sau khi mệnh chung thì được sanh về cõi trời Đao-lợi. Đây là thường pháp của chư Phật. Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ rằng :

*Trì giới trong loài người,
Đầy đủ giới, tinh tấn,
Sau ắt thọ thân Trời,
Do đó gọi Phật mẫu.*

Phật dạy các Tỳ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau : Bồ-tát Tỳ-bà-thi đương lúc Ngài sanh ra từ hông bên phải, thì cội đất chấn động, hào quang chiếu sáng khắp nơi. Còn lúc mới nhập thai thì chỗ tối tăm nhất cũng đều nhờ ánh sáng ấy. Đó là thường pháp của chư Phật.

Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ :

*Thái tử sanh, đất động,
Hào quang lớn chiếu khắp,
Cõi này và cõi khác,
Trên dưới cùng các phương,
Phóng quang, ban tịnh nhãn,
Dầy đủ như thân Trời,
Dùng tịnh tâm hoan hỷ,
Chuyển xứng tên Bồ-tát.*

Phật dạy các Tỳ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau : Bồ-tát Tỳ-bà-thi đương lúc sanh ra từ hông phải của mẹ thì chuyển niệm không loạn, và mẹ của Bồ-tát lúc ấy, tay vịn cành cây, không ngồi, không nằm. Bấy giờ, bốn Thiên tử tay bưng nước thơm đứng trước Phật mẫu thưa rằng: “Thưa Thiên mẫu, nay Ngài sanh Thánh tử, vậy chớ có âu lo”. Đây là thường pháp của chư Phật.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Phật mẫu không nằm, ngồi,
Trụ giới tu phạm hạnh,
Sanh tôn quý, tinh tấn,
Được Trời, Người hầu hạ.*

Phật dạy về thường pháp của chư Phật cho các Tỳ-kheo như sau : Bồ-tát Tỳ-bà-thi đương lúc sanh ra từ hông phải thì chuyên niệm không loạn, thân Ngài thanh tịnh, không ô nhiễm, cũng như người có mắt, lấy ngọc minh châu sạch sẽ đặt trên lụa trắng, hai bên không làm bẩn lẫn nhau, vì cả hai đều sạch sẽ. Cũng thế, khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ. Đây là thường pháp của chư Phật.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Sáng sạch cũng như ngọc,
Trên lụa không nhơ bẩn,
Bồ-tát khi xuất thai,
Thanh tịnh không ô nhiễm.*

Phật dạy các Tỳ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau : Bồ-tát Tỳ-bà-thi đương lúc sanh ra từ hông phải thì chuyên niệm không loạn, Ngài từ hông phải dẫn sinh và bước xuống đất, đồng thời đi bảy bước, không cần người nâng đỡ. Ngài nhìn khắp bốn phương và đưa tay lên nói rằng: “Trên trời dưới đất, duy chỉ có Ta là tôn quý ! Ta

muốn độ chúng sinh thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết”. Đây là thường pháp của chư Phật.

Lúc đó Phật nói kệ rằng :

*Giống như sư tử bước,
Nhìn khắp cả bốn phương,
Xuống đất đi bảy bước,
Nhân sư tử cũng vậy.
Lại như rồng lớn đi,
Khắp nhìn cả bốn phương,
Xuống đất đi bảy bước,
Đấng Nhân Long cũng vậy.
Đấng Phúc Trí sanh ra,
An lành đi bảy bước,
Nhìn bốn phương nói rằng :
Sẽ dứt khổ sanh tử,
Đương lúc Ngài mới sanh,
Đã là đấng Vô thượng.
Tự quán nhân sanh tử,
Thân này là cuối cùng.*

Phật dạy các Tỷ-kheo về thường pháp của chư Phật như sau : Bồ-tát Tỷ-bà-thi đương lúc sanh ra từ hông phải, chuyên niệm không loạn, có hai suối nước vừa ấm vừa mát tuôn chảy để cung cấp cho ngài tắm. Đây là thường pháp của chư Phật.

Lúc ấy đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng :

*Khi đấng Phúc Trí sanh,
Hai suối tự tuôn chảy,
Để cúng dường Bồ-tát,
Ngài tắm được thanh tịnh.
Hai suối tự tuôn chảy,
Nước ấy thật trong sạch,
Một ấm và một mát,
Để tắm Nhứt Thiết Trí.*

Lúc mới sanh thái tử, phụ vương Bàn-đầu liền triệu tập các tướng sư và các nhà đạo thuật mà khiến họ xem tướng thái tử, để biết điềm kiết hung của ngài. Bấy giờ, các thầy tướng vâng lệnh liền cởi áo thái tử ra xem, thấy có đầy đủ tướng tốt và đoán rằng: Người có tướng này sẽ theo một trong hai con đường chắc chắn không sai :

1. Nếu Ngài ở nhà thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đầy đủ bốn tướng quân binh. Dùng chánh pháp trị dân, không thiên vị, thi ân khắp thiên hạ, bảy báu tự nhiên đến, có ngàn người con mạnh mẽ, có thể hàng phục ngoại địch, không cần dùng binh khí, gây gộc mà thiên hạ vẫn được thái bình.

2. Nếu ngài xuất gia học đạo, sẽ thành Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu.

Bấy giờ các thầy tướng liền thưa với vua rằng :
“Thái tử đã có đủ ba mươi hai tướng tốt, thì sẽ theo một trong hai con đường quyết chắc không sai : Nếu ở nhà, sẽ làm Chuyển luân Thánh vương; nếu xuất gia, chắc chắn sẽ thành bậc Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu”.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Trăm phước sanh thái tử,
Lời tướng sư đã nói,
Như điển ký đã ghi
Theo hai đường không sai :
Nếu ngài thích ở nhà,
Sẽ làm Chuyển Luân vương,
Bảy báu được đầy đủ,
Vì vua, báu tự đến.
Vàng ròng đủ nghìn bích,
Bao bọc lấy chung quanh,
Trân bảo thường bay khắp,
Cho nên gọi thiên luân.
Khéo điều trụ thất chi,
Cao rộng trắng như tuyết,
Khéo léo bay trên không,*

Thứ hai là tượng bảo.
Ngựa đi quanh thiên hạ,
Mai đi, chiều về ăn,
Lông ngọc, lông khổng tước,
Gọi là báu thứ ba.
Ngọc lưu ly trong sạch,
Soi sáng một do tuần,
Chiếu đêm sáng như ngày,
Gọi là báu thứ tư.
Sắc, thanh, hương, vị xúc,
Không có gì ngang bằng,
Thứ nhất trong người nữ,
Gọi là báu thứ năm.
Dâng vua báu lưu ly,
Châu ngọc, cùng các quý,
Hoan hỷ mà hiến dâng,
Gọi là báu thứ sáu.
Khi vua Chuyển Luân nghĩ:
Các binh sĩ đến, đi,
Mau lệ theo ý vua,
Gọi là báu thứ bảy.
Đây là bảy thứ báu,
Xe, voi, ngựa đều trắng,
Ngọc, châu và nữ báu,
Diễn binh báu là bảy.

*Nhìn chúng không nhàm chán,
Tự thỏa thích ngũ dục,
Như voi bắt dây cương,
Xuất gia thành Chánh Giác.
Vua có con như vậy,
Bậc phước trí giữa người,
Ở đời chuyển Pháp luân,
Thường tinh tấn, thành đạo.*

Bấy giờ vua cha ân cần hỏi lại các tướng sư hai, ba lần, rằng : “Các ông hãy xem lại Thái tử, ba mươi hai tướng tốt của Thái tử là những tướng gì?”. Lúc ấy, các tướng sư liền cởi áo thái tử ra xem, và nói ba mươi hai tướng đó như sau :

1. Bàn chân bằng phẳng, đầy đặn, bước đi vững vàng.
2. Dưới bàn chân có tướng bánh xe, như xe đầy đủ ngàn cãm, rõ ràng tươi tắn.
3. Có màng lưới mỏng giữa kẽ tay và chân, như chân ngỗng chúa.
4. Tay chân mềm mại như áo trời.
5. Ngón tay, ngón chân thon dài, không ai đẹp bằng.
6. Gót chân đầy đặn, nhìn không chán.

7. Bụng như bụng nai, trên dưới thon thon.
8. Các khớp xương móc lấy nhau như dây xích.
9. Có tướng mã âm tàng.
10. Đứng thẳng, tay dưới dài quá gối.
11. Mỗi lỗ chân lông có một lông, màu sắc như lưu ly, xanh và đều xoay về phía hữu.
12. Lông xoay về phía hữu, mà xanh biếc rất đẹp.
13. Thân như màu vàng của vàng.
14. Da mịn màng, không dính bụi.
15. Hai vai ngang bằng, đầy đặn, tròn đẹp.
16. Giữa ngực có chữ vạn.
17. Thân cao hơn thân người thường.
18. Bảy lỗ trong người đều bằng phẳng, đầy đặn.
19. Thân cao rộng như cây ni-câu-loại.
20. Hai má như má sư tử.
21. Ngực vuông ngay ngắn như ngực sư tử
22. Trong miệng có bốn mươi chiếc răng.

23. Răng vuông ngay ngắn, bằng và đều.
24. Răng kín không hở.
25. Răng trắng tươi, sáng.
26. Yết hầu trong sạch, ăn thức ăn gì cũng vừa.
27. Lưỡi rộng, dài, có thể liếm tới hai mép tai.
28. Tiếng nói trong suốt.
29. Con mắt màu xanh biếc.
30. Mắt như mắt trâu chúa, hai mí đều nháy một lần.
31. Có lông trắng giữa hai chân mày, mịn thắm, dịu dàng, nếu kéo ra thì dài một tấc và thả ra thì xoay về bên hữu, đồng thời xoắn theo kiểu ốc như chơn châu.

32. Trên danh có nhục kế.

Ấy là ba mươi hai tướng tốt. Phật bèn nói bài kệ rằng:

*Chân Ngài thật mềm mại,
Đi cách đất có dấu,
Tướng nghìn xoay trang nghiêm,
Màu sắc đẹp, đầy đủ.
Thân cao lớn ngang bằng,*

Như cây ni-câu-loại,
Rộng dài và ngay ngắn,
Như Lai thật hy hữu.
Mã âm tàng ẩn kia,
Vàng báu trang nghiêm thân,
Các tướng chói lẩn nhau,
Giống đời, rịn mồ hôi.
Nhưng bụi đất không bám,
Mịn màng như sắc trời,
Lọng trời tự nhiên che,
Tiếng trong, thân vàng tía,
Như sen vừa chớm nở.
Vua bèn hỏi tướng sư,
Tướng sư cung kính tâu,
Ngợi khen tướng Bồ-tát,
Hào quang chiếu toàn thân.
Tay chân các chi tiết,
Trong ngài đều không lộ,
Ăn uống đều đầy đủ,
Thân ngay ngắn chỉnh tề.
Xoáy dưới chân hiện rõ,
Tiếng ngài như chim loan,
Tướng hình hài đều đặn,
Khuỷutay tròn đầy đẹp,
Mắt mày rất đoan nghiêm.

Bạc sư tử giữa người,
Có oai lực đệ nhất,
Hai má đầy ngay ngắn,
Năm, hông như sư tử,
Bốn mươi răng thẳng bằng,
Đều đặn, khít không hở,
Phạm âm chưa từng có,
Xa gần tùy duyên nghe.
Đứng thẳng, thân không nghiêng,
Hai tay duỗi quá gối,
Ngón tay đều mềm mại,
Bạc đầy đủ tướng tốt.
Mỗi lỗ sanh một lông,
Màng mỏng giữa kẽ tay,
Nhục kế, mắt xanh biếc,
Hai mí nháy một lần.
Hai vai tròn đầy đặn,
Ba mươi hai tướng tốt,
Gót chân không cao thấp,
Bụng thon như bụng nai.
Đấng Thế Tôn đến đây,
Như voi bắt dây cương,
Giải thoát khổ chúng sinh,
Khỏi sanh già bệnh chết.
Do vì tâm từ bi,

*Ngài nói bốn chân đế,
Khai diễn nghĩa pháp cú,
Được mọi người tôn quý.*

Phật bảo các Tỳ-kheo như sau :

— Khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi dẫn sanh, thì chư Thiên ở giữa hư không, tay cầm lông trắng và quạt báu để che lạnh, nóng, gió, mưa và bụi bặm cho Ngài.

Bấy giờ Phật nói kệ rằng :

*Chưa từng có trong Người,
Dàn sanh đáng Phúc Trí,
Chư Thiên thường kính dưỡng,
Dâng lông báu, quạt báu.*

Bấy giờ vua cha cấp bốn người vú nuôi để nuôi thái tử. Một người cho bú mớm, một người lo tắm rửa, một người lo trang sức, và một người lo làm trò vui. Tất cả đều vui vẻ nuôi dưỡng thái tử một cách siêng năng, cần mẫn.

Lúc đó Ngài đọc bài kệ rằng :

*Nhũ mẫu lòng từ bi,
Nuôi dưỡng con lúc sanh,
Người cho bú, người tắm,
Người trang sức, làm vui,*

*Hương thế gian tối diệu,
Trang sức đáng Nhân Sư.*

Lúc Ngài còn là đồng tử, trai gái cả nước nhìn xem Ngài không chán.

Bấy giờ đức Phật nói bài kệ :

*Được nhiều người kính mến,
Như hình vàng mới thành,
Trai gái đều nhìn xem,
Nhìn xem không nhàm chán.*

Lúc Ngài còn là đồng tử thì trai gái cả nước đều thích ẩm bông và xem như hoa quý.

Khi ấy Phật nói bài kệ :

*Bạc Phước Trí sanh ra,
Được mọi người kính mến,
Đều thích thay nhau bông,
Xem như hoa hương quý.*

Bồ-tát lúc sinh, mắt Ngài không nháy động, cũng như mắt trời Dao-lợi, do vì không nháy động, nên có hiệu là Tỳ-bà-thi.

Lúc đó đức Phật nói bài kệ :

*Mắt Ngài không nháy động,
Cũng như trời Dao-lợi,*

*Thấy sắc vẫn chánh quán,
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.*

Lúc Bồ-tát sinh, tiếng Ngài trong suốt, dịu dàng, hòa nhã như tiếng chim ca-lăng-tần-già.

Khi ấy đức Phật nói bài kệ :

*Cũng như chim núi Tuyết,
Hút mật hoa, ca hát,
Tiếng đấng Phước Huệ kia,
Trong suốt cũng như thế.*

Khi Bồ-tát sinh ra, mắt Ngài có thể trông thấy suốt cả một do tuần.

Lúc đó, đức Phật đọc bài kệ :

*Nghiệp hành báo thanh tịnh,
Được ánh sáng cõi trời,
Mắt Bồ-tát trông thấy,
Rộng khắp một do tuần.*

Bồ-tát lúc tuổi vừa trưởng thành, Ngài ở tại thiên chánh đường và dùng chánh đạo khai hóa, ân đức bao trùm cả thứ dân, danh đức đồn cùng khắp.

Lúc ấy đức Phật nói bài kệ :

*Thuở nhỏ tại chánh đường,
Dùng đạo dạy thiên hạ,*

*Để đoạn mọi phiền não,
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.
Trí thanh tịnh quảng bác,
Thăm thẳm như đại hải,
Làm vui đẹp chúng sanh,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.*

Bấy giờ Bồ-tát muốn xuất hành xem xét, mới bảo quân hầu sửa soạn xe báu để cho Ngài đến viên lâm ngoạn cảnh. Khi quân hầu sửa soạn xe giá xong, liền thưa : “Thưa Thái tử, hôm nay thật đúng lúc !”. Thế rồi thái tử liền cưỡi xe báu đến ngự uyển để xem xét, giữa đường ngài thấy một người già, đầu bạc, răng rụng, mặt nhăn, lưng còng, chống gậy bước đi yếu ớt trong hơi thở khò khè. Thái tử xoay lại hỏi quân hầu :

— Đây là người gì ?

Quân hầu thưa :

— Đây là người già.

Thái tử lại hỏi :

— Thế nào là già ?

Thưa :

— Nghĩa là sự sống đương hướng về chỗ chết, mạng sống không còn bao lâu nữa, cho nên gọi là già.

— Vậy thì ta đây rồi cũng sẽ như vậy, không tránh khỏi hoạn này chăng?

— Thưa phải ! Phàm có sanh tất phải có già. Từ kẻ sang đến người hèn không có một ai tránh khỏi.

Bấy giờ thái tử trở nên buồn bã, không vui, liền bảo quân hầu đánh xe hồi cung. Thế rồi, ngài lặng lẽ suy nghĩ, nhớ đến nỗi già khổ mà rồi đây chính mình cũng không tránh khỏi.

Bấy giờ đức Phật bèn nói bài kệ :

*Nhìn mạng già sắp chết,
Nương chiếc gậy yếu bước,
Bồ-tát tự suy nghĩ:
Ta chưa khỏi nạn này.*

Bấy giờ vua cha hỏi quân hầu :

— Thái tử xuất hành du ngoạn có vui không?

Thưa :

— Thái tử chẳng được vui. Vì sao vậy? Vì giữa đường Thái tử gặp một người già, nên không vui.

Lúc đó phụ vương thầm nghĩ tới lời tiên đoán ngày trước của các tướng sư : “Thái tử sẽ xuất gia. Nay Thái tử không vui, hẳn đúng như vậy sao? Ta sẽ tìm mọi cách khiến giữ Thái tử tại thâm cung, dùng ngũ dục vui chơi để làm đẹp lòng Thái tử, ngõ hầu khiến Thái tử khỏi xuất gia.” Nghĩ xong, nhà vua liền hạ lệnh trang trí cung quán và tuyển chọn thể nữ để làm vui cho thái tử.

Khi ấy Phật nói kệ rằng :

*Phụ vương nghe lời này,
Lập trang trí cung quán,
Và tăng thêm ngũ dục,
Giữ ngài khỏi xuất gia.*

Lại một thời gian khác, thái tử bảo quân hầu trang hoàng xe giá để đi du ngoạn, giữa đường ngài gặp một người bệnh, thân gầy, bụng lớn, mặt mày đen sạm, nằm một mình trên chỗ dơ ứ, không một người nào dám nhìn tới, bệnh tình càng bức bách, nên miệng không thể thốt nên lời. Thấy vậy, thái tử quay lại hỏi quân hầu :

— Đây là người gì ?

— Đây là một người bệnh.

— Bệnh là thể nào ?

— Bệnh là những khổ đau bức bách, chết sống không biết lúc nào, nên gọi là bệnh.

Thái tử lại hỏi:

— Ta đây cũng vậy, và không khỏi hoạn đó ư?

— Thưa phải, phàm có sanh, phải có bệnh, không luận kẻ sang hay người hèn nào mà có thể tránh khỏi.

Lúc đó thái tử buồn bã, không vui, liền bảo quân hầu đánh xe hời cung ; ngài lặng lẽ suy nghĩ, và nhớ tới cái bệnh khổ đó một ngày kia chính ngài cũng vậy.

Phật nói bài kệ :

*Thấy người bệnh lâu kia,
Nhan sắc bị suy tàn,
Lặng lẽ tự suy nghĩ,
Ta chưa khỏi nạn này.*

Bấy giờ phụ vương lại hỏi quân hầu :

— Thái tử du ngoạn có được vui không ?

Quân hầu đáp :

— Thưa, không vui !

Vua hỏi :

— Vì sao ?

— Vì giữa đường gặp một người bệnh, nên Thái tử không vui.

Khi ấy phụ vương suy nghĩ nhớ lại lời tiên đoán ngày trước của các tướng sư : “Thái tử sẽ xuất gia, việc ấy hẳn đúng như vậy chẳng ? Ta sẽ tăng thêm mọi thứ kỹ nhạc để làm đẹp lòng Thái tử, khiến Thái tử không xuất gia”. Thế rồi nhà vua hạ lệnh trang trí cung quán và tuyển chọn thể nữ để giúp vui cho thái tử.

Lúc ấy Phật nói bài kệ :

*Sắc, thanh, hương, vị xúc,
Thật vui sướng nhiệm mầu,
Phước Bồ-tát cùng cực,
Vui chơi trong hoan lạc.*

Lại một thời gian khác, thái tử bảo quân hầu trang nghiêm xa giá để du ngoạn ; giữa đường lại gặp một người chết. Phan lựa, màu sắc lẫn lộn, dòng họ thân quyến trước sau tiến đưa thương tiếc, than khóc và đưa ra ngoài thành. Thấy vậy thái tử hỏi :

— Đây là người gì ?

Quân hầu đáp :

— Đây là người chết.

— Chết là thế nào ?

— Chết tức là hết vậy, nghĩa là tứ đại dần dần tan rã, làm cho các căn hư hoại, kẻ còn người mất khác côi, gia đình ly biệt, cho nên gọi là chết.

Thái tử lại hỏi quân hầu :

— Ta cũng phải vậy mà không thể nào tránh khỏi nạn này ?

Quân hầu đáp :

— Phàm có sanh tất nhiên phải có chết, bất luận kẻ sang người hèn.

Nghe vậy thái tử buồn bã không vui, liền bảo quân hầu quay xa giá hồi cung ; ngài lặng lẽ suy nghĩ và nhớ đến cái khổ phải chết này mà mình cũng không tránh khỏi.

Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Vừa trông thấy người chết,
Biết họ còn tái sanh,
Thăm lặng mà suy nghĩ,
Ta chưa khỏi nạn này.*

Lúc ấy, phụ vương lại hỏi quân hầu :

— Thái tử du ngoạn lần này có vui không ?

— Thưa , không vui !

— Vì sao ?

— Vì giữa đường gặp một người chết nên không vui.

Phụ vương âm thầm nhớ lại những lời các tướng sư đoán về thái tử ngày xưa : “Thái tử sẽ xuất gia, nay Thái tử không vui, hẳn là đúng như vậy ư” ? Ta sẽ bày ra nhiều vui chơi và tặng thêm kỹ nhạc để làm vui lòng Thái tử, khiến Thái tử khỏi xuất gia”. Thế rồi, nhà vua liền hạ lệnh nghiêm sức cung quán, tuyển lựa thể nữ để vui chơi với thái tử.

Bấy giờ, đức Phật bèn nói bài kệ :

*Đồng tử có danh xưng,
Các thể nữ vây quanh,
Tự vui trong ngũ dục,
Như thú vui của Trời.*

Vào một thời gian khác, thái tử lại bảo quân hầu soạn xa giá để du ngoạn ; giữa đường gặp một vị Sa-môn, mang y, cầm bát, mắt nhìn xuống đất, chân bước khoan thai. Ngài hỏi quân hầu :

— Đây là người gì ?

— Đó là một vị Sa-môn.

Ngài lại hỏi :

— Sao gọi là Sa-môn ?

— Sa-môn là người lìa xa ân ái, xuất gia tu đạo, chế ngự các căn, không nhiễm ngoại dục, có lòng thương xót tất cả mọi người, không làm thương tổn và giết hại ai, gặp khổ không phiền, gặp vui không mừng, nhẫn nại như đất, nên gọi là Sa-môn.

Thái tử khen : “Quý hóa thay ! Đây là đạo chơn chánh giác ngộ, dứt hẳn trần lụy, thanh thoát, nhẹ nhàng, vi diệu, chỉ có đạo này là ta thích”. Ngài liền sai quân hầu đánh xe lại gần để hỏi vị Sa-môn :

— Cạo râu bỏ tóc, đắp y, mang bát, trí của Ngài muốn gì ?

Sa-môn đáp :

— Phàm người xuất gia chỉ muốn điều phục tâm ý, dứt lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, không xâm lấn nhiễu hại, một lòng rỗng rang khoan khoái, chỉ một mực giữ đạo.

Thái tử khen :

— Hay lắm, đạo này rất chân chính.

Ngài liền bảo quân hầu :

— Hãy đem y báu, và xa giá về dâng phụ vương, còn ta ở đây cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Tại sao thế ? Vì ta muốn điều phục tâm ý, xả ly trần cấu, thanh tịnh tự tu, cầu đạo thuật.

Lúc đó quân hầu bảo đem xa và y phục của thái tử về tâu lại phụ vương. Sau đó thái tử liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.

Phật dạy :

— Nay các Tỳ-kheo, thái tử nhìn thấy người già bệnh, thì biết cõi đời là khổ não, thấy người chết, thì lòng tham luyến thế tình tiêu tan và thấy vị Sa-môn, ngài bỗng nhiên đại ngộ.

Khi thái tử bước xuống xe báu, mỗi bước chân đi, là mỗi bước rời xa trần phược, ấy là chân xuất gia, chân vi diệu.

Lúc ấy, nhân dân trong nước nghe thái tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo, họ nói với nhau rằng: “Đạo này chắc là đạo chí chơn, mới khiến thái tử bỏ danh vị quốc thành và mọi sự quý trọng nhất trên đời”. Nên lúc đó, có đến tám vạn bốn ngàn

người trong nước đến với thái tử và xin làm đệ tử xuất gia tu đạo.

Lúc ấy, Phật nói kệ rằng :

*Quyết tìm pháp nhiệm màu,
Người nghe theo xuất gia,
Xa lìa ngục ân ái,
Không còn các ràng buộc.*

Lúc đó, thái tử liền thân nhận họ, và ngài cùng họ du hóa khắp nơi, từ thôn này đến thôn khác, từ nước này sang nước kia, chỗ nào ngài đặt chân đến, không ai không cung kính cúng dường vật thực, y phục, phòng xá và y dược.

Thế rồi, Bồ-tát nghĩ rằng : “Ta cùng đại chúng du hành qua các nước, chỗ nhân gian là nơi ồn ào, không thích hợp cho ta. Lúc nào ta mới được xa lìa những quần chúng này, ở nơi thanh vắng mà cầu đạo Vô thượng ?”. Thực hành chí nguyện này, ngài tìm đến chỗ thanh vắng chuyên lo tu đạo. Sau đó ngài lại suy nghĩ : “Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong tối tăm, chịu lấy thân phận nguy khốn, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết đến đôn dập, đủ các thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo khổ ấm thân, nên lưu chuyển vô cùng. Ta lúc nào mới hiểu rõ

khổ ảm và diệt hết sanh, già, bệnh, chết ?”. Ngài lại nghĩ : “Sanh từ từ đâu, duyên đâu mà có ?”. Ngài liền dùng trí tuệ quán sát nguyên do, và thấy rằng : Do sanh mà có lão tử, sanh là duyên của lão tử ; sanh lại do hữu mà có, hữu là duyên của sanh ; hữu từ thủ mà có, thủ là duyên của hữu ; thủ từ ái mà có, ái là duyên của thủ ; ái từ thọ mà có, thọ là duyên của ái ; thọ từ xúc mà có, xúc là duyên của thọ ; xúc từ lục nhập mà có, lục nhập là duyên của xúc ; lục nhập từ danh sắc mà có, danh sắc là duyên của lục nhập ; danh sắc từ thức mà có, thức là duyên của danh sắc ; thức từ hành mà có, hành là duyên của thức ; hành do vô minh mà có, vô minh là duyên của hành.

Như vậy tức là do duyên vô minh mà có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, ưu bi, khổ não. Đây là cái ảm thân đây đây khổ não do duyên sanh mà có; đó là khổ tập. Lúc Bồ-tát suy nghĩ đến khổ ảm tập thì chánh trí sanh, tuệ nhân sanh, chơn giác sanh, minh liễu sanh, thần thông sanh, trí tuệ sanh và chứng ngộ sanh.

Lúc đó, Bồ-tát lại tự suy nghĩ : Do những cái gì không có mà lão tử không có ? Do cái gì đoạn diệt thì lão tử đoạn diệt ? Rồi ngài dùng trí tuệ quán sát nguyên nhân : Do sanh không có nên lão tử không có ; do sanh diệt nên lão tử diệt ; do hữu không có nên sanh không có, do hữu diệt nên sanh diệt ; do thủ không có nên hữu không có, do thủ diệt nên hữu diệt ; do ái không có nên thủ không có, do ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, do thọ diệt nên ái diệt ; do xúc không có nên thọ không có, do xúc diệt nên thọ diệt ; do lục nhập không có nên xúc không có, do lục nhập diệt nên xúc diệt ; do danh sắc không có nên lục nhập không có, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không có nên danh sắc không có, do thức diệt nên danh sắc diệt ; do hành không có nên thức không có; do hành diệt nên thức diệt ; do vô minh không có nên hành không có, do vô minh diệt nên hành diệt. Vì vô minh diệt cho nên hành diệt; hành diệt nên thức diệt ; thức diệt nên danh sắc diệt; danh sắc diệt nên lục nhập diệt ; lục nhập diệt nên xúc diệt ; xúc diệt nên thọ diệt; thọ diệt nên ái diệt ; ái diệt nên thủ diệt ; thủ diệt nên hữu diệt ; hữu diệt nên sanh diệt ; sanh diệt nên lão, tử ưu, bi, khổ não diệt. Bồ-tát suy nghĩ đến

khổ ẩm diệt thời chánh trí sanh, thẩn thông sanh, trí tuệ sanh và chứng ngộ sanh.

Lúc ấy, Bồ-tát quán mười hai nhân duyên, qua hai chiều thuận nghịch, ngài biết một cách như thật, thấy được một cách như thật, rồi liền ngay tại chỗ, Ngài chứng đạo quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi đó Phật nói kệ rằng :

*Lời này nói giữa chúng,
Các thầy phải khéo nghe.
Bồ-tát quán quá khứ,
Xưa kia chưa từng nghe.
Lão tử từ duyên gì ?
Nhân gì mà sanh ra.
Chánh quán như vậy rồi,
Liền biết tử do sanh.
Sanh vốn do duyên gì ?
Nhân gì mà sinh ra?
Suy nghĩ như vậy rồi
Biết sanh do hữu có.
Chấp giữ, chấp giữ mãi,
Càng tăng thêm cho hữu.
Cho nên, Như Lai dạy
Thủ là duyên của hữu.*

Ôm chặt đóng như bản,
Gió thổi không trôi chảy.
Như vậy nhân của thủ,
Do ái mà rộng khắp.
Ái do thọ sanh,
Gốc khởi đầy đầy khổ.
Do nơnon duyên nhiễm trước,
Khổ cùng lạc tương ứng.
Thọ vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thọ ?
Suy nghĩ như thế rồi
Biết thọ do xúc sanh.
Xúc vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có xúc ?
Suy nghĩ như thế rồi
Xúc do lục nhập sanh.
Lục nhập do duyên gì,
Nhân gì có lục nhập ?
Suy nghĩ như thế rồi
Lục nhập do danh sắc.
Danh sắc có duyên gì ?
Nhân gì có danh sắc ?
Suy nghĩ như thế rồi
Danh sắc từ thức sanh.
Thức vốn do duyên gì,

Nhân gì mà có thức ?
Suy nghĩ như thế rồi
Biết thức từ hành sanh.
Hành vốn do duyên gì,
Nhân gì có hành ?
Suy nghĩ như thế rồi
Biết hành từ si sanh.
Nhân duyên như vậy đó
Mới thật nghĩa nhân duyên.
Dùng trí tuệ phương tiện
Thấy được gốc nhân duyên.
Khổ không do Thánh Hiền
Cũng không phải vô cớ.
Đối với khổ biến dịch
Kẻ trí phải đoạn trừ.
Nếu vô minh dứt hết
Lúc đó không còn hành
Nếu đã không có hành
Thời cũng không có thức.
Nếu thức diệt vĩnh viễn
Thời danh sắc không còn.
Danh sắc đã không còn
Thời không còn lục nhập.
Nếu lục nhập diệt hẳn
Thời cũng không có xúc.

Nếu xúc đã dứt hết
Thời thọ cũng không có.
Nếu thọ đã dứt rồi
Thời cũng không có ái.
Nếu ái đã dứt rồi
Thời cũng không có thủ.
Nếu thủ vĩnh viễn diệt
Thời cũng không còn hữu.
Nếu hữu vĩnh viễn diệt
Thời cũng không có sanh.
Nếu sanh vĩnh viễn diệt
Già, bệnh, khổ không có,
Hết thầy đều dứt sạch.
Đây là người trí nói
Mười hai duyên sâu xa
Khó thấy, khó hiểu biết,
Chỉ Phật mới khéo biết.
Nhân gì có, gì không ?
Nếu thường hay quán sát
Thời không có các nhập.
Người thấu triệt nhân duyên
Không tìm thấy bên ngoài.
Đối với ám, giới, nhập,
Ly dục không nhiễm trước,
Lãnh nhận mọi bố thí,

Thí chủ được báo lành.
Nếu được bốn biện tài,
Quyết định chứng đạo quả,
Giải tỏa mọi ràng buộc.
Đoạn ấm, không buông lung,
Giống như xe cũ mục.
Quán rõ được pháp này
Thời thành bậc Chánh Giác.
Như chim bay trên trời,
Đông, Tây theo gió thổi.
Bồ-tát đoạn kiết sử
Như gió thổi áo nhẹ.
Tỳ-bà-thi nhàn tịnh,
Ngài quán sát các pháp :
Lão tử duyên gì có,
Từ đâu mà được diệt ?
Ngài quán như vậy rồi,
Sanh trí tuệ thanh tịnh.
Biết lão tử do sanh,
Sanh diệt, lão tử diệt.

Lúc Phật Tỳ-bà-thi mới thành đạo, Ngài tu hai pháp quán là an ổn quán và xuất ly quán. Bấy giờ Phật nói bài kệ:

Như Lai bậc Tối Thượng
Thường tu hai pháp quán :

An ổn và xuất ly.
Ngài đến được bờ kia,
Tâm Ngài được tự tại,
Dứt trừ các kiết sử,
Lên núi nhìn bốn phương,
Nên hiệu Tỳ-bà-thi
Đại trí trừ tối tăm.
Như dùng gương tự soi
Vì đời trừ ưu não,
Hết khổ, sanh, già, chết.

Phật Tỳ-bà-thi ở chỗ nhàn tịnh lại suy nghĩ :
“Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm
vi diệu, khó hiểu, khó thấy, vắng bật sự huyền
náo, chỉ có người trí mới thấu biết chứ kẻ phàm
phu không thể nào thấu biết được. Đây là do chúng
sanh nhần chịu sai lầm, kiến thức sai lầm, học tập
sai lầm. Dựa theo kiến thức sai lầm đó, mỗi người
vui theo chỗ sở cầu của mình, vui theo tập quán
của mình, cho nên đối với lý nhân duyên sâu xa
này không thể nào hiểu rõ, huống nữa là tận diệt
tham ái, và Niết-bàn lại càng khó biết. Nếu Ta vì
họ nói thì chắc họ không hiểu nổi, lại còn hủy
báng”. Ngài suy nghĩ như thế rồi im lặng không
muốn thuyết pháp.

Lúc ấy, Phạm thiên vương biết được tâm niệm của đức Tỳ-ba-thi liền tự suy nghĩ : “Nay cõi thế gian này sẽ bị hư hoại, thật đáng thương xót. Vì sao? Đức Phật Tỳ-ba-thi mới chứng được pháp thâm diệu như thế, nhưng Ngài chẳng muốn nói ra”. Ví như bằng thời gian của người lực sĩ đuổi cánh tay, từ cung trời Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đứng trước Phật cúi đầu đánh lễ, đứng qua một bên, rồi Phạm thiên vương gối hữu quỳ chầm đất, chấp tay bạch Phật :

— Ngưỡng mong đức Thế Tôn hãy kịp thời thuyết pháp, chúng sanh hiện nay trần cấu đã nặng, các căn đã bén nhạy, có lòng cung kính và rất dễ khai hóa. Hơn nữa, họ rất sợ những tội lỗi trong tương lai không thể cứu được nên có thể diệt trừ ác pháp, nhờ đó thiện pháp được sanh.

Phật bảo Phạm vương :

— Thật vậy, thật vậy ! Đúng như lời ông đã nói, nhưng khi Ta ở nơi thanh vắng thâm lặng suy nghĩ : “Chánh pháp Ta vừa chứng được thật sâu xa vi diệu, nếu vì chúng sanh mà nói, họ chắc chắn không hiểu nổi, còn sanh tâm hủy báng nữa là khác, cho nên Ta yên lặng không muốn thuyết pháp. Hơn nữa, Ta từ vô số A-tăng-kỳ kiếp, siêng

năng khổ nhọc tu tập hạnh vô thượng, nay mới chứng được pháp khó chứng ngộ này. Nếu vì chúng sanh dâm, nộ, si mà thuyết pháp, tất nhiên, họ không thừa hành, quả thật luống công vô ích. Pháp diệu này tương phản với pháp thế gian. Chúng sanh bị dục nhiễm, ngu si che lấp nên không tin hiểu nổi”. Nay Phạm vương ! Vì ta thấy như thế nên im lặng không muốn thuyết pháp.

Lúc ấy, Phạm thiên vương lại khuyến thỉnh đức Phật thật ân cần và khẩn thiết đến ba lần :

— Bạch đức Thế Tôn, nếu Ngài không thuyết pháp thì hiện nay thế gian này sẽ hư hoại thật đáng thương xót, ngưỡng mong đức Thế Tôn hãy kịp thời giảng dạy chánh pháp, chớ để chúng sanh đọa lạc vào đường khổ.

Khi đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần khuyến thỉnh, liền dùng Phật nhãn nhìn xem thế gian, Ngài thấy chúng sanh trần cấu sâu dày có, mỏng nhẹ có; có kẻ căn tánh bén nhạy, có kẻ chậm lụt, có người dễ giáo hóa, có người khó giáo hóa. Hạng người dễ thọ giáo thì họ biết sợ tội lỗi về sau, cho nên siêng năng diệt ác pháp, nhờ đó thiện pháp được sanh. Ví như hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen vàng, hoa sen trắng, có cái mới ra khỏi

bùn nhưng chưa đến mặt nước, có cái ra khỏi bùn và ngang mặt nước, hoặc có cái lên khỏi mặt nước nhưng chưa nở, song đều không dính nước và nở ra dễ dàng. Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Phạm vương rằng :

— Ta thương các ông nên nay Ta sẽ khai diễn pháp môn cam lồ, là pháp thật sâu xa vi diệu, khó thấy khó hiểu; vì hạng người tin thọ, thích nghe mà nói, chứ không phải vì kẻ hủy báng bố ích mà nói.

Bấy giờ Phạm vương biết Phật đã nhận lời nên vui mừng hớn hở, đi quanh Phật ba vòng, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi bỗng nhiên biến mất.

Phạm vương đi chưa bao lâu, lúc đó đức Thế Tôn im lặng suy nghĩ : “Trước tiên Ta sẽ thuyết pháp cho ai ?”. Ngài tự nghĩ và nói : “Ta sẽ vào trong thành Bàn-đầu khai giảng pháp môn cam lồ cho hai ông vương tử Đề-xá và con của vị đại thần là Kiến-trà”. Khi ấy, đức Thế Tôn, bằng thời gian người lực sĩ đuổi cánh tay, từ cây đại thọ bỗng nhiên không thấy Ngài ; thật ra Ngài đã đến thành Bàn-đầu và vào trong vườn Nai của vua Bàn đầu, đồng thời trải tọa cụ ngồi. Ngài nói bài kệ như vầy:

*Như sư tử tại rừng,
Tự ý mà du hành;
Đức Phật cũng như vậy,
Du hành vô quái ngại.*

Bấy giờ, Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn rằng : “Người nên vào thành nói với vương tử Đề-xá và con vị đại thần là Kiển-trà rằng : “Phật Tỳ-bà-thi nay đương ở trong vườn Nai và muốn gặp Ngài. Vậy nay đã đúng thời””. Người giữ vườn vâng lời Phật dạy, tìm đến người ấy mà nói lại lời Phật như trên. Khi hai người nghe xong, liền đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, ngồi qua một bên ; sau đó Phật lần lượt thuyết pháp khai thị cho họ những điều lợi ích vui mừng về bố thí, trì giới và phước báo sanh Thiên, chỉ rõ tham dục là bất tịnh, lậu hoặc là họa hoạn, đồng thời tán thán hạnh xuất ly là tối vi diệu, thanh tịnh bậc nhất.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhận thấy hai người này tâm ý đã thuần thực, nên Ngài liền dạy về Khổ đế, khai triển rõ ràng và giải thích rành rẽ về Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Lúc đó, vương tử Đề-xá và Kiển-trà ngay trên tòa đã xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, cũng như vải trắng rất dễ nhuộm màu.

Bấy giờ, bỗng nghe tiếng của địa thần xuống lên rằng : “Đức Thế Tôn Tỳ-bà-thi ở tại vườn Nai, trong thành Bàn-đầu, chuyển Pháp luân vô thượng. Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma phạm và các hàng thiên nhân khác không thể chuyển được, âm thanh ấy lần lượt thấu đến cõi Tứ thiên vương, cho đến cõi trời Tha hóa Tự tại và trong khoảng khắc đến cõi Phạm thiên.”

Lúc đó, Phật nói kệ rằng :

*Tâm vui mừng hớn hớ
Xung tán đức Thế Tôn
Tỳ-bà-thi thành Phật,
Chuyển Pháp luân vô thượng.
Bắt đầu từ đại thọ,
Đi đến thành Bàn-đầu,
Vì Kiến-trà, Đề-xá
Chuyển Pháp luân Tứ đế.
Kiến-trà và Đề-xá
Nghe lời Phật dạy xong
Trong pháp hạnh vô thượng
Lần đến chúng trời Dao-lợi.
Và chư Thiên Đế-thích
Vui mừng bảo lẫn nhau
Chư Thiên đều nghe pháp.*

Phật hiện ra thế gian,
Chuyển Pháp luân vô thượng,
Tăng thêm hàng chư Thiên,
Giảm bớt hàng Tu-la.
Đức Thế Tôn danh vang
Trí tuệ, rời kiến chấp,
Tự tại giữa các pháp.
Đại trí chuyển Pháp luân,
Quán sát pháp bình đẳng,
Tâm dứt sạch cấu uế,
Xa lìa ngục ân ái.
Đại trí chuyển Pháp luân.
Bậc Chánh Giác trong Người,
Đấng Điều Ngự phước huệ,
Giải thoát mọi ràng buộc,
Đại trí chuyển Pháp luân,
Đại sư khéo giáo hóa.
Hàng phục được ma oán,
Lìa xa các điều ác,
Đại trí chuyển Pháp luân,
Sức vô lậu dẹp ma,
Các căn định, không động,
Hết mê, lìa ràng buộc.
Đại trí chuyển Pháp luân,
Nếu học pháp quyết định,

Biết các pháp vô ngã,
Đó là pháp cao tột.
Đại trí chuyển Pháp luân,
Không vì cầu lợi dưỡng,
Cũng không màng danh vị,
Chỉ vì thương chúng sanh,
Thấy chúng sanh khổ ách,
Già, bệnh, chết bức bách.
Vì ba đường ác này,
Đại trí chuyển Pháp luân.
Đoạn dứt tham, sân, si,
Nhỏ sạch gốc ân ái,
Được bất động giải thoát,
Đại trí chuyển Pháp luân,
Ta thắng việc khó thắng,
Thắng bằng tự hàng phục,
Thắng những ma khó thắng.
Đại trí chuyển Pháp luân,
Pháp luân vô thượng này,
Chỉ có Phật mới chuyển,
Chư Thiên, Ma, Thích, Phạm,
Không ai chuyển nói được.
Thân cận chuyển Pháp luân,
Lợi ích hàng Trời, Người,

*Bậc Thiên Nhân Sư đó,
Đã qua đến bờ kia.*

Lúc đó vương tử Đề-xá và con vị đại thần là Kiến-trà kiến đạo đắc quả, chơn thật không hư ngụy, thành tựu vô úy, liền bạch Phật Tỳ-bà-thi rằng :

— Chúng con muốn ở trong pháp của Như Lai, tịnh tu phạm hạnh.

Phật dạy :

— Thiện lai Tỳ-kheo ! Pháp Ta thanh tịnh, tự tại tu hành để diệt trừ thống khổ.

Ngay lúc ấy, hai người liền đắc giới cụ túc. Khi đắc giới chưa bao lâu thì Như Lai lại khai thị ba điều : một là thần túc, hai là quán tha tâm, ba là giáo huấn. Nếu ai đủ ba điều này thì liền được tâm vô lậu, giải thoát sanh tử, đặc trí vô ngại.

Lúc đó, trong thành Bàn-đầu, đa số nhân dân nghe hai người ấy xuất gia học đạo, đắp y mang bát, tịnh tu phạm hạnh, họ nói với nhau như sau: “Đạo này chắc chắn là đạo chơn chánh giác ngộ, mới khiến các người này xả bỏ vinh vị và các thứ quý trọng nhất ở đời.” Tiếp đó, trong thành có tám vạn bốn ngàn người đi vào vườn Lộc Uyển, chỗ đức

Phật, ngồi qua một bên. Phật lần lượt thuyết pháp khai thị pháp môn lợi ích, vui mừng về bố thí, trì giới và phước báo sanh thiên, tham dục là bất tịnh, lậu hoặc là họa hoạn. Đồng thời tán thán hạnh xuất ly là tối vi diệu thanh tịnh bậc nhất. Khi ấy đức Thế Tôn thấy đại chúng tâm ý đã điều hòa thuần thực, tin vui, hoan hỷ đủ sức lãnh thọ chánh pháp liền dạy Khổ đế, khai triển rành rẽ, phân tích rõ ràng về Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Lúc đó tám vạn bốn ngàn người ngay trên tòa ngồi liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, cũng như tấm vải trắng rất dễ nhuộm màu, kiến đạo đắc quả, chơn chánh, không luống dối, thành tựu pháp Vô, đồng thời bạch Phật :

— Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai, tịnh tu phạm hạnh.

Phật dạy :

— Thiện lai Tỳ-kheo ! Pháp của Ta thanh tịnh, tự tại tu hành để diệt tận gốc khổ.

Lúc ấy tám vạn bốn ngàn người liền đắc giới cụ túc, đắc giới cụ túc chưa bao lâu, đức Thế Tôn đem ba điều giáo hóa : Một là thần túc, hai là quán tha tâm, ba là giáo huấn. Nếu ai đủ ba điều này

thì liền được tâm vô lậu, giải thoát sanh tử, đắc trí vô ngại.

Lúc đó có tám vạn bốn ngàn người nghe Phật ở tại vườn Nai chuyển Pháp luân vô thượng, hàng Sa-môn, Ba-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các người thế gian khác không thể chuyển được, liền đến thành Bàn-đầu, đến chỗ Phật Tỳ-bà-thi, đầu mặt lay sát chân Phật và ngồi qua một bên. Lúc ấy Phật nói bài kệ như sau :

*Như cứu lửa cháy dầu,
Mau mau tìm tịch diệt.
Các người cũng như vậy,
Mau mau đến Như Lai.*

Phật cũng vì họ mà nói như vậy. Lúc này, cũng tại thành Bàn-đầu có mười sáu vạn tám ngàn vị đại Tỳ-kheo và có cả hai vị Tỳ-kheo Đề-xá và Kiến-trà ở trước mặt đại chúng hiện thần thông biến hóa bay lên hư không, trong thân tuôn ra nước và lửa, rồi thuyết pháp vi diệu cho đại chúng nghe.

Bấy giờ, đức Phật tự nghĩ : “Nay tại thành này có đến mười sáu vạn tám ngàn vị Tỳ-Kheo, Ta nên sai các thầy đi du hóa, mỗi đoàn hai vị, đến khắp các nơi, đúng sáu năm thì trở về thành này để nói Cụ túc giới.” Lúc đó Trời Thủ-dà-hội, biết

được tâm niệm Phật, ví như bằng thời gian người lực sĩ đuổi cánh tay, từ cõi trời Thủ-đà-hội bỗng nhiên hiện đến trước đức Như Lai, đầu mặt lay sát chân Phật, đứng qua một bên rồi thưa rằng : “Bạch đức Thế Tôn, thật đúng như vậy, trong thành Bàn-đâu này có rất nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân đi khắp nơi, đúng sáu năm thì trở về thành này nói giới Cụ túc, con sẽ ủng hộ khiến không có ai tìm được cơ hội khuấy phá.”

Khi nghe vị Trời ấy nói xong, đức Phật lặng thinh hứa khả. Trời Thủ-đà-hội biết Như Lai đã lặng thinh hứa khả, nên đánh lễ chân Như Lai rồi bỗng nhiên biến mất, trở về cõi trời Thủ-đà-hội. Khi vị Trời này đi chưa bao lâu, thì Phật bảo các Tỳ-kheo : “Nay ở trong thành này chúng Tỳ-kheo rất nhiều, nên phân phối đi du hóa khắp nơi, cứ đúng sáu năm tập trung về đây để thuyết giới.” Lúc đó các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đắp y mang bát, chấp tay lễ Phật rồi lên đường. Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Phật dạy chúng không loạn,
Không dục, không luyến ái,
Oai như chim kim-sí,
Như hạc bỏ ao khô.*

Cách một năm sau, Trời Thủ-dà-hội lại nhắc các thầy Tỳ-kheo : “Các thầy du hóa đã trải qua một năm, còn năm năm nữa là trọn sáu năm, các thầy phải nhớ trở về thành Bàn-đâu để thuyết giới.”

Như vậy, đúng sáu năm sau, vị Trời ấy lại nhắc: “Sáu năm đã mãn, các thầy nên trở về thành Bàn-đâu để thuyết giới.” khi các Thầy Tỳ-kheo nghe Trời Thủ-dà-hội nhắc xong, bèn thu xếp y bát trở về thành Bàn-đâu, đến tại vườn Nai vào chỗ đức Phật Tỳ-ba-thi ngự, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ Phật nói bài kệ :

*Như voi khéo điều phục,
Nên tùy ý đến đi,
Đại chúng cũng như vậy,
Theo lời dạy trở lại.*

Bấy giờ đức Như Lai ở trước mặt đại chúng bay lên hư không, ngồi kiết-già giảng nói giới kinh, chỉ rõ tánh nhẫn nhục là đệ nhất. Niết-bàn mà Phật đã giảng là quả vi diệu tối thượng, chứ không phải cạo bỏ râu tóc làm náo hại kẻ khác mà gọi là Sa-môn đâu !

Khi đó Trời Thủ-dà-hội, ở cách Phật không xa, dùng kệ tán thán Phật như sau :

*Như Lai bậc đại trí
Là vi diệu độc tôn,
Đầy đủ chỉ và quán,
Thành bậc tối Chánh Giác.
Vì thương xót quần sanh,
Nên ở đời thành đạo,
Đem bốn lý chân thật
Dạy cho hàng Thanh văn,
Khổ cùng với khổ nhân
Và chân lý diệt khổ,
Cùng với Bát chánh đạo,
Đưa đến nơi an ổn.
Đức Phật Tỳ-bà-thi
Xuất hiện ở thế gian,
Ngồi ở giữa đại chúng
Như mặt trời chiếu sáng.*

Nói xong bài kệ ấy, Ngài bỗng nhiên biến mất. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo : “Ta tự nhớ có một thời gian trong quá khứ, Ta ở núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ, một hôm Ta sinh tâm nghĩ rằng : “Chỗ ta sinh ra không chỗ nào không có, duy trừ cõi trời Thủ-dà-hội, giả sử có sanh vào cõi trời ấy thì không thể trở lại đây””.

Này các Tỳ-kheo, lúc đó Ta lại nghĩ rằng: “Muốn đến cõi trời Vô Tạo, thì bằng thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay, liền ẩn ở đây mà đến cõi trời đó”. Lúc đó hàng chư Thiên thấy Ta đến họ đều cúi đầu đánh lễ, rồi đứng qua một bên, và bạch với Ta rằng : “Chúng con đều là đệ tử của đức Phật Tỳ-bà-thi, nhờ sự giáo hóa của Ngài, nên được sanh đến đây”. Đồng thời chư Thiên tiếp tục kể hết nhân duyên trước sau của đức Phật Tỳ-bà-thi. Họ nói : “Các đức Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-bà, Phật Câu-lâu-tôn, Phật Câu-na-hàm và Phật Thích-ca-mâu-ni cũng đều là thầy của chúng con. Nhờ sự giáo hóa của các Ngài, chúng con mới được sanh về đây”. Và họ cũng kể hết nhân duyên trước sau của các đức Phật ấy, cho đến hàng chư Thiên ở cõi Trời A-ca-ni-xà cũng kể với Ta như thế.

Phật dạy bài kệ rằng :

*Thí như kẻ lực sĩ
Khoảnh khắc co duỗi tay,
Ta dùng thần túc thông
Đến cõi trời Vô Tạo.
Đấng Đại Giác thứ bảy
Hàng phục nội ngoại ma.
Trời Vô cực nhìn thấy*

Liền vòng tay kính lễ.
Ví như cây trú độ,
Thính sư vốn nghe xa.
Tướng hảo thật đầy đủ
Đến cõi trời Thiện Kiến
Cũng như đóa hoa sen
Không bao giờ dính nước.
Thế Tôn bậc vô nhiễm
Đến trời Đại Thiện Kiến
Như mặt trời mới mọc,
Trong sạch không bụi nhơ,
Sáng như trăng mùa thu
Đến trời Sắc Cúu Cánh.
Ngũ Tịnh Cư thiên này,
Hạng chúng sanh thanh tịnh.
Vì tâm tịnh nên đến
Đáng không còn phiền não.
Vì tâm tịnh nên đến
Làm đệ tử của Phật,
Lại bỏ nhiễm và thủ,
Vui thích trong vô thủ,
Quyết định thấy được pháp.
Con Phật Tỳ-bà-thi,
Khéo đến bằng tịnh tâm,
Về với bậc Chánh Giác.

*Đệ tử Phật Thi-khí,
Vô cấu và vô vi,
Dùng tịnh tâm mà đến
Đến với bậc ly dục.
Đệ tử Tỳ-xá-bà,
Các căn thật đầy đủ
Tịnh tâm đến với Ta,
Như mặt trời chiếu suốt.
Đệ tử Câu-lâu-tôn,
Xả ly các tham dục,
Tịnh tâm đến với Ta,
Diệu quang chiếu rực rỡ.
Đệ tử Phật Câu-na,
Vô cấu và vô vi,
Tịnh tâm đến với Ta,
Sáng như vàng trăng tròn.
Đệ tử Phật Ca-diếp,
Các căn thật đầy đủ,
Dùng tịnh tâm đến Ta,
Ví như bách thiên niệm.
Bất loại đại tiên nhơn,
Thần túc thông bậc nhất,
Dùng lòng tin kiến cố,
Đến làm đệ tử Phật,
Kính lễ đức Như Lai,*

*Kính trình bậc Nhơn Tôn,
Nơi sanh và thành đạo,
Danh tánh và chủng tộc,
Thấy rõ pháp sâu xa,
Thành tựu đạo vô thượng.
Tỳ-kheo nơi thanh vắng,
Ly khai hẳn trần cấu,
Tinh tấn không giải đãi,
Dứt hẳn các hữu kiết.
Đây chính là nhân duyên
Trước sau của chư Phật
Mà Thích-ca Như Lai
Đã diễn thuyết như trên.*

Khi Phật nói kinh Đại Nhân Duyên xong, các
Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*
* *

KINH DU HÀNH

I

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, ngự tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành la-duyệt. Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ. Vua tự nghĩ : “Nước ấy tuy là cường thịnh, dân chúng hùng hậu, nhưng dùng sức để thắng họ không phải là chuyện khó.”

Khi đó, vua A-xà-thế sai Bà-la-môn là đại thần Vô Xá và bảo :

— Ông hãy đến chỗ đức Thế Tôn ngự, tại núi Kỳ-xà-quật. Ông nhân danh ta đánh lễ dưới chân Ngài, và thưa : “Đức Thế Tôn có được khỏe mạnh không? Đi đứng, ăn uống có được bình thường không?”, đồng thời thưa : “Dân xứ Bạt-kỳ tự ý mình giàu mạnh, nhân lực hùng hậu, không chịu thần phục nhà vua, cho nên, nay nhà vua muốn chinh phạt nước ấy, không biết đức Thế Tôn có dạy điều gì không ?”. Nếu Ngài có dạy, thời ông hãy ghi nhớ cho kỹ đừng để thiếu sót, rồi trở về tâu lại với ta đúng như vậy. Ta tin chắc rằng những điều mà đức Thế Tôn dạy thì không bao giờ sai cả.

Dại thần Vô Xá nghe vua dạy xong liền lên xe báu, đi đến núi Kỳ-xà-quật, khi đến nơi thì xuống đi bộ đến chỗ Thế Tôn ngự. Sau khi thăm hỏi xá giao xong, thì ngồi qua một bên, và thưa: “Bạch Thế Tôn ! Vua nước Ma-kiệt-dà là A-xà-thế, xin cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài và xin hỏi: “Đức Thế Tôn có được khỏe không ? Đi đứng, ăn uống có được bình thường không ?” và thưa tiếp: “Dân chúng nước Bạt-kỳ tự ý mình giàu mạnh, dân chúng hùng hậu, không chịu thần phục nhà vua, nay nhà vua muốn chinh phạt nước ấy, không biết đức Thế Tôn có dạy điều gì không ?””.

Lúc đó, ngài A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật, mà quạt cho Phật. Phật hỏi ngài A-nan :

— Này A-nan, ông có nghe dân nước Bạt-kỳ thường nhóm họp để bàn luận về việc chính trị không?

A-nan đáp :

— Có nghe.

Phật bảo A-nan :

— Nếu thế, thời sự hòa thuận của già và trẻ lại càng tăng thêm. Nước ấy được yên ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được.

Này A-nan, ông có nghe dân nước Bạt-kỳ vua tôi đều hòa thuận, trên kính dưới nhường không ?

A-nan đáp :

— Có nghe.

— Này A-nan, nếu vậy, thì sự hòa thuận của trẻ già lại càng tăng thêm và nước ấy an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được.

Này A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ thường tôn trọng luật pháp, hiểu rõ những điều quốc cấm, và có lễ độ không ?

A-nan đáp :

— Có nghe.

— Nay A-nan, nếu được vậy thời sự hòa thuận của trẻ già càng tăng thêm và nước ấy an ổn lâu dài không ai có thể xâm lăng được.

Nay A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ thường hiếu thảo với cha mẹ, kính thuận sư trưởng không ?

A-nan đáp :

— Có nghe.

— Nay A-nan, nếu thế, sự hòa thuận của trẻ già càng tăng thêm, và nước ấy được an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được.

Nay A-nan, ông có nghe dân chúng nước Bạt-kỳ thường tôn trọng đền miếu, kính nể quý thần không ?

A-nan đáp :

— Có nghe.

— Nay A-nan, nếu như thế, thì sự hòa thuận của trẻ già càng tăng thêm, và nước ấy được an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được !

Này A-nan, ông có nghe dân chúng Bạt-kỳ, khuê môn chân chính, trong sạch không dơ, cho đến cả việc cười đùa nói năng không tà vọng không?

A-nan đáp :

— Có nghe.

— Này A-nan, nếu vậy, sự hòa thuận của già trẻ càng tăng thêm, nước ấy được an ổn lâu dài, không ai có thể xâm lăng được.

Này A-nan, ông có nghe dân chúng Bạt-kỳ thường tôn kính và phụng sự Sa-môn, người trì giới, chăm chú hộ trì chưa từng lười mỗi hộ dưỡng họ không ?

A-nan đáp :

— Có nghe.

— Này A-nan, nếu thế sự hòa thuận già trẻ càng tăng thêm, nước ấy được an ổn, lâu dài, không ai có thể xâm lăng được.

Lúc ấy đại thần Vô Xá bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn, nếu dân xứ Bạt-kỳ chỉ thi hành một điều thôi, còn không thể thắng họ được, huống nữa là thực hiện đầy đủ cả bảy điều trên. Vì việc nước quá đa đoan, tôi xin kiêu từ Thế Tôn !

Đức Phật bảo :

— Tùy ý Người, nếu thấy là hợp thời.

Khi đó đại thần Vô Xá liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng đánh lễ ra về.

Đại thần Vô Xá ra về chưa bao lâu, sau đó Phật bảo A-nan :

— Ông hãy thông báo cho các Tỳ-kheo ở chung quanh thành La-duyet tập hợp hết tại giảng đường.

A-nan đáp :

— Vâng !

Bấy giờ A-nan vâng lệnh tập hợp các Tỳ-kheo ở trong thành La-duyet tại giảng đường, tiếp theo A-nan thưa : “Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo đã tập hợp đông đủ, xin trình Thế Tôn rõ.” Khi đó đức Thế Tôn liền đứng dậy đi đến giảng đường, đến tòa mà ngồi. Thế rồi, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

— Nay ta sẽ vì các ông mà nói bảy pháp bất thối. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy tư.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật rằng :

— Bạch Thế Tôn, chúng con xin vui vẻ nghe.

Phật dạy các Tỳ-kheo :

— Bảy pháp bất thối là :

1. Nếu Tỳ-kheo thường hội họp bàn bạc những điều chân chánh, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hại.

2. Nếu các Tỳ-kheo thường trên dưới hòa thuận, tôn trọng lẫn nhau, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại.

3. Nếu các Tỳ-kheo thông hiểu những điều ngăn cấm, không trái với quy chế, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại.

4. Nếu Tỳ-kheo nào có khả năng bảo hộ chúng Tăng, có kiến thức rộng, thì chúng Tăng nên tôn kính họ, nếu được vậy, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại.

5. Nếu Tỳ-kheo chuyên lo phòng hộ tâm ý, lấy sự hiếu kính làm đầu, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại.

6. Nếu Tỳ-kheo thường tu hạnh thanh tịnh, không chạy theo dục lạc, thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại.

7. Trước vì người sau vì mình, không tham danh lợi, nếu được như thế thời trẻ già hòa thuận, Chánh pháp không bị tổn hoại.

Này các Tỳ-kheo lại có bảy pháp khác làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn hoại :

1. Thích giản dị, không đảm nhận nhiều công việc, thời Chánh pháp được tăng trưởng, không bị tổn hoại.

2. Ưa yên lặng, không thích nói nhiều.

3. Ít ngủ nghỉ, không mê muội.

4. Không kết bè cánh, không nói những điều vô ích.

5. Không tự khoe khoang trong khi mình thiếu đức.

6. Không kết bạn với những người xấu ác.

7. Thích ở một mình nơi rừng núi thanh vắng.

Nếu các Tỳ-kheo thực hiện được những điều như vậy, thời Chánh pháp sẽ tăng trưởng không bị tổn hoại.

Này các Tỳ-kheo, có bảy pháp khác làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn hoại :

1. Có lòng tin, tin đức Như Lai là bậc chí chơn, chí giác, đầy đủ mười hiệu.

2. Tự hổ với những điều sơ xuất của mình.

3. Tự thẹn với những việc ác mà mình đã tạo.

4. Học rộng hiểu nhiều, nhất là đối với giáo pháp, đầu, giữa và cuối đều toàn thiện sâu xa, nghĩa lý trong sạch, không tỳ vết. Điều mình đã chấp nhận thì phải giữ gìn một cách đầy đủ.

5. Nỗ lực tu khổ hạnh, dứt ác tu thiện, siêng năng chuyên chú luyện tập mãi không bao giờ từ bỏ.

6. Đối với những điều đã học ghi nhớ mãi không quên.

7. Tu tập về trí tuệ, biết các pháp là sinh diệt vô thường, đồng thời cũng biết các pháp chân chánh đưa đến quả vị Hiền Thánh, dứt hẳn nguồn gốc các khổ.

Nếu các Tỳ-kheo tu hành bảy pháp như thế, thời Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại.

Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp khác làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại :

1. Kính Phật. 2. Kính Pháp. 3. Kính Tăng.
4. Kính giới luật. 5. Kính thiền định. 6. Kính cha mẹ. 7. Kính giáo pháp, không phóng túng.

Nếu các Tỳ-kheo tu hành bảy pháp như thế, thì làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại.

Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp khác làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Bảy pháp là :

1. Quán thân bất tịnh. 2. Quán thức ăn là bất tịnh. 3. Không say đắm thế gian. 4. Thường nghĩ đến sự chết. 5. Luôn nghĩ đến lý vô thường. 6. Nghĩ đến khổ và vô thường. 7. Nghĩ đến khổ và vô ngã.

Nếu các Tỳ-kheo tu hành bảy pháp như thế, thời Chánh pháp sẽ được tăng trưởng, không bị tổn hoại.

Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Bảy pháp là :

1. Tu về niệm giác ý, thường ở chỗ thanh vắng tu tập pháp vô dục, giải thoát, vô vi. 2. Tu về trạch pháp giác ý. 3. Tu về tinh tấn giác ý. 4. Tu về hỷ giác ý. 5. Tu về ý giác ý (khinh an giác ý). 6. Tu về định giác ý. 7. Tu về hộ giác ý (xả giác ý).

Nếu các Tỳ-kheo tu được các pháp như thế, thì làm cho Chánh pháp được tăng trưởng, không bị tổn hoại.

Này các Tỳ-kheo, lại có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại. Sáu pháp là gì ?

1. Thân thường thể hiện lòng từ bi, không giết hại chúng sanh. 2. Miệng thường nói những lời nhân từ, không nói lời độc ác. 3. Có tâm niệm từ bi, không ôm lòng thêm bớt sai lầm. 4. Chỉ nhận sự cúng dường thanh tịnh và phân phát đồng đều cho chúng Tăng. 5. Giữ gìn giới của Thánh Hiền, không cho tổn khuyết, không có tỳ vết và không bao giờ thay đổi. 6. Thấy đạo Thánh Hiền để dứt hết gốc khổ.

Nếu các Tỳ-kheo tu được sáu pháp như trên, thời Chánh pháp được tăng trưởng không bị tổn hoại.

Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Lại có sáu pháp bất thối, làm cho Chánh pháp tăng trưởng, không bị tổn hoại :

1. Niệm Phật. 2. Niệm pháp. 3. Niệm Tăng.
4. Niệm giới. 5. Niệm thí. 6. Niệm Thiên.

Nếu các Tỳ-kheo tu hành sáu pháp này, thời làm cho Chánh pháp được tăng trưởng, không bị tổn hoại.

Bấy giờ, đức Phật ngự tại thành La-duyet-kỳ tùy nghi an trụ, rồi bảo A-nan :

— Ông hãy chuẩn bị sẵn sàng, nay Ta muốn đến Trúc Viên.

A-nan đáp :

— Vâng !

Lúc đó, đức Phật liền sửa soạn y bát, cùng đại chúng theo hầu Ngài bằng ngã đường Ma-kiệt-đà, để đến Trúc Viên. Sau khi lên giảng đường và an tọa tại đấy rồi, Ngài giảng cho các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ nhờ tu giới mà sanh định, được quả báo lớn ; nhờ tu định mà có trí tuệ, có quả lớn ; do tâm trí thanh tịnh mà đều được giải thoát, đồng thời dứt hết ba thứ lậu hoặc : dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Một khi đã được giải thoát, thì phát sinh trí tuệ giải thoát, sinh tử đã chấm dứt, phạm hạnh đã thành tựu, những điều cần làm đã làm xong không còn tái sanh nữa.

Khi đức Thế Tôn ngự tại Trúc Viên, tùy nghi an trụ rồi, ngài bảo A-nan :

— Ông hãy chuẩn bị sẵn sàng. Ta muốn đến thành Ba-liên-phất.

A-nan đáp :

— Vâng !

Đức Thế Tôn liền sửa y bát, cùng với đại chúng theo hầu Ngài bằng ngã đường Ma-kiệt-đà thứ lớp đến thành Ba-liên-phất và ngồi dưới gốc cây ba-lăng-phất. Lúc ấy hàng cư sĩ tại đấy, nghe Phật cùng đại chúng từ xa đến nghỉ dưới gốc cây ba-lăng-phất. Họ cùng nhau ra khỏi thành, từ xa họ trông thấy đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây ba-lăng-phất, dung mạo đoan chánh, các căn đều an tịnh, điều hòa bậc nhất, cũng như rồng lớn, như nước đứng trong, không có vẩn đục, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm tự thân. Thấy rồi, ai nấy đều hoan hỷ, đi lần đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài và ngồi qua một bên.

Bấy giờ, đức Phật vì họ lần lượt nói pháp, dạy cho họ những điều lợi ích vui mừng. Các cư sĩ nghe Phật nói pháp xong rồi họ bèn bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn chúng con muốn quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, cúi mong đức Thế Tôn

thương xót mà chấp nhận cho chúng con được làm những vị Ưu-bà-tắc, nguyện từ nay về sau không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Chúng con một khi đã nhận lãnh giới pháp rồi, không bao giờ dám khinh thường. Ngày mai chúng con thiết lễ cúng dường, vậy cúi xin Thế Tôn và đại chúng rủ lòng chiếu cố.

Bấy giờ đức Phật chấp nhận bằng cách im lặng. Các cư sĩ nhận thấy đức Thế Tôn im lặng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng, rồi đánh lễ ra về.

Rồi họ tìm nơi xây dựng nhà lớn cho Như Lai, san bằng những nơi gò nổng, quét dọn sạch sẽ, tưới nước đốt hương, trang hoàng bảo tòa. Sau khi đã trần thiết xong, họ đến bạch Phật :

— Lễ vật đã sắp đặt xong, xin thưa Thế Tôn rõ.

Lúc đó, đức Thế Tôn liền đứng dậy đắp y, mang bát cùng đông đủ đại chúng đến giảng đường. Lúc đến nơi, và sau khi rửa tay chân xong, đức Phật ngồi giữa, các Tỳ-kheo ngồi bên trái, các cư sĩ ngồi bên phải.

Khi ấy, Phật dạy các cư sĩ :

— Phàm người phạm giới có năm điều suy hao. Năm điều gì ? — 1. Cầu tài lợi không toại nguyện. 2. Dù có được tài lợi, nhưng mỗi ngày một hao mòn. 3. Đến bất cứ đâu đều bị mọi người khinh bỉ. 4. Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ. 5. Sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Nay các Cư sĩ, trái lại, nếu người giữ giới thì có năm công đức. Năm công đức gì ? — 1. Cầu bất cứ điều chi đều được như ý. 2. Tài sản phát đạt, không sa sút. 3. Đi đến đâu đều được mọi người kính mến. 4. Tiếng tốt đồn khắp nhân gian. 5. Sau khi qua đời được sanh về các cõi trời.

Bấy giờ trời đã khuya, Phật bảo các cư sĩ hãy ra về. Các cư sĩ vâng theo lời Phật, đứng dậy đi quanh ba vòng , rồi đánh lễ ra về.

Sáng hôm sau khi trời vừa bình minh, đức Thế Tôn đi đến chỗ thanh vắng, dùng thiên nhãn xem thấy rõ hết các đại Thiên thần, trung thần và hạ thần, tất cả đều lo phòng thủ đất đai, nhà cửa thuộc khu vực của mình. Lúc đó, đức Thế Tôn liền trở lại giảng đường, tiến đến chỗ ngồi mà ngồi, dù Ngài đã biết nhưng vẫn hỏi A-nan :

— Ai tạo lập thành Ba-liên-phất này ?

A-nan thưa :

— Thành này do đại thần Vô Xá kiến lập ngăn chặn (phòng vệ) nước Bạt-kỳ.

Phật bảo A-nan :

— Người tạo ra thành này rất hợp với ý trời, vì lúc bình minh hôm nay, ta dùng thiên nhãn thấy rõ các đại Thiên thần, trung thần và hạ thần, tất cả lo phòng thủ đất đai, nhà cửa thuộc khu vực của mình. A-nan nên biết : Nơi nào có đất đai nhà cửa, dân cư đông đúc và an ổn, thì nơi ấy chư Thiên bậc thượng theo phòng thủ, những nơi trung bình thì những Thiên thần bậc trung theo phòng thủ, và công đức nhiều hay ít cũng tùy theo khu vực dân cư đó. A-nan ! Chỗ này là nơi Hiền nhân ở, là nơi quy tụ của những người buôn bán, phép nước đúng đắn, không nguy tạo, thành này rất đẹp, được mọi người tôn trọng, không thể phá hoại. Nhưng thành này về sau, nếu có bị phá hoại chẳng, là do ba dữ kiện : 1. Bị nước lớn. 2. Bị lửa lớn. 3. Người trong thành cùng với người ngoài thành âm mưu, thì mới phá hoại được.

Bấy giờ, các cư sĩ trong thành Ba-liên-phất thức suốt đêm để lo sửa soạn lễ vật cúng dường. Sau khi chuẩn bị xong, họ đến bạch Phật :

— Lễ vật đã đầy đủ, kính trình Ngài rõ !

Bấy giờ các hàng cư sĩ tự tay mình phân phối thức ăn cúng Phật và chúng Tăng. Sau khi Phật thọ trai xong, rửa tay, thì họ đặt một giường nhỏ khác trước chỗ Phật. Bấy giờ, đức Phật dạy rằng :

— Chỗ các người ở đây, nay có các bậc Hiền trí, những người trì giới tu hạnh thanh tịnh cư ngụ, đồng thời được các vị Thiên thần ủng hộ và vui mừng.

Tiếp theo, đức Phật chú nguyện cho họ :

— Nguyện cho các người biết kính nơi nào đáng kính, biết thờ nơi nào đáng thờ, bố thí sâu rộng, thương yêu tất cả, có lòng từ bi, được chư Thiên khen ngợi và cùng người thiện sống chung, chứ không chung sống với người ác.

Khi đức Phật thuyết pháp xong, Ngài liền rời khỏi chỗ ngồi, cùng đại chúng theo hầu, trở về tịnh xá.

Lúc đó đại thần Vô Xá theo sau Phật. Ông tự nghĩ : “Hôm nay nhân cơ hội Sa-môn Cù-dàm đi ra cửa thành này, vậy ta hãy gọi cửa thành này là cửa Cù-dàm ; lại nhân đức Như Lai đi ngang qua

bến sông này, vậy ta hãy gọi bến sông này là bến Cù-dàm !”

Bấy giờ, đức Thế Tôn ra khỏi thành Ba-liên-phất đi đến bờ sông, Ngài nhận thấy nước tràn hai bên bờ sông, dân cư đông đúc, dưới sông có người thì dùng thuyền, có người thì dùng bè, có người thì dùng phà để qua sông. Chỉ trong khoảnh khắc, đức Thế Tôn và đại chúng đã qua đến bờ sông bên kia, nhanh như vị đại lực sĩ co duỗi cánh tay. Trước khung cảnh như thế, Ngài nhận thấy ý nghĩa đó, liền nói bài kệ :

*Phật là hải thuyền sư,
Pháp là cầu sang sông,
Là chiếc xe đại thừa
Độ tất cả Nhân, Thiên,
Ngài đã tự giải thoát,
Đến nơi thành Phật quả,
Khiến tất cả đệ tử
Giải thoát chúng Niết-bàn.*

Thế rồi, đức Thế Tôn lại từ nước Bạt-kỳ đi đến thôn Câu-lợi. Ngài nghỉ trong một khu rừng và bảo các Tỳ-kheo :

— Có bốn pháp sâu xa : Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ và Thánh giải thoát. Đó là bốn pháp vi diệu khó hiểu rõ, vì các ông không hiểu rõ bốn pháp ấy, nên đã lâu phải chịu sự lưu chuyển vô cùng trong sanh tử. Khi đức Thế Tôn quán sát nghĩa ấy xong, Ngài liền nói bài kệ :

*Giới, định, tuệ, giải thoát,
Chỉ Phật mới biết rõ.
Là khổ độ chúng sanh
Khiến dứt nguồn sanh tử.*

Khi đức Thế Tôn ngự tại thôn Câu-lợi, Ngài nhận thấy thời gian đã đủ, liền bảo A-nan và đại chúng đi đến thôn Na-dà. Ngài A-nan sau khi thọ nhận lời dạy liền đắp y, mang bát cùng với đại chúng theo hầu. Thế Tôn bằng ngả xuyên qua nước Bạt-kỳ, rồi đến thôn Na-dà dừng lại, Ngài lại tại xứ Kiện-trùy. Khi ấy, A-nan đến nơi thanh vắng ngồi yên lặng suy nghĩ : “Tại thôn Na-dà này, có mười hai vị cư sĩ : 1. Di-già-la, 2. Già-lăng-già, 3. Tỳ-già-đa, 4. Già-lợi-du, 5. Giả-lâu, 6. Bà-đa-lâu, 7. Bà-đâu-lâu, 8. Tẩu-bà-đâu-lâu, 9. Dã-lê-xá-nậu, 10. Tẩu-đại-lợi-xá-nậu, 11. Da-du, 12. Da-du-đa-lâu, những vị này nay đã qua đời, không biết họ sanh về đâu ? Lại có năm mươi người mạng chung, và

có năm trăm người mạng chung nay sinh vào đâu ?". Ngài A-nan suy nghĩ như thế xong, liền rời chỗ thanh tịnh ấy đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, ngời qua một bên rồi thưa :

— Bạch Thế Tôn, lúc này, con một mình ngồi chỗ thanh vắng tự suy nghĩ : “Ở thôn Na-dà này, có mười hai cư sĩ là Già-già-la... mạng chung năm mươi vị khác, cùng với năm trăm vị nữa cũng qua đời, nay không biết họ sinh về đâu ?”. Cúi xin đức Thế Tôn giải thích cho !

Đức Phật bảo :

— Nay A-nan, mười hai vị cư sĩ như Già-già-la... đã dứt hết năm hạ phần kiết sử nên sau khi qua đời sinh về cõi trời và ở đây tiếp tục tu hành cho đến khi nhập Niết-bàn, không còn sanh lại cõi này nữa. Và còn năm mươi vị mạng chung kia, đã đoạn hết ba kiết sử, giảm bớt dâm, nộ và si, được chứng quả Tư-dà-hàm, phải sanh lại cõi này để dứt hết gốc khổ. Còn năm trăm vị mạng chung khác, đoạn trừ ba kiết sử, nên họ chứng quả Tu-dà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, và nhất định thành đạo, chỉ còn sanh lại cõi này bảy lần nữa để chấm dứt gốc khổ.

Này A-nan, phàm có sinh thì có tử, đó là lẽ thường ở thế gian, có gì phải ngạc nhiên ? Nếu mỗi khi thấy một người chết, ông đều đến hỏi Ta như thế thì không phải làm phiền Ta sao ?

A-nan đáp :

— Vâng, Bạch Đức Thế Tôn, thật đúng như vậy !

— Này A-nan, nay Ta vì ông mà nói về Pháp kính, để cho các đệ tử Phật biết chỗ thọ sanh. Hễ người nào dứt hết ba đường ác thì chứng quả Tu-đà-hoàn, chỉ còn sanh lại dục giới bảy lần, nhất định dứt sạch khổ đau, và cũng có thể nói việc ấy cho người khác.

Này A-nan, Pháp kính là khi các đệ tử Phật đã có lòng tin chắc chắn không lay động, hoan hỷ tin Phật là đức Như Lai chí chơn, vô sở trước Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Và hoan hỷ tin Pháp là giáo lý chân chính vi diệu, Phật tự ý nói ra, không hạn cuộc thời gian, chỉ bày con đường đi đến Niết-bàn, là con đường của kẻ trí. Và hoan hỷ tin Tăng là đại chúng sống hòa đồng trong lẽ thiện, việc làm ngay thẳng, không dối trá, đồng thời thành tựu đạo quả, trên dưới hòa thuận, đầy đủ cả Pháp thân, hướng đến

Tu-đa-hoàn, và chúng quả Tu-đa-hoàn, hướng tới Tư-đa-hàm và chúng quả Tư-đa-hàm, hướng tới A-na-hàm và chúng quả A-na-hàm, hướng tới A-la-hán và chúng quả A-la-hán. Đó là bốn đôi tám bậc, là chúng Hiền thánh của Như Lai, họ là những người rất đáng cung kính, là ruộng phước của thế gian. Tin chắc giới pháp của Hiền thánh là thanh tịnh, không ô uế, không sơ suất, được các bậc Thánh nhân tu hành và đều được đại định tam muội.

Này A-nan, đó là Pháp kính khiến cho đệ tử Phật biết chỗ thọ sanh, dứt sạch ba đường ác, được quả Tu-đa-hoàn, chỉ còn sinh lại cõi này bảy lần, là chắc chắn dứt sạch khổ đau, đồng thời cũng có thể trình bày sự kiện này cho người khác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thôn Na-đa nhận thấy thời gian đã đủ, liền bảo A-nan :

— Ông hãy đi đến nước Tỳ-xá-ly.

A-nan đáp :

— Vâng !

Tức thì liền mang y, cầm bát cùng đại chúng theo hầu Thế Tôn bằng ngã đường Bạt-kỳ, để đến Tỳ-xá-ly và ngồi yên nghỉ dưới gốc cây.

Lúc đó có dâm nữ tên Am-bà-bà-lế, nghe Phật và đệ tử vừa đến Tỳ-xá-ly, hiện đang nghỉ dưới gốc cây, nàng bèn sửa soạn xe báu đi đến chỗ Phật ngự để lễ bái cúng dường. Khi chưa đến nơi, nhưng nàng đã thấy Phật dung mạo đoan chánh, các căn đều tịch tịnh đặc biệt, đầy đủ các tướng tốt như vàng trắng giữa những vì sao. Khi trông thấy, nàng rất hoan hỷ, liền xuống xe đi bộ đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, và ngồi qua một bên. Khi đó đức Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, chỉ dạy những điều lợi ích vui mừng. Khi nghe xong, nàng liền phát tâm hoan hỷ, và bạch Phật : “Kể từ ngày nay, con xin quy y Tam Bảo, cúi xin đức Thế Tôn hãy chấp nhận cho con được làm Ưu-bà-di, ở trong Chánh pháp của Ngài ! Con thề trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, đồng thời kính thỉnh Thế Tôn cùng hàng đệ tử chấp nhận lời thỉnh cầu của con tối nay tạm nghỉ tại vườn của con.”

Bấy giờ đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Khi nàng thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy cúi đầu đánh lễ dưới chân và đi quanh Phật rồi lui.

Khi nàng về không bao lâu, Phật bảo A-nan :

— Ta cùng các ông đi đến khu vườn của dân nữ ấy mà xem xét.

A-nan đáp :

— Vâng !

Tức thời đức Thế Tôn rời khỏi chỗ ngồi, đắp y mang bát, cùng đi với đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử đến khu vườn trên. Trong lúc đó, ở tại Tỳ-xá-ly có năm trăm người dòng Lê-xa, nghe Phật đến nghỉ tại vườn của Am-bà-bà-lê, họ liền sửa sang xe báu, năm màu lông lẩy, hoặc có toàn thì cưỡi xe xanh, ngựa xanh, phan, lông, mào đều xanh, hoặc có toàn cưỡi xe ngựa năm màu lông lẩy, màu sắc cũng như trên. Khi năm trăm Lê-xa ăn mặc đồng phục sắp kéo đến chỗ Phật ngự. Trong khi đó, nàng Am-bà-bà-lê sau khi từ giả Phật trở về, giữa đường gặp phải đoàn người trên, với những đôi xe chạy rất nhanh, nghẽn cả đường lối, không có chỗ tránh, nên các xe báu va chạm nhau làm cho phan lông bị hư, nhưng họ vẫn không nhường lối cho nhau. Nhóm Lê-xa còn cất tiếng trách :

— Nàng ý thế gì mà không tránh đường cho xe chúng tôi đi, để đến nỗi phan lông phải bị hư cả ?

Nàng ấy đáp :

— Nay các Người, tôi vừa đi thỉnh Phật ngày mai thọ trai, nên phải về gấp để kịp sửa soạn đồ cúng dường, do đó xe chạy mau không tránh kịp.

Nhóm Lệ-xa nói :

— Nàng hãy nhường cho ta thỉnh Phật trước, ta sẽ tặng cho nàng một trăm ngàn lượng vàng.

Nàng ấy đáp :

— Tôi đã quyết định thỉnh trước, không thể nhường được.

Nhóm Lệ-xa nói tiếp :

— Chúng tôi sẽ tặng cho nàng gấp mười sáu lần một trăm ngàn lượng vàng. Vậy hãy cho chúng tôi thỉnh trước.

Nàng ấy liền đáp :

— Không được, tôi đã thỉnh trước không thể nhường được.

Nhóm Lệ-xa nói :

— Hoặc chúng tôi sẽ tặng bằng số của báu trong nửa nước, miễn là nàng cho chúng tôi thỉnh trước !

Nàng ấy trả lời :

— Giả sử của báu trong cả nước đem cung cấp cho tôi, tôi cũng không nhận, vì Phật hiện nay đang ngự trong vườn của tôi, và Ngài trước đã nhận lời thỉnh cầu của tôi, do đó, việc ấy đã nhất định, tôi không thể nhường cho các người được.

Các Lệ-xa xoa tay tỏ vẻ hối tiếc và nói :

— Vì nàng này mà chúng ta thiếu một phần phúc đức đầu tiên.

Tức thời họ liền đến khu rừng nơi Phật ngự. Khi ấy, đức Thế Tôn từ xa trông thấy năm trăm người Lệ-xa cùng với ngựa xe con số lên cả vạn đang tiến tới chật cả đường, Ngài bảo các Tỳ-kheo :

— Các Ông nên biết chư Thiên Dao-lợi, khi dạo chơi trong vườn với sự trang sức và oai nghi không khác gì những người ấy. Vậy các Ông phải thu nhiếp tâm mình và giữ gìn oai nghi đầy đủ.

Thế nào là các Tỳ-kheo tự thu nhiếp tâm mình ? Ấy là các Tỳ-kheo trước hết quán thân trong thân, tiếp theo là quán thân ngoài thân, sau cùng là quán thân trong thân và ngoài thân. Phải quán một cách siêng năng không lười biếng, ghi nhớ không quên để trừ bỏ lòng tham dục, lo buồn

của thế gian. Sau khi quán sát như trên xong, thì tiếp theo quán sát về thọ, về ý và về pháp cũng như thế.

Thế nào là các Tỳ-kheo giữ gìn oai nghi đầy đủ ? Ấy là các Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đi, khi đứng thì biết mình đứng, cho đến như liếc ngó hai bên, hoặc co duỗi, cúi ngược, đắp y, mang bát và những việc ăn uống, thuốc men đều phù hợp với oai nghi. Phải khéo tìm phương tiện từ bỏ năm ám cái cho đến đi đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, nói năng hay im lặng đều phải nhiếp tâm không cho tán loạn. Ấy là những oai nghi mà các tỳ-kheo phải giữ gìn đầy đủ.

Khi năm trăm người Lệ-xa đến vườn Am-bà-bà-lê, họ liền xuống xe đi bộ đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật và ngồi qua một bên. Lúc đó đức Như Lai tại pháp tòa, phóng hào quang bao trùm cả đại chúng, như ánh trăng mùa thu, như bầu trời trong sáng, với ánh sáng duy nhất của mặt trời chiếu rọi giữa hư không, không có mây mù.

Bấy giờ năm trăm người Lệ-xa đi quanh pháp tòa của Phật, ở trong đại chúng, với ánh sáng duy

nhất soi sáng rõ ràng. Khi ấy giữa đại chúng có một Phạm chí tên là Tinh Ký, từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo tay phải, gối phải quỳ chầm đất, chấp tay hướng về đức Thế Tôn dùng bài kệ để tán thán Phật như sau:

*Vua Ma-kiệt và Ương-già,
Sung sướng vì được điều thiện,
Mình mặc áo giáp báu châu.
Ở đó Thế Tôn xuất hiện,
Oai đức vang ba nghìn cõi,
Danh Ngài chói như núi Tuyết,
Nhu hoa sen vừa chớm nở,
Mùi hương vị diệu, ngọt ngào.
Nay được thấy ánh sáng Phật,
Nhu mặt trời vừa xuất hiện,
Nhu trăng tròn giữa hư không,
Không chút mây mù che ám.
Thế Tôn hiện nay cũng vậy,
Hào quang chiếu cả trần gian,
Khi quán trí tuệ Như Lai,
Nhu tối bỗng có đèn sáng,
Ngài cho mắt sáng chúng sanh,
Giải quyết những điều nghi hoặc.*

Khi năm trăm Lệ-xa nghe xong bài kệ trên, họ bảo Tinh Ký lập lại một lần nữa, tức thời Tinh Ký ở trước Phật lập lại ba lần. Khi họ nghe xong bài kệ đó, liền cởi áo quý của mình tặng cho Tinh Ký, đồng thời Tinh Ký nhận áo quý ấy rồi dâng lên đức Như Lai. Lúc đó, Phật vì thương xót mà nhận chiếc áo ấy, rồi Thế Tôn bảo các người Lệ-xa, thuộc thành Tỳ-xá-ly như sau :

— Ở đời có năm thứ báu, rất khó được. Năm thứ báu gì ? — 1. Đức Như Lai chí chơn xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp ; 2. Hạng người diễn giảng chánh pháp của Như Lai, thật khó gặp ; 3. Hạng người tin hiểu được Chánh pháp của Như Lai thật là khó gặp ; 4. Hạng người thực hành thành tựu được Chánh pháp của Như Lai thật là khó gặp ; 5. Hạng người có tài xoay sở, vào nguy khốn, để cứu độ chúng sanh thật là khó gặp. Đó là năm thứ báu khó gặp.

Khi năm trăm người Lệ-xa nghe Phật nói những điều lợi ích vui mừng xong, liền thưa :

— Kính xin Thế Tôn và đại chúng sáng mai cho chúng con thỉnh về nhà cúng dường.

Đức Phật dạy :

— Khi các người thỉnh Ta, tức là đã cúng dường Ta rồi, ngặt vì nàng Am-bà-bà-lê đã thỉnh trước !

Lúc đó, năm trăm người Lệ-xa nghe nàng ấy đã thỉnh trước, họ đều xoa tay và nói : “Ta muốn cúng dường đức Như Lai, mà nàng ấy đã dành trước”. Họ liền đứng dậy đánh lễ Phật, đi quanh ba vòng và ra về. Trong khi đó, nàng Am-bà-bà-lê, suốt đêm ở nhà lo sửa soạn đồ cúng dường. Sáng đến, đức Thế Tôn và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo sửa sang y bát, thứ tự đi đến địa điểm cúng dường đã ấn định. Sau khi chư vị an tọa xong, nàng ấy bèn dâng loại cơm thượng hạng cúng Phật và chúng Tăng. Khi thọ trai, rửa bát xong, nàng sửa sang lại bàn ghế và đem nước đựng trong một cái bình bằng vàng đến để dâng Phật rửa tay. Sau khi Phật rửa tay xong, nàng đến trước đức Phật thưa :

— Những ngôi nhà, những khu vườn trong thành Tỳ-xá-ly này, chỉ vườn nhà con là tốt đẹp hơn hết, con nay muốn dâng cúng đức Như Lai, cúi xin Ngài hãy xót thương nhận lãnh cho !

Đức Phật bảo :

— Người đem khu vườn này dâng cúng cho Phật là người bậc nhất và hàng chiêu đề Tăng thì quý hóa vô cùng. Vì sao ? Vì đức Như Lai nhờ đây mà có đủ sáu thứ vật dụng cần thiết như vườn, rừng, phòng ốc, và y bát, thế nên dù cho các Ma vương, Đế-thích, Phạm thiên hay Trời có đại thần lực cũng không ai xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường này.

Nàng Am-bà-bà-lê khi ấy vâng lời Phật dạy, dâng cúng khu vườn cho Phật, và chiêu đề Tăng. Lúc đó Phật vì thương xót nàng ấy mà nhận lãnh khu vườn trên, và nói bài kệ :

*Xây tháp dựng tinh xá,
Hiển vườn trái xanh tươi,
Làm cầu, đồ đưa người,
Đặt cỏ nước nơi vắng,
Và bố thí nhà cửa,
Phước ấy tăng ngày đêm,
Còn giữ giới thanh tịnh,
Người ấy sanh cõi lành.*

Liên đó nàng Am-bà-bà-lê, lại đặt một chỗ ngồi nhỏ, đối diện với Phật. Phật lần lượt vì nàng thuyết pháp, dạy cho những điều lợi ích, vui mừng

về bố thí, trì giới và sự sanh Thiên, đồng thời dạy : ái dục là tai hại lớn, là ô uế, là bất tịnh, là lậu hoặc, là điều chướng ngại, chỉ có giải thoát là trên hết.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhận thấy tâm ý nàng đã thuần thực và vui mừng, năm ấm cái đã dần dần yếu kém, dễ bề khai hóa ; do đó, theo thông lệ của chư Phật, Ngài dạy tiếp về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Ngay lúc đó, nàng phát khởi lòng tin thanh tịnh, ví như tấm vải trắng dễ nhuộm màu, tại chỗ ngồi, tâm nàng đã xa lìa hết trần cấu, phát sinh Pháp nhãn thanh tịnh, thấy pháp và chứng pháp, quyết định ở trong Chánh đạo, không còn bị dọa vào đường ác, thành tựu được năng lực vô úy. Nàng liền bạch Phật ba lần như sau :

— Từ nay trở đi, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi mong đức Như Lai hãy chấp nhận cho con làm vị Ưu-bà-di trong Chánh pháp của Ngài. Con nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà tâm, không nói dối và không uống rượu.

Sau khi thọ năm giới với Phật xong, nàng liền bỏ những tánh nết cũ, dứt hẳn những điều ô uế, đứng dậy lễ Phật ra về.

Khi Phật ngự tại Tỳ-xá-ly, cảm thấy thời gian đã đủ, liền bảo A-nan :

— Ông hãy chuẩn bị sẵn sàng cùng ta đi đến Trúc Lâm.

— Vâng !

Thế rồi đức Phật sửa sang y bát, cùng đại chúng theo hầu bằng ngã đường nước Bạt-kỳ để đến Trúc Lâm. Tại đấy, có một Bà-la-môn tên là Tỳ-sa-dà-la, nghe Phật cùng chúng Tăng từ xa đến Trúc Lâm, bèn nghĩ thầm : “Sa-môn Cù-đàm này danh đức đã lan truyền khắp nơi, đầy đủ cả mười hiệu, Ngài đã tự chứng ngộ giữa hàng chư Thiên, Đế-thích, Phạm thiên, Ma hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và nói Pháp cho họ nghe, tất cả những lời nói, dù cao, dù thấp hay trung bình, đều chân thật, ý nghĩa sâu xa, phạm hạnh đầy đủ, bậc chân nhân ở thế gian, ta nên đến chiêm ngưỡng !”

Lúc đó có Bà-la-môn ra khỏi Trúc Lâm, rồi tiến gần đến chỗ Phật. Sau khi thưa hỏi xong, ngồi qua một bên. Bấy giờ đức Thế Tôn lần lượt thuyết pháp dạy cho ông những điều lợi ích vui mừng, thế rồi vị Bà-la-môn nghe rồi hoan hỷ liền thỉnh Phật và đại chúng sáng mai đến nhà trọ trai. Đức

Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Khi ấy Bà-la-môn nhận thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi ra về. Trong đêm đó, Bà-la-môn đã sửa soạn xong các thức ăn. Sáng hôm sau đến thưa với Phật :

— Bạch Thế Tôn, lễ vật cúng dường đã chuẩn bị xong, kính tin Ngài rõ !

Bấy giờ, đức Thế Tôn đắp y, mang bát và đại chúng theo sau đi tới nhà Bà-la-môn ấy. Sau khi chực vị an tọa xong, ông ta đem các thức ăn thượng hạng dâng cúng Phật và chúng Tăng. Khi Phật thọ trai và rửa bát xong, Bà-la-môn đặt một chỗ ngồi nhỏ khác hầu trước Phật. Khi ấy, Phật vì ông ta mà dạy bài kệ :

*Nếu đem các thức ăn,
Đồ nằm và y phục,
Bố thí người trì giới,
Thời được quả phúc lớn.
Nó là bạn chân thật,
Trước sau thường theo mình,
Đi đâu nó cũng theo,
Như bóng theo với hình.
Vậy nên gieo giống lành,*

*Làm tư lương đời sau,
Lấy phước làm nền tảng,
Chúng sanh được an lạc.
Có phước trời che chở,
Không bị điều nguy khốn,
Sanh ra không bị nạn,
Chết được sanh cõi trời.*

Khi đức Phật vì Bà-la-môn nói pháp nhiệm màu, chỉ dạy sự lợi ích vui mừng xong, Phật rời tòa ra đi.

Lúc đó tại xứ này gặp phải năm mất mùa, nạn đói kém hoành hành, việc khát thực khó khăn, nên Phật bảo A-nan :

— Hãy tập hợp các Tỳ-kheo trong nước lại tại giảng đường.

— Vâng !

A-nan liền vâng lệnh tập hợp các Tỳ-kheo xa gần về họp đông đủ tại giảng đường. Khi đại chúng đã tập hợp xong, A-nan đến thưa Phật :

— Kính bạch Thế Tôn, đại chúng đã tập hợp đông đủ, kính tin Ngài rõ !

Bấy giờ, Thế Tôn đứng dậy đi đến giảng đường và an tọa tại đây. Ngài dạy :

— Nay các Tỳ-kheo hiện nay đang đói kém, nên việc khát thực khó khăn, vậy các ông hãy chia thành từng đoàn, đi đến nơi quen biết hoặc thành Tỳ-xá-ly, hay nước Vi-kỳ, rồi ở đó an cư, thì khỏi thiếu thốn. Chỉ ta và A-nan, thì an cư tại đây. Vì nếu ở đông e thiếu thốn.

Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời chia nhau đi, còn Phật và A-nan thì ở lại an cư kiết hạ tại đây. Trong cuối kỳ hạ này Phật phát bệnh, cả thân đau nhức, Ngài tự nghĩ : “Nay Ta phát bệnh, toàn thân đau nhức, mà các đệ tử đều không có mặt, nếu như Ta nhập Niết-bàn lúc này thì không tiện. Vậy Ta hãy vận dụng sức chuyên cần để kéo dài mạng sống thêm nữa”.

Lúc đó đức Thế Tôn liền ra khỏi tịnh thất, đến ngồi chỗ mát mẻ, ngài A-nan trông thấy, liền đi lại hỏi Phật :

— Nay con thấy Thế Tôn dung nhan có phần suy giảm, Thế Tôn có mệnh hệ nào, thì khiến tâm con sẽ lo sợ, lúng túng, hoang mang, không biết làm cách nào.

Tuy nhiên ngài A-nan lại trông thấy Phật còn tươi tỉnh, sức lực còn khỏe mạnh, nên tự nghĩ : “Đức Như Lai chưa vội diệt độ, con mắt thế gian vẫn còn, chánh pháp chưa bị mất mát”. Lại nghĩ : “Nhưng tại sao Thế Tôn nay không dạy gì cho chúng đệ tử ?”

Phật bảo A-nan :

— Chúng Tăng còn mong cầu điều gì nơi Ta nữa ? Nếu người nào tự xưng mình bảo hộ chúng Tăng và chúng Tăng tùy thuộc vào mình, thì người đó nên có lời dạy bảo với chúng Tăng ; trái lại, đức Như Lai thì không tự xưng mình là người bảo hộ chúng Tăng, và chúng Tăng không tùy thuộc vào mình, thì cần gì phải dạy bảo đối với chúng Tăng ? Nay A-nan, bất luận là giáo pháp nào mà Ta đã trình bày xong, Ta không bao giờ tự xưng chỗ thấy của mình không thông suốt. Ta nay già rồi, tuổi đã tám mươi. Ví như chiếc xe cũ, nhờ phương tiện sửa chữa, mà đi đến nơi đến chốn. Nay thân Ta cũng thế, nhờ sức phương tiện mà kéo dài mạng sống đến ngày nay. Ta nhờ sự cố gắng mà đè nén được cơn đau. Hơn nữa, khi Ta nhập định Vô tướng, thì không còn nghĩ đến một điều gì, nên thân Ta yên ổn, không có đau nhức.

Thế nên A-nan ! Người hãy tự thấp xuống mà đi, thấp xuống với Chánh pháp, đừng thấp xuống với một pháp nào khác, hãy tự nương tựa với chính mình, nương tựa với Chánh pháp, đừng nương tựa với một pháp nào khác.

Thế nào là tự mình thấp xuống mà đi, thấp xuống với Chánh pháp, đừng thấp xuống với một pháp nào khác. Hãy tự mình nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác ? Này A-nan ! ấy là các Tỳ-kheo trước phải lo quán sát trong thân, sau đó quán sát ngoài thân, cuối cùng là quán sát cả trong lẫn ngoài thân, quán sát một cách chuyên cần, không biếng nhác, nhớ mãi không quên để diệt trừ sự tham luyến, lo buồn của thế gian, và tiếp theo sự quán sát trên, là quán sát về thọ, về tâm ý, về các pháp cũng như thế.

Này A-nan, đó là ý nghĩa tự mình thấp xuống mà đi, thấp xuống với Chánh pháp, đừng thấp xuống với một pháp nào khác, hãy tự nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác.

Phật bảo A-nan :

— Sau khi Ta diệt độ, người nào có thể tu hành đúng như thế, tức là đệ tử chân chánh của Ta, là người học đạo xuất sắc nhất.

Khi ấy Phật bảo A-nan :

— Hãy đi đến ngôi tháp Già-bà-la.

— Vâng !

Tức thời đức Như Lai đứng dậy đắp y, mang bát, đến dưới gốc cây rồi bảo A-nan trải tọa cụ và dạy :

— Ta bị đau lưng, nên muốn nghỉ tại đây.

— Vâng !

Sau khi trải tọa cụ cho Phật nghỉ xong, ngài trải thêm một tọa cụ nhỏ ngồi trước hầu Phật. Lúc đó, Phật bảo A-nan :

— Người nào thường xuyên tu tập bốn môn thần túc, chuyên chú nhớ mãi không quên, thì có thể tùy ý muốn mà sống đến một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Nay A-nan, đức Như Lai đã nhiều lần tu tập bốn môn thần túc, chuyên chú nhớ mãi không quên, nên đức Như Lai có thể tùy ý muốn, sống đến một kiếp, hoặc hơn một kiếp để diệt trừ

sự tối tăm cho đời, đem lại nhiều sự lợi ích, an lạc cho Nhân, Thiên !

Lúc đó, ngài A-nan làm thính. Đức Phật nói như thế ba lần mà A-nan vẫn làm thính. Vì lúc ấy ngài đang bị ma ám ảnh, mê man không hiểu, nên Phật ba lần hiện tướng mà A-nan đều không biết để thưa thỉnh. Phật bảo :

— Nay A-nan nên biết, nay đã phải thời.

Ngài A-nan vâng ý chỉ Phật đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật rồi lui ra. Ngài đi lui cách Phật không xa, đến ngồi yên lặng suy nghĩ dưới một gốc cây. Chỉ trong chốc lát, thì ma Ba-tuần đến bạch Phật :

— Sao Ngài chưa sớm vào Niết-bàn ? Nay đã đúng lúc rồi, xin Ngài mau diệt độ !

— Thôi, thôi, Ba-tuần. Người đừng nói nữa. Ta đã tự biết thời. Như Lai giờ đây chưa vội vào Niết-bàn, vì Ta cần đợi các Tỳ-kheo tập họp về đông đủ. Trong số đó, có những đệ tử đã khéo chế ngự được thân tâm, mạnh dạn không khiếp sợ, họ thường sống trong an ổn, không những việc lợi mình đã làm xong, mà còn làm thầy dẫn dắt kẻ khác, hiện đang truyền bá Chánh pháp, giảng giải

nghĩa lý, nếu họ gặp chủ thuyết ngoại đạo, thì có đủ sức đem Chánh pháp, sự tự chứng ngộ và thần biến của mình ra để hàng phục chúng, nhưng mà những đệ tử ấy chưa về. Lại có những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng chưa quy tụ. Vả lại, nay Ta còn muốn truyền bá phạm hạnh một cách sâu rộng và phổ biến giáo lý giác ngộ cho hàng Nhơn, Thiên đều biết và thấy được thần biến.

Ma Ba-tuần thưa :

— Khi xưa, Phật ở bên bờ sông Ni-liên-thuyền thuộc xứ Uất-tỳ-la, và lúc ở dưới gốc cây A-du-ba-ni-câu-luật, khi Ngài mới thành đạo Chánh Giác, tôi có đến khuyến thỉnh Ngài nên vào Niết-bàn, nay đã đúng lúc rồi, vậy xin Ngài hãy mau mau diệt độ.

Lúc đó, đức Như Lai trả lời :

— Thôi, thôi, Ba-tuần. Ta đã tự biết thời, Như Lai chưa vội vào Niết-bàn, mà cần đợi các đệ tử trở về, cho đến hàng Nhơn, Thiên đều biết và thấy được thần biến thì Ta mới nhập Niết-bàn.

— Bạch Ngài, nay các đệ tử đã nhóm họp, cho đến hàng Nhơn, Thiên đã thấy thần biến, nay đã đúng lúc rồi, sao Ngài không diệt độ ?

— Thôi, thôi, Ba-tuần. Ta tự biết thời, còn không bao lâu nữa, sau ba tháng này, Ta sẽ ở tại nơi sanh quán của Ta đời trước, giữa cây song thọ, trong rừng ta-la, thuộc xứ Câu-thi-na mà nhập Niết-bàn.

Lúc ấy ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật không bao giờ nói dối, chắc chắn là Ngài sẽ diệt độ, nên vui mừng nhảy nhót, biến mất. Khi ma Ba-tuần biến mất không bao lâu, Phật ở tại ngôi tháp Giá-bà-la nhập định ý tam muội, mà xả bỏ tuổi thọ. Ngay lúc đó cội đất chấn động mạnh, nhân dân cả nước thấy đều kinh sợ, lòng, áo dựng ngược. Phật phóng hào quang vĩ đại chiếu sáng khắp nơi, cho đến chúng sanh ở cõi tối tăm cũng nhờ ánh sáng ấy soi đến mà trông thấy lẫn nhau. Bấy giờ, đức Như Lai nói bài kệ :

*Trong hai hành hữu, vô,
Ta nay bỏ hữu vì,
Chuyên tâm vào chánh định,
Ví như chim đã nở.*

Khi ấy, Tôn giả A-nan kinh hãi đến nổi lông tóc đều dựng ngược, vội vàng đi đến chỗ Phật ngự, đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên và bạch :

— Kính bạch đức Thế Tôn, lạ thay ! Không biết lý do gì mà quả đất chấn động như thế này ?

Phật dạy :

— Nay A-nan, phạm cõi đất rung động có tám nhơn duyên. Tám nhơn duyên gì ? Vì đất nương trên nước, nước thì nương trong gió, gió thì nương vào hư không mà tồn tại. Nếu trong hư không có gió nổi lên, thì nước bị chao động, đó là duyên thứ nhất.

Nay A-nan, khi có vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc có vị đại Thiên thần, tu quán về tánh nước nhiều, quán về tánh đất ít, hoặc họ muốn thử sức thần thông của họ thì họ làm cho quả đất chấn động, đó là duyên thứ hai.

Nay A-nan, khi có vị Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất bình tĩnh, sáng suốt giảng thần vào thai mẹ, thì quả đất chấn động, đó là duyên thứ ba.

Này A-nan, khi có vị Bồ-tát bình tĩnh sáng suốt, từ hông phải của mẹ mà đản sanh, thì làm cho quả đất chấn động, đó là duyên có thứ tư.

Này A-nan, khi Bồ-tát vừa thành vô thượng Chánh Giác thì chính lúc đó quả đất chấn động, đó là duyên có thứ năm.

Này A-nan, khi Phật mới thành đạo quả liền chuyển Pháp luân đầu tiên, trong khi đó các loài Ma, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và Người khác không thể chuyển được thời làm cho quả đất rung động, đó là duyên có thứ sáu.

Này A-nan, khi Phật giáo hóa xong, bình tĩnh, sáng suốt mà xả bỏ tuổi thọ thì quả đất chấn động, đó là duyên có thứ bảy.

Này A-nan, khi đức Như Lai nhập vào cảnh giới Vô-dur Niết-bàn, thì quả đất chấn động, đó là duyên có thứ tám.

Vì tám lý do trên nên quả đất chấn động. Bấy giờ đức Thế Tôn dạy :

*Dấng Phước Trí vô thượng,
Sa-môn soi sáng đời,
A-nan liền hỏi Phật,*

Duyên gì đất chấn động ?
Như Lai liền giải thích,
Như tiếng chim ca-lăng.
Ta nói hãy lắng nghe,
Sở dĩ đất chấn động,
Vì đất nương trên gió,
Nước yên nhờ gió lặng.
Nếu hư không nổi gió.
Thì quả đất chấn động.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.
Muốn thử sức thần thông.
Núi, biển, trăm cỏ cây,
Đại địa đều chấn động.
Phạm thích hàng chư thiên,
Ý muốn đất chấn động,
Các quý thần, núi biển,
Làm quả đất chấn động.
Bồ-tát đủ phúc trí,
Trăm tướng phúc trang nghiêm,
Khi mới vào thai mẹ,
Quả đất liền chấn động.
Đủ mười tháng trong thai,
Như rồng ẩn trong mây,
Đàn sinh từ hông phải,

Đại địa liền chấn động.
Phật lúc còn trẻ mạnh,
Diệt hết điều ràng buộc,
Tu chứng quả Bồ-đề,
Thời đại địa chấn động.
Thành Phật, chuyển Pháp luân,
Đầu tiên tại Lộc Uyển,
Thắng ma bằng đạo lực,
Thì quả đất chấn động.
Khi thiên ma thỉnh Phật,
Mau mau nhập Niết-bàn,
Phật liền xả tuổi thọ,
Thì quả đất chấn động.
Đạo sư của Trời, Người,
Vĩnh viễn không tái sanh,
Bất động nhập Niết-bàn,
Thời quả đất chấn động.
Phật nói tám nhân duyên,
Khiến quả đất chấn động,
Duyên này hay duyên khác,
Quả đất đều chấn động.

II

Phật bảo A-nan :

— Trên đời có tám chúng. Tám chúng là gì ? 1. Chúng Sát-đế-lợi 2. Chúng Bà-la-môn 3. Chúng Cư sĩ 4. Chúng Sa-môn. 5. Chúng Tứ thiên vương 6. Chúng Đạo lợi thiên. 7. Chúng Ma 8. Chúng Phạm thiên.

Ta tự nhớ, xưa kia Ta đã từng qua lại trong chúng Sát-đế-lợi, cùng họ đứng ngồi nói năng, không biết bao nhiêu lần, do nhờ sức thiên định, tinh tấn mà nơi Ta hiện đến, hễ họ có sắc đẹp,

thì Ta đẹp hơn họ ; họ có tiếng hay thì Ta có tiếng hay hơn họ ; họ từ bỏ Ta đi, nhưng Ta không từ bỏ họ ; điều họ nói được, Ta cũng nói được , điều họ không thể nói được, Ta cũng nói được.

Này A-nan, Ta đã vì họ nói pháp một cách sâu rộng, chỉ bày sự lợi ích vui mừng cho họ xong, thì Ta liền ẩn mất, mà họ không biết Ta là Trời hay là Người, như thế Ta đã từng qua lại trong chúng Phạm thiên không bao nhiêu lần, để thuyết pháp cho họ một cách sâu rộng, nhưng mà họ đều chẳng biết Ta là ai.

A-nan thưa :

— Kính bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu chưa từng có, chỉ có Như lai mới thành tựu được như thế !

Phật dạy :

— Đó là pháp vi diệu hy hữu, chỉ có đức Như Lai mới thành tựu được pháp ấy. Hơn nữa vì đức Như Lai có thể biết được tướng sinh, trụ và diệt của thọ ; tướng sanh, trụ và diệt của tướng ; tướng sanh trụ và diệt của quán. Đó là pháp vi diệu chưa từng có của Như Lai, vậy Ông hãy thọ trì.

Bấy giờ, đức Phật bảo A-nan cùng đi đến Hương pháp, và tới dưới gốc cây, bèn trải tọa cụ ngồi, đồng thời bảo A-nan :

— Hãy nhóm hết các Tỷ-kheo sống chung quanh Hương pháp tại giảng đường.

A-nan vâng lời tập hợp hết các Tỷ-kheo lại và thưa :

— Bạch Thế Tôn, đại chúng đã tập hợp đông đủ, kính tin Ngài rõ.

Thế Tôn ngay lúc đó liền đến giảng đường, và an tọa tại đấy. Thế rồi Ngài dạy các Tỷ-kheo :

— Các Ông hãy biết : Ta do những pháp sau đây mà tự chứng ngộ và thành tựu bậc Chánh Giác. Đó là Tứ Niệm xứ, Tứ Ý đoạn, Tứ Thần túc, Tứ Thiên, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác ý và Bát Chánh đạo. Vậy các ông hãy ở trong giáo pháp đó hòa hợp, kính thuận, chớ có tranh tụng, cùng học một thầy như nước với sữa, đồng thời hãy ở trong đó siêng năng tu học, cùng nhau hăng say phát triển và vui vẻ.

Này các Tỷ-kheo nên biết : Ta từ những pháp trên mà tự tu hành chứng ngộ, để rồi hiện nay Ta đem giảng dạy các cho các Ông, đó là Quán kinh,

Kỳ dạ kinh, Thọ ký kinh, Kệ kinh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Vị tăng hữu kinh, Chứng dụ kinh, Đại giáo kinh. Vậy các Ông hãy khéo thọ trì, so lường phân biệt, tùy theo trường hợp mà tu hành. Tại sao vậy ? Vì Như Lai không bao lâu nữa, sau ba tháng nay, sẽ nhập Niết-bàn.

Các Tỷ-kheo nghe Phật nói như thế thấy đều kinh ngạc, sững sốt hoang mang gieo mình xuống đất, cất tiếng kêu than : “Tại sao đức Thế Tôn diệt độ mau quá ? Tại sao con mất thế gian diệt mất sớm quá ? Từ đây chúng con sẽ bị mất mát mãi mãi”. Hoặc có Tỷ-kheo thương cảm buồn khóc, lăn lóc kể than, không thể tự kìm chế được, cũng như rắn bị chém làm hai khúc, lăn lóc, run rẩy, ngẩn ngơ không biết gì cả.

Phật bảo các Tỷ-kheo :

— Các Ông hãy đừng cơn bị lụy, chớ ôm lòng buồn tủi, vì từ trời đất cho đến người và vật, không một ai sanh ra mà không chết, nếu các Ông muốn cho các pháp hữu vi không biến dịch, thì không thể có được. Hơn nữa, trước đây Ta đã dạy : “Ân ái là vô thường, nếu có sum họp, thì phải có chia lìa, nhất là thân này không phải của ta, mạng sống không thể tồn tại lâu dài.”

Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ :

*Ta nay thật tự tại,
Đến được nơi an ổn,
Vì đại chúng hòa hiệp,
Mà nói rõ nghĩa này.
Ta nay đã già rồi,
Sống không bao lâu nữa,
Việc làm đã xong xuôi,
Này bèn bỏ tuổi thọ.
Chuyên chú không phóng dật,
Tỷ-kheo giữ đủ giới,
Nhiếp tâm vào chánh định,
Giữ gìn tâm ý mình.
Nếu ở trong pháp Ta,
Người nào không phóng dật,
Sẽ dứt hết gốc khổ,
Thoát hẳn sinh, già, chết.*

Phật bảo các Tỷ-kheo :

— Ta nay sở dĩ khuyên dạy như thế là vì Thiên ma Ba-tuần đã đến thỉnh Ta trước đây, nó nói :
“Tại sao Phật chưa muốn vào Niết-bàn ? Nay đã đúng lúc rồi, vậy xin Ngài mau diệt độ.” Ta nói :
“Thôi, thôi, Ba-tuần. Ta đã biết thời, vì cần các

Tỷ-kheo tập hợp đông đủ, cho đến hàng chư Thiên đều thấy được thần biến". Ba-tuần nói : "Phật khi xưa ở bên bờ sông Ni-liên-thuyền, thuộc nước Uất-bệ-la, và dưới gốc cây A-du-ba-ni-câu-luật, khi Ngài mới thành đạo. Lúc đó tôi thưa : "Tại sao Phật không muốn vào Niết-bàn ? Nay đã đúng lúc rồi, vậy xin Ngài mau diệt độ !" Khi ấy Đức Thế Tôn đáp với tôi : "Thôi, thôi, Ba-tuần. Ta tự biết thời, Như Lai nay đây chưa nhập Niết-bàn, vì căn đệ tử của ta nhóm họp, cho đến hàng Nhơn, Thiên thấy được sự thần biến, thì Ta mới diệt độ". Bạch Ngài, nay đệ tử của Như Lai đã nhóm họp, cho đến hàng Nhân, Thiên thấy được sự thần biến, thế thì nay đã đúng lúc, xin Ngài mau mau diệt độ !" Ta nói : "Thôi, thôi, Ba-tuần. Phật tự biết thời, không bao lâu nữa, sau ba tháng này Ta sẽ nhập Niết-bàn". Khi đó, ma Ba-tuần liền nghĩ : "Đức Như Lai không bao giờ nói dối, chắc chắn Ngài sẽ diệt độ," nên vui mừng nhảy nhót, và bỗng nhiên biến mất !

Khi ma Ba-tuần biến mất không lâu, Ta đến tháp Già-bà-la vào định ý tam muội, để từ bỏ tuổi thọ, chính lúc ấy quả đất chấn động, Trời Người đều sợ hãi, lông tóc đều dựng ngược. Khi ấy Phật phóng tia sáng lớn, chiếu sáng khắp nơi cho đến

cõi tối tăm cũng đều nhờ ánh sáng ấy mà họ đều thấy lẫn nhau. Lúc đó Ta nói bài kệ :

*Trong hai hành hữu, vô,
Ta nay bỏ hữu vi,
Chuyên tâm vào chánh định,
Ví như chim đã nở.*

Bấy giờ, tôn giả A-nan đứng dậy vén áo vai hữu, gối hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật :

— Cúi mong đức Thế Tôn, hãy thương xót chúng sanh, hãy sống thêm một kiếp, chớ nên diệt độ sớm, để làm lợi ích cho Trời, Người.

Khi ấy, đức Thế Tôn im lặng không đáp, ngài A-nan thưa thỉnh ba lần như thế, thời Phật dạy :

— Nay A-nan, Ông có tin đạo Chánh giác của Như Lai không ?

Đáp :

— Vâng, con tin chắc lắm !

Phật dạy tiếp :

— Nếu Ông tin, tại sao Ông còn ba lần làm phiền Ta ? Ta cho rằng Ông đã đích thân nghe từ Phật, lãnh thọ từ Phật, là người nào thường tu tập bốn pháp như ý một cách chuyên chú không

quên, thì có thể tùy theo ý muốn mà kéo dài mạng sống trong một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Đức Như Lai là người đã tu tập bốn pháp như ý một cách chuyên chú không quên, thì có thể tùy theo ý muốn mà kéo dài tuổi thọ trong một kiếp hay hơn một kiếp, để trừ sự tối tăm cho đời, đồng thời đem lại nhiều sự lợi ích an vui cho Trời Người, tại sao lúc đó Ông không thỉnh đức Như Lai khoan diệt độ, nghe lần thứ hai còn có thể được, qua lần thứ ba, Ông cũng không thỉnh cầu đức Như Lai sống thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp để trừ diệt tối tăm cho đời, đồng thời đem lại nhiều sự lợi ích an vui cho Trời, Người. Nay Ông mới nói há không muốn hay sao ? Ta ba lần hiện tướng, Ông ba lần làm thỉnh. Tại sao lúc đó Ông không nói cho Ta biết là đức Như Lai có thể sống thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp để trừ diệt sự tối tăm cho đời, đồng thời đem lại nhiều sự lợi ích an vui cho Trời và Người. Vả lại, nay Ta đã xả tuổi thọ, một khi đã bỏ, đã nhỏ mà muốn cho đức Như Lai hành động trái với lời nói của mình thì không bao giờ có sự kiện ấy. Ví như một người giàu sang đã nhỏ đồ ăn xuống đất, thì thử hỏi họ có cúi nhặt lên ăn lại được không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Đức Như Lai cũng thế, một khi đã bỏ, đã nhỏ thì đâu có thể nuốt lời nói của mình.

Phật bảo A-nan cùng đi đến thôn Am-bà-la, A-nan cùng đại chúng sửa y mang bát theo hầu Thế Tôn bằng ngã đường Bạt-kỳ, để đến thôn Am-bà-la, và tới một khu rừng núi, lúc đó Phật dạy cho đại chúng về Giới, Định, Tuệ. Do tu giới mà được định, và được phúc lớn, do tu định mà được trí tuệ và được quả báo lớn, do tâm và trí đồng thời tu tập nên được thanh tịnh và được giải thoát hoàn toàn, đồng thời dứt sạch ba lậu : dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Một khi đã được giải thoát thì phát sinh trí tuệ giải thoát, sanh tử chấm dứt, phạm hạnh đã thành lập, những gì cần làm đã làm xong, không còn sự tái sanh.

Khi đức Thế Tôn ngự tại thôn A-bà-la nhận thấy cơ duyên hóa độ đã xong, liền bảo A-nan :

— Các Ông hãy chuẩn bị sẵn sàng để đến thôn Chiêm-bà, thôn Kiến-trà, thôn Bà-lê-bà, và thành Phụ-di.

A-nan đáp :

— Vâng !

Túc thời A-nan cùng đại chúng sửa y mang bát, theo hầu Thế Tôn bằng ngã đường Bạt-kỳ, và tuần tự trải qua các thành khác và dừng lại ở tại rừng Thi-xá-bà, ở phía Bắc thành Phụ-di.

Lúc ấy Phật bảo :

— Nay các Tỳ-kheo, Ta sẽ dạy các ông bốn đại giáo pháp, vậy các Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ về vấn đề này.

Các Tỳ-kheo thưa :

— Vâng ! Kính bạch Thế Tôn chúng con muốn nghe.

— Bốn đại giáo pháp là gì ? Nếu có Tỳ-kheo nào nói như sau : “Này Chư hiền, tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia đích thân nghe từ Phật, lãnh thọ từ Phật về luật này, giáo này. Những điều tôi đích thân nghe từ Phật như thế chớ nên không tin, chớ nên hủy báng”. Nếu họ nói như thế, thì các Ông phải y cứ vào các kinh để suy nghiệm điểm hư thực, hãy y cứ theo luật, theo pháp mà nghiên cứu, tường tận ngọn nguồn lời nói ấy, nếu nhận thấy không đúng với kinh, với luật, với pháp, thì hãy nói với họ : “Đức Phật không dạy điều này, Ông đã lãnh thọ sai lầm đấy ! Tại vì sao ?

Vì tôi đã y cứ vào các kinh, luật, pháp mà so nghiệm, thì nhận thấy lời Ông trình bày, không phù hợp với chánh pháp. Vậy, này Hiền sĩ, không nên thọ trì, không nên giảng dạy cho người khác, và hãy từ bỏ". Nếu xét thấy lời nói ấy, đúng với kinh với luật, với pháp, thì hãy nói với họ : "Lời Ông vừa trình bày là đúng với lời Phật dạy. Tại sao ? Vì tôi căn cứ vào kinh, vào luật, vào pháp mà so nghiệm thì thấy lời nói của ông phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ nên thọ trì, hãy giảng rộng cho người khác, cẩn thận chớ có bỏ." Đó là đại giáo pháp thứ nhất.

Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào nói như sau : "Tôi ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, ở trong chúng Tăng hòa hợp, toàn là bậc Tỳ-kheo kỳ cựu đa văn, tôi đã đích thân nghe từ họ, đích thân lãnh thọ về pháp này, luật này, giáo này, những điều mà tôi đích thân nghe từ họ, chớ nên không tin, chớ có hủy báng". Nếu có Tỳ-kheo nào nói như thế, thì các Ông hãy y cứ vào các kinh mà suy xét điều hư thực, hãy căn cứ vào pháp, vào luật mà nghiên cứu tường tận ngọn nguồn của lời nói ấy, nếu nhận thấy không đúng với kinh, với luật, với pháp, thì các Ông hãy nói : "Đức Phật không dạy điều này, Ông ở trong chúng đó đã nghe và lãnh

thọ có sai lầm đấy ! Tại sao vậy ? Vì tôi đã căn cứ vào các kinh, vào luật, vào pháp mà so nghiệm thì nhận thấy lời Ông vừa trình bày trái với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ chớ nên thọ trì, chớ nên giảng cho người khác.” Trái lại, nếu nhận thấy lời nói trên đúng với kinh với luật, với pháp thì các Ông hãy bảo : “Lời Ông vừa nói là đúng với lời Phật dạy. Vì sao ? Bởi vì tôi đã căn cứ vào kinh, vào luật, vào pháp mà so nghiệm thì nhận thấy lời Ông vừa nói phù hợp với chánh pháp. Vậy hiền sĩ hãy thọ trì hãy rộng giảng cho người khác, cần thận chớ có bỏ” Đó là đại giáo pháp thứ hai.

Lại nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như sau : “Tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia, trong một chúng Tỳ-kheo đông đảo, toàn là người trì pháp, trì luật, trì luật nghi. Tôi đã đích thân nghe từ họ, đích thân lãnh thọ pháp, luật, giáo như vậy, điều mà tôi đích thân nghe họ nói, không nên không tin, không nên hủy báng.” Nếu có Tỳ-kheo nào nói như thế thì các Ông nên y cứ vào các kinh, mà suy xét điều hư thực, hãy căn cứ vào pháp, vào luật mà nghiên cứu tường tận ngọn nguồn của lời nói ấy, nếu nhận thấy lời nói trên không đúng với kinh, với luật, với pháp thì các Ông hãy nói : “Đức Phật không dạy điều này, Ông ở trong chúng

Tỳ-kheo nghe, nhận có sai lầm đấy. Vì sao ? Vì tôi đã căn cứ vào kinh vào luật, vào pháp, Ông vừa nói trái với chánh pháp, vậy Hiền sĩ, chớ thọ trì, chớ giảng cho người, nên từ bỏ đi”. Nếu xét thấy lời nói dựa theo kinh, dựa theo luật, dựa theo pháp, thì các Ông hãy nói : “Lời ông vừa trình bày là đúng với lời Phật nói. Vì sao ? Vì tôi dựa vào kinh, vào luật, vào pháp, lời Ông nói phù hợp với chánh pháp, vậy Hiền sĩ hãy thọ trì và hãy rộng giảng cho người khác, cần thận chớ có từ bỏ”. Đó là đại giáo pháp thứ ba.

Lại nếu có Tỳ-kheo nào nói như sau : “Tôi ở thôn kia, thành kia, nước kia đã đích thân nghe một vị Tỳ-kheo trì pháp, trì luật, trì luật nghi, và tôi đã đích thân nghe, đích thân lãnh thọ về pháp này, luật này, giáo này, điều mà tôi đã đích thân nghe là điều chớ nên không tin, cũng chớ nên hủy báng.” Các Ông phải y cứ vào các kinh, mà suy xét điểm thực hư, hãy căn cứ vào pháp, vào luật mà nghiên cứu tận ngọn nguồn của lời nói trên. Nếu nhận thấy lời nói ấy không đúng với kinh, với luật, với pháp thì các Ông hãy nói với họ : “Đức Phật không dạy điều này, Ông đã nghe nhận nhầm từ một vị Tỳ-kheo đấy. Tại sao ? Vì tôi đã căn cứ vào kinh, vào luật vào pháp thì nhận thấy

lời Ông trình bày trái với chánh pháp, vậy Hiên sĩ hãy từ bỏ, không nên thọ trì, không nên giảng dạy cho người khác.” Trái lại, nếu lời nói đó đúng với kinh, với luật, với pháp, thì các Ông hãy nói với người kia rằng : “Điều ông nói là đúng với điều Phật dạy. Vì sao ? Vì tôi đã y cứ vào kinh, vào luật, vào pháp lời Ông vừa nói là phù hợp với chánh pháp. Vậy Hiên sĩ hãy chớ thọ trì, hãy rộng giải cho người khác nghe, chớ có từ bỏ” Đó là đại giáo pháp thứ tư.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thành Phụ-di nhận thấy cơ duyên hóa độ đã xong, liền bảo A-nan :

— Hãy đến thành Ba-bà.

A-nan đáp :

— Vâng !

Bèn sửa sang y bát, cùng đại chúng theo hầu Thế Tôn bằng ngã đường Mạt-la để đến khu vườn Xà-đâu, thuộc thành Ba-bà. Nơi đây có người thợ rèn tên là Châu-na, nghe Phật từ Mạt-la đến thành liền y phục chỉnh tề đi đến chỗ Thế Tôn ngự, cúi đầu dâng lễ và ngồi xuống một bên. Lúc đó Phật lần lượt thuyết pháp, dạy cho ông những điều lợi ích vui mừng. Khi nghe xong, tín tâm hoan hỷ

liền thỉnh Phật sáng mai đến nhà thọ trai. Phật im lặng nhận lời, Châu-na biết Phật im lặng nhận lời liền đứng dậy đánh lễ ra về.

Nội trong đêm đó, ông lo sửa soạn thức ăn, sáng hôm sau ông đến thưa : “Bạch Thế Tôn, đã đến giờ thọ trai, kính tin Ngài rõ”. Bấy giờ, đức Thế Tôn đắp y mang bát cùng đại chúng theo hầu đi đến nhà ông Châu-na, và tiến đến chỗ ngồi, Châu-na bày thức ăn cúng Phật và chư Tăng, ông lại nấu riêng một thứ nắm chiên-đàn là thức ăn quý lạ nhất, ít thấy nhất trên đời đem dâng riêng cho Thế Tôn, tức thì Phật bảo : “Châu-na chớ đem thứ nắm này dâng cúng cho chư Tăng”. Châu-na lúc đó vâng lời Phật dạy, không dám hành động. Bấy giờ ở trong chúng có một vị trưởng lão Tỳ-kheo mới xuất gia, trên chỗ ngồi của mình lại bưng uống chén nước nắm còn dư.

Khi Châu-na thấy chúng Tăng thọ trai và rửa bát xong, bèn ở trước Phật dùng bài kệ thưa :

*Xin hỏi bậc Đại Thánh,
Chánh Giác đủ phước trí,
Khéo điều phục thân tâm
Có mấy hạng Sa-môn ?*

Bấy giờ, đức Thế Tôn cũng dùng bài kệ đáp :

*Thế theo Người vừa hỏi,
Có bốn hạng Sa-môn,
Chỉ thường không đồng nhau,
Người hãy nhận thức rõ :
Một, hành đạo thù thắng,
Hai, khéo giảng đạo nghĩa,
Ba, y đạo sinh hoạt,
Bốn, làm ô uế đạo.
Hạng hành đạo thù thắng,
Khéo giảng giải đạo nghĩa,
Y đạo để sinh hoạt,
Nhìn về nơi vô cấu
Hạng dứt bỏ ân ái,
Quyết chắc vào Niết-bàn,
Vượt hẳn đường Nhơn Thiên
Là hành đạo thù thắng.
Khéo giải đệ nhất nghĩa,
Hạng hiểu rõ trung đạo,
Giảng đạo không cấu uế,
Người thường giải điều nghi,
Là hạng khéo giảng đạo.
Khéo trình bày pháp cú,*

Y đạo để sinh hoạt,
Vời trông nơi vô cấu,
Là y đạo sinh hoạt.
Trong ôm lòng gian tà,
Ngoài như tường trong sạch,
Giả dối không thành thật,
Là hạng làm như đạo.
Thế nào gồm thiện ác,
Tịnh, bất tịnh hỗn hợp ?
Giống như bên ngoài tốt,
Ngoài mặt hiện đạo phong,
Ví như đồng mạ vàng.
Người đời thấy thế bảo,
Đệ tử bậc Thánh Trí
Nhưng vị khác không bằng,
Chớ bỏ lòng tịnh tín.
Người lãnh đạo đại chúng,
Trong như mà ngoài sạch,
Che kín sự gian tà
Kỳ thực lòng phóng dăng.
Chớ trông dáng bề ngoài,
Mới thấy đã cung kính,
Hiện giấu điều gian tà,
Mà trong lòng phóng dăng.

Bấy giờ, Châu-na đặt một chỗ ngồi nhỏ, hầu trước Phật. Sau đó đức Phật tuần tự nói pháp, trình bày những điều lợi ích vui mừng. Xong đại chúng đi nhiều quanh và hầu Ngài về được nửa đường. Phật dừng lại dưới một gốc cây, và bảo A-nan :

— Ta đau lưng, Ông hãy xếp đặt chỗ ngồi cho Ta.

A-nan đáp :

— Vâng !

Tức thì ông xếp đặt chỗ Thế Tôn ngồi nghỉ. Khi ấy, A-nan lại soạn một chỗ nhỏ ngồi hầu trước Phật. Phật hỏi A-nan :

— Châu-na có ý gì hối hận không ? Nếu có, thì do đâu sanh ?

A-nan đáp :

— Bạch Thế Tôn, ông Châu-na vừa cúng dường Phật như thế không được phúc lợi gì cả. Tại sao ? Vì sau khi đức Như Lai thọ trai tại nhà ông ta thì Ngài nhập Niết-bàn.

Phật dạy A-nan :

— Chớ nói như vậy, chớ nói như vậy ! Hiện nay Châu-na được lợi lớn, được sống lâu, được sắc

đẹp, được sức khỏe, được tiếng tốt, sống thì được nhiều của báu, thác được sinh cõi trời, cầu chi có nấy. Tại sao vậy ? Vì người cúng dường cho Phật lúc mới thành đạo, cũng như người cúng dường cho Phật lúc nhập Niết-bàn, công đức của hai người ấy không hơn không kém. Vậy Ông hãy đến nói với Châu-na như sau : “Tôi đã tự thân nghe Phật nói, tự thân thọ lời Phật dạy như sau : “Ông Châu-na thiết trai cúng dường Phật mà được lợi lớn, được quả báo lớn””.

Khi ấy, Ngài A-nan vâng lời đến nói với Châu-na như sau :

— Tôi tự thân nghe Phật nói, tự thân thọ lời Phật dạy như sau : “Ông Châu-na thiết trai cúng dường Phật nay được lợi lớn, quả báo lớn ! Vì sao ? Vì người cúng dường Phật khi mới thành đạo và người cúng dường Phật lúc sắp nhập Niết-bàn, cả hai công đức ấy như nhau, không khác”.

Thế rồi ngài đọc bài kệ :

*Thọ trai nhà Châu-na,
Tôi nghe Phật dạy rằng,
Bệnh tình Phật rất nặng,
Mạng sống đã sắp tàn.
Tuy ăn nắm chiêm-dàn,*

*Nhưng bệnh vẫn gia tăng,
Mang bệnh mà lên đường,
Dần đến thành Câu-di.*

Khi ấy đức Phật đứng dậy vừa đi tiếp được một đoạn đường ngắn, thì Ngài dừng lại dưới một gốc cây vào bảo A-nan :

— Ta đau lưng quá, Ông hãy xếp chỗ cho Ta nghỉ.

— Vâng !

A-nan liền sửa chỗ cho đức Như Lai nghỉ. Sau đó A-nan đánh lễ dưới chân Phật, và ngồi xuống một bên.

Bấy giờ có đệ tử của một vị A-la-hán lên là Phúc Quý, từ thành Câu-di-na-kiệt, nhắm đến thành Ba-bà, khi đi được nửa đường bỗng trông thấy Phật ngồi dưới gốc cây, dung mạo đoan chánh, các căn đều tịch tịnh, tâm ý điều nhu, vắng lặng bậc nhất, ví như rừng lớn, cũng như hồ nước trong, không cá bắn; thấy xong, ông liền sanh thiện tâm hoan hỷ bèn đến chỗ Phật ngự, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, và thưa :

— Kính bạch Thế Tôn, người xuất gia thích sự nhàn tịnh, khi ở chỗ thanh vắng, chuyên tu thì

thật kỳ lạ ! dù có đoàn xe năm trăm chiếc chạy qua bên họ, họ vẫn không hay biết, thầy tôi có lần im lặng ngồi dưới một gốc cây bên đường giữa hai thành Câu-di-na-kiệt và Ba-bà, lúc đó có đoàn xe năm trăm chiếc đi quan tiếng xe chạy ầm ầm, ngài vẫn tỉnh thức nhưng mà không nghe. Khi ấy, có một người đến hỏi thầy tôi : “Nãy giờ Ông có thấy đoàn xe chạy ngang qua đây không ?” Đáp : “Không thấy !” Hỏi : “Có nghe không ?” Đáp : “Không nghe !” Hỏi : “Ông ở đây hay ở đâu ?” Đáp : “ Ở đây !” — “Ông thức hay ngủ ?” Đáp : “Thức !” Người ấy im lặng cho là việc hy hữu. Người xuất gia chuyên tu tinh tấn, nhất tâm đến nỗi xe chạy ầm ầm, tỉnh thức nhưng mà không nghe, và nói với thầy tôi : “Vừa rồi có năm trăm cỗ xe chạy qua đường này, tiếng xe chạy chấn động như thế mà cũng không nghe, có đâu lại nghe chuyện khác !” Nói xong người ấy đánh lễ thầy tôi với tâm niệm hoan hỷ và đi ra.

Phật bảo Phúc Quý :

— Nay Ta hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp : Đoàn xe chạy ầm ầm chấn động như thế, tỉnh thức mà không nghe; có tiếng sấm sét vang động cả đất trời, tỉnh thức nhưng mà không nghe, trong hai trường hợp đó cái nào khó hơn ?

Phúc Quý bạch Phật rằng :

— Ngàn vạn cỗ xe sao bằng sấm sét ? Không nghe tiếng xe chưa hẳn là khó, sấm sét vang động trời đất, tỉnh giấc mà không nghe mới là khó.

Phật bảo Phúc Quý :

— Ta có lần ở thảo lư, thuộc thôn A-việt, lúc đó có một vàng mây lạ xuất hiện, tiếp theo là sấm sét vang động, làm chết bốn con bò đực và hai anh em người đi cày, lúc ấy mọi người đều tụ tập lại đông đảo, lúc ấy Ta ra khỏi thảo lư để đi kinh hành một cách thông thả, đồng thời trong đám đông ấy có một người đến chỗ Ta cúi đầu dâng lễ, rồi theo Ta kinh hành; dù biết, nhưng Ta vẫn cố hỏi : “Người ta tụ tập làm gì thế ?” Người ấy hỏi Ta : “Nãy giờ Ông ở đâu ? Thức hay ngủ ?” — Đáp : “Ở đây và không ngủ !” Người kia tán thán cho là việc hy hữu, chưa từng thấy ai được định tĩnh như Phật. Với tiếng sấm sét vang động cả trời đất như thế mà Ngài vẫn định tĩnh, và tỉnh thức mà không nghe.

Thế rồi người kia bạch Phật :

— Hồi nãy, có một vàng mây lạ xuất hiện, tiếp theo là sấm sét vang động cả đất trời, giết

chết bốn con bò đực và hai anh em người đi cày, đó là lý do mà người ta tụ tập đông đảo như vậy.

Lúc đó người kia tâm hồn vui vẻ vì được pháp hỷ, lễ Phật đi ra.

Lúc ấy, Phúc Quý có mang theo hai tấm vải màu vàng, trị giá cả trăm ngàn, từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ gối vòng tay và bạch Phật :

— Nay con xin dâng hai tấm vải quý này lên đức Thế Tôn, cúi xin Ngài xót thương mà nhận lãnh.

Phật bảo Phúc Quý :

— Ông hãy dâng cho Ta một tấm, còn một tấm đem cúng cho A-nan.

Khi ấy Phúc Quý vâng lời Phật, một tấm dâng cho đức Như Lai, một tấm cho A-nan. Đức Phật vì thương xót ông ta mà nhận lãnh. Lúc đó Phúc Quý dâng lễ Phật và ngồi xuống một bên. Bấy giờ Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày sự lợi ích vui mừng về bố thí, trì giới và phước báo sanh thiên, đồng thời chỉ rõ ái dục là tai hại lớn, là nhơ nhớp, lậu hoặc là pháp chương đạo, giải thoát là trên hết. Khi Phật biết tâm ý của Phúc Quý đã vui vẻ, thuần thực, không còn năm ấm cái, dễ bề khai hóa, mới theo thông lệ của chư Phật mà giảng tiếp cho ông

về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Khi đó, Phúc Quý liền phát lòng tin thanh tịnh, cũng như tấm vải trắng sạch, nên rất dễ nhuộm màu, ngay tại chỗ ngồi ông ta xa lìa trần cấu, phát sinh pháp nhãn về các pháp, thấy pháp và chứng pháp, quyết định ở trong chánh đạo, không còn bị sa vào ác đạo, thành tựu pháp vô úy, nên bạch Phật :

— Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, cúi xin đức Như Lai hãy chấp nhận cho con làm kẻ ưu-bà-tắc trong Chánh pháp của Ngài, từ nay trở về sau con trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, cúi mong Thế Tôn cho con làm ưu-bà-tắc trong Chánh pháp

Và ông thưa tiếp :

— Khi nào Phật đến giáo hóa tại thành Ba-bà, xin Ngài quá bước đến xóm nhà nghèo của con. Vì sao ? Vì con muốn đem hết vật sở hữu trong nhà con, như thức ăn, thức uống, giường chõng, y phục, thuốc men để dâng cúng Thế Tôn, một khi đã được Ngài thuận lãnh, thì cả nhà con được an vui.

Phật dạy :

— Ông nói đúng !

Bấy giờ, Phật nói pháp cho Phúc Quý nghe, trình bày những điều lợi ích, vui mừng, khi ông nghe xong, liền đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật một cách vui mừng rồi ra đi.

Khi Phúc Quý ra về chưa bao lâu thì ngài A-nan lại đem tấm vải vàng dâng lên đức Như Lai, lúc đó đức Như Lai vì thương xót A-nan nên nhận lãnh, rồi đắp tấm vải ấy lên mình. Bấy giờ dung mạo của Thế Tôn thì ung dung, uy quang rực rỡ các căn tịch tịnh, nét mặt vui tươi, ngài A-nan trông thấy tự nghĩ : “Ta được hầu gần Phật hai mươi lăm năm nay, chưa bao giờ thấy nét mặt của Phật tươi sáng như hôm nay.” Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, gối hữu chẩm đất, chấp tay bạch Phật :

— Con được hầu Phật hai mươi lăm năm nay, chưa bao giờ thấy ánh sáng của Phật màu sắc khác thường như hôm nay, không biết có lý do gì chăng ? Con muốn biết ý nghĩa đó ?

Phật bảo A-nan :

— Có hai nhân duyên khiến ánh sáng của Như Lai có màu sắc khác hơn lúc bình thường :

1. Khi Phật mới thành đạo vô thượng Chánh Đẳng Giác;
2. Khi Phật xả bỏ tuổi thọ, sắp vào

Niết-bàn. Nay A-nan vì hai lý do đó nên ánh sáng có màu sắc khác thường.

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói bài kệ :

*Y màu vàng sáng đẹp,
Mềm mại thật mới sạch
Phúc quý dâng Thế Tôn,
Như tuyết, hào quang trắng.*

Phật bảo A-nan :

— Ta khát, cần uống nước, Ông hãy đem nước lại cho Ta !

A-nan thưa :

— Vừa rồi có năm trăm cỗ xe đi qua con sông này, làm cho nước đục chưa lắng trong nên chỉ có thể rửa chân chứ không uống được.

Phật bảo A-nan đem nước lại đây, cho đến ba lần như thế. A-nan thưa :

— Nay chỉ có sông Câu-tôn cách đây không xa, nước vừa trong vừa mát có thể uống được, đồng thời có thể tắm gội được.

Khi ấy có vị thần ở núi Tuyết, hết lòng tin đạo của Phật, liền lấy bát đựng đầy nước tám công

đức, dâng lên Thế Tôn, Phật vì thương xót vị thần
ấy mà nhận lãnh và nói bài kệ :

*Phật dùng tám thứ tiếng,
Bảo A-nan lấy nước,
Ta khát, muốn uống nước,
Uống xong, đến Câu-thì.
Giọng hòa nhã, dịu dàng
Lời nói đẹp lòng người,
Hầu hạ hai bên Phật,
Liền bạch đức Thế Tôn :
Có năm trăm cỗ xe,
Đã vượt qua bờ ấy,
Làm nước sông đục ngầu,
Uống e không được khỏe.
Sông Câu-tôn không xa,
Nước mát, rất trong sạch,
Đến đó lấy uống được,
Và có thể tắm gội.
Có vị thần núi Tuyết,
Dâng nước đức Như Lai,
Uống xong thêm khỏe mạnh,
Sư tử bước giữa chúng.
Sông ấy thần long ở,*

*Trong sạch không vẩn đục,
Tôn nhan như núi Tuyết,
Thong thả đến Câu-tôn.*

Bấy giờ đức Thế Tôn đi đến sông Câu-tôn, uống nước, tắm gội xong, Ngài cùng đại chúng đi tiếp được nửa đường thì Phật dừng lại dưới một gốc cây, và bảo Châu-na :

— Ông hãy lấy y tăng-già-lê, xếp thành bốn lớp và trải cho Ta nằm, Ta đau lưng quá nên muốn tạm nghỉ tại đây.

Châu-na vâng lời Phật trải chỗ ngồi xong, Phật bèn ngồi. Châu-na đánh lễ xong cũng ngồi xuống một bên và bạch Phật :

— Tôi muốn nhập Niết-bàn ! Tôi muốn nhập Niết-bàn !

Phật dạy :

— Nếu thấy là hợp thời !

Tức thì Châu-na bèn ở trước Phật liền nhập Niết-bàn, khi đó Phật nói bài kệ :

*Phật đến sông Câu-tôn,
Trong, mát không vẩn đục,
Đức Thế Tôn xuống sông,*

Tắm xong, sang bờ kia.
Thủ lãnh của đại chúng,
Liên bảo ngài Châu-na :
Nay ta thân đau nhức,
Ông mau trái chỗ nằm.
Châu-na vâng lời Phật,
Trái y thành bốn lớp,
Đức Như Lai tạm nghỉ,
Châu-na ở trước Phật,
Liên thưa đức Thế Tôn :
Tôi muốn nhập Niết-bàn,
Nơi không còn thương ghét,
Nay phải đến chỗ ấy,
Biến công đức vô lượng.
Đức tôi thắng bảo rằng :
Việc làm Ông đã xong,
Nên biết là hợp thời.
Thấy Phật đã cho phép,
Châu-na càng tinh tấn,
Liên chấm dứt tuổi thọ,
Như đèn hết lửa tắt.

Bấy giờ ngài A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng :

— Sau khi Phật diệt độ, pháp táng phải như thế nào ?

Phật bảo A-nan :

— Ông hãy yên tâm lo đạo nghiệp, việc ấy có hàng cư sĩ sẵn lòng lo liệu.

Ngài A-nan hỏi đôi ba lần :

— Sau khi Phật diệt độ phép táng phải như thế nào ?

Phật dạy :

— Muốn biết phép táng đức Như Lai như thế nào, thì hãy theo phép táng của Chuyển luân Thánh vương.

Ngài A-nan thưa :

— Phép táng Chuyển luân Thánh vương như thế nào ?

Phật bảo A-nan :

— Phép táng Chuyển luân Thánh vương, trước hết là lấy nước thơm tắm gội thi thể rồi dùng vải bông quấn lại, tiếp theo lấy vải trắng quấn thân thể năm trăm lớp và đặt vào trong kim quan đã tắm đầu, rồi đặt kim quan ấy vào trong một cái

quách lớn bằng sắt, sau hết đặt cái quách sắt này vào trong một cái quách lớn bằng gỗ chiên-dàn khác. Khi xong, chất đầy củi thơm lên trên mà trà tỳ. Trà tỳ xong, thâu nhật xá-lợi, dựng tháp, treo phan, thờ tại ngã tư đường để dân chúng trong nước đi ngang qua trông thấy tháp Chuyển luân vương nhớ lại sự trị vì chân chánh của ngài, hầu được nhiều lợi ích. A-nan ! Ông muốn táng Ta, thì trước hết lấy nước hương tắm gội thi thể, rồi lấy vải bông mới quấn thân lại, sau đó lấy vải trắng quấn năm trăm lớp và đặt thi thể ấy vào trong một kim quan đã được tắm đầu, rồi đặt kim quan này vào trong một cái quách bằng sắt, sau cùng đặt cái quách bằng sắt này vào trong một cái quách bằng gỗ hương chiên đàn. Khi xong chất đầy củi thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong nhật lấy xá-lợi, dựng tháp, treo phan, thờ tại ngã tư đường để những người đi ngang qua trông thấy tháp Phật mà tưởng nhớ đức Như Lai đã dùng Chánh pháp giáo hóa chúng sanh, ngộ hầu sống được phước lợi, thác được sinh Thiên. Khi ấy đức Thế Tôn lại nhân ý nghĩa này mà nói bài kệ :

*A-nan liền đứng dậy,
Quy dài bạch Thế Tôn,
Khi Như Lai diệt độ,*

Phải tẩm táng thế nào ?
 A-nan ! Hãy yên tâm,
 Tư duy về đạo hạnh.
 Hàng cư sĩ trong nước,
 Sẽ sẵn sàng lo liệu.
 A-nan thỉnh ba lần,
 Phật dạy táng Chuyển luân.
 Muốn tẩm táng Như Lai,
 Vải trong, quan quách ngoài,
 Dựng tháp tại ngã tư,
 Để lợi ích chúng sanh.
 Những ai đã kính lễ,
 Đều được phước vô lượng.

Phật bảo A-nan : Trong thiên hạ có bốn hạng người đáng được dựng tháp, đốt hương rải hoa, treo phan, kết tụ, trỗi nhạc cúng dường. Bốn hạng ấy là ai ? 1. Như Lai, 2. Bích-chi Phật, 3. Thanh Văn, 4. Chuyển luân vương. Bốn hạng trên đây đáng được dựng tháp, đốt hương, rải hoa, treo phan, trỗi nhạc cúng dường. Bấy giờ đức Thế Tôn đọc bài kệ :

Tháp thứ nhất là Phật,
 Bích-chi Phật, Thanh văn,
 Và Chuyển luân Thánh vương,

*Thống lãnh bốn thiên hạ,
Bốn hạng được cúng dường,
Đức Như Lai trình bày,
Phật, Bích-chi, Thanh văn,
Và tháp Chuyển luân vương.*

Bấy giờ Phật bảo A-nan cùng đi đến thành Câu-thi giữa cây song thọ, thuộc bộ tộc Mạt-la, A-nan đáp : “Vâng !” Tức thì đức Thế Tôn cùng đại chúng theo hầu khởi sự cuộc hành trình. Trên đường đi, có một Phạm chí từ thành Câu-thi-na đến thành Ba-bà, từ xa trông thấy đức Thế Tôn dung mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, thấy xong ông rất hoan hỷ, liền phát thiện tâm, đến trước chỗ Phật, sau khi hỏi xong ngồi xuống một bên, và thưa :

— Thôn tôi cách đây không xa, kính mong Cù-dàm hãy đến đó nghỉ đêm, sáng mai thọ trai xong rồi hãy đến thành Câu-thi.

Phật bảo Phạm chí :

— Thôi, thôi, Người đã cúng dường Ta rồi đấy.

Khi ấy ông Phạm chí ân cần thưa thỉnh ba lần mà đức Phật vẫn từ chối, và bảo Phạm Chí :

— Ông A-nan ở đằng sau kia, Người hãy đến đó trình bày ý nguyện của mình đi !

Tức thì Phạm chí vâng lời Phật đến chỗ A-nan, sau khi hỏi han xong, đứng qua một bên, và thưa :

— Thôn tôi ở cách đây không xa, tôi muốn đức Cù-dàm hãy đến đó nghỉ đêm, sáng mai thọ trai xong rồi sẽ đến thành Câu-thi.

A-nan đáp :

— Thôi, thôi, Phạm chí ! Người đã cúng dường rồi đó.

Phạm chí khi ấy hết lòng thưa thỉnh ba lần như thế, nhưng ngài A-nan đều đáp : “Trời quá nóng bức, mà thôn kia lại xa, hơn nữa đức Như Lai quá mệt, không đủ sức để đi đến đó.”

Bấy giờ đức Thế Tôn nhận thấy ý nghĩa này mà nói bài kệ :

*Tịnh nhân trên đường đi,
Mỗi một về song thọ,
Phạm chí xa thấy Phật,
Mau đến để cúi đầu.
Thôn tôi ở gần đây,
Xin tạm nghỉ một đêm;*

Sáng mai xin cúng dường,
Sau đó đến Câu-thì.
Phạm chí ! Ta mỗi một,
Đường xa không thể đi,
A-nan ở đằng sau,
Hãy đến đó để thưa.
Phạm chí vâng lời Phật,
Liền đến chỗ A-nan :
Xin hãy đến thôn tôi,
Sáng, thọ trai rồi đi.
A-nan đáp : Thôi, thôi,
Trời nóng không đến được.
Ba lần thỉnh không được,
Buồn bã tâm chẳng vui.
Lạ thay pháp hữu vi,
Biến đổi không ổn định
Nay giữa cây song thọ,
Diệt ngã, thân vô lậu.
Phật, Bích-chi, Thanh văn,
Tất cả đều hoại diệt,
Vô thường không lựa chọn,
Như lửa đốt núi rừng.

Lúc bấy giờ Phật vào thành Câu-thi, Ngài đến nơi sinh quán đời trước, giữa cây song thọ, thuộc bộ tộc Mạt-la, và bảo A-nan :

— Ông hãy sửa chỗ cho Ta nằm, giữa cây Song thọ, đầu quay về hướng Bắc, mặt quay về hướng Nam. Tại sao thế ? Vì giáo pháp Ta sẽ được truyền bá và tồn tại lâu dài ở phương Bắc.

A-nan đáp :

— Vâng !

Tức thì A-nan lo sửa soạn chỗ nằm, đầu quay về hướng Bắc. Sau khi sửa soạn xong, đức Thế Tôn nằm nghỉ và tự ý lấy y tăng-già-lê xếp thành bốn lớp đắp lên mình, Ngài nằm nghiêng về bên phải, như sư tử chúa, hai chân chồng lên nhau. Lúc đó giữa đám cây song thọ, có các quý thần, hết lòng tin Phật, lấy các thứ hoa trái mùa rải khắp mặt đất, khi ấy Phật bảo A-nan :

— Các thần song thọ này dùng hoa trái mùa dâng cúng cho Ta như thế chẳng phải là cúng dường Như Lai.

Ngài A-nan thưa :

— Thế nào mới gọi là cúng dường đức Như Lai ?

Phật bảo A-nan :

— Người nào biết lãnh thọ và thực hành Chánh pháp, thì mới gọi là cúng dường Như Lai.

Khi ấy, Phật nhận thấy ý nghĩa đó mà nói bài kệ :

*Phật giữa cây song thọ,
Nằm yên, tâm chẳng động.
Thọ thần tâm thanh tịnh,
Lấy hoa rải trên Phật.
A-nan bạch Phật rằng :
Sao mới gọi cúng dường ?
Biết lãnh thọ, thực hành,
Hoa giải thoát cúng dường,
Hoa vàng như bánh xe,
Rải Phật chưa phải cúng,
Ấm, giới, nhập, vô ngã,
Là cúng dường bậc nhất.*

Lúc ấy, Phạm-ma-na ở trước Phật đang cầm quạt hầu Phật, Phật bảo Phạm-ma-na :

— Ông chớ đứng trước ta.

Ngài A-nan nghe như thế liền nghĩ thầm :
“Ông Phạm-ma-na này thường hầu hạ hai bên Phật,

cung cấp điều cần thiết, cung kính đức Như Lai không bao giờ chán nản, hôm nay là ngày cuối cùng, phải để cho ông ta sẵn sàng, sao lại đuổi đi, là ý gì ?” Ngay lúc đó, ngài A-nan y phục chỉnh tề, đến trước Phật thưa :

— Ông Phạm-ma-na này thường hầu hạ hai bên Phật, cung cấp điều cần thiết, cung kính đức Như Lai không bao giờ chán nản, và luôn luôn thỏa mãn, hôm nay là ngày cuối cùng phải để cho ông ta hầu hạ, sao Như Lai lại đuổi đi là vì lý do gì ?

Phật bảo A-nan :

— Chung quanh thành Câu-thi này, cách xa mười hai do tuần là các vị Thiên thần ở, chận ních nhà cửa, các vị đại Thiên thần ấy đều trách vị Tỳ-kheo này rằng : “Sao lại đứng trước Phật, trong giờ phút cuối cùng này. Phật sắp vào Niết-bàn, chúng ta muốn đến chiêm bái một lần, nhưng vì vị Tỳ-kheo ấy với oai đức lớn lao, ánh sáng chói rực che lấp tất cả, khiến cho chúng ta không thể đến gần Phật để lễ bái cúng dường”. Nay A-nan, vì thế mà Ta bảo ông ấy đi.

A-nan bạch Phật :

— Chẳng hay vị Tỳ-kheo đó xưa kia tích lũy công đức gì, tu hạnh nghiệp gì mà nay có uy đức như thế ?

Phật bảo A-nan :

— Về lâu xa trong quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp, lúc đó có đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi, vị Tỳ-kheo ấy đem tâm hoan hỷ, cầm cây đuốc cô soi sáng tháp Phật, nhờ đó mà ông ta được ánh sáng uy linh, chiếu sáng cả hai mươi tám tầng trời, ánh sáng của chư Thiên không thể sánh kịp.

Bấy giờ A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải quỳ xuống chấp tay bạch Phật :

— Xin Phật chớ diệt độ tại vùng đất hoang vu, chật hẹp này. Vì sao ? Vì hiện nay có các nước lớn như Chiêm-bà, Tỳ-xá-ly, thành Vương Xá, nước Bạt-kỳ, nước Xá-vệ, nước Ca-duy-la-vệ, thành Ba-la-nại, ở đó dân cư đông đúc, nhiều người hâm mộ Phật pháp, nếu Phật diệt độ tại các địa phương trên, thì chắc chắn được nhiều người cung kính cúng dường xá-lợi.

Phật dạy :

— Thôi, thôi, A-nan chớ nghĩ thế, chớ cho đây là vùng hẻo lánh chật hẹp. Tại sao ? Vì khi

xưa, tại quốc độ này có một vị vua tên là Đại Thiện Kiến, thành này lúc đó tên là Câu-xá-bà-đề, đồ thành của Đại vương dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm. Bấy giờ lúa gạo phì nhiêu, dư giả, dân cư đông đúc, thành của nhà vua có bảy lớp với bảy lớp lan can bao quanh, chạm trổ đẹp đẽ, linh báu treo xen kẽ nhau, móng thành sâu ba nhấc, bề cao mười hai nhấc, lâu đài trên thành cao mười hai nhấc, mỗi cây cột to ba nhấc.

Nếu thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, quanh thành được trang trí bằng bốn thứ báu, với lan can xen kẽ cũng bằng bốn thứ báu.

Với lâu bằng vàng thì treo linh bằng bạc, với lâu bằng bạc thì treo linh bằng vàng. Có bảy lớp hào báu, trong hào mọc đầy hoa sen, hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi, đáy ao trải toàn là cát vàng, hai bên bờ ao có cây đa-lân, hễ cây bằng vàng thì lá hoa và trái bằng bạc, cây bằng bạc thì lá hoa và trái bằng vàng, cây bằng thủy tinh thì lá hoa và trái bằng lưu ly. Lại nữa, giữa những cây có những ao tắm, nước ao trong trong, vừa ngọt vừa lạt, trong sạch không cấu bẩn

dùng gạch bằng bốn thứ báu xây chung quanh mé ao.

Với cây thang bằng vàng thì tam cấp bằng bạc, với cây thang bằng bạc thì tam cấp bằng vàng, với cây thang bằng lưu ly thì tam cấp bằng thủy tinh, với cây thang bằng thủy tinh thì tam cấp bằng lưu ly; lại có lan can bao bọc chung quanh với khoảng cách bằng nhau và liên kết với nhau, bất cứ chỗ nào trong thành ấy đều có cây đa-lân. Với cây bằng vàng thì lá hoa và trái bằng bạc, với cây bằng bạc thì hoa và trái bằng vàng, cây bằng thủy tinh thì lá hoa và trái bằng lưu ly, cây bằng lưu ly thì lá hoa và trái bằng thủy tinh. Giữa những cây này có bốn ao báu, gồm có bốn thứ hoa; đường sá bằng phẳng kang trang ngay hàng thẳng lối, gió thổi các thứ hoa rơi lả tả hai bên đường, từ bốn phương gió hiu hiu thổi đến làm dao động các cây báu phát ra âm thanh dịu dàng, giống như nhạc trời. Nhân dân nước ấy trẻ già trai gái đều đùa giỡn dưới cây đa-lân để giải trí. Hơn nữa nước ấy có mười loại tiếng, là tiếng tù và, tiếng trống, tiếng vũ, tiếng ca, tiếng thổi, tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng ăn uống, tiếng cười giỡn.

Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ bảy thứ báu và bốn đức, cai trị bốn châu thiên hạ. Bảy thứ báu là gì ? 1. Xe vàng báu 2. Voi trắng báu 3. Ngựa xanh báu 4. Thần châu báu 5. Ngọc nữ báu 6. Cư sĩ báu 7. Chủ binh báu.

Thế nào là vua Đại Thiện Kiến thành tựu về xe vàng báu ? Vào ngày rằm trăng tròn, nhà vua tắm gội nước hương, lên ngôi trên bảo điện, có thể nữ bao quanh, tự nhiên có xe báu xuất hiện trước mặt, vành xe có ngàn cãm đây đủ ánh sáng, màu sắc do thọ trời làm, không phải thế gian có. Xe toàn bằng vàng ròng, đường kính bánh xe bằng một trượng tư, khi ấy vua Đại Thiện Kiến tự nghĩ : Ta từng nghe các bậc tôn túc kỳ cựu nói : “Có vị vua thuộc dòng Sát-đế-ly, có nước rười đầu, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước thơm xong, lên ngôi trên bảo điện, có thể nữ bao quanh, thì bỗng có xe vàng xuất hiện trước mặt, xe có ngàn cãm, ánh sáng, màu sắc đây đủ, do thọ trời làm, không phải thế gian có. Xe toàn bằng vàng ròng, đường kính xe bằng một trượng tư, do đó gọi là Chuyển luân Thánh vương”. Nay ta đã có xe báu hiện đến, há không phải là đây chăng ? Vậy ta hãy thử xem xe báu đó như thế nào ?

Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến liền triệu tập bốn binh chủng, đến trước xe vàng, vén áo vai hữu, gối hữu chấm đất, dùng tay mặt vỗ lên xe, và nói : “Người hãy theo đúng pháp mà chạy về hướng Đông, không nên trái với thông lệ”. Túc thì xe chạy về hướng Đông. Vua lúc đó đi theo luân bảo, đồng thời có bốn binh chủng theo hộ giá. Hơn nữa, trước mặt xe báu có bốn vị thần dẫn đường, hễ đến chỗ nào xe báu ngừng thì nhà vua cũng dừng xe lại.

Khi ấy các tiểu quốc vương ở phương Đông thấy nhà vua ngự giá đến, thì họ bèn đem bát vàng đựng lúa bạc, đem bát bạc đựng lúa vàng đi đến trước nhà vua, cúi đầu tâu :

— Quý hóa thay ! Đại vương đã ngự giá đến đây, phương Đông này đất rộng phì nhiêu, dân cư đông đúc và nhiều của báu. Hơn nữa, dân chúng tính tình nhân hậu, hòa nhã, hiếu thuận và trung trực. Vậy xin Đại vương hãy cai trị xứ này, các hạ thần sẽ hầu hạ và cung cấp những điều cần thiết.

Lúc đó Đại Thiện Kiến nói :

— Nay các khanh, thôi thôi, như thế là các khanh đã cúng dường ta rồi đó. Vậy các khanh hãy lấy Chánh pháp mà trị dân, nhất là không nên

thiên lệch, đồng thời hãy làm thế nào cho những điều phi pháp không xảy ra trong nước. Đây gọi là chính sách cai trị của ta.

Bấy giờ các tiểu vương bèn phụng mạng và theo hộ giá nhà vua đi kinh lý khắp các tiểu quốc, đến tận bờ biển phương Đông, rồi lần lượt đi về tận phương Nam, phương Tây và phương Bắc. Hễ xe báu của nhà vua đi đến đâu, thì các vị tiểu quốc vương ở đấy đều hiến dâng lãnh thổ của mình như tiểu vương ở phương Đông đã làm.

Lúc đó, vua Thiện Kiến theo xe vàng báu đi kinh lý khắp bốn biển, dùng Chánh đạo để giáo hóa và an ủi dân chúng. Sau khi xong, trở về nước và ngự giá tại thành Câu-xá-bà. Khi ấy bảo luân ở giữa hư không, phía trên cửa cung điện. Bấy giờ Đại Thiện Kiến trong lòng hớn hỡ và nói : “Xe báu này thật là diễm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển luân Thánh vương”. Đó là sự thành tựu về xe báu.

Thế nào là sự thành tựu về voi báu ? Vào sáng sớm, Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện thì bỗng nhiên có voi báu xuất hiện trước mặt, lông toàn màu trắng, bảy chỗ đều bằng phẳng, với sức mạnh có thể bay đi trên đầu, có màu hỗn hợp,

có sáu ngàn nhon hoắt, các kẻ rằng được trăm kín bằng vàng ròng, khi nhà Vua trông thấy ngài tự nghĩ : “Con voi này rất hiền lương, nếu có người khéo huấn luyện nó thì có thể cưỡi được.” Tức thời nhà vua ra lệnh tập thử, cuối cùng mọi việc đều hoàn hảo.

Bấy giờ Đại Thiện Kiến muốn đích thân mình thí nghiệm, lập tức ngài leo lên lưng voi, vào sáng sớm cưỡi voi ra khỏi thành đi khắp cả bốn biển rồi trở về kinh đô mà vẫn kịp giờ ăn sáng. Lúc đó Đại Thiện Kiến trong lòng hớn hỡ và nói : “Voi báu trắng này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển luân Thánh vương”. Đó là sự thành tựu về voi báu.

Thế nào là sự thành tựu về ngựa xanh báu ? Vào sáng sớm vua Đại Thiện Kiến, lên ngồi trên chánh điện thì bỗng nhiên ngựa xanh báu xuất hiện, ngựa màu xanh cam, lông và đuôi màu châu ngọc, đầu và cổ giống như voi, với sức mạnh có thể bay trong hư không, khi nhà vua trông thấy, ngài tự nghĩ : “Con ngựa xanh này rất hiền lương, nếu có người khéo huấn luyện thì có thể cưỡi được”. Lập tức vua ra lệnh tập thử, và cuối cùng mọi việc đều hoàn hảo. Bấy giờ như vua muốn đích thân

mình cỡi thử, ngài liền leo lên lưng ngựa, vào sáng sớm, cỡi ngựa ra khỏi thành, đi khắp cả bốn biển rồi trở lại kinh đô mà vẫn kịp giờ ăn sáng. Khi ấy, Đại Thiện Kiến trong lòng hớn hờ và nói : “Ngựa báu xanh này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển luân Thánh vương”. Đó là sự thành tựu về ngựa báu.

Thế nào là sự thành tựu về thần châu báu ? Vào sáng sớm vua Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện, thời thần châu báu bỗng nhiên xuất hiện trước mặt, màu sắc trong suốt, không có tỳ vết. Khi trông thấy thần châu báu, nhà vua tự nghĩ : “Hạt châu này rất là đẹp, nếu có ánh sáng thì có thể chiếu sáng được trong cung điện”. Lúc đó nhà vua muốn thí nghiệm hạt châu này, ngài liền triệu tập bốn binh chủng, lấy hạt châu này đặt trên một tràng cao, vào giữa đêm tối, đem cái tràng này ra khỏi thành, ánh sáng của hạt châu chiếu sáng khắp cả quần chúng, giống như ánh sáng mặt trời rọi khắp tất cả dân chúng, ánh sáng xuất hiện ở trong thành mọi người đều thức dậy làm việc, vì họ tưởng là ban ngày. Bấy giờ, Đại Thiện Kiến trong lòng hớn hờ và nói : “Thần châu báu này thật là điềm lành cho ta, ta nay chính là

Chuyển luân Thánh vương”. Đó là sự thành tựu về thần châu báu.

Thế nào là sự thành tựu về ngọc nữ báu ? Vào sáng sớm vua Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện thì ngọc nữ bỗng nhiên xuất hiện trước mặt, nhan sắc đẹp đẽ, dung mạo đoan trang, không cao, không thấp, không lớn, không nhỏ, không trắng, không đen, không cứng, không mềm, về mùa đông thân ấm áp, về mùa hạ thân mát mẻ, toàn thể các lỗ chân lông đều tỏa ra mùi thơm chiên-đàn, miệng thường phát ra mùi thơm sen xanh, nói năng tao nhã, cử chỉ dịu dàng, đi đứng nằm ngồi đều phù hợp tế hạnh. Khi đó, Chuyển luân Thánh vương đã trông thấy ngọc nữ, nhưng không có tâm niệm đam mê hướng hồ có ý niệm muốn gần gũi. Khi nhà vua trông thấy ngọc nữ, trong lòng ngài hớn hở và nói : “Ngọc nữ báu này thật là diễm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển luân Thánh vương”. Đó là sự thành tựu về ngọc nữ báu.

Thế nào là sự thành tựu về cư sĩ báu ? Vào sáng sớm vua Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện thì bỗng nhiên cư sĩ báu xuất hiện trước mặt, kho tàng của báu tự nhiên đầy đủ, giàu sang vô lượng, vị cư sĩ này nhờ phúc đức gieo trồng đời

trước nên đôi mắt có thể trông thấy suốt những khoáng sản, bảo vật còn tiềm tàng trong lòng đất, hoặc có chủ, hoặc không chủ, tất cả đều thấy biết. Nếu là vật có chủ thì ủng hộ, nếu là vật vô chủ thì lấy về dâng cho nhà vua sử dụng. Khi ấy, vị cư sĩ này đến thưa với nhà vua :

— Tâu Đại vương, Đại vương chớ có bận tâm, tôi sẽ cung ứng thích nghi những điều cần thiết cho Đại vương. Giờ đây Đại vương muốn thử cư sĩ báu này, liền ra lệnh chuẩn bị thuyền bè để dạo chơi trên mặt nước.

Nhà vua nói :

— Nay cư sĩ, ta nay cần vàng bạc, vậy người hãy mau cấp cho ta đi.

Cư sĩ đáp :

— Đại vương hãy chờ một chút.

Khi thuyền đến gần bờ, thì nhà vua liền hỏi thúc :

— Nay ta cần vàng, ước gì mà được ngay bây giờ.

Lúc đó cư sĩ báu bị nhà vua hỏi thúc quá, liền quỳ trên thuyền thò hai tay xuống nước thì báu

dính theo tay lên, ví như sâu bọ bò theo thân cây. Cũng thế, cư sĩ này khi thò đôi tay xuống nước thì của báu theo tay lên, chỉ trong chốc lát đã đầy cả một thuyền. Cư sĩ thưa :

— Tâu Đại vương, Ngài cần dùng bao nhiêu của báu ? Như vậy đã đủ chưa ?

Vua Thiện Kiến nói :

— Thôi đi, như vậy e đủ rồi, ta không cần nữa đâu. Nay giờ ta thử ngươi đấy. Thế là ngươi đã cúng dường ta rồi.

Lúc ấy cư sĩ nghe vua nói, liền ném bảo vật trở lại trong nước. Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến trong lòng hớn hờ và nói : “Vị cư sĩ này thật là điều lành cho ta, ta nay chính là Chuyển luân Thánh vương”. Đó là sự thành tựu về cư sĩ báu.

Thế nào là sự thành tựu về chủ binh báu ? Vào sáng sớm, vua Đại Thiện Kiến lên ngự trên chánh điện, chủ binh báu bỗng nhiên xuất hiện, mưu trí đầy đủ, thao lược toàn tài, anh dũng hiên ngang, liền đến chỗ vua ngự nói : “Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, hạ thần đủ khả năng dẹp loạn”. Lúc đó Chuyển luân Thánh vương muốn thử chủ binh này, liền triệu tập bốn binh chủng và

bảo : “Người hãy sử dụng binh chủng đi ! Hãy ra lệnh cho người nào chưa tập hợp thì tập hợp, nếu đã tập hợp thì hãy nghỉ, nếu chưa nghiêm thì nghiêm, nếu đã nghiêm thì giải tán, nếu chưa đi thì hãy đi, đã đi rồi thì đứng lại”. Khi chủ binh nghe vua bảo xong liền ra lệnh cho bốn binh chủng : “Những người nào chưa tập hợp thì tập hợp, tập hợp rồi thì nghỉ, nếu chưa nghiêm thì hãy nghiêm, nếu đã nghiêm thì giải tán, nếu chưa đi thì hãy đi, đã đi rồi thì đứng lại”. Khi Đại thiện Kiến trông thấy chủ binh thì trong lòng hớn hờ và nói : “Chủ binh bấu này thật là diêm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển luân Thánh vương.” Đó là vị Chuyển luân Thánh vương thành tựu về bảy báu.

Bốn thần tức là gì ? 1. Trường thọ không chết yếu, không ai có thể sánh kịp; 2. Thân thể khỏe mạnh, không bệnh hoạn; 3. Nhan sắc đẹp đẽ, dung mạo đoan chánh, không ai có thể sánh kịp; 4. Đầy đầy kho tàng của báu, không ai có thể sánh kịp. Đó là vị Chuyển luân Thánh vương thành tựu về bảy báu công đức.

Này A-nan ! Khi Đại Thiện Kiến lên ngôi được một thời gian khá lâu thì nhà vua vào ngự uyển ở phía sau cung điện để du ngoạn. Vua liền bảo : “Này

người đánh xe, Người hãy đánh xe đi chậm chậm, tại sao vậy ? Vì ta muốn quan sát tường tận cái cảnh thanh bình an lạc của quốc độ và nhân dân”.

Khi đó những người đứng xem hai bên lề đường trông thấy nhà vua, thì họ nói với người hầu : “Này, Ông hãy đi từ từ để cho chúng tôi chiêm ngưỡng kỹ tôn nhan uy đức của Thánh vương !”

Này A-nan ! Bấy giờ Đại thiện Kiến vương yêu thương tất cả mọi người cũng như cha mẹ thương con, ngược lại dân chúng ngưỡng mộ nhà vua cũng như con kính mến cha. Do đó dân chúng có bao nhiêu của báu đều đem hiến dâng cho nhà vua, và nói :

— Cúi xin Đại vương hãy nhận lãnh các vật cống hiến này để Ngài tùy ý sử dụng.

Nhà vua đáp :

— Thôi đi các người, ta đã có các của báu rồi, các người hãy tùy nghi sử dụng.

Có một thời gian khác, vua Thiện Kiến tự nghĩ : “Ta nay muốn lập cung điện”, thì liền có dân chúng xin đến làm thay. Nhà vua bảo : “Ta cho như vậy là đã được, các người đã cúng dường ta rồi. Hơn nữa, nay ta sẵn có của báu, đủ để lo

liệu". Dân chúng lúc đó lại van xin một lần nữa để kiến tạo cung điện. Nhà vua bảo : "Tùy ý các người muốn". Bấy giờ quốc dân được lệnh, liền đem tám vạn bốn ngàn chiếc xe chở lầy vàng bạc đến thành Câu-xá-bà, để tạo lập pháp điện.

Lúc đó thiên tử Diệu Tượng, thuộc cõi trời Đao-lợi thứ hai tự nghĩ thầm : "Chỉ có Ta mới có thể tạo lập pháp điện cho Đại Thiện Kiến".

Này A-nan, khi ấy Thiên tử Diệu Tượng bèn tạo lập pháp điện dài sáu mươi dặm, rộng ba mươi dặm được trang trí bằng bốn thứ báu, nền móng cung điện bằng phẳng, tường xây bằng bảy lớp gạch báu, pháp điện có tám vạn bốn ngàn cây cột. Với cột bằng vàng thì cái đầu kê cột bằng bạc, cây cột bằng bạc thì cái đầu kê cột bằng vàng, cây cột bằng lưu ly thì cái đầu kê cột bằng thủy tinh... Chạy vòng quanh pháp điện có bốn lớp lan can đều do bốn thứ báu tạo thành, đồng thời có bốn con đường tam cấp đều là bốn thứ báu tạo nên. Trên pháp điện có tám vạn bốn ngàn lầu báu, với lầu báu bằng vàng thì các cửa bằng bạc, với lầu bằng bạc thì các cửa bằng vàng, lầu bằng thủy tinh thì các cửa bằng bạc, cửa bằng bạc thì giường bằng vàng, mền chiếu mềm mại, được dệt bằng vàng,

những thứ này trải khắp trên tòa, cũng vậy lầu giường cũng bằng thủy tinh, pha lê, ánh sáng cung điện chói lòa mắt người, cũng như ánh sáng gay gắt của của mặt trời, không thể nhìn được.

Khi ấy Đại Thiện Kiến tự nghĩ : “Ta nay có thể tạo lập vườn, ao Đa-lân ở hai bên cung điện này.” Ngài liền kiến lập vườn ao, ngang dọc một do tuần , lại nghĩ : “Trước pháp điện, ta hãy lập một ao pháp”. Ngài liền lập một ao pháp, ngang dọc một do tuần. Nước trong ao lắng trong sạch sẽ không cẩu bẩn, dùng gạch bằng bốn thứ báu để xây chung quanh, bốn mé ao đều có lan can chạy vòng quanh, đều do bốn thứ báu như vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly hỗn hợp tạo thành, nước trong ao đồng thời, sanh các thứ hoa như hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đa-lợi phát ra mùi hương vị diệu, phường phát khắp bốn phương, trên bờ bốn mé ao đều có hoa a-hê-vật-da, chiêm-bạc, ba-la-la, tu-mạn-đa, bà-sư-ca, đàn-câu-ma-lê, khiến cho người qua đường và người giữa ao khi vào tắm gội, vui chơi mát mẻ, tùy theo ý muốn, như cần nước uống thì cho nước uống, cần thức ăn thì cho thức ăn, cần y phục thì cho y phục, cần xe ngựa, cho xe ngựa, cần hoa hương của báu

thì cho hoa hương của báu, không trái với ý muốn của họ.

Này A-nan, bấy giờ vua Đại Thiện Kiến có tám vạn bốn ngàn con voi, dùng vàng bạc để trang sức, và dùng châu báu làm dây dầm, thì con tư tượng vương là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức bằng vàng bạc, dùng châu báu làm dây dầm, thì lục mã vương là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn chiếc xe được trang sức bằng bốn thứ báu, và da sư tử làm dây kéo, thì xe báu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn hạt châu, thì thần châu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, thì ngọc nữ báu là bậc nhất, trong số tám vạn bốn ngàn cư sĩ, thì cư sĩ báu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn Sát ly, thì chủ binh báu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn thành trì, thì thành trì Câu-thi-bà-đê là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn cung điện, thì Chánh pháp điện là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn ngôi lầu, thì Đại chính lầu là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn chiếc giường, tất cả đều do vàng bạc và các thứ báu tạo thành, đồng thời có mền, chiếu, nệm mềm mại để trải trên đó là bậc nhất. Trong số tám vạn bốn ngàn ức y phục, thì y phục sơ-ma, câu-thi, kiếp-ba là bậc nhất. Hơn

nữa, lại có tám vạn bốn ngàn thức ăn cung cấp mỗi ngày, mùi vị khác nhau.

Này A-nan, khi vua Đại Thiện Kiến cưới con tượng vương, trong số tám vạn bốn ngàn con, vào sáng sớm đi ra khỏi thành Câu-thi, kinh lý khắp thiên hạ và bốn biển, chỉ trong khoảng khắc rồi trở lại kinh đô mà vẫn kịp giờ ăn sáng. Trong tám vạn bốn ngàn con ngựa, mà ngồi trên lưng má báu, vào sáng sớm ra khỏi thành đi kinh lý khắp thiên hạ và bốn biển, chỉ trong khoảnh khắc, rồi lại trở về kinh thành mà vẫn kịp giờ ăn sáng. Có tám vạn bốn ngàn xe mà cưỡi xe vàng được ngựa báu kéo vào sáng sớm ra khỏi thành đi kinh lý khắp thiên hạ và bốn biển chỉ trong khoảnh khắc rồi lại trở về thành kịp bữa ăn sáng. Hoặc lúc lấy châu báu trong số tám vạn bốn ngàn hạt châu chiếu sáng trong cung, cả ngày lẫn đêm đều sáng. Trong số tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, thì có ngọc nữ báu thiện hiền theo hầu hai bên. Trong số tám vạn bốn ngàn cư sĩ, thì đều giao cho cư sĩ báu lo liệu mọi điều cần thiết. Với tám vạn bốn ngàn Sát-đế-ly thì mọi việc dẹp loạn đều giao cho chủ binh báu. Với tám vạn bốn ngàn thành trì, thì nhà vua thường đóng đô ở Câu-thi. Với tám vạn bốn ngàn cung điện, thì thường ngụ ở Chánh pháp điện. Với tám

vạn bốn ngàn ngôi lầu, thì nhà vua thường ở lầu Đại chánh. Với tám vạn bốn ngàn bảo tòa, thì nhà vua thường ngồi trên bảo tòa bằng pha lê để tham thiền. Với tám vạn bốn ngàn ức y phục, thì dùng loại y phục thượng hạng để trang sức và tùy ý mà mặc, đồng thời vì để biết hổ thẹn. Với tám vạn bốn ngàn thức ăn, thì nhà vua thường dùng thức ăn là cơm tự nhiên, vì để biết đủ.

Khi tám vạn bốn ngàn con voi hiện đến trước nhà vua, thì chúng dẫm đạp xung đột làm cho chúng sanh bị tổn thương không thể kể hết. Khi ấy nhà vua tự nghĩ : “Nếu những con voi này thường xuyên đến đây thì sẽ gây nhiều sự tổn thương vậy từ nay về sau, cứ một trăm năm sẽ đến một con. Như thế cứ xoay vần tuần tự, hễ đúng một trăm năm thì hiện đến một con, và cứ như vậy mà tiếp diễn.

III

Bấy giờ đức Phật bảo A-nan :

— Vua Đại Thiện Kiến lúc đó tự nghĩ thầm :
“Ta đã chứa công đức gì, Tu hành điều lành gì mà nay được quả báo tốt đẹp, cao cả như thế này ?”
Nhà vua lại nhớ : Nhờ ba nhân duyên mà được phúc báo ấy. Ba nhân duyên gì ? 1. Bố thí; 2. Trì giới; 3. Thiền tư. Do ba nhân duyên này mà nay được phúc báo như trên. Nhà vua lại suy nghĩ :
“Nay ta đã hưởng phúc báo nhân gian, vậy Ta hãy

tu về phúc báo cõi Trời, hãy tự hạn chế, tránh chỗ ồn ào, đồng thời ở những nơi yên tĩnh để tu luyện.”

Khi ấy, vua liền bảo cho ngọc nữ biết :

— Ta nay đã hưởng phúc báo nhân gian, vậy ta cần phải tu thêm về phúc báo cõi Trời, phải tự hạn chế tránh chỗ ồn ào, đồng thời ở những nơi thanh vắng để tu luyện.

Ngọc nữ đáp :

— Vâng !

Lúc đó ngọc nữ vâng lệnh, liền ra lệnh cho những người trong ngoài, từ nay về sau miễn sự châu chực. Khi ấy vua lên pháp điện vào lầu vàng mà quán, ngồi trên long sàng bằng bạc tư duy về những ác, bất thiện pháp, tham lam và dâm dục. Có giác có quán, vị ấy ly sanh hỷ lạc chứng được thiên thứ nhất. Từ bỏ giác quán, trong lòng tin tưởng, vui vẻ, giữ tâm chuyên nhất, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng được thiên thứ hai. Xả hỷ nắm giữ sự chuyên tâm bất loạn, tự biết cái lạc của thân, chỗ cầu của bậc Hiền Thánh, giữ niệm lạc hạnh, chứng được thiên thứ ba. Xả bỏ khổ vui, trước tiên từ bỏ ưu hỷ, không

khổ không vui, giữ niệm thanh tịnh, chúng được thiền thứ tư.

Lúc đó, vua Thiện Kiến từ long sàng bằng bạc, đứng dậy, ra khỏi sự quán niệm ở lầu bằng vàng để đến lại lầu Đại chánh và ngồi trên giường lưu ly mà tu tập về từ tâm. Đây khắp một phương và các phương khác cũng vậy, mở rộng khắp nơi vô lượng, không hại, trừ các sân hận, tâm không ganh ghét, không ác cảm, điềm tĩnh, từ ái, nhu hòa để tự vui; sự xả tâm buồn vui cũng lại như thế.

Bấy giờ, ngọc nữ báu thăm nghĩ : “Đã lâu ta không diện kiến đức vua, vậy nay ta hãy ra mắt ngài một lần. Ngọc nữ Thiện Hiền ra lệnh cho tám vạn bốn ngàn thế nữ : “Các người hãy tắm gội sạch sẽ, xoa dầu thơm, trang sức y phục. Vì sao ? Vì đã lâu ta không diện kiến đức vua, vậy chúng ta nay phải ra mắt ngài một lần.” Cung nữ nghe xong, tất cả đều trang sức y phục, tắm gội sạch sẽ. Ngọc nữ lại bảo chủ binh báu hãy triệu tập bốn binh chủng và nói : “Từ lâu ta không yết kiến đức vua, vậy nay chúng ta phải ra mắt ngài một lần.” Lúc đó thần chủ binh liền triệu tập bốn binh chủng, và thưa với ngọc nữ rằng : “Binh chủng đã tập hợp xong nay đã đến lúc”. Khi ấy ngọc nữ hướng

dẫn tám vạn bốn ngàn thế nữ và có bốn binh chủng hộ giá, đi đến vườn Đa-lân bằng vàng, đoàn người làm ồn ào, gây tiếng động đến tai nhà vua, sau khi nghe xong, ngài liền đến cửa sổ nhìn xem, thì ngọc nữ liền tiến lên đứng bên cửa sổ. Lúc đó nhà vua trông thấy ngọc nữ liền bảo : “Người hãy đứng đó đừng tiến lên, vì ta sắp ra.” Bấy giờ vua Thiện kiến rời khỏi chỗ ngồi bằng pha lê, ra khỏi lầu Đại chánh, bước xuống điện Chánh pháp và cùng với ngọc nữ đi đến vườn Đa-lân tiến lên chỗ ngồi và an tọa tại đấy.

Lúc đó vua Thiện Kiến sắc mặt tươi đẹp khác hơn lúc bình thường. Tức thì ngọc nữ Thiện Hiền tự nghĩ thầm : “Nay đại vương nhan sắc tươi đẹp khác hơn lúc thường là điềm gì đây ?”

Khi ấy ngọc nữ bèn thưa :

— Tâu Đại vương, nay nhan sắc Ngài khác thường, chắc không phải là điềm gì khác hơn là muốn xả bỏ tuổi thọ chẳng ? Vậy nay đây tám vạn bốn ngàn con voi quý, thì con voi trắng là quý nhất, được trang sức bằng vàng bạc, lục lạc bằng ngọc quý là của chính Ngài đấy, xin Ngài chút lưu ý để cùng nhau vui thú. Chớ vội qua đời mà bỏ vạn dân phải cô quạnh. Lại nữa trong số tám vạn bốn ngàn

cổ xe, thì xe báu là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn châu báu, thì thần châu báu là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn ngọc nữ thì ngọc nữ báu là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn cư sĩ thì cư sĩ báu là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn Sát-đế-ly, chủ binh báu là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn thành, thành Câu-thi là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn cung điện, điện Chánh pháp là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn lâu đài, lâu đài Đại chánh là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn chỗ ngồi, chỗ ngồi trang trí bằng của báu là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn ức y phục, loại y phục mềm mại là số một. Trong số tám vạn bốn ngàn thức ăn, mỗi vị đều khác lạ. Tất cả thứ báu ấy đều là của Đại vương đấy, xin Ngài chút lưu ý để cùng hưởng vui thú, chớ vội qua đời mà bỏ muôn dân phải cô quạnh.

Khi đó vua Thiện Kiến trả lời ngọc nữ rằng :

— Từ trước đến nay Người đã cung phụng ta một cách từ ái, nhu hòa kính thuận, chưa bao giờ có những lời nói sơ xuất, sao nay Người lại có những lời nói ấy ?

Ngọc nữ tâu :

— Chẳng hay lời nói ấy có gì không thuận chăng ?

Vua nói :

— Lời Người vừa nói, các thứ voi, ngựa, xe báu, cung điện, đèn đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý báu kia đều là vô thường, không thể giữ gìn lâu được, mà khuyên ta phải lưu giữ, như thế há là thuận sao ?

Ngọc nữ tâu :

— Chẳng hay phải nói thế nào mới thuận ?

Vua bảo :

— Nếu như Người nói : “Voi, ngựa, xe báu, cung điện, đèn đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý báu, các thứ này đều là vô thường, không thể giữ gìn lâu được, xin Ngài không nên lưu luyến làm chi cho nhọc tâm tổn sức. Tại sao ? Vì mạng sống Đại vương không bao lâu nữa sẽ chấm dứt, để qua đời khác. Trên đời này hễ có sanh thì có tử, có hợp thì có tan, đâu phải sống đời ở đây được ! Vậy Ngài hãy cắt đứt ân ái, mà giữ ý đạo”. Đây chính là lời nói kính thuận !

Này A-nan ! Khi ngọc nữ nghe nhà vua dạy xong, khóc lóc, buồn rầu, ngậm ngùi nhắc lại lời

vua : “Như voi, ngựa, xe báu, cung điện, đèn đài, y phục thượng hạng, thức ăn quý báu, đều là vô thường, không thể giữ gìn lâu được, xin Ngài không nên lưu luyến làm chi cho nhọc tâm tổn sức. Tại sao ? Vì mạng sống Đại vương không bao lâu nữa sẽ chấm dứt để qua đời khác. Trên đời này hễ có sanh thì có tử, có hợp thì có tan, đâu phải sống đời ở đây được. Vậy Ngài hãy cắt đứt ân ái, mà giữ ý đạo.”

Này A-nan ! Trong khi ngọc nữ nói lời vỗ về ấy, thời vua Thiện Kiến bỗng nhiên băng hà. Cũng như vị tráng sĩ, trong một bữa ăn ngon, không có khổ não sau đó mệnh chung. Sự băng hà của nhà vua cũng nhanh chóng, nhẹ nhàng và đơn giản như thế. Sau khi vua Thiện Kiến băng hà bảy ngày thì các thứ xe báu, ngọc báu tự nhiên biến mất, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu chết trong ngày, thành trì pháp điện, lầu quán, đồ trang sức báu, vườn kim Da-lân đều biến thành cây đất.

Phật bảo A-nan :

— Các pháp hữu vi này đều vô thường biến dịch, chung cuộc trở về với sự tự diệt, những kẻ phàm phu cứ tham muốn mãi mãi không biết nhàm

chán, làm cho tiêu tan nhân mạng, say mê ân ái, không hề biết đủ, chỉ có người nào được Thánh trí, thấy rõ đạo lý, thì mới biết đủ.

Này A-nan ! Ta tự nhớ đã từng sáu lần làm Chuyển luân Thánh vương và bỏ xác tại đây, nay Ta thành Vô thượng Chánh Giác lại cũng muốn bỏ xác tại đây. Từ nay về sau Ta đã dứt hẳn sanh tử, không còn nơi nào là chỗ bỏ xác ta nữa, đây là lần cuối cùng, không còn có thân sau.

Bấy giờ đức Thế Tôn ngự tại thành Câu-thi-na-kiệt, nơi sanh quán đời trước, ở trong vườn ta-la, giữa hai cây song thọ, sắp sửa nhập Niết-bàn. Ngài bảo A-nan hãy vào thành Câu-thi-na-kiệt báo tin cho dân chúng thuộc dòng Mạt-la hay rằng : “Này chư Hiền cần biết, đức Như Lai định nửa đêm nay sẽ vào Niết-bàn, tại giữa cây song thọ, trong rừng ta-la. Các người nên kịp thời đến thưa thỉnh những điều còn nghi ngờ, và trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, để sau khỏi ăn năn”. Lúc đó A-nan vâng lời Phật dạy, liền đứng dậy khóc lóc đánh lễ dưới chân Phật và dắt theo một Tỳ-kheo khác ra đi.

Khi vào thành Câu-thi, gặp năm trăm người Mạt-la, nhân có chút việc tập họp lại một chỗ, lúc

đó họ thấy A-nan đến liền đứng lên làm lễ và đứng sang một bên mà thưa :

— Chẳng hay Tôn giả có việc chi mà phải vào thành lúc trời tối thế này ?

A-nan rơi lệ nói :

— Ta vì lợi ích cho các người mà đến báo tin cho các người hay là đức Như Lai vào lúc giữa đêm nay, Ngài sẽ vào Niết-bàn, các người nên kịp thời đến đó để thưa hỏi những điều hoài nghi, và trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, để sau khỏi ăn năn.

Khi nghe xong các người Mạt-la cất tiếng kêu than, vật ngã xuống đất, có người ngất đi, tỉnh lại dúi lặn, ví như cây lớn tróc gốc thì các nhánh nhóc đều gãy đổ. Họ đồng than : “Tại sao Phật diệt độ quá sớm ? Tại sao Phật diệt độ quá sớm ? Con mắt của chúng sanh đã diệt mất thì chúng sanh sẽ bị sanh tử lâu dài !” Lúc đó A-nan an ủi họ : “Các người chớ buồn ! Trời đất, muôn vật hễ có sanh tất có diệt, muốn cho các pháp hữu vi được tồn tại mãi mãi là điều không thể có được. Phật há chẳng dạy : “Có hợp tất có tan có sanh ắt có diệt” ấy sao ?”

Khi ấy, các họ Mạt-la đều báo nhau về nhà, đem cả quyến thuộc và năm trăm khổ vải trắng

cùng đi đến rừng ta-la song thọ. Họ đi về nhà xong, đem cả quyển thuộc và năm trăm tấm vải trắng đi ra khỏi thành Câu-thi đến giữa rừng ta-la, dưới gốc cây song thọ và tới chỗ A-nan. A-nan xa thấy bóng họ, thầm nghĩ : “Họ quá đông, nếu để vào từng người một thì không nghe được đầy đủ, hơn nữa đức Như Lai sắp diệt độ rồi, ta nên bảo họ hôm nay đông một lượt đến yết kiến Phật”.

Sau đó A-nan liền dắt năm trăm Mạt-la và quyển thuộc đông đến trước Phật đánh lễ, đứng qua một bên, và bạch :

— Nay có các Mạt-la và quyển thuộc xin hỏi đức Thế Tôn năm ngài có tăng giảm gì không ?

Phật đáp :

— Đã làm phiền các Người đến thăm Ta, Ta chúc các Người sống lâu, không có bệnh hoạn.

Này A-nan ! Hãy dẫn năm trăm Mạt-la và quyển thuộc đến trước Thế Tôn.

Họ cúi đầu đánh lễ và ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn vì họ mà dạy lý vô thường, và chỉ cho những điều lợi ích vui mừng. Khi nghe pháp xong các Mạt-la liền đem năm trăm khổ vải trắng

dâng lên cúng Phật, Phật vì thương họ mà nhận lãnh. Các Mạt-la đứng dậy, đánh lễ và lui ra.

Lúc đó, trong thành Câu-thi có một Phạm chí tên là Tu-đạt, là bậc kỳ cựu, trí thức đã một trăm hai mươi tuổi, nhân nghe Sa-môn Cù-dàm đêm nay sẽ diệt độ tại giữa cây song thọ. Ông tự nghĩ : “Ta đối với giáo pháp còn những điều nghi, chỉ có đức Như Lai mới thấu rõ ý ta. Ta nên kịp thời cố gắng đến Phật”. Ngay trong đêm đó, ông cố gắng ra khỏi thành Câu-thi, hướng về phía cây song thọ, đến chỗ tôn giả A-nan, sau khi chào hỏi xong, và thưa :

— Tôi hay tin Sa-môn Cù-dàm nội trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn, cho nên tôi đến đây xin bái yết Ngài một lần chót. Hơn nữa, tôi có vài điều nghi ngờ mong được đức Cù-dàm giải quyết cho. Ngài có khỏe không, tôi vào bái yết được không ?

A-nan đáp :

— Thôi, thôi, đừng, Tu-đạt ! Phật đang có bệnh, không chịu nhọc nổi đâu.

Tu-đạt cố nài đến ba lần, và nói : “Tôi nghe đức Như Lai ra đời, cũng như hoa ưu đàm rất lâu mới xuất hiện, nên đến đây xin được bái yết, và giải quyết những điều hoài nghi của tôi”. Ba lần

Tu-đạt thưa, ba lần A-nan từ chối, và nói : “Phật đương bệnh không chịu nhọc nổi đâu”.

Lúc đó Phật nghe được và bảo A-nan :

— Ông không nên ngăn chặn, hãy để cho ông ấy vào, vì ông ấy muốn giải quyết điều nghi ngờ, thì không có gì phiền phức cả. Và lại, ông ấy nghe pháp ta thì chắc sẽ được giải thoát.

A-nan liền bảo Tu-đạt cứ vào tùy ý. Tu-đạt liền vào, chào hỏi Phật xong, ngồi xuống một phía và thưa :

— Tôi có điều nghi về giáo pháp, liệu Ngài có khỏe để giải quyết cho những điều nghi một lần chăng ?

Phật đáp :

— Tùy ý người cứ hỏi.

Tu-bạt hỏi :

— Thưa Cù-dàm, tại sao có những giáo pháp khác tự xưng là bậc thầy, như các ông Phật-lan-na-ca-diếp, Mạt-gia-lê-kiêu-xá-lê, A-phù-dà-xí-xá-kim-bà-la, Ba-phù-ca-chiên, Tát-nhã-tỳ-da-la-phất, Ni-kiên-tử... Những vị này đều có giáo

pháp riêng, đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết hay không biết hết ?

Phật đáp :

— Thôi, thôi, thôi nói ! Những giáo lý ấy Ta đều hiểu cả, nay Ta sẽ vì Người mà nói đến pháp thâm diệu, Người hãy lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ về pháp này.

Tu-bạt thưa :

— Vâng !

Phật dạy :

— Nếu trong giáo pháp nào không có pháp Bát Thánh đạo thì không có quả Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay Tu-bạt, vì trong giáo pháp có Bát Thánh đạo, nên có bốn quả Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư. Nay Tu-bạt, nay trong giáo pháp Ta có Bát Thánh đạo, có Sa-môn quả thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư. Trái lại, trong giáo pháp của ngoại đạo không có quả vị Sa-môn.

Bấy giờ đức Phật vì Tu-bạt mà dạy bài kệ :

*Ta, hai mươi chín tuổi
Xuất gia tầm chánh đạo*

*Từ khi Ta thành Phật,
Nay đã năm mươi năm,
Tu hành giới định tuệ,
Độc cư, Ta suy nghĩ,
Nay Ta giảng pháp yếu,
Ngoại đạo không Sa-môn.*

Phật bảo :

— Nay Tu-bạt, nếu các Tỷ-kheo lo tìm hăm tâm lại để tu hành, thì cõi thế gian này, quả vị A-la-hán không bao giờ mất hẳn.

Lúc đó, Tu-bạt thưa với A-nan :

— Những người đã, đang và sẽ hành phạm hạnh theo đức Sa-môn Cù-đàm thì có ích lợi.

A-nan đáp :

— Thưa Tôn giả, Tôn giả muốn tu hành phạm hạnh theo đức Như Lai cũng được lợi ích lớn.

Tu-bạt nói :

— Tôi vừa được diện kiến đức Như Lai, để hỏi các điều nghi ngờ, cũng được lợi ích lắm chứ, đức Như Lai vừa dùng lối thọ ký cho đệ tử mà thọ ký cho tôi.

Tu-bạt lại bạch Phật :

— Tôi nay có được phép ở trong giáo pháp của Như Lai mà xuất gia thọ giới cụ túc không ?

Phật đáp :

— Nay Tu-bạt ! Nếu có người Phạm chí tu học theo pháp khác, nay muốn dự vào pháp của Ta để tu hành thì phải trải qua bốn tháng thử thách, hầu xét xem coi hành vi họ, chí nguyện họ, tánh nết họ; nếu thấy đủ tư cách không gì thiếu sót thì mới cho phép họ ở trong giáo pháp Ta thọ giới cụ túc. Nay Tu-bạt nên biết, tuy vậy, còn tùy theo hành vi của mỗi người.

Tu-bạt thưa :

— Nếu như thế thì hàng ngoại đạo học theo giáo lý khác, phải ở trong giáo pháp của Ngài tập sự thử trải qua bốn tháng, để xét xem hành động họ, chí nguyện họ, tư cách họ như thế nào; nếu thấy đủ tư cách, không thiếu oai nghi, không có gì thiếu sót thì mới được thọ cụ túc. Nay tôi có thể ở trong Chánh pháp của Phật phục dịch bốn năm, một khi đã đầy đủ các oai nghi, không còn sơ suất và thiếu sót, thì xin được thọ giới cụ túc.

Phật bảo :

— Nay Tu-bạt, như trước ta đã nói là còn tùy theo hành vi của mỗi người.

Ngay trong đêm đó, ông Tu-bạt được xuất gia thọ giới, thanh tịnh tu hành, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, được trí tuệ như thật, không còn tái sanh. Khi gần nửa đêm, ông chứng quả A-la-hán và diệt độ trước Phật. Ông là đệ tử cuối cùng của Phật.

Khi ấy A-nan đứng hầu sau Phật, không tự ngăn nổi cơn bi lụy, vỗ giường mà khóc. Ngâm ngùi than rằng : “Đức Thế Tôn tại sao diệt độ sớm quá ! Đức Thế Tôn diệt độ sớm quá ! Đại pháp chìm đắm quá sớm ! Nếu con mắt của thế gian mà diệt mất thì chúng sanh sẽ bị đọa lạc lâu dài. Vì sao ? Vì ta nhờ Phật xuất gia, nay mới chỉ lên được bậc hữu học, đạo nghiệp chưa thành mà đức Như Lai đã diệt độ !” Khi đó dù đức Thế Tôn đã biết, nhưng mà vẫn cố hỏi : “Tỳ-kheo A-nan đâu rồi ?” Các Tỳ-kheo thưa :

— Bậc đức Như Lai, Tỳ-kheo A-nan đang buồn khóc sau lưng Ngài, không thể ngăn được, còn xúc động mạnh, và ngâm ngùi nói : Đức Thế

Tôn tại sao diệt độ mau quá, đại pháp chìm đắm lệ quá, nếu cặp mắt thế gian diệt mất, thì chúng sanh mãi mãi bị đọa lạc. Vì sao thế ? Vì ta nhờ ơn Phật xuất gia, nay mới chỉ lên được hữu học, đạo nghiệp chưa thành mà Phật đã diệt độ trước !”

Phật dạy A-nan :

— Thôi đi ! chớ có buồn phiền than khóc, từ trước đến nay người hầu hạ Ta, với cử chỉ hiền hòa, khiêm tốn, lời nói lễ độ đúng pháp, thân, khẩu, ý đều đúng pháp vô lượng không hai. A-nan, ấy là Ông đã cúng dường Ta, công đức Ông rất lớn, nếu có sự cúng dường nào của chư Thiên, Ma phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cũng không sao sánh được ! Ông hãy cố gắng lên, ngày thành đạo không còn bao lâu nữa !

Bấy giờ đức Thế Tôn nói :

— Nay các Tỳ-kheo, đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ cũng như A-nan, đệ tử hầu hạ chư Phật vị lai cũng chỉ như A-nan. Nhưng, đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ, Phật có dạy mới biết; trái lại, A-nan thì khi Phật vừa đưa mắt thì đã biết Phật muốn gì. Đó là điểm đặc biệt chưa từng có của A-nan các ông phải ghi nhớ.

Hơn nữa, Chuyển luân Thánh vương có bốn điều kỳ lạ ít có. Bốn điều gì ? Khi Thánh vương đi đứng, khi Thánh vương ngồi, nằm thì cả quốc dân, cận vệ đều đến nghênh đón; họ thấy nhà vua thì trong lòng vui mừng; được nghe nhà vua dạy thì vui mừng, họ chiêm ngưỡng tôn nhan nhà vua không biết chán. Vua Chuyển luân khi đứng, ngồi và nằm, trong nước thần dân hết thảy đều đến chỗ vua, thấy vua vui mừng, nghe vua dạy cũng vui mừng, chiêm ngưỡng uy nhan của vua không chán. Đó là bốn điều kỳ lạ ít có của Chuyển luân Thánh vương. Còn đối với A-nan nay đây cũng có bốn điều kỳ đặc. Bốn điều gì ? Khi A-nan im lặng đi vào chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo trông thấy đều hoan hỷ; thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe, họ nghe đều hoan hỷ; ngắm nhìn nghi dung, đều hoan hỷ; nghe thuyết pháp không nhàm chán. Khi A-nan đi vào chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, vào chúng Ưu-bà-di, hễ nơi nào được trông thấy A-nan cũng đều hoan hỷ, được nghe A-nan thuyết pháp cũng hoan hỷ, họ trông thấy nghi dung, đều hoan hỷ, và nghe lời thuyết pháp không nhàm chán. Đó là bốn điều kỳ đặc chưa từng có của A-nan.

Bấy giờ A-nan, vén lộ vai áo phải, gối phải chấm đất bạch Phật rằng :

— Thưa Thế Tôn, hôm nay các Sa-môn khắp nơi, gồm có những vị kỳ cựu, đa văn, thông hiểu kinh luật, đức hạnh thanh cao, thường đến bái yết Phật, nhân đó con được lễ kính, hỏi han, gần gũi, nhưng sau khi Phật diệt độ rồi, họ không đến nữa, con làm sao có dịp để gặp gỡ hỏi han như thế ?

Phật dạy :

— Nay A-nan, Người chớ lo, các hàng đệ tử sẽ có bốn chỗ để tưởng nhớ. Bốn chỗ nào ? 1. Tưởng nhớ chỗ có Phật sanh, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ. 2. Tưởng nhớ chỗ Phật mới thành đạo mà vui mừng muốn thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ. 3. Tưởng nhớ chỗ Phật chuyển pháp luân lần đầu, vui mừng muốn thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ. 4. Tưởng nhớ chỗ Phật vào Niết-bàn, vui mừng muốn thấy, ghi nhớ không quên, sanh lòng luyến mộ.

Này A-nan, sau khi Ta nhập Niết-bàn, các đệ tử dù nam hay nữ nhớ tới khi Phật giáng sanh, có những công đức như thế, khi Phật đắc đạo, có những thần lực như thế, khi Phật chuyển Pháp luân có những sự hóa độ như thế, khi Phật sắp

diệt độ có những lời di chúc như thế; rồi mỗi người đều nên đi đến bốn nơi đó. Sau khi lễ kính, xây dựng chùa tháp, thì sau khi thác đều được sanh về cõi trời, trừ những người đắc đạo.

Phật dạy :

— Nay A-nan, sau khi Ta diệt độ, có các người dòng họ Thích đến cầu đạo hãy nhận cho họ xuất gia, thọ giới cụ túc chớ để lâu. Cho đến những người tu học theo giáo pháp khác đến cầu đạo, cũng nhận cho họ xuất gia, thọ giới cụ túc chớ có để trải qua bốn tháng thử thách. Vì sao ? Vì những người kia vốn có học sẵn các luận thuyết khác, nếu để lâu, thì những sự hiểu biết sai lầm trước đây của họ sẽ có cơ hội tái phát.

Bấy giờ A-nan quỳ xuống, chấp tay tiến đến trước thưa :

— Bạch Thế Tôn, sau khi Phật diệt độ, có những Tỳ-kheo xiển nộ, ngỗ nghịch, tự chuyên ương ngạnh, phải đối xử với họ như thế nào ?

Phật dạy :

— A-nan, sau khi Ta diệt độ, có những hạng xiển nộ Tỳ-kheo, không theo oai nghi, không chấp thuận sự chỉ dạy, các Ông hãy đem họ mà xử trị

theo pháp phạm-đàn, là thông báo cho các Tỷ-kheo, không ai được nói chuyện với họ, hoặc tới lui, dạy dỗ, cộng tác với Tỷ-kheo đó.

Khi đó A-nan lại thưa :

— Bạch Thế Tôn, sau khi Phật diệt độ, có những người nữ đến xin thụ giáo thì làm sao ?

Phật dạy :

— Chớ cho họ gặp.

— Giả sử phải gặp thì làm sao ?

— Chớ nói chuyện với họ.

— Giả sử phải nói chuyện với họ thì làm sao ?

— Lo thu nhiếp tâm ý.

Này A-nan, Người cho rằng sau khi Phật diệt độ, các Người không chỗ nương tựa, không ai che chở, chớ nghĩ như thế, nên biết những Kinh, Luật mà Ta đã dạy, từ khi thành Phật đến nay là chỗ nương tựa, che chở cho Người đó.

Này A-nan, từ nay trở đi cho phép các Tỷ-kheo tùy nghi bỏ các giới nhỏ nhặt, hãy lễ độ, trên dưới

hòa thuận với nhau, đó là pháp kính thuận của người xuất gia.

Phật bảo :

— Này các Tỳ-kheo, các Ông đối với Phật pháp, chúng Tăng và Chánh đạo, có gì nghi ngờ nữa không ? Ai nghi thì mau hỏi đi cho kịp thời, để sau này khỏi ăn năn. Giờ đây Ta vẫn còn và sẽ giải quyết cho.

Khi đó các Tỳ-kheo đều im lặng.

Phật hỏi lần thứ hai, thứ ba, các thầy Tỳ-kheo lúc đó cũng đều im lặng.

Phật lại dạy :

— Nếu các Ngươi e ngại không dám hỏi, thì hãy nhờ các vị hiểu biết hỏi giúp cho kịp thời, để sau khỏi ăn năn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo cũng vẫn im lặng. A-nan thưa :

— Con tin trong đại chúng này, ai nấy đều có lòng tin thanh tịnh, không còn ai hoài nghi về Phật, Tăng nữa.

Phật dạy :

— Nay A-nan, Ta tự biết trong đại chúng này, dù có một vị Tỳ-kheo nhô nhất, cũng thấy được dấu đạo, không còn dọa vào đường ác, chỉ còn bảy lần sanh lại cõi dục này là diệt hết khổ. Bấy giờ đức Thế Tôn liền thọ ký cho một ngàn hai trăm vị đệ tử chúng được đạo quả.

Khi ấy đức Thế Tôn trịch y uất-đa-la-tăng để lộ cánh tay sắc vàng, bảo các Tỳ-kheo :

— Các Ông nên nghĩ rằng đức Như Lai xuất hiện ở đời cũng như hoa ưu-đàm-bát-la xuất hiện vậy.

Lúc đó, đức Thế Tôn, diễn lại ý nghĩa ấy mà nói bài kệ :

*Cánh tay hữu sắc vàng,
Phật hiện như linh thủy,
Đến, đi đều vô thường,
Hiện, diệt, không buông lung.*

Thế nên các Tỳ-kheo không nên phóng dật, Ta chính nhờ không buông lung mà thành Chánh Giác, vô lượng điều lành đều nhờ không buông lung mà có được. Tất cả vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của đức Như Lai.

Khi ấy, Phật liền vào định Sơ thiên, rồi từ định Sơ thiên ra để vào định Nhị thiên, từ định Nhị thiên ra để vào định Tam thiên, rồi từ định Tam thiên ra để vào định Tứ thiên, rồi từ định Tứ thiên ra để vào định Không xứ, rồi từ định Không xứ ra để vào định Thức xứ, rồi từ định Thức xứ ra để vào định Bất dụng, rồi từ định Bất dụng ra để vào định Hữu tướng vô tướng, rồi từ định Hữu tướng vô tướng ra để vào định Diệt tướng.

Lúc đó A-nan hỏi A-na-luật :

— Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn ư ?

A-na-luật đáp :

— Chưa ! Đức Thế Tôn hiện đang ở trong định Diệt tướng. Tôi lúc trước được ở gần Phật nghe rằng, khi Phật từ định Tứ thiên ra mới vào Niết-bàn.

Lúc ấy, đức Thế Tôn từ định Diệt tướng ra để vào định Hữu tướng vô tướng, từ định Hữu tướng ra để vào định Bất dụng, rồi từ định Bất dụng ra để vào định Thức xứ, rồi từ định Thức xứ ra để vào định Không xứ, rồi từ định Không xứ ra để vào Tứ thiên, rồi từ Tứ thiên ra để vào Tam thiên, rồi từ Tam thiên ra để vào Nhị thiên,

rời từ Nhị thiên ra để vào Sơ thiên. Rồi từ Sơ thiên ra vào Nhị thiên, rồi từ Nhị thiên ra vào Tam thiên, rồi từ Tam thiên ra vào Tứ thiên, rồi từ Tứ thiên ra Phật nhập Niết-bàn. Ngay lúc đó quả đất chấn động mạnh, Trời, Người đều kinh hoàng, những chúng sanh ở cõi tối tăm, mặt trời, mặt trăng không chiếu đến, đều được soi sáng, trông thấy lẫn nhau, và bảo nhau : “Người kia sanh đến đây, người kia sanh đến đây mới có ánh sáng chiếu khắp như thế, hơn cả ánh sáng của chư Thiên Đao-lợi.”

Bấy giờ chư Thiên Đao-lợi ở giữa hư không dùng hoa văn-dà-la, hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-bà, hoa câu-ma-đầu, hoa phân-dà-lợi rải trên Như Lai và hội chúng, và bột hương chiên-dàn rải trên Phật và đại chúng.

Khi Phật diệt độ rồi, Phạm thiên vương, ở giữa hư không dùng bài kệ tán thán Phật :

*Tất cả loài sinh linh,
Đều phải bỏ thân mạng,
Phật là đáng Vô Thượng,
Thế gian không ai bằng,
Bậc Đại Hùng Như Lai
Có thần lực vô úy,*

*Phật nên ở đời lâu,
Nhưng nay nhập Niết-bàn.*

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhơn lại dùng bài kệ tán Phật :

*Ấm, hành đều vô thường,
Chỉ vì pháp hưng suy.
Sống, không ai không chết,
Phật diệt là an lạc.*

Trong lúc đó, vua Tỳ-sa-môn cũng dùng bài kệ tán thán Phật :

*Cây phước chốn tông lâm,
Ta-la phước vô thượng
Là ruộng lành nhận cúng,
Nơi song thọ diệt độ.*

Bấy giờ A-na-luật lại dùng bài kệ tán Phật :

*Phật dùng vô vi trú,
Không dùng hơi ra vào.
Vốn đến từ tịch diệt,
Mất cũng linh diệu thể.*

Bấy giờ Tỳ-kheo Phạm-ma-na lại dùng bài kệ tán Phật :

*Chẳng dùng tâm lưỡi biếng,
Tự tu tuệ vô thượng,
Không chấp, không nhiễm ô
Bậc Vô Thượng, là ác.*

Bấy giờ Tỳ-kheo A-nan lại dùng bài kệ tán thán đức Phật :

*Trời người đều kinh hoàng,
Toàn thân lông dựng ngược.
Tất cả đều thành tị,
Bậc Chánh Giác diệt độ.*

Bấy giờ thần Kim-tỳ-la lại dùng bài kệ tán thán đức Phật :

*Thế gian mất che chở,
Chúng sanh mãi mù lòa,
Không còn ai thấy Phật,
Bậc sư tử giữa người.*

Bấy giờ lực sĩ Mật-tích lại dùng bài kệ tán Phật :

*Các Thiên, Nhơn, Ma phạm,
Đời nay và đời sau
Không còn thấy được Phật,
Bậc sư tử giữa người.*

Bấy giờ Phật mẫu Ma-da lại dùng kệ tán Phật :

*Phật sinh vườn Tỳ-ni,
Đạo Ngài truyền rộng khắp,
Trở về chốn vốn sinh,
Bỏ hẳn thân vô thường.*

Bấy giờ thần Song thọ lại dùng kệ tán Phật :

*Lúc nào tôi lại lấy
Hoa trái mùa cúng Phật,
Đủ thập lực công đức
Như Lai đã diệt độ.*

Bấy giờ thần Ta-la-viên-lâm lại dùng kệ tán Phật :

*Cõi này diệu lạc nhất,
Phật sinh trưởng ở đây,
Ở đây chuyển pháp luân,
Lại ở đây diệt độ.*

Bấy giờ Tứ-thiên-vương lại dùng kệ tán Phật :

*Như Lai trí vô thượng
Thường nói pháp vô thường,
Giải khổ cho chúng sanh,
Cuối cùng vào tịch diệt.*

Bấy giờ Đạo lợi thiên vương lại dùng kệ tán
Phật :

*Qua muôn ngàn ức kiếp,
Mong thành đạo vô thượng,
Giải khổ cho chúng sanh,
Cuối cùng vào tịch diệt.*

Bấy giờ Diêm thiên vương lại dùng kệ tán
Phật :

*Đây là y tối hậu,
Dùng quần thân Như Lai.
Nay Phật đã diệt độ,
Y này sẽ cúng ai ?*

Bấy giờ Đâu-suất-đà-thiên vương lại dùng kệ
tán Phật :

*Đây là thân cuối cùng,
Ấm giới diệt nơi đây.
Không tâm tưởng lo mừng,
Không còn lo già chết.*

Khi ấy, Hóa Tự tại thiên vương lại dùng kệ
tán Phật :

*Phật, vào giữa đêm nay,
Nằm nghiêng hông bên phải.*

*Tại vườn ta-la này,
Thích Sư tử diệt độ.*

Lúc đó, Tha hóa Tự tại thiên vương lại dùng
kệ tán Phật :

*Thế gian mãi tối tăm,
Trăng sao đều mờ lặn,
Bị vô thường che kín,
Mất hẳn mặt trời trí.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo dùng kệ tán Phật :

*Thân này như bèo bọt,
Mỏng manh có gì vui !
Phật được thân Kim cang
Còn bị vô thường phá.
Thân Kim cang chư Phật
Đều về với vô thường.
Tan mau như tuyết non,
Huống những chúng sanh khác.*

Sau khi Phật nhập Niết-bàn, các Tỳ-kheo buồn
bã than khóc vô cùng, gieo mình xuống đất, lăn
lóc kêu gào, không thể kiềm chế được và nói : “Đức
Như Lai tại sao diệt độ sớm quá ! Đức Thế Tôn
diệt độ sớm quá ! Đại pháp tại sao chìm đắm sớm

quá ! Chúng sanh mãi đau khổ, mất thế gian đã diệt. Ví như cây lớn đã tróc gốc thì nhánh nhóc đều bị gãy đổ. Cũng như rắn bị chém, lăn lộn trên đất, ngơ ngác không biết đến nơi đâu.” Bấy giờ các Tỳ-kheo cũng thế, buồn bã vô cùng, gieo mình xuống đất, lăn lóc kêu gào, không thể tự kìm chế được và than thở rằng : “Đức Như Lai tại sao diệt độ quá sớm ? Đức Thế Tôn tại sao diệt độ quá sớm ? Đức Thế Tôn tại sao diệt độ quá sớm ? Đại pháp tại sao mai một quá mau ! Chúng sanh đau khổ, mất thế gian đã diệt.”

Bấy giờ trưởng lão A-na-luật bảo Tỳ-kheo :

— Thôi đi, thôi đi, chớ buồn, kẻo có hàng chư Thiên trên hư không nhìn xuống họ chê trách !

Lúc đó các Tỳ-kheo hỏi A-na-luật :

— Trên hư không có bao nhiêu chư Thiên ?

A-na-luật đáp :

— Đây cả hư không, đâu có thể tính lường được ? Tất cả đều đang ở trên hư không, lăn lộn bồi hồi, đau đớn buồn bã, rơi lệ mà nói : “Đức Như Lai tại sao diệt độ quá sớm ! Đức Thế Tôn tại sao diệt độ quá sớm ! Đại pháp chìm đắm quá sớm ! Chúng sanh mãi đau khổ, mất thế gian đã diệt. Ví

như cây lớn đã bị tróc gốc thì nhánh nhóc đều bị gãy đổ, lại như rắn bị chém, lăn lóc trên đất, ngần ngại không biết đến nơi đâu.”

Lúc đó chư Thiên cũng lại như vậy, họ ở trong hư không, lăn lộn bồi hồi, đau đớn buồn bã nói :

— Đức Như Lai tại sao diệt độ quá sớm ?
Đức Thế Tôn tại sao diệt độ quá sớm ? Đại pháp tại sao mai một quá sớm ? Chúng sanh mãi đau khổ, mất thế gian đã diệt.

Các Tỳ-kheo đến hết đêm thì đã hiểu được. Sau khi giảng pháp ngữ xong, trưởng lão A-na-luật bảo tôn giả A-nan :

— Ông hãy vào thành báo tin cho dân chúng dòng Mạt-la biết là Phật đã diệt độ, nếu như họ có muốn cúng dường thì hãy mau đến cho kịp !

Khi ấy A-nan vâng lời đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, dắt theo một Tỳ-kheo khóc lóc vào thành. Xa xa, A-nan trông thấy năm trăm Mạt-la nhân có một chút duyên sự nhóm họp tại một nơi; khi thấy A-nan đến, họ đều đứng dậy làm lễ nghinh tiếp, và hỏi A-nan :

— Thưa Tôn giả có việc gì đến đây sớm vậy ?

A-nan đáp :

— Nay tôi vì muốn lợi ích cho các người, nên đến đây sớm, các người nên biết đức Thế Tôn đã diệt độ đêm qua. Nếu như các người muốn cúng dường, thì hãy đến đây cho kịp.

Khi chúng Mạt-la nghe lời ấy xong, thấy đều xúc động, lau nước mắt nói :

— Sao Phật vào Niết-bàn sớm quá ! Con mắt của thế gian tại sao diệt mất sớm quá !

A-nan khuyên :

— Thôi, thôi, các người chớ có buồn khóc, muốn cho pháp hữu vi không biến dịch thì không thể có được. Đức Phật đã dạy hễ có sanh thì có tử, có hợp thì có ly, tất cả ân ái đều là vô thường.

Khi đó dân chúng Mạt-la bảo nhau :

— Chúng ta hãy về nhà sửa soạn hương hoa và các kỹ nhạc đi mau đến rừng cây song thọ để cúng dường xá-lợi. Hết một ngày rồi đem xá-lợi Phật để lên một cái kiệu, đồng thời cho tất cả đồng tử Mạt-la khiêng đi khắp bốn hướng thành, có tràng phan, xông hương, rải hoa, kỹ nhạc cúng dường; trước hết đưa vào thành cửa Đông, đi khắp các nẻo đường để cho dân chúng đều được cúng

dường. Sau đó lại đưa ra thành cửa Tây, đi đến một đồi cao mà làm lễ trà-tỳ.

Sau khi họ bàn luận như thế xong, mỗi người đều về nhà sắm sửa hương hoa và các thứ kỷ nhạc để đến rừng ta-la song thọ cúng dường xá-lợi Phật. Hết một ngày xong họ đặt xá-lợi Phật trên một cái kiệu, tất cả dân chúng Mạt-la đều đến khiêng kiệu, nhưng khiêng không nổi.

Khi ấy Tôn-già A-na-luật bảo :

— Nay các Mạt-la, các người hãy thôi đi ! Nhọc công vô ích ! Nay chư Thiên muốn đến khiêng kiệu.

Các Mạt-la nói :

— Chư thiên muốn khiêng kiệu này để làm gì ?

A-na-luật đáp :

— Theo ý các người, thì muốn dùng hoa hương, kỷ nhạc cúng dường xá-lợi suốt một ngày rồi đem xá-lợi đặt lên kiệu, thanh niên Mạt-la khiêng bốn góc kiệu, treo phan cầm phướn, xông hương, rải hoa, trỗi nhạc cúng dường. Đưa vào thành cửa Đông, đi khắp các nẻo đường, để cho dân chúng đều được

cúng dường. Sau đó ra cửa thành phía Tây, đưa đến một đồi cao làm lễ trà-tỳ. Theo ý chư Thiên, thì muốn lưu xá-lợi lại trong bảy ngày để kính lễ cúng dường bằng các thứ hương hoa kỹ nhạc, sau đó mới thỉnh xá-lợi Phật đặt lên bốn góc kiệu, kiệu bốn góc các thanh niên Mạt-la khiêng treo phan, xông hương, rải hoa, thổi nhạc cúng dường xá-lợi, vào thành cửa Đông, đi khắp các nẻo đường để cho dân chúng đều được cúng dường. Sau đó mới đưa vào thành cửa Bắc, qua sông Ni-liên-thiên đi đến chùa Thiên Quan mà làm lễ trà-tỳ. Đó là ý chư Thiên khiến kiệu bất động.

Người Mạt-la nói :

— Hay lắm, xin tùy ý chư Thiên.

Khi đó, dân chúng Mạt-la bèn bảo nhau rằng :
“Trước hết chúng ta nên vào thành quét dọn, sửa soạn, tưới nước các nẻo đường và xông hương, sau đó trở lại đây cúng dường xá-lợi Phật trong bảy ngày”.

Các Mạt-la cùng nhau vào thành, đến các ngã đường quét dọn, sửa soạn, tưới nước xông hương, và sau đó ra khỏi thành. Tại rừng song thọ dùng hoa hương, kỹ nhạc cúng dường xá-lợi Phật. Trọn

bảy ngày xong vào lúc chiều tối ngày thứ bảy, họ thỉnh xá-lợi Phật đặt lên kiệu, các thanh niên Mạt-la khiêng bốn góc kiệu, treo phan cầm phướn, xông hương, rải hoa, trỗi các kỹ nhạc cúng dường, thứ lớp thông thả đi.

Lúc ấy, các vị trời Dao-lợi dùng hoa văn-đa-la, hoa ưu-bát-la, hoa ba-đâu-ma, hoa câu-vật-đâu, hoa phân-đa-lợi, và bột chiên-đàn rải trên xá-lợi. Khắp các nẻo đường chư Thiên trỗi nhạc, quý thần ca xướng tiến đưa.

Lúc đó, các Mạt-la bảo nhau rằng : “Hãy dừng lại nhạc của loài Người, hãy thỉnh nhạc của chư Thiên mà cúng dường xá-lợi !” Bấy giờ dân chúng Mạt-la khiêng kiệu đi dần vào cửa thành phía Đông, đến mỗi ngã đường thì dừng lại đốt hương, rải hoa trỗi nhạc cúng dường.

Khi ấy, có nàng Lộ-di thuộc dòng Mạt-la, vốn hết lòng tin Phật, cầm một đóa hoa vàng lớn như bánh xe đến cúng dường xá-lợi. Và lúc đó có một bà lão cất tiếng tán thán như sau : “Các Mạt-la này được lợi ích lớn. Cuối cùng Như Lai diệt độ tại đây, hãy gọi dân chúng cả nước mau đến cúng dường”.

Khi dân chúng Mạt-la cúng dường xong, ra cửa thành phía Bắc, qua sông Ni-liên-thiền, rồi đến chùa Thiên Quan, để kiệu Phật xuống đất và thưa với A-nan :

— Chúng tôi giờ đây nên cúng dường bằng cách nào nữa ?

Ngài A-nan bảo :

— Tôi tự thân theo hầu Phật, tự thân nghe nhận lời Phật dạy, nghe và ghi : “Nếu muốn táng xá-lợi Phật thì hãy theo như cách táng cho Chuyển luân Thánh vương.”

Họ hỏi tiếp :

— Cách táng cho Chuyển luân Thánh vương như thế nào ?

— “Theo cách táng cho Chuyển luân Thánh vương thì, trước hết là lấy nước thơm tắm rửa thi thể, rồi dùng năm trăm tấm vải tân-kiếp quấn quanh thân thể, sau đó, đặt thi thể Ngài vào trong kim quan, lấy đầu mè tười vào, rồi nhắc kim quan này đặt vào trong một cái quách lớn thứ hai bằng sắt rồi lấy một cái quách bằng gỗ chiên-đàn bọc ở ngoài. Chặt lên trên đó các hương liệu nổi tiếng

và các áo vải dày mà trà-tỳ. Thu nhật xá-lợi, xây tháp tại ngã tư đường, dựng cột treo phan, để cho dân chúng mỗi khi đi qua đều trông thấy vua, mà tưởng nhớ và kính mộ sự giáo hóa chân chính của nhà vua, để được nhiều lợi ích. Thế Tôn đã dạy : “Này A-nan ! Nay Người muốn táng Ta thì trước hết dùng nước hương tắm rửa thi thể, sau đó dùng năm trăm tấm vải trắng quấn khắp thân Ta năm trăm lớp, kế tiếp đặt thi thể vào trong kim quan rồi rưới đầu mè vào và đặt kim quan này vào trong cái quách lớn bằng sắt thứ hai, kế tiếp lại đặt cái quách này vào trong một cái quách khác bằng gỗ hương chiên-đàn. Xong rồi chắt các loại hương liệu nổi tiếng và vải dày lên trên đó mà trà-tỳ. Sau đó thu nhật xá lợi, dựng tháp tại ngã tư đường đồng thời treo tràng phan, phướn, để mọi người đi đường đều trông thấy tháp Phật để tưởng nhớ và kính mộ công đức giáo hóa của đức Như Lai, đấng Pháp Vương. Nhờ đó, khi sống được phước lợi, khi chết được sanh Thiên, ngoài ra còn được đắc đạo.”

Lúc đó, dân chúng Mạt-la bảo nhau : “Chúng ta hãy về thành lo sửa soạn đầy đủ dụng cụ tắm táng đức Như Lai, như vải trắng mới, nước hương, hoa, đầu thơm, quan quách”. Tức thì, họ liền vào

thành sắm đủ các dụng cụ tắm táng. Khi xong họ trở lại chùa Thiên Quan dùng nước thơm tắm gội kim thân Phật, lấy vải trắng mới quấn khắp kim thân Phật năm trăm lớp. Sau đó đặt thánh thể vào kim quan đã tắm đầu thơm, lại đặt kim quan này vào trong các quách lớn bằng sắt thứ hai và cuối cùng là đặt cái quách này vào trong cái quách khác bằng gỗ hương chiền-đàn. Khi xong chất đầy các loại hương liệu nổi tiếng lên trên mà trà-tỳ.

Khi ấy, có vị đại thần dòng Mạt-la tên là Lộ-di, tay cầm cây đuốc lớn châm lửa vào dàn hỏa thiêu kim thân Phật, nhưng lạ thay, không cháy ! Kế đó, lại có những trưởng lão Mạt-la cũng cầm lửa châm theo nhưng lửa vẫn không cháy. Ngài A-na-luật bảo chúng Mạt-la : “Thôi đi các người ! Không phải các người đốt được đâu, lửa không cháy là vì ý chư Thiên vậy.” Mạt-la hỏi : “Tại sao chư Thiên khiến cho lửa không cháy ?” A-na-luật đáp : “Vì chư Thiên nhận thấy ngài Đại Ca-diếp đang dẫn năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà đang đi nửa đường để về cho kịp giờ thấy thân Phật khi chưa trà-tỳ. Vì chư Thiên biết ý nên làm cho lửa không cháy.” Mạt-la nói : “Xin để toại ý.”

Lúc đó, Ngài Đại Ca-diếp dắt năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà đi về, trên đường đi gặp một gã Ni-kiền-tử, trong tay cầm một đóa hoa văn-đà-la, Ngài Đại Ca-diếp từ xa trông thấy bèn lại gần hỏi :

— Này Ông bạn, từ đâu lại đây ?

— Tôi từ thành Câu-thi lại.

— Bạn có biết thầy tôi không ?

— Biết !

— Thầy tôi còn sống không ?

— Đã diệt độ cách đây bảy ngày. Tôi từ đó lại, nên tôi nhận được đóa hoa trời này.

Ca-diếp nghe xong buồn bã không vui. Còn năm trăm vị Tỳ-kheo nghe Phật diệt độ thì đều buồn khóc, lẫn lóc kêu than không thể ngăn được, rơi lệ và nói : “Đức Như Lai tại sao diệt độ sớm quá ! Đức Thế Tôn tại sao diệt độ quá sớm ! Đại pháp sao lại chìm lặn sớm quá ! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh sẽ bị đau khổ lâu dài !” Ví như cây lớn đã bị tróc gốc thì nhánh nhóc phải bị gãy đổ. Ai nấy cũng như rắn bị chặt, quay cuồng, lẫn lóc, ngán ngờ không biết gì cả.

Lúc ấy trong chúng có một vị Tỳ-kheo, tên là Bạt-nan-đà, thuộc dòng họ Thích bảo các Tỳ-kheo rằng : “Các người chớ có buồn, đức Thế Tôn diệt độ thì chúng ta được tự do. Ông già ấy trước đây thường bảo chúng ta làm thế này, không nên làm thế kia, nhưng từ nay về sau thì tùy ý chúng ta hành động”. Ngài Đại Ca-diếp lúc đó nghe nói như thế trong lòng buồn bã không vui, mới bảo các Tỳ-kheo chỉnh trang y bát đi mau đến cây song thọ để được thấy thân Phật trước khi trà-tỳ. Khi ấy các Tỳ-kheo nghe ngài Đại Ca-diếp nói xong đứng dậy theo ngài đến thành Câu-thì, qua sông Ni-liên-thiên, đến chùa Thiên Quan và đi ngay đến chỗ ngài A-nan, sau khi hỏi han xong đứng qua một bên và hỏi :

— Thưa Tôn giả A-nan, chúng tôi muốn thấy thân xá-lợi Phật trước khi trà-tỳ có thể được không ?

A-nan đáp :

— Tuy chưa trà-tỳ, nhưng mà khó thấy được. Tại sao ? Vì thân Phật được tắm nước hương, ngoài thì quần năm trăm lớp vải trắng và đặt trong một kim quan, đồng thời kim quan ấy được đặt trong

một cái quách bằng sắt, và cái quách này được đặt trong một cái quách khác bằng gỗ hương chiên-đàn, do đó thân Phật khó thấy được.

Ngài Ca-diếp xin ba lần như thế, nhưng ngài A-nan vẫn trả lời một câu như cũ là khó thấy được. Chẳng biết làm sao, ngài Ca-diếp lúc đó mới hướng về đàn hỏa mà chiêm bái, thì chính lúc ấy bỗng nhiên từ trong lòng quan quách, Phật duỗi hai bàn chân ra ngoài để cho ngài Ca-diếp thấy. Đồng thời ngài Ca-diếp nhận thấy chân Phật có màu sắc lạ, lầy lầm lạ bèn hỏi A-nan :

— Thân Phật vốn sắc vàng, tại sao chân Ngài có màu sắc khác như thế này ?

A-nan đáp :

— Trước đây có một bà già vì tiếc thương Phật, rờ vào chân Phật, và làm rơi nước mắt trên chân Phật cho nên có màu sắc khác như thế !

Ngài Ca-diếp nghe xong, trong lòng không vui. Thế rồi, ngài Ca-diếp hướng về đàn hỏa đánh lễ thân xá-lợi Phật. Khi ấy bốn chúng và chư Thiên trên hư không cũng đồng thời làm lễ. Lúc đó bỗng nhiên chân Phật biến mất ! Ngài Đại Ca-diếp vừa

đi quanh dần hòa ba vòng, vừa đọc bài kệ tán thán như sau :

*Tôi nay cúi đầu lễ
Đức Đạo sư vô thượng,
Thánh trí không thể lường,
Thánh trí cao tột đỉnh;
Bậc Sa-môn tối cao,
Tối thượng không tỳ vết,
Thanh tịnh không tham ái,
Bậc thầy giữa Trời, Người.
Tôi nay xin kính lễ
Đáng mạnh nhất giữa Người,
Khổ hạnh chẳng ai bằng.
Từ bỏ để dạy người
Kính lễ đáng Thế Tôn
Không nhiễm, không trần cấu.
Dứt sạch tham, sân, si,
Vui trong hạnh không tịch.
Kính lễ đáng Thập Lực
Độc nhất không ai bằng,
Giải thoát là tối thượng,
Phước trí cao tột bậc.
Kính lễ đáng Trí Tịnh,*

Bậc giác ngộ Tứ đế,
Vô thượng giữa Sa-môn,
Khiến bỏ tà về chánh.
Kính lễ đấng Tịch Tĩnh,
Thế Tôn thường tịch diệt,
Không bút rút, tỳ vết,
Thân tâm thường vắng lặng.
Kính lễ đấng Thanh Tĩnh,
Loại trừ mọi nhiễm ô,
Tuệ nhãn không hạn lượng,
Cam lồ, tiếng oai vang.
Kính lễ đấng Vô Thượng,
Hy hữu khó nghĩ bàn,
Tiếng nói như sư tử,
Ở rừng không khiếp sợ,
Hàng ma, vượt bốn tánh.
Cho nên tôi đánh lễ.

Khi ngài Đại Ca-diếp có oai đức lớn lao, và đủ bốn biện tài, vừa đọc xong bài kệ trên, thì hòa đàn của Phật không dứt tự nhiên bùng cháy. Dân chúng Mạt-la bảo nhau : “Ngọn lửa cháy mạnh quá khó dập tắt, e cháy tiêu hết xá-lợi ! Chúng ta phải lấy nước ở đâu để tưới ?” Lúc đó có vị thần ta-la hết lòng tin Phật, đang hầu một bên, dùng thần

lực làm tắt ngọn lửa. Khi ấy dân chúng Mạt-la bảo nhau : “Chúng ta hãy đi hái hết hoa thơm ở chung quanh thành Câu-thi cách đây mười hai do tuần, đem về dâng cúng xá-lợi Phật.” Thế thì, họ liền đi đến bên thành, và hái hết hoa thơm về cúng dường Phật.

Bấy giờ dân chúng Mạt-la, nước Ba-bà, nghe Phật diệt độ tại song thọ, tự nghĩ : “Ta nay nên đến đó cầu xin phần xá-lợi về nước ta dựng tháp cúng dường.”

Khi ấy họ liền hạ lệnh đem bốn thứ binh : tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh đi đến thành Câu-thi, và cử sứ giả đến nói :

— Chúng tôi nghe đức Phật diệt độ tại đây, Phật cũng là thầy chúng tôi, vì lòng kính mộ Ngài, chúng tôi đến xin phần xá-lợi về nước dựng tháp cúng dường.

Vua nước Câu-thi đáp :

— Thật vậy, đúng như lời Ngài nói, nhưng vì đức Thế Tôn đã đến đây và diệt độ tại đây, nhân dân nước tôi tự do cúng dường, các Ngài từ phương xa đến đây cầu xá-lợi; nhưng rất tiếc, việc ấy hẳn là không được !

Đồng thời dân chúng dòng Bạt-ly, thuộc nước Già-la-phả, dân chúng dòng Câu-lợi thuộc nước La-ma-già, dân chúng dòng Pà-la-môn nước Tỳ-lưu-đồ, dân chúng dòng Thích-ca thuộc nước Ca-duy-la-vệ, dân chúng dòng Ly-xa thuộc nước Tỳ-xá-ly và vua Xà-thế thuộc nước Ma-kiệt-dà, nghe đức Như Lai diệt độ tại song thọ, ở thành Câu-thi đều tự nghĩ : “Ta nay nên qua đó để cầu lấy phần xá-lợi”. Quốc vương A-xà-thế và các vị ấy, bèn hạ lệnh trong nước đem bốn thứ binh : tượng, mã, xa và bộ binh tiến qua sông Hằng. Vua Xà-thế cử Bà-la-môn Hương Tánh và nói : “Người hãy nhân danh ta, vào thành Câu-thi thăm hỏi các vị Mạt-la... có khỏe mạnh, có bình thường không ? và nói ta cùng các vị xưa nay vốn kính nhau, lắng giềng hòa nghị chưa có xảy ra sự tranh tụng. Nay ta nghe đức Như Lai diệt độ tại quý quốc, đối với đức Thế Tôn, thì ta hết lòng tôn kính, nên chẳng quản xa xôi đến đây cầu xin xá-lợi, đem về nước dựng tháp cúng dường. Nếu nhận lời, ta sẽ hiến quốc bảo cho.”

Bấy giờ Bà-la-môn Hương Tánh vâng lệnh nhà vua đến thành Câu-thi nói với các Mạt-la rằng : “Vua nước Ma-kiệt vấn an Đại vương, có khỏe mạnh, có bình thường không ? Nhà vua đối với Ngài hết

lòng kính nhau, lắng giềng hòa nghị, chưa hề xảy ra sự tranh tụng, nhân nghe đức Như Lai diệt độ tại quý quốc, đối với đức Thế Tôn, vua thật hết lòng cung kính, cho nên từ phương xa đến đây cầu xin phần xá-lợi của Phật để đem về nước dựng tháp cúng dường, nếu nhận lời, nhà vua sẽ hiến quốc bảo cho.” Lúc đó các Mạt-la đáp : “Quả thật như thế, đúng như lời Ngài vừa trình bày; nhưng vì đức Thế Tôn đã giáng lâm và diệt độ tại đây, thì nhân dân nước tôi tự lo cúng dường, xin khỏi phiền quý Ngài từ phương xa đến đây, việc cấp xá-lợi là không thể được”.

Lúc đó các quốc vương bèn triệu tập các quần thần lại thảo luận như sau :

*Chúng ta hòa nghị,
Xa đến cúi đầu,
Khiêm tốn yêu cầu,
Nhưng không chấp nhận.
Bốn binh đã sẵn,
Không tiếc thân mạng,
Dùng nghĩa không được,
Tất phải dùng sức.*

Khi ấy vua nước Câu-thi cũng triệu tập quần thần để thảo luận, trả lời rằng :

*Các Người xa nhọc,
Khuất phục cầu xin
Như Lai di thể,
Nhưng không cho được.
Họ muốn dùng binh,
Ta đây cũng sẵn,
Chống trả đến cùng,
Chưa từng biết sợ.*

Thấy vậy, Bà-la-môn Hương Tánh, lúc đó, đứng ra hiểu dụ mọi người : “Chư Hiền suốt đời nhận lãnh lời dạy của Phật, miệng thì tụng lời Phật dạy, tâm địa hiền hòa, ý chí nhân từ, thường mong cho tất cả chúng sanh đều được an lành, nay chẳng lẽ vì dành xá-lợi Phật mà trở lại tàn hại lẫn nhau ? Hơn nữa, di thể Như Lai, nếu muốn có lợi ích sâu xa, thì xá-lợi hiện tại nên chia ra thành nhiều phần.” Mọi người đều khen là phải. Họ lại bàn tán : “Nên nhờ ai đủ sức phân chia giúp ?” Tất cả đều cho Bà-la-môn Hương Tánh là người nhân trí quân bình, có thể phân chia được.

Bấy giờ các quốc vương liền bảo ông Hương Tánh : “Ông hãy chia xá-lợi Phật thành tám phần đồng đều cho chúng tôi”.

Lúc đó Hương Tánh nghe các vua nói xong đi ngay đến chỗ xá-lợi, cúi đầu đánh lễ xong, từ từ tiến đến, đem rằng trên của Phật để riêng một bên, sai sứ giả đem rằng trên của Phật đến cho vua A-xà-thế, ông Hương Tánh bảo sứ giả rằng : "Người hãy nhân danh ta, tâu : "Thưa Đại vương có được khỏe mạnh, bình thường không ? Xá-lợi chưa đến tay chắc Đại vương trông lắm ? Nay tôi giao cho sứ giả rằng trên của Như Lai để kịp cúng dường, cho thỏa mãn sự khát vọng của Đại vương. Sáng mai, khi chia xong xá-lợi, tôi sẽ đích thân dâng lên ngài."" Sứ giả vâng lời Hương Tánh xong liền đến chỗ vua A-xà-thế mà tâu : "Ngài Hương Tánh xin hỏi : "Đại vương có được khỏe mạnh, đi đứng có bình thường không ? Xá-lợi chưa đến tay, chắc Đại vương trông lắm !" Nay ngài giao tôi rằng trên của Phật để kịp cúng dường, hầu thỏa lòng mong đợi của Đại vương ! Sáng mai, khi chia xá-lợi xong, ngài Hương Tánh trở về và đích thân dâng lên Đại vương."

Bấy giờ ông Hương Tánh lấy một cái bình và dùng bát đá, chia đều xá-lợi ra làm tám phần bằng nhau. Vừa xong, ông xin mọi người cái bình đó để dựng tháp thờ tại nhà riêng.

Mọi Bà-la-môn đều bảo : “Thật là có trí, thật là hợp thời.” Tất cả đều cùng đồng ý cho ông. Lúc đó, người trong thôn Tất-bát cũng đến xin mọi người phần tro còn lại để dựng tháp cúng dường, mọi người lúc đó đều chấp nhận.

Bấy giờ người nước Câu-thi được xá-lợi, liền dựng tháp trong nước cúng dường. Và các người thuộc nước Ba-bà, Gia-la, La-ma-gia, Tỳ-lưu-đề, Ca-duy-la-vệ, Tỳ-xá-ly, vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế v.v... khi được phần xá-lợi, liền trở về nước lo xây tháp cúng dường. Còn ông Hương Tánh Bà-la-môn, thì đem cái bình dùng chia xá-lợi về nhà dựng tháp cúng dường. Đồng thời, dân chúng thôn Tất-bát, đem phần tro còn lại về dựng tháp cúng dường.

Như vậy, xá-lợi Phật được chia thờ tại tám tháp, tháp thứ chín thờ cái bình, tháp thứ mười thờ tro, tháp thứ mười một thờ tóc Phật khi còn tại thế.

Phật dân sanh, xuất gia, thành đạo và diệt độ lúc nào ? Và những ngày tháng nào ? Như Lai dân sanh, xuất gia, thành đạo vô thượng và nhập

Niết-bàn vào lúc sao mai mọc, nhằm ngày mồng tám tháng hai.

*Khi nào Phật đản sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn ?
Sao mai mọc, Phật sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Mồng tám Như Lai sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Mồng tám, Nhị Túc sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Tháng hai Như Lai sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Tháng hai, Nhị Túc sanh,*

Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Hoa ta-la nở rộ,
Đủ màu sáng chói nhau,
Ở nơi chỗ đản sanh,
Đức Như Lai diệt độ.
Đại Từ nhập Niết-bàn,
Nhiều người xưng tán lễ,
Vượt hết mọi sợ hãi,
Quyết định nhập Niết-bàn.

Niết-bàn vào lúc sao mai mọc, nhằm ngày mồng tám tháng hai.

*Khi nào Phật dẫn sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn ?
Sao mai mọc, Phật sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Mồng tám Như Lai sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Mồng tám, Nhị Túc sanh,
Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Tháng hai Như Lai sanh,
Xuất gia tìm chân lý.
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Tháng hai, Nhị Túc sanh,*

Xuất gia tìm chân lý,
Thành tựu đạo vô thượng,
Và nhập đại Niết-bàn.
Hoa ta-la nở rộ,
Đủ màu sáng chói nhau,
Ở nơi chỗ dẫn sanh,
Đức Như Lai diệt độ.
Đại Từ nhập Niết-bàn,
Nhiều người xưng tán lễ,
Vượt hết mọi sợ hãi,
Quyết định nhập Niết-bàn.

KINH ĐIỂN TÔN

Tôi nghe như vậy :

Một thời đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, ngụ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyet-kỳ.

Bấy giờ, có gã cầm nhạc trời, đánh cho Đế-thích tên Bàn-già-dục, thừa lúc đêm vắng, không có người phóng ánh sáng lớn chiếu núi Kỳ-xà-quật và đi đến chỗ Phật ngự, đánh lễ dưới, chân Phật, rồi đứng qua một bên.

Khi ấy Bàn-già-dục bạch Thế Tôn rằng :

— Gần đây, Phạm thiên vương, đến cõi trời Dao-lợi, bàn luận với Đế-thích, tôi ở gần đó đã nghe được đầu đuôi câu chuyện, vậy nay tôi có thể thuật lại cho Thế Tôn nghe được không ?

Phật đáp :

— Tùy ý Người, muốn nói thì nói !

Bàn-già-dục thưa :

— Có lần chư Thiên Dao-lợi nhóm ở pháp giảng đường, để bàn luận. Lúc đó có bốn Thiên vương ngồi ở bốn phía, theo phương hướng của mình. Đề-đề-lại-tra Thiên vương ngồi ở hướng Đông, mặt xây về hướng Tây, Đế-thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-lặc Thiên vương ngồi ở hướng Nam, mặt xây về hướng Bắc, Đế-thích ngồi trước mặt. Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương ngồi ở hướng Tây, mặt xây về hướng Đông, Đế-thích ngồi trước mặt. Tỳ-sa-môn Thiên vương ngồi ở hướng Bắc, mặt xây về hướng Nam, Đế-thích ngồi ở trước mặt. Sau khi tứ Thiên vương ngồi xong, thì tới phiên tôi và các đại thần khác, đều là những người trước đây thân cận Phật, tịnh tu phạm hạnh, nên ở cõi này sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Dao-lợi, và được năm thứ phúc : 1. Sống lâu ở cõi trời; 2. Được sắc đẹp cõi trời; 3. Được tiếng tăm cõi trời; 4. Được

niềm vui cõi trời; 5. Được oai đức cõi trời. Khi đó, chư Thiên Dao-lợi thấy vậy đều hơn hở vui mừng, và nói : “Chúng chư Thiên tăng lên, chúng A-tu-luân giảm xuống !”

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân biết chúng Trời, Người đều có tâm niệm vui mừng, liền vì chư Thiên Dao-lợi mà nói bài kệ :

*Chư Thiên Dao-lợi, Người,
Cùng Đế-thích vui chơi,
Kính lễ đức Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.
Chư Thiên được phúc báo,
Thọ, sắc, danh, lạc, oai,
Theo Phật tu phạm hạnh,
Nên sanh về cõi này.
Lại có chúng Trời, Người,
Ánh sáng thật tuyệt vời,
Đệ tử đức Trí Tuệ,
Sanh đây lại thù thắng.
Dao-lợi và Đế-thích,
Suy tư tự vui thú,
Kính lễ đức Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.*

Khi đó chư Thiên Đao-lợi, sau khi nghe bài kệ này lại càng thêm hoan hỷ, không thể tự kìm chế được và nói : “Chúng chư Thiên tăng lên, chúng A-tu-luân giảm xuống !” Thích-đề-hoàn-nhân thấy chư Thiên Đao-lợi vui mừng thoải mái, liền bảo :

Này chư Hiền ! Các Ông có muốn nghe tám pháp tối thượng của đức Như Lai không ?

Chư Thiên Đao-lợi đáp :

— Muốn nghe !

— Các Ngài hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ về vấn đề này. Chư Hiền, đức Như Lai chí chân Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có đủ mười danh hiệu như Phật.

Pháp Phật vi diệu, giảng giải rõ ràng, được người trí thức hành theo, ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có giáo pháp vi diệu như Phật.

Phật do pháp ấy tự giác ngộ, thông đạt vô ngại để tự vui thú, ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại đối với pháp này mà tự giác ngộ, thông đạt, vô ngại để tự vui thú như Phật.

Chư Hiền ! Phật nhờ pháp ấy được giác ngộ và cũng có thể mở bày con đường Niết-bàn, thân cận dẫn dắt chúng sanh đi dần vào tịch diệt, ví như nước sông Hằng, nước sông Diêm-ma đều chảy về biển cả. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có thể mở bày con đường Niết-bàn như Phật. Đức Phật cũng thế, Ngài có thể mở bày con đường Niết-bàn thân cận dẫn dắt chúng sanh đi dần vào tịch diệt.

Chư Hiền ! Quyển thuộc của đức Như Lai gồm đủ như Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn có trí tuệ đều là quyển thuộc đầy đủ của đức Như Lai. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có quyển thuộc đầy đủ như Phật.

Chư Hiền ! Đức Như Lai có đại chúng đầy đủ gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có đại chúng đầy đủ như Phật.

Chư Hiền ! Lời nói và việc làm của Như Lai tương ưng, lời nói đúng như việc làm, việc làm đúng như lời nói, và bất cứ pháp nào cũng thành tựu như vậy. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có lời nói và việc làm phù hợp với nhau, và mỗi pháp đều thành tựu như Phật.

Chư Hiền ! Đức Như Lai có nhiều sự lợi ích, nhiều sự an lạc, Ngài thường trang trải tâm từ lợi lạc cho Trời, Người. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai và hiện tại có nhiều sự lợi ích, nhiều sự an lạc như Phật. Chư Hiền, ấy là pháp tối thượng của đức Như Lai.

Lúc đó, chư Thiên Đao-lợi nói :

— Ước gì thế gian được tám đức Phật ra đời một lượt thì sẽ làm cho chúng chư Thiên thêm nhiều và làm giảm bớt chúng A-tu-luân.

Khi ấy có chư Thiên Đao-lợi nói :

— Đừng nói chỉ tám vị Phật, mà dù cho bảy vị Phật, sáu vị Phật, cho đến hai vị Phật ra đời cũng làm cho thêm nhiều chúng chư Thiên và giảm bớt chúng A-tu-luân, huống hồ là tám Đức Phật.

Nhưng Thích-đê-hoàn-nhơn bảo chư Thiên Đao-lợi rằng :

— Tôi được gần Phật nghe, gần Phật lãnh thọ, nếu muốn cho một đức Phật, hai đức Phật ra đời một lần, thì không có sự kiện này. Nhưng nếu một đức Như Lai mà Ngài ở lâu nơi đời và trang trải nhiều tâm từ bi, đem nhiều sự lợi ích cho Trời, Người, đem lại sự an lạc cho họ như thế thì càng

thêm nhiều chúng Trời và giảm bớt chúng A-tu-luân.

Khi đó, Bà-già-dục bạch Phật rằng :

— Thưa Thế Tôn, chư Thiên Đạo-lợi sở dĩ tập hợp tại pháp đường này là để cùng nhau bàn luận suy tư, quan sát, tán tụng về những giáo lệnh ấy. Sau đó mới vì Tứ thiên vương mà nói cho họ. Khi Tứ thiên vương vâng lời xong, đều theo vị trí mà ngồi, ngồi chưa bao lâu thì có một ánh sáng lạ lùng chiếu cả bốn phương. Lúc đó, chư Thiên Đạo-lợi thấy ánh sáng này rồi đều lấy làm kinh ngạc, và nói : “Nay đây ánh sáng này thật là lạ lùng, chắc sẽ có điều gì đây !” Ngay cả chư Thiên có oai đức cũng đều sợ hãi, và nói : “Nay có ánh sáng lạ này, chắc sẽ có điềm gì đây !”

Lúc đó, đại Phạm thiên vương liền hóa làm đồng tử, đầu có năm búi tóc, đứng giữa không trung, ở trên Thiên chúng, dung mạo đoan chính, vượt hẳn chúng Trời, thân màu vàng tía, lấn át cả ánh sáng của chư Thiên khác.

Khi đó, chư Thiên Đạo-lợi cũng không đứng dậy nghinh tiếp, không cung thỉnh, không mời ngồi. Khi ấy, Phạm đồng tử tùy theo chỗ ngồi và ngồi một cách vui vẻ, ví như người Sát-đế-lỵ lấy

nước rưới đầu để lên ngôi vua, thì hơn hờ vui mừng. Vị này ngôi chưa bao lâu, thì lại biến thân thành đồng tử khác, đầu có năm búi tóc, ngồi giữa không trung, ở trên đại chúng, ví như lực sĩ ngồi yên ngay ngắn, hoàn toàn bất động, và nói bài kệ :

*Chư Thiên Dao-lợi, Người,
Cùng Đế-thích vui chơi,
Kính lễ đức Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng,
Chư Thiên được phúc đức,
Thọ, sắc, danh, lạc, oai,
Theo Phật tu phạm hạnh,
Nên sanh về cõi này.
Lại có chúng Trời, Người,
Ánh sáng thật tuyệt vời,
Đệ tử đức Đại Trí,
Sanh đây, lại thù thắng.
Dao-lợi và Đế-thích,
Suy tư tự vui thú,
Kính lễ đức Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.*

Bấy giờ, chư Thiên Dao-lợi nói với đồng tử :

— Chúng ta nghe Đế-thích tán thán tám pháp tối thượng của đức Như Lai nên vui mừng hơn hờ, không thể tự kìm chế.

Khi ấy Phạm đồng tử nói chư Thiên Đạo-lợi rằng :

— Những gì là tám pháp tối thượng của Như Lai, ta cũng muốn nghe !

Khi đó, Đế-thích liền vì đồng tử mà nói tám pháp tối thượng của đức Như Lai. Sau khi chư Thiên Đạo-lợi nghe lại một lần nữa thì càng vui mừng không thể tự kìm chế và nói :

— Chúng chư Thiên tăng lên, chúng A-tu-luân giảm xuống.

Lúc đó đồng tử thấy chư Thiên vui vẻ, lại càng hơn hờ, liền báo chư Thiên Đạo-lợi :

— Các Người muốn nghe một pháp tối thượng không ?

Chư Thiên thưa :

— Quý hóa thay ! Muốn nghe.

Đồng tử nói :

— Các Người muốn nghe thì hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, ta sẽ vì các người mà nói cho.

Này chư Hiền, đức Như Lai thuở xưa, khi còn là một vị Bồ-tát, Ngài sanh ra nơi nào thì cũng rất thông minh, nhiều trí tuệ. Này chư Hiền, nên biết, cách đây rất xa trong quá khứ, lúc đó có một vị vua tên là Địa Chủ, thái tử thứ nhất tên là Từ Bi, vua có đại thần tên là Diên Tôn, con của đại thần tên là Diệm-man, thái tử Từ Bi có nhận làm bạn, người bạn này thường làm bạn với sáu vị đại thần thuộc dòng Sát-đế-ly khác.

Mỗi khi đại vương Địa Chủ muốn vào cung nội để du ngoạn vui chơi thì đem việc nước giao lại cho đại thần Diên Tôn, sau đó mới đi. Khi vào cung thì trỗi âm nhạc ca hát, thỏa mãn ngũ dục.

Bấy giờ Diên Tôn khi muốn xử lý việc gì, thì trước hết đem hỏi ý kiến con mình rồi sau đó mới quyết định, hoặc có phân xử việc gì thì cũng theo ý con. Sau đó bỗng nhiên Diên Tôn qua đời, vua Địa Chủ nghe tin vô cùng thương tiếc, vỗ mình mà nói : “Lạ thay, sao vô phúc, quốc gia đã mất một người tài !”. Thái tử Từ Bi thầm nghĩ : “Vua vì mất Diên Tôn mà lấy làm sầu khổ, ta nên đến để can gián nhà vua chớ vì sự qua đời của ngài mà

sầu khổ. Vì sao ? Vì Điển Tôn có người con tên là Diệm-man thông minh nhiều trí hơn cha. Nay vua có thể triệu vào để giao việc xử lý quốc gia”.

Lúc đó thái tử Từ Bi liền đến chỗ vua ngự, trình bày đầy đủ ý kiến trên với vua cha. Vua cha nghe xong liền chấp thuận và cho gọi Diệm-man vào, bảo rằng : “Ta nay bổ Ngươi vào chức vụ của cha ngươi, giữ ấn tín.” Khi ấy, Diệm-man lãnh ấn tín xong, nhà vua muốn vào cung, đem việc nước giao lại cho Diệm-man. Diệm-man lúc đó vốn đã thông thạo việc xử lý, không những biết rõ việc cha làm ngày trước, mà còn biết rõ những gì cha mình chưa để ý đến, tất cả Diệm-man đều biết. Về sau tiếng tăm Diệm-man vang dội khắp nơi, nên thiên hạ trong nước đều tôn xưng là Đại Điển Tôn.

Thế rồi Đại Điển Tôn suy nghĩ : “Nay vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu, nay nên tôn thái tử lên ngôi kế vị, trị vì, thì cũng không khó lắm, ta nay nên đến nói với sáu vị đại thần thuộc dòng Sát-đế-ly như sau : “Nay vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu, nếu tôn thái tử lên kế vị thì không khó, đồng thời các Ngài sẽ được vua phong đất đai, quyền tước và không bao giờ quên các Ngài””.

Khi ấy Đại Điện Tôn đến nói sáu vị đại thần dòng Sát-đế-ly rằng : “Các Ngài nên biết : nay vua Địa Chủ tuổi đã già yếu, sống chẳng bao lâu, nếu tôn thái tử lên kế vị thì không khó lắm. Các Ngài nên đến đó trình bày ý kiến này với thái tử : “Chúng tôi biết Ngài từ thuở nhỏ, khi Ngài khổ chúng tôi khổ, khi Ngài vui chúng tôi vui, hơn nữa nhà vua nay đã già yếu, sống chẳng bao lâu, vậy Thái tử hãy lên ngôi kế vị vua cha, cũng không khó lắm. Giả sử Ngài có lên ngôi, thì hãy phong đất cho chúng tôi””.

Khi ấy sáu vị đại thần thuộc dòng Sát-đế-ly nghe xong, liền đến tỏ ý với thái tử như trên. Thái tử đáp : “Giả sử ta lên ngôi toàn cõi đều phong quốc, nhưng phong cho ai ?” Không bao lâu sau bỗng nhà vua băng hà. Các vị đại thần trong nước liền đến bái yết thái tử và tôn lên kế vị. Khi lên ngôi xong, tân vương tự nghĩ : “Nay lập chức tể tướng, cũng theo tiền lệ của tiền vương, nhưng người nào xứng đáng để cử vào chức vụ đó ? Hẳn phải là Đại Điện Tôn mới được !”

Vua Từ Bi liền triệu Đại Điện Tôn đến đến bảo : “Nay ta muốn cử Người lên chức tể tướng và

trao ấn tín cho Người, hãy chuyên cần lo liệu xử lý việc nước.”

Đại Diễn Tôn nghe xong liền vâng lệnh và lãnh ấn tín. Bấy giờ nhà vua mỗi khi vào cung thì đem bao nhiêu việc nước ủy thác cho Đại Diễn Tôn.

Khi ấy, Đại Diễn Tôn lại nghĩ : “Nay ta nên đến hỏi sáu vị đại thần Sát-đế-ly như sau : “Các Ngài có còn nhớ lời nói trước đây không ? Nay thái tử đã lên ngôi, đang ở trong cung để thỏa mãn ngũ dục. Vậy các Ngài hãy đến hỏi nhà vua có nhớ lời đã nói lúc trước hay không ?”

Sau khi nghe xong, sáu vị Sát-đế-ly liền đến chỗ vua ngự và thưa với đại vương :

— Nay Ngài đã lên ngôi, đang vui thú ngũ dục, vậy Ngài có nhớ lời nói trước đây không ? Việc phong cấp đất sau này nên phong cho ai ?

Vua đáp :

— Không quên ! Xưa ta có nói : “Toàn cõi nước nếu đem phong ấp, thì các Người ra thì còn ai ?”

Tiếp theo vua nghĩ : “Cõi đất Diêm-phù -đê này trong rộng, ngoài hẹp, người nào đủ sức phân nó làm bảy phần ?” Lại nghĩ : “Chỉ có Đại Diễn

Tôn mới làm được việc này”. Vua liền bảo Đại Diễn Tôn :

— Người hãy phân đất Diêm-phù-đề này ra thành bảy phần.

Khi được lệnh, Đại Diễn Tôn liền phân làm bảy phần. Thành của vua cai trị kể cả thôn ấp, quận, nước, chung quanh thành một bộ phận, sáu nước của những người Sát-đế-ly đại thần, đều chia thành sáu bộ cho mỗi bộ. Được thế rồi, nhà vua vui mừng nói : “Nguyên ta đã thỏa mãn, sáu vị đại thần cũng như nguyện vọng của ta cũng đã thỏa mãn. Công việc này thành tựu là nhờ sức của Đại Diễn Tôn vậy.”

Còn sáu vị quốc vương sau khi làm chủ một nước, mới tự nghĩ : “Nước ta mới lập cần có một vị tể tướng, nhưng biết ai có thể gánh vác được như Đại Diễn Tôn để giao phó quyền thống lãnh việc nước ?”

Bấy giờ cả các vị Sát-đế-ly đều triệu Đại Diễn Tôn đến bảo : “Nước ta cần một vị phụ tướng, Người hãy giúp ta nhận chức vụ đó”.

Lúc đó, sáu vị quốc vương đều trao ấn tín, Đại Diễn Tôn liền nhận ấn tín. Khi hoàn tất, sáu

vị quốc vương vào cung du ngoạn và vui thú, đồng thời đem việc nước giao phó lại cho Đại Điện Tôn. Đại Điện Tôn xử lý cả bảy nước và mọi việc đều hoàn hảo.

Khi đó trong nước có bảy nhà đại cư sĩ, Đại Điện Tôn xử lý luôn để phân xử gia nghiệp. Ông lại dạy cho bảy trăm Phạm chí đọc tụng kinh điển.

Bảy vị quốc vương kính xem ông như thân mình, bảy đại cư sĩ kính xem ông như đại vương còn bảy trăm Phạm chí xem ông như Phạm thiên.

Bấy giờ bảy quốc vương, bảy đại cư sĩ, bảy trăm Phạm chí đều tự nghĩ : “Đại Điện Tôn chắc thường gặp gỡ, thân thiện, chuyện trò, đi đứng cùng với Phạm thiên ?”

Lúc đó, Đại Điện Tôn thầm biết ý họ tưởng : “Ta thường thân cận, chuyện trò, đi đứng với Phạm thiên, nhưng thực tế là ta chưa từng thấy Phạm thiên, chưa từng nói chuyện với Phạm thiên, ta không thể làm thỉnh để vọng nhận tiếng khen đó. Hơn nữa, ta cũng từng nghe các bậc tôn túc kỳ cựu nói : “Ai trong bốn tháng mùa hạ, ở chỗ thanh vắng tu tập bốn vô lượng tâm, thời Phạm thiên sẽ xuống gặp. Nay ta đâu có thể tu bốn vô lượng tâm

để Phạm thiên xuống gặp ?” Nghĩ thế, Đại Đế Tôn tìm đến bảy quốc vương, và thưa :

— Tâu Đại vương, cúi xin Ngài hãy lo việc nước, tôi muốn ở trong bốn tháng hạ tu tập bốn vô lượng tâm.

Bảy quốc vương nói :

— Tùy ý Người, nếu thấy hợp thời.

Sau đó Đại Đế Tôn đến bảy vị cư sĩ nói :

— Các Ngài hãy tự lo liệu lấy việc nhà. Tôi muốn ở trong bốn tháng hạ tu tập bốn vô lượng tâm.

Bảy vị cư sĩ nói :

— Vâng, tùy ý Ngài, nếu thấy hợp thời.

Thế rồi lại đến bảy trăm vị Phạm chí nói :

— Các Ngài chuyên cần đọc tụng, dạy bảo lẫn nhau. Tôi muốn ở trong bốn tháng hạ tu tập bốn vô lượng tâm.

Phạm chí nói :

— Vâng, tùy ý Đại sư, nếu thấy hợp thời.

Khi đó, Đại Đế Tôn tại thành phía Đông, lập một ngôi nhà thanh vắng, trong bốn tháng hạ

tu tập bốn vô lượng tâm. Nhưng sau đó, Phạm thiên vẫn không hiện xuống. Lúc ấy, Điển Tôn tự nghĩ : “Ta đã nghe các bậc tôn túc kỳ cựu nói : “Trong bốn tháng hạ, tu tập bốn vô lượng tâm, thì Phạm thiên sẽ hiện xuống”. Nhưng sao lặng lẽ, chẳng thấy dấu hiệu gì cả ?”

Bấy giờ vào ngày rằm trăng sáng, Đại Điển Tôn ra khỏi tịnh thất, đến chỗ trống ngồi, ngồi chưa bao lâu, thì có ánh sáng lớn hiện ra, Điển Tôn lúc đó tự nghĩ : “Ánh sáng lạ này chắc là điềm Phạm thiên sẽ hiện xuống chẳng ?”

Khi ấy Phạm thiên vương bèn hóa làm đồng tử, đầu có năm búi tóc, trụ giữa hư không, trên đầu Điển Tôn, Điển Tôn thấy vậy liền nói bài kệ :

*Đây là thần trời gì,
Đang ở giữa hư không,
Ánh sáng chiếu bốn phương,
Như đồng lửa bùng cháy ?*

Phạm vương đồng tử dùng bài kệ đáp :

*Chỉ chư Thiên Phạm thế
Biết ta là đồng tử,
Ngoài ra đều cho ta,
Là vị thần thờ lửa.*

Lúc đó Đại Diễn Tôn dùng kệ đáp :

*Tôi xin hỏi Phạm đồng,
Vâng lời, thật cung kính,
Các thức ăn thượng vị,
Lòng Ngài hiểu lòng tôi.*

Phạm đồng từ dùng kệ đáp :

*Diễn Tôn, Ông tu hành,
Là muốn cầu pháp gì ?
Nay bày sự cúng dường,
Ta sẽ nhận lãnh cho.*

Lại bảo Diễn Tôn rằng : “Ông có điều chi nghi vấn thì cứ hỏi, ta sẽ giải thích cho.”

Khi ấy Đại Diễn Tôn tự nghĩ : “Việc hiện tại ích lợi gì mà hỏi ? Ta hỏi về những việc mù tịt ở tương lai”. Tức thì hướng về Phạm thiên đồng tử, Đại Diễn Tôn dùng kệ hỏi :

*Nay tôi hỏi Phạm đồng,
Nhờ giải quyết mối nghi,
Học và tu pháp gì,
Được sanh làm Phạm thiên ?*

Phạm đồng từ dùng kệ đáp lại :

*Hãy bỏ niệm nhân, ngã,
Ở riêng tu từ tâm,
Trừ tham dục, xú uế,
Được sanh làm Phạm thiên.*

Đại Diễn Tôn khi nghe qua bài kệ, liền tự nghĩ : “Phạm đồng tử nói phải trừ xú uế, ta không hiểu rõ là gì, vậy nên hỏi lại”. Lúc đó Đại Diễn Tôn dùng bài kệ hỏi lại :

*Ngài vừa nói xú uế,
Xin giải rõ cho tôi,
Thứ gì đóng cửa thế,
Sa đọa, không sanh Thiên ?*

Phạm đồng tử đáp :

*Dối trá và ganh ghét,
Ngã mạn, tăng thượng mạn,
Tham dục, sân, ngu si,
Tự ý, chứa đầy tâm.
Xú uế thế gian này,
Ta nói cho Người rõ,
Nó đóng cửa thế gian,
Sa đọa, không sanh Thiên.*

Lúc đó, Đại Diễn Tôn nghe xong bài kệ này, liền suy nghĩ : “Nghĩa của Phạm đồng tử nói về xú uế ta đã hiểu rõ, nhưng người tại gia thì không thể trừ chúng được, vậy tốt nhất là ta hãy xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục của người xuất gia để tu đạo ư ?” Khi ấy Phạm đồng tử biết được tâm niệm của Đại Diễn Tôn, liền dùng kệ bảo :

*Người hãy mạnh mẽ lên !
Chí ấy rất thù thắng,
Việc làm của người trí,
Khi chết sinh Phạm thiên.*

Lúc đó, Phạm đồng tử bỗng nhiên biến mất. Bấy giờ, Diễn Tôn trở về tàu lại ý mình với bảy quốc vương như sau :

— Tàu Đại vương, mong các Ngài hãy xử lý việc nước, nay tôi muốn xuất gia, lìa bỏ y phục thế tục, mặc pháp phục để tu hành. Tại sao ? Vì tôi đã được gần gũi Phạm đồng tử và nghe người nói về xú uế, tâm rất là chán điều đó. Nếu người ở tại gia, thì không thể nào trừ được.

Khi đó bảy vị quốc vương bèn tự nghĩ : “Hàng Bà-la-môn thường ham của báu, có lẽ ta nên mở

kho tàng, cho ông ta cần gì tùy ý, để ông ta dùng xuất gia”.

Lúc đó bảy vị quốc vương liền gọi Diễn Tôn đến và bảo :

— Người muốn cần gì, ta đều cung cấp cho cả, không cần xuất gia.

Khi ấy, Diễn Tôn liền tâu với vua :

— Như thế là tôi đã được ân tứ của vua rồi, nhưng tôi nay cũng có nhiều của báu, tôi xin dâng lại cho Đại vương, miễn là xin cho tôi được xuất gia để thỏa mãn chí nguyện của tôi.

Bấy giờ bảy quốc vương lại tự nghĩ : “Phàm những Bà-la-môn thường ham sắc đẹp, có thể ta nên đem thể nữ cung cấp cho Diễn Tôn vừa ý để khỏi xuất gia”. Khi ấy bảy quốc vương liền gọi Diễn Tôn đến bảo :

— Nếu cần thể nữ, ta sẽ cung cấp cho, không cần phải xuất gia.

Diễn Tôn đáp :

— Như thế là tôi đã được ân tứ của Đại vương rồi, nhưng trong nhà tôi hiện nay thể nữ cũng có nhiều, mà đã cho về nhà hết, vì tôi chỉ mong được

lìa sự ân ái để xuất gia tu hành. Tại sao ? Vì tôi đã được gần gũi Phạm đồng tử và nghe người nói về việc xú uế, tâm tôi thật nhàm chán. Nếu người ở tại gia thì không thể trừ được.

Khi ấy Đại Diễn Tôn hướng về vua Từ Bi, dùng kệ nói :

*Vua hãy nghe tôi nói,
Vua, bậc quý của người,
Cho của báu, thể nữ,
Báu này chẳng thích gì.*

Vua Từ Bi cũng dùng kệ đáp :

*Thành Đàn-đặc-già-lăng,
Thành A-bà-bố-hòa,
Thành A-bàn đại thiên,
Thành Ương-già-chiêm-bà,
Thành Số-di-tát-la,
Thành Tây-đà-lộ-lâu,
Thành Bà-la-già-thi,
Đều do Diễn Tôn tạo.
Ngũ dục có hơi tt,
Ta và Người cùng hưởng,
Cùng xử lý quốc sự,
Không cần phải xuất gia.*

Đại Diện Tôn dùng kệ đáp :

*Tôi ngũ dục có nhiều,
Còn không thích thế gian,
Đã nghe chư Thiên nói,
Không thích ở tại gia.*

Vua Từ Bi dùng kệ đáp :

*Như lời Điển Tôn nói,
Là nghe từ trời nào,
Mà xả bỏ ngũ dục,
Hãy trả lời cho ta ?*

Đại Diện Tôn dùng kệ đáp :

*Xưa tôi ở chỗ vắng,
Ngồi một mình suy tư,
Thì có Phạm thiên đến,
Phóng ánh sáng khắp nơi,
Tôi nghe từ vị ấy,
Không thích ở thế gian.*

Vua Từ Bi dùng kệ đáp :

*Hãy nán lại, Điển Tôn !
Cùng hoàng hóa thiện pháp,
Sau đó cùng xuất gia,*

*Người tức là thầy ta,
Vĩ như giữa hư không,
Trong sạch như lưu ly,
Nay ta tin thanh tịnh,
Đầy đủ trong Phật pháp.*

Đại Điện Tôn lại nói kệ rằng :

*Chư Thiên và Người đời,
Đều nên bỏ ngũ dục,
Hãy trừ các nhiễm ô,
Thanh tịnh tu Phạm hạnh.*

Bấy giờ bảy quốc vương nói với Đại Điện Tôn rằng :

— Người có thể hoãn lại bảy năm để cùng nhau tận hưởng ngũ dục, sau đó ta sẽ giao việc nước cho thái tử, rồi ta sẽ cùng xuất gia với. Như thế sẽ hay hơn. Do đó, Người được gì, ta cũng được nấy.

Đại Điện Tôn đáp :

— Thế gian vô thường, mạng sống mau chóng, chỉ trong hơi thở, còn khó bảo toàn, nay nếu hoãn lại bảy năm thì không lâu lắm sao ?

Bảy quốc vương lại nói :

— Bảy năm lâu, thì sáu năm, năm năm cho đến một năm, hãy ở lại trong tịnh cung để cùng nhau tận hưởng ngũ dục, sau đó ta sẽ giao việc nước cho thái tử, rồi ta cùng xuất gia. không hay hơn sao ? Do đó, Người được gì, ta cũng được đấy.

Lúc đó Đại Diễn Tôn lại đáp :

— Thế gian vô thường, mạng sống mau chóng, chỉ trong hơi thở còn khó bảo toàn.

Bảy quốc vương nói :

— Nếu như một năm còn lâu, thì bảy tháng.

Đại Diễn Tôn nói :

— Cho đến một tháng còn không thể được.

Bảy quốc vương nói :

— Thôi hoãn lại bảy ngày, và ở trong thâm cung cùng ta tận hưởng ngũ dục, sau đó ta sẽ giao việc nước cho thái tử, rồi ta cùng xuất gia với, không hay lắm sao ?

Diễn Tôn đáp :

— Bảy ngày không lâu, tôi có thể lưu lại, xin Đại vương chớ sai lời ! Nếu quá bảy ngày mà Đại vương không xuất gia thì tôi sẽ xuất gia một mình.

Bấy giờ Diên Tôn lại đến chỗ bảy cư sĩ và nói :

— Các Người hãy tự lo việc nhà, ta muốn xuất gia tu đạo vô vi. Tại sao ? Vì ta đã thân cận Phạm thiên, nghe nói những việc xú uế, lòng rất nhàm chán, nếu ở tại gia thì không thể nào trừ được.

Khi đó, bảy cư sĩ thưa với Diên Tôn rằng :

— Lành thay ! ý chí này, nếu thấy hợp thời, chúng tôi cũng muốn cùng xuất gia, nếu Ngài được gì, thì chúng tôi cũng được nấy. Sau đó Đại Diên Tôn lại đến chỗ bảy trăm Phạm chí và bảo :

— Các Ngài hãy chuyên cần đọc tụng, giảng giải rộng rãi và truyền dạy cho nhau, ta muốn xuất gia tu đạo vô vi. Tại sao ? Vì ta gần gũi Phạm thiên, nghe nói về xú uế, lòng rất chán ghét. Nếu ở tại gia thì không thể trừ được.

Khi đó bảy trăm Phạm chí thưa với Diên Tôn :

— Đại sư chớ có xuất gia, vì ở tại gia có đủ ngũ dục, nhiều người hầu hạ, tận tâm lo liệu không có nhọc nhằn. Trái lại, người xuất gia thì ở chỗ thanh vắng một mình, điều muốn hoàn toàn không có nên không thể có sự tham thủ.

Đại Diên Tôn đáp :

— Nếu ta cho tại gia là vui, xuất gia là khổ, hẳn ta không xuất gia. Nhưng trái lại, ta đã cho tại gia là khổ, xuất gia là vui, nên ta mới xuất gia.

Phạm chí thừa :

— Nếu Đại sư xuất gia, chúng tôi cũng xuất gia, nếu đại sư làm gì thì chúng tôi sẽ làm theo hết.

Lúc đó, Đại Điển Tôn đến chỗ các phu nhân, và nói :

— Này các ái khanh ! Tùy ý ai muốn ở thì ở, ai muốn về thì về; vì ta muốn xuất gia cầu đạo vô vi.

Ngài đã trình bày đầy đủ về ý chí xuất gia như trên, các phu nhân đáp :

— Ngài hiện nay vừa là chồng, cũng vừa là cha chúng tôi, nay nếu Ngài xuất gia thì chúng tôi cũng xin theo với. Hơn nữa, Điển Tôn làm gì, thì chúng tôi xin làm theo.

Sau bảy ngày, Đại Điển Tôn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, bỏ nhà mà đi, đồng thời bảy quốc vương, bảy đại cư sĩ, bảy trăm Phạm chí, bốn mươi phu nhân, lần lượt như thế cho đến tám vạn bốn ngàn người đồng thời xuất gia theo Đại Điển Tôn.

Đại Diện Tôn thường cùng đại chúng đạo qua các nước, hóa độ rộng rãi, đem lại nhiều lợi ích cho nhân dân.

Bấy giờ Phạm thiên vương bảo Thiên chúng :

— Các người chớ nghĩ đại thần Diện Tôn lúc đó là ai đâu khác, chính là thân Phật Thích-ca hiện nay vậy.

Đức Thế Tôn' lúc đó, qua bảy ngày, xuất gia tu đạo, dẫn đại chúng đi qua các nước giáo hóa rộng rãi, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh. Nếu có nghĩ lời ta nói, thì các người hãy đến đức Thế Tôn hiện đương ngự tại núi Kỳ-xà-quật để hỏi. Nếu như Phật có dạy điều gì, thì hãy cố gắng ghi nhớ lấy.

Bàn-già-dục thưa :

— Tôi vì nhân duyên đó nên hôm nay đến đây, xin hỏi Ngài : “Đại Diện Tôn kia chính là Thế Tôn phải chăng ? Ngài lúc đó qua bảy ngày, thì xuất gia tu đạo, rồi cùng bảy quốc vương cho đến tám vạn bốn ngàn người đồng thời xuất gia, đi du hóa các nước, giáo hóa rộng rãi, đem lại nhiều lợi ích có phải không ?”

Phật bảo Bàn-già-dục rằng :

— Chớ nghĩ Đại Diễn Tôn lúc đó là ai khác, chính Ta đây vậy. Cả nước thuở đó, gái trai mỗi khi đi lại, có điều chi nguy khốn đều cất tiếng niệm : “Nam Mô Đại Diễn Tôn, Thất Vương Đại Tướng”, và niệm ba lần như vậy.

Này Bàn-già-dục ! Diễn Tôn lúc đó tuy có oai đức lớn, nhưng không thể vì đệ tử giảng nói đạo lý cứu cánh phạm hạnh, không thể khiến cho đệ tử đến nơi an ổn. Hơn nữa pháp của Diễn Tôn nói ra, nếu đệ tử nào thật hành thì sau khi qua đời, chỉ được sanh lên cõi trời Phạm thiên, người nào thật hành cạn hơn, thì sanh lên cõi Tha hóa tự tại, Đâu-suất-dà, Diêm-ma, Đạo-lợi, Tứ thiên vương, hoặc Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Cư sĩ tại gia, và muốn gì cũng được.

Này Bàn-già-dục ! Đệ tử của Đại Diễn Tôn đều là kẻ có trí, xuất gia, có quả báo, có giáo giới, nhưng đạo của Diễn Tôn chưa phải là đạo cứu cánh, chẳng khiến cho đệ tử chứng được cứu cánh phạm hạnh, chẳng đưa đệ tử đến chỗ an ổn hoàn toàn. Điểm cao tột của đạo đó chỉ đưa đến cõi Phạm thiên là cùng. Còn nay, giáo pháp Ta dạy cho đệ tử có thể khiến cho họ mau được đạo cứu cánh và cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn, và cuối cùng

chúng nhập Niết-bàn. Pháp của Ta nói, nếu đệ tử nào thực hành thì bỏ hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, sanh tử đã chấm dứt, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn bị tái sanh. Người nào thật hành cặn hơn thì trừ được năm hạ phần kiết sử và có thể nhập Niết-bàn tại Thiên giới, chứ không trở lại cõi này. Thứ đến, là trừ hết ba kiết sử, giảm bớt tham dục, phần nộ và ngu si, chỉ còn một lần sanh lại cõi đời này, chúng nhập Niết-bàn. Cuối cùng là dứt ba kiết sử, chúng quả Tu-dà-hoàn, không còn bị đọa ác đạo, và nhiều lắm là bảy lần sanh tử lại cõi đời này và chắc chắn sẽ chúng nhập Niết-bàn.

Này Bàn-già-dục, các đệ tử của Ta là hạng người có trí xuất gia, có quả báo, có giáo giới, được cứu cánh đạo pháp, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn, và cuối cùng vào Niết-bàn.

Khi bàn-già-dục nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH XÀ NI SA

Tôi nghe như vậy :

Một thời đức Phật cùng đông đủ chúng đại Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị du hóa tại Kiên-trùỵ trụ xứ, ở Na-đê.

Bấy giờ, tôn giả A-nan ngồi trong tịnh thất im lặng tự nghĩ : “Thật kỳ đặc, đức Như Lai thọ ký riêng từng người làm cho họ được nhiều lợi ích, chẳng hạn như đại thần Già-già-la sau khi mệnh chung thì đức Như Lai ghi nhận vị ấy sẽ dứt được năm hạ phần kiết sử, liền sanh về cõi Trời mà

diệt độ, không còn trở lại cõi này nữa. Và Già-lăng-già, Tỷ-già-đà, Già-lợi-châu, Già-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đâu-lâu, Tấu-bà-đâu, Tha-lê-xá-nậu, Tấy-đạt-lê-xá-nậu, Da-thâu, Da-thâu-đa-lâu, với các đại thần trên sau khi mệnh chung, đức Phật đều thọ ký là họ đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, liền được sanh về cõi Trời mà diệt độ tại đấy, không còn sanh lại cõi này nữa.

Lại có năm mươi người khác mệnh chung, đức Phật cũng thọ ký là họ đã giảm nhẹ ba kiết sử, dâm, nộ, si chứng quả Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần sanh lại cõi này là dứt sạch gốc khổ. Đồng thời có năm mươi vị khác mệnh chung, đức Phật cũng thọ ký cho họ là đã dứt hết ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn dọa vào ác đạo, chỉ còn sanh lại cõi này bảy lần và cuối cùng nhất định dứt sạch gốc khổ. Hơn nữa, có những người đệ tử Phật, từ những chỗ mạng chung, đức Phật đều thọ ký cho họ, những người này sinh ra ở nơi này và những người kia sinh ra ở chỗ kia. Người nước Ương-già, nước Ma-kiệt, nước Câu-thi, nước Cư-tát-la, nước Bạt-kỳ, nước Mạt-la, nước Chi-đề, nước Bạt-sa, nước Cư-lâu, nước Ban-xà-la, nước Phã-tháp-ba, nước A-bàn-đề, nước Bà-ta, nước Tô-la-bà, nước

Càn-dà-la, nước Kiêm-khiên-sa, với mười sáu đại quốc trên đều có người mệnh chung, Phật đều thọ ký cho họ. Trái lại, người nước Ma-kiệt đều là dòng dõi vua chúa, được nhà vua tín nhiệm, đã có những người mệnh chung mà Phật không thọ ký cho họ.”

Khi ấy, tôn giả A-nan từ tịnh thất đứng dậy đi đến chỗ Thế Tôn ngự, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, và thưa Phật như sau :

— Vừa rồi con ở nơi tịnh thất, im lặng tự nghĩ : “Kỳ diệu thay, đức Phật thọ ký riêng từng người, làm nhiều sự lợi ích cho họ, trong mười sáu đại quốc đều có người đã mệnh chung, và Phật đều thọ ký, chỉ có người nước Ma-kiệt, được nhà vua đích thân trao trách nhiệm đã có người mệnh chung, và riêng họ lại không được Ngài thọ ký”. Vậy cúi xin đức Thế Tôn hãy vì họ mà thọ ký, cúi mong đức Thế Tôn hãy thọ ký cho họ, để làm lợi ích cho họ và tất cả Trời, Người được an lạc. Hơn nữa Phật thành đạo tại nước Ma-kiệt-dà, mà người nước ấy mệnh chung, thế mà riêng họ không được thọ ký ! Cúi xin Thế Tôn hãy thọ ký cho họ, cúi mong đức Thế Tôn hãy thọ ký cho họ. Lại nữa, vua nước Ma-kiệt là Bình-sa, là một vị ưu-bà-tắc

hết lòng tin Phật, nhiều sự cúng dường, sau đó thì mệnh chung, do nhà vua này có nhiều người tin hiểu và cúng dường Tam Bảo, nhưng hôm nay đức Thế Tôn không thọ ký cho ông ta. Vậy cúi xin đức Thế Tôn hãy thọ ký cho ông ta, cúi xin Thế Tôn hãy thọ ký cho ông ta để làm lợi ích cho chúng sanh, đồng thời khiến cho Trời, Người đều được an lạc.

Lúc đó ngài A-nan vì người nước Ma-kiệt mà khuyến thỉnh đức Thế Tôn thọ ký cho họ xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Phật và ra đi.

Bấy giờ đức Thế Tôn đáp y, mang bát vào thành Na-già. Khất thực xong, Ngài đến khu vực Đại Lâm và ngồi dưới một gốc cây suy tư về nơi thọ sanh của người nước Ma-kiệt đã qua đời.

Khi đó cách Phật không xa, có một vị quý thần tự xưng tên mình và bạch Phật :

— Tôi là Xà-ni-sa, tôi là Xà-ni-sa !

Đức Phật hỏi :

— Nhà ngươi có việc gì mà tự xưng là Xà-ni-sa ? Nhà ngươi có pháp gì mà tự xưng là thấy được dấu của đạo ?

Xà-ni-sa đáp :

— Không có việc gì khác, tôi vốn là một vị vua, ở trong giáo pháp Như Lai, làm kẻ ưu-bà-tắc, nhất tâm niệm Phật mà mệnh chung, nên được sanh làm thái tử của Tỳ-sa-môn Thiên vương, được quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác đạo, và trong bảy đời ấy thường gọi là Xà-ni-sa.

Khi đức Thế Tôn ở khu vực Đại Lâm cảm thấy vừa đủ, bèn đến xứ Na-dà-kiền-trĩ, lại chỗ ngồi mà ngồi rồi bảo vị Tỳ-kheo rằng :

— Người hãy nhân danh Ta mà gọi A-nan lại !

— Vâng !

Rồi vị ấy theo lời Phật dạy đi gọi A-nan. A-nan bèn đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật, đứng sang một bên và bạch Phật rằng :

— Nay con thấy dung sắc Như Lai thù thắng, thường ngày thì các căn tịch tịnh, Ngài đang nghĩ gì mà dung sắc thù thắng như vậy ?

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan rằng :

— Vừa rồi ông vì người Ma-kiệt mà đến chỗ Ta, cầu thỉnh thọ ký rồi ra đi. Sau đó Ta đáp y

tri bát vào thành Na-la mà khát thực, khát thực xong, đến rừng lớn kia ngồi dưới gốc cây suy nghĩ về chỗ thọ sinh của người nước Ma-kiệt sau khi mạng chung. Bấy giờ cách Ta không xa có một vị quý thần tự xưng tên mình mà thưa với Ta : “Tôi tên là Xà-ni-sa, tôi là Xà-ni-sa”. Nay A-nan, người đã từng nghe tên Xà-ni-sa chưa ?

A-nan bạch Phật :

— Con chưa từng nghe, nay nghe tên người đó con sanh lòng sợ hãi, lông tóc dựng ngược. Kính bạch Thế Tôn, vị quý thần này ắt có uy đức lớn, cho nên có tên là Xà-ni-sa.

Rồi Thế Tôn dạy :

— Trước hết, Ta hỏi người kia : “Người do pháp gì mà tự xưng thấy được dấu đạo ?” Xà-ni-sa đáp : “Con chẳng vì một điều gì khác, một lý do nào khác mà chỉ vì xưa kia con là nhân vương, là đệ tử của Phật, có lòng tin kiên cố, là ưu-bà-tắc một lòng nghĩ nhớ đến Phật. Sau khi mạng chung được làm con của Sa-môn Thiên vương, chứng quả Tu-dà-hoàn không còn đọa vào ác thú, chỉ sinh lại bảy lần thì dứt hết gốc khổ. Trong bảy lần tái sinh, con đều có tên là Xà-ni-sa”.

Một thời Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây, tại rừng Đại Lâm, Xà-ni-sa, còn đang ngồi trên xe báu trời ngàn cãm vì có chút duyên sự, muốn đến Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, từ xa Xà-ni-sa trông thấy đức Thế Tôn, ngồi dưới gốc cây, dung mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, ví như vực sâu trong sạch và sáng sủa. Khi thấy Ngài xong, Xà-ni-sa tự nghĩ : “Nay ta có thể đến hỏi đức Thế Tôn về người nước Ma-kiệt, mệnh chung sẽ sanh về đâu ?”

Lại có Tỳ-sa-môn Thiên vương ở trong đại chúng, nói bài kệ rằng :

*Chúng ta không tự nhớ,
Việc làm trong quá khứ,
Nay được gặp Thế Tôn,
Tuổi thọ càng tăng thêm .*

Vào một thời gian khác, chư Thiên Dao-lợi, vì có chút nhân duyên nên tụ tập lại một nơi. Khi đó tứ Thiên vương đều ngồi theo phương hướng của mình, Đề-đâu-lại-tra Thiên vương thì ngồi ở hướng Đông, mặt xây về hướng Tây, Đế-thích ngồi ở trước mặt; Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, ngồi ở hướng Nam, mặt xây về hướng Bắc, Đế-thích ngồi ở trước mặt; Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương, ngồi ở hướng

Tây, mặt xây về hướng Đông, Đế-thích ngồi ở trước mặt. Tỳ-sa-môn Thiên vương, ngồi ở hướng Bắc, mặt xây về hướng Nam, Đế-thích ngồi ở trước mặt. Sau khi tứ Thiên vương ngồi xong, thì tới phiên Xà-ni-sa ngồi và có các đại thiên thần, trước đây đều ở chỗ Phật, tịnh tu phạm hạnh, nên ở đây mệnh chung được sanh về cõi Đao-lợi, đồng thời số chư Thiên ấy có thêm nhiều sự lợi ích, hưởng thụ năm thứ phước báu cõi trời : 1. Được sống lâu ở cõi trời; 2. Được sắc đẹp cõi trời; 3. Được tiếng tăm cõi trời; 4. Được an lạc cõi trời; 5. Được uy đức cõi trời. khi ấy chư Thiên Đao-lợi đều vui mừng hơn hờ, và nói : “Chúng chư Thiên tăng lên, chúng A-tu-la giảm xuống”

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn, biết chư Thiên Đao-lợi có tâm niệm vui mừng hơn hờ, liền nói bài kệ :

*Chư Thiên Đao-lợi người,
Cùng Đế-thích vui chơi,
Kính lễ đức Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.
Chư Thiên được phúc báo,
Thọ, sắc, danh, lạc, oai,
Theo Phật tu phạm hạnh,*

*Nên sanh về cõi này.
Lại có chư Thiên, Nhơn,
Ánh sáng thật tuyệt vời,
Đệ tử đức Trí Tuệ,
Sanh đây lại thù thắng.
Đao-lợi và Đế-thích,
Suy tư tự vui thú,
Kính lễ đức Như Lai,
Đấng Pháp Vương tối thượng.*

Lúc đó, thần Xà-ni-sa nói : “Sở dĩ chư Thiên Đao-lợi tập họp tại pháp đường như thế là để cùng nhau thảo luận, suy tư, quán sát, khen ngợi về những giáo lệnh ấy. Và sau đó mới dạy cho tứ Thiên vương, đồng thời tứ Thiên vương khi nhận lãnh xong lời dạy bảo, thì theo phương hướng của mình mà ngồi, nhưng ngồi chưa bao lâu, thì có ánh sáng lạ chiếu cả bốn phương.”

Lúc đó chư Thiên Đao-lợi, thấy ánh sáng khác thường ấy đều lấy làm kinh ngạc, và nói : “Nay ánh sáng khác thường này chắc sẽ có điềm lạ gì đây ? Hơn nữa ngay cả hàng chư Thiên có oai đức cũng đều sợ hãi”, và nói : “Nay có ánh sáng khác thường này chắc sẽ có điềm lạ gì đây !”.

Khi ấy, Đại Phạm thiên vương liền hóa thành đồng tử, đầu có năm búi tóc, đứng trong hư không, ở trên Thiên chúng, dung mạo, nhan sắc, đoan chánh, vượt hẳn chúng Trời, thân màu vàng tía, lấn át cả ánh sáng của chư Thiên khác.

Khi đó, chư Thiên Đao-lợi, cũng không đứng dậy nghinh tiếp, không cung kính và không mời ngồi. Bấy giờ, Phạm đồng tử, đứng theo chỗ ngồi mà ngồi một cách vui tươi, ví như vị vua thuộc dòng Sát-đế-lợi vui mừng hơn hờ khi được làm lễ quán danh lên ngôi. Vị Phạm đồng tử ấy ngồi chưa bao lâu, thì tự biến thân thành đồng tử khác, đầu có năm búi tóc, ngồi trong hư không, ở trên đại chúng. Ví như lực sĩ ngồi yên, ngay ngắn hoàn toàn bất động, và nói bài kệ :

*Đấng Điều phục vô thượng,
Dem ánh sáng cho đời,
Giảng nói pháp nhiệm mầu,
Phạm hạnh không ai bằng.
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Sanh về trời Tịnh Diệu.*

Khi Phạm đồng tử nói xong bài kệ trên, thì bảo chư Thiên Đao-lợi : “Âm thanh của chư Thiên

đó có năm thứ thanh tịnh, cho nên gọi là phạm âm. Năm thứ ấy là gì ? — 1. Âm thanh chính trực; 2. Âm thanh hòa nhã; 3. Âm thanh trong trẻo; 4. Âm thanh sâu xa đầy đủ; 5. Âm thanh cùng khắp (nghe xa). Phải đầy đủ năm thứ đặc điểm này của âm thanh thì mới gọi là phạm âm.” Ta nay sẽ nói lại các người hãy lắng nghe, các vị ưu-bà-tắc, đệ tử đức Như Lai, ở nước Ma-kiệt-dà qua đời đã có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả Tư-dà-hàm, có người chứng quả Tu-dà-hoàn, hoặc có người sanh về cõi Trời Tha hóa Tự tại, hoặc có người sanh về cõi Trời Hóa tự tại, Đâu-suất, Diệm-ma, Đao-lợi, tứ Thiên vương hoặc có người sanh vào dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, được ngũ dục tự nhiên.

Khi ấy Phạm đồng tử đọc bài kệ :

*Bà-tắc nước Ma-kiệt,
Những người đã mệnh chung,
Tám muôn bốn ngàn người.
Ta nghe họ dắc đạo,
Chứng quả Tu-dà-hoàn,
Không sanh lại cõi ác,
Đi trên đường chân chánh,*

*Chúng đạo hay cứu tế.
Nhưng hạng chúng sanh này,
Giữ gìn các công đức,
Trí tuệ, là ân ái,
Hổ thẹn, là vọng ngữ.
Ở giữa chư Thiên ấy,
Phạm đồng nói như thế,
Họ được Tu-đà-hoàn,
Chư Thiên đều hoan hỷ.*

Khi Tỳ-sa-môn Thiên vương nghe bài kệ này xong, vui mừng và nói :

— Đức Thế Tôn xuất thế nói pháp chân thật, thật là kỳ diệu chưa từng có. Ta vốn không biết đức Như Lai xuất thế, nói pháp như thế, và trong vị lai sẽ có Phật nói pháp như thế, đồng thời khiến cho chư Thiên Đao-lợi phát tâm hoan hỷ.

Lúc đó, Phạm đồng tử bảo Tỳ-sa-môn Thiên vương :

— Ngươi vì cớ gì mà nói lời ấy, như sau :
“Đức Như Lai ra đời nói pháp này thật là kỳ diệu, chưa từng có ?” Đức Như Lai dùng sức phương tiện để nói về pháp thiện và bất thiện một cách đầy đủ, nhưng không có được pháp ấy; đồng thời

nói pháp không tịch như có được pháp ấy. Đây là pháp vi diệu cũng như đề hồ.

Khi ấy, Phạm vương đồng tử lại bảo chư Thiên Dao-lợi :

— Các Người hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ về vấn đề này, ta sẽ vì các người mà nói, đức Như Lai chí chơn khéo phân biệt và thuyết về pháp Tứ Niệm xứ, Tứ Niệm xứ là gì ? — 1. Quán trong thân, chuyên cần không biếng nhác, chuyên chú nhớ mãi không quên, để trừ tham ưu ở thế gian. Sau cùng là đồng thời quán trong và ngoài thân, chuyên cần không biếng nhác, chuyên chú nhớ mãi không quên để loại trừ tham ưu ở thế gian; 2. Quán về thọ; 3. Quán về ý; 4. Quán về pháp một cách chuyên cần không biếng nhác để loại trừ tham ưu ở thế gian, trừ được tham ưu ở đời. Sau khi quán trong thân xong, thì sinh tha thân trí. Khi quán sự cảm thọ bên trong xong, thì sinh tha thọ trí. Khi quán ý bên trong xong, thì sinh tha ý trí. Khi quán nội pháp xong, thì sinh tha pháp trí. Đó là đức Như Lai khéo phân biệt nói về pháp Tứ Niệm xứ.

Này chư Thiên, các Người hãy lắng nghe, ta sẽ nói tiếp : đức Như Lai khéo có thể phân biệt

nói về Thất Định cụ. Thất Định cụ là gì ? — Đó là chánh kiến, chánh tri, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh phương tiện, chánh niệm. Đó là đức Như Lai khéo có thể phân biệt nói về pháp Thất Định cụ.

Này chư Thiên, đức Như Lai khéo có thể phân biệt và nói về pháp Tứ Thần túc. Tứ Thần túc là gì ? — 1. Nhờ tu tập Dục định mà diệt trừ được các hành nghiệp và thành tựu sự tu tập thần túc; 2. Nhờ tu tập Tinh tấn định mà diệt trừ được các hành nghiệp và thành tựu sự tu tập thần túc; 3. Nhờ tu tập Ý định mà diệt trừ được các hành nghiệp và thành tựu sự tu tập thần túc; 4. Nhờ tu tập Tư duy định mà diệt trừ được các hành nghiệp và thành tựu sự tu tập thần túc. Đó là đức Như Lai khéo có thể phân biệt, nói pháp Tứ Thần túc.

Này chư Thiên, các hàng Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ đã dùng vô số phương tiện, hiện vô lượng Thần túc, đều do Tứ Thần túc phát khởi, giả sử các Sa-môn, Bà-la-môn trong tương lai dùng vô số phương tiện, hiện vô lượng Thần túc cũng đều do Tứ Thần túc này phát khởi, và các Sa-môn, Bà-la-môn hiện nay, dùng vô số phương tiện, hiện

vô lượng Thần túc, cũng đều do Tứ Thần túc này phát khởi.

Khi đó, Phạm đồng tử liền biến thân mình thành thân Tam thập tam thiên, đồng thời cùng ngồi với chư Thiên Tam thập tam và bảo :

— Người muốn thấy năng lực thần biến của ta không ?

Đáp :

— Vâng, muốn thấy !

Phạm đồng tử nói :

— Ta cũng do tu Tứ Thần túc này nên có thể biến hóa vô số như thế.

Lúc ấy, chư Thiên Tam thập tam đều tự nghĩ :
“Nay, chỉ Phạm đồng tử ngồi ở chỗ ngồi của ta mà nói lời ấy, hơn nữa, khi vị Phạm đồng tử hóa thân này nói, thì hóa thân khác cũng nói, khi một hóa thân im lặng, thì hóa thân khác cũng im lặng.”

Khi đó, Phạm đồng tử ấy liền thu nhiếp Thần túc trở lại và ngồi chỗ ngồi của Đế-thích, đồng thời bảo chư Thiên Đạo-lợi như sau :

— Ta nay sẽ nói, các Người lắng nghe ! Đức Như Lai chí chơn đã tự sử dụng năng lực của mình để mở bày ba con đường tắt hầu đến ngôi Chánh Giác. Ba con đường tắt đó là :

Hoặc có chúng sanh thân cận tham dục, thực hành pháp bất thiện, người đó về sau lại được thân cận thiện trí thức, được nghe lời pháp, các pháp đều thành tựu, lúc đó họ rời tham dục, từ bỏ các hạnh bất thiện, được tâm hoan hỷ an nhiên khoái lạc, lại trong trạng thái khoái lạc ấy mà phát sanh đại hoan hỷ. Ví như người từ bỏ thức ăn dở mà ăn cơm trắng vị, khi ăn xong thì no đủ. Thế rồi lại còn tìm thức ăn ngon hơn nữa. Cũng như thế, hành giả lìa bỏ bất thiện, được niềm hoan lạc, rồi ở trong trạng thái hoan lạc đó mà sanh đại hoan hỷ. Đó là đức Như Lai tự sử dụng năng lực của mình để mở bày con đường tắt thứ nhất thành tựu Chánh Giác tối thượng.

Lại có chúng sanh nhiều sân nhuế, không từ bỏ ác nghiệp về thân, về khẩu và về ý. Người ấy về sau lại gặp được thiện trí thức, được nghe lời pháp và thành tựu các pháp, lìa bỏ những ác hành về thân, về khẩu và về ý, sanh tâm hoan hỷ, an nhiên khoái lạc, lại ở trong trạng thái an lạc ấy

phát sanh đại hoan hỷ. Như người từ bỏ thức ăn dở, ăn cơm trăm vị khi ăn xong thì no đủ. Thế rồi lại còn tìm thức ăn ngon hơn nữa. Cũng như vậy, hành giả lìa bỏ pháp bất thiện, được niềm hoan lạc, lại ở trong niềm hoan lạc ấy sinh đại hoan hỷ. Đó là đức Như Lai mở bày con đường tắt thứ hai.

Hoặc có chúng sanh ngu si không trí tuệ, không biết thiện ác, không có thể như thật biết về Khổ, Tập, Diệt Và Đạo, người ấy về sau gặp được thiện tri thức, được nghe lời pháp thành tựu các pháp, biết được pháp thiện và bất thiện, đồng thời có thể biết như thật về Khổ, Tập, Diệt và Đạo từ bỏ các hạnh bất thiện, tâm sinh hoan hỷ, an nhiên khoái lạc, lại ở trong trạng thái khoái lạc đó mà phát sanh đại hoan hỷ. Như người từ bỏ thức ăn dở để ăn cơm trăm vị, khi ăn xong được no đủ, lại còn tìm thức ăn ngon hơn nữa. Cũng như vậy, hành giả lìa bỏ pháp bất thiện, được niềm hoan lạc, lại ở trong trạng thái hoan lạc ấy phát sinh đại hoan hỷ. Đó là đức Như Lai mở bày con đường tắt thứ ba.

Phạm đồng tử ở trên chư Thiên Đạo-lợi nói Chánh pháp này. Tỳ-sa-môn Thiên vương lại vì quyến thuộc mà nói Chánh pháp này. Đồng thời

Thần Xà-ni-sa cũng ở trước Phật mà nói Chánh pháp này. Đức Thế Tôn lại vì A-nan mà nói Chánh pháp này. A-nan lại vì chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng nói Chánh pháp này.

Lúc đó, ngài A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH TIỂU DUYÊN

Tôi nghe như vậy :

Một thời đức Phật cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều ngự tại giảng đường Lộc Mẫu, trong vườn Thanh Tín, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc đó có hai người Bà-la-môn tên là Bà-tất-tra và Bà-la-đọa đem lòng tin vững chắc đi đến chỗ Phật ngự, cầu xin xuất gia hành đạo.

Bấy giờ, đức Thế Tôn rời khỏi tịnh thất và đi kinh hành thông thả ở trên giảng đường. Khi

Bà-tất-tra vừa trông thấy Phật đang đi kinh hành, ông vội vàng tìm đến Bà-la-đọa và hỏi : “Người có biết không, nay đức Như Lai đã rời khỏi tịnh thất và đang đi kinh hành trên giảng đường. Vậy, chúng ta có thể cùng đến chỗ Thế Tôn, để nghe đức Như Lai có dạy điều gì không ?” Khi Bà-la-đọa nghe xong lời này, liền cùng nhau đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt đánh lễ chân Phật và theo Phật đi kinh hành. Lúc ấy đức Thế Tôn hỏi Bà-la-môn :

— Hai người các Ông vốn sanh trưởng trong dòng Bà-la-môn, nay đem lòng tin vững chắc muốn xuất gia tu hành ở trong giáo pháp của Ta không ?

— Thưa phải !

Phật dạy :

— Nay các Ông xin xuất gia học đạo ở trong giáo pháp của Ta thì các Ông đâu tránh khỏi sự hiềm trách của các Bà-la-môn ?

— Vâng ! Đúng như thế, nhờ đại ân của Phật cho chúng tôi xuất gia tu hành thì chắc chắn sẽ bị các Bà-la-môn khác hiềm trách chúng tôi.

— Họ lấy gì để hiềm trách các Ông ?

— Họ nói : “Dòng Bà-la-môn ta là tối cao bậc nhất, còn các dòng họ khác là thấp hèn; dòng họ

ta trong sáng, dòng họ khác tối tăm; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, sinh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh. Các người vì lẽ gì từ bỏ dòng họ thanh tịnh mà vào trong giáo pháp khác của Cù-đàm ?” Bạch Thế Tôn, những người kia thấy trong giáo pháp của Phật xuất gia tu đạo, dùng lời nói như thế mà trách chúng tôi.

Phật dạy :

— Nay Bà-tất-tra, người hãy xem những người đó thật ngu si không biết, giống như cầm thú mới dối trá tự xưng : “Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, dòng họ khác là thấp hèn; dòng họ Bà-la-môn trong sạch, dòng họ khác tối tăm; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, sinh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh”.

Này Bà-tất-tra, nay trong đạo chơn chánh vô thượng của Ta, không cần tự thị về dòng họ, không có tâm niệm ngã mạn, kiêu căng tự thị. Pháp thế gian cần những thứ đó, trái lại giáo pháp Ta chẳng cần. Nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào lòng đầy tự thị về dòng họ, tâm ôm chặt kiêu căng, ngã mạn, thì ở trong giáo pháp của Ta suốt đời không thể chứng được đạo vô thượng. Ngược lại, nếu họ

có thể từ bỏ lòng tự thị về dòng họ, đồng thời diệt trừ tâm kiêu căng, ngã mạn thì ở trong giáo pháp của Ta mới có thể thành đạo chứng quả và có thể lãnh thọ Chánh pháp. Thói thường, người đời rất ghét hạ lưu, nhưng giáo pháp của Ta thì không như thế.

Này Bà-tất-tra, có bốn chủng tánh, gồm cả những người vừa thiện vừa ác sống lẫn lộn với nhau, vừa được người trí khen ngợi, đồng thời cũng vừa bị người trí chê bai. Bốn chủng tánh là : 1. Sát-đế-lợi; 2. Bà-la-môn; 3. Cư sĩ; 4. Thủ-đà-la.

Này Bà-tất-tra, chắc người đã từng nghe trong dòng Sát-đế-lợi, có kẻ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói độc ác, nói thêm bớt, xan tham, tật đố và tà kiến. Và trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có lẫn lộn đủ hạng người làm mười điều ác như thế.

Này Bà-tất-tra, phạm hành động bất thiện, thì tất nhiên có quả báo bất thiện, hành động hắc ám tất nhiên có quả báo hắc ám. Nếu giả sử quả báo này chỉ có cho dòng Sát-lợi, Cư sĩ, Thủ-đà-la mà không có cho người dòng Bà-la-môn, thì dòng Bà-la-môn mới được tự xưng : “Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, còn các dòng khác thì thấp hèn;

dòng ta trong sáng, dòng khác tối tăm; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh”. Nay Bà-tất-tra, giả sử hành động bất thiện, tất nhiên có quả báo bất thiện, hành động tối tăm, tất nhiên có quả báo tối tăm, thì hẳn là đối với dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, Bà-la-môn không được riêng xưng : “Dòng ta là thanh tịnh bậc nhất”. Nay Bà-tất-tra, nếu trong dòng Sát-lợi có người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói độc ác, không nói thêm bớt, không xan tham, không tật đố và không tà kiến, đồng thời trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có người tu thập thiện như thế, phạm hành động thiện, tất nhiên có quả báo thiện; hành động trong sáng, tất nhiên có quả trong sáng. Giả sử quả báo này chỉ có đối với dòng Bà-la-môn mà không có đối với dòng Sát-lợi, Cư sĩ, Thủ-đà-la, thì dòng Bà-la-môn mới được tự xưng là : “Dòng ta thanh tịnh bậc nhất.”. Giả sử bốn chủng tánh trên đều có quả báo này, thì những Bà-la-môn không được riêng xưng là : “Dòng ta thanh tịnh bậc nhất.”

Nay Bà-tất-tra, hiện nay, ai ai cũng thấy dòng Bà-la-môn cũng có cưới vợ, gả chồng và sinh sản

như người thường không khác, thế mà họ dám dối trá tự xưng : “Ta là dòng Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh.”

Này Bà-tất-tra, nay Ngươi phải biết, hàng đệ tử của Ta ngày nay dòng họ không đồng, chỗ sanh đều khác nhau và hiện ở trong giáo pháp Ta, xuất gia tu đạo. Nếu có người hỏi ông thuộc dòng họ nào ? Nên đáp với họ : “Ta là con Sa-môn dòng họ Thích”, cũng có thể tự xưng : “Ta là dòng Sa-môn, đích thân từ miệng Phật sinh ra, từ pháp Phật hóa sinh, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh.” Tại sao ? Vì danh từ Đại Phạm tức là tôn hiệu của Như Lai. Như Lai là con mắt của thế gian, là trí tuệ của thế gian, là pháp của thế gian, là phạm của thế gian, là pháp luân của thế gian, là cam lồ của thế gian, là pháp chủ của thế gian.

Này Bà-tất-tra, nếu như trong dòng Sát-lợi, có người hết lòng tin Phật, đức Như Lai là bậc chỉ chơn Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu; hết lòng tôn pháp, tin pháp của Như Lai vì diệu thanh tịnh, hiện tại có thể tu hành theo được, pháp ấy nói ra không hạn cuộc bởi thời gian, chỉ rõ chỗ ách yếu

của Niết-bàn và chỉ có người trí mới thấy rõ, không phải kẻ phàm ngu mà có thể thấu rõ được giáo pháp này; và hết lòng tin Tăng, tin Tăng là đệ tử chân thật của Phật, tánh thiện chất trực, thành tựu đạo quả, là quyến thuộc, đệ tử chân thật của Phật thì pháp này cũng thành tựu được gọi chung là thành tựu về giới, về định, về tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Đồng hướng tới Tu-đà-hoàn, thì chứng quả Tu-đà-hoàn, hướng tới Tư-dà-hàm thì chứng quả Tư-dà-hàm, hướng tới A-na-hàm thì chứng quả A-na-hàm, hướng tới A-la-hán, thì chứng quả A-la-hán, đó là bốn đôi tám bậc, là chứng đệ tử của Như Lai. Chúng ấy đáng tôn kính, là ruộng phước của thế gian xứng đáng thọ sự cúng dường của người, và hết lòng tin giới, thánh giới đầy đủ không thiếu sót, không tỳ vết, cũng không dõm dờ, được người trí ngợi khen đầy đủ tánh chất thiện lành và tịch tịnh. Nay Bà-tất-tra, các dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thù-dà-la cũng nên hết lòng như thế mà tin vào Phật, tin Pháp, tin Tăng và thành tựu Thánh giới. Nay Bà-tất-tra, trong dòng Sát-lợi cũng có người cúng dường cung kính lễ bái A-la-hán và dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thù-dà-la cũng đều cúng dường, cung kính, lễ bái A-la-hán.

Phật bảo Bà-tất-tra :

— Nay dòng họ Thích của Ta cũng phụng sự, lễ kính vua Ba-tư-nặc, vua Ba-tư-nặc cũng đến cúng dường, lễ kính Ta, nhà vua không nghĩ rằng : “Sa-môn Cù-dàm sinh trưởng trong dòng hào tộc, còn dòng họ ta thì thấp kém. Sa-môn Cù-dàm xuất thân từ gia đình rất giàu có, oai đức lớn, còn ta thì sanh trưởng trong gia đình bần cùng, ty tiện quê mùa, cho nên ta phải đến cúng dường, kính lễ Như Lai.” Vua Ba-tư-nặc nhờ quán thấy được sự trong sáng của giáo pháp, mà biết rõ được chân ngụy, cho nên mới sanh lòng tin thanh tịnh và đến kính lễ, cúng dường Như Lai.

Này Bà-tất-tra, Ta sẽ vì Ông nói rõ bản duyên của bốn dòng họ trên :

Đến khi kiếp thi chung của trời đất tận hoại, chúng sanh mệnh chung, đều sanh lên cõi Trời Quang Âm, tự nhiên mà hóa sanh, ở đây họ sống bằng niệm lực trên thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc, bay trên hư không. Sau đó, cõi đất này biến hết thành nước tràn ngập khắp nơi. Chính lúc đó, không còn mặt trời, mặt trăng, tinh tú, không còn ngày đêm, năm tháng, chỉ có vùng tối tăm rộng lớn. Sau đó biển nước này thành trời đất, các vị Trời Quang Âm, đến lúc hết phúc, mệnh

chung và trở lại sanh xuống đó. Tuy là sanh xuống đó, nhưng vẫn còn sống bằng niệm lực, có thần túc bay trên hư không, thân tự chiếu ánh sáng, họ sống ở đó một thời gian khá lâu và ai nấy đều tự xưng : “Chúng sanh, chúng sanh”.

Sau đó, trong cõi đất này, có dòng suối ngọt trào ra giống như tô mật, thế rồi các vị Thiên mới đến kia, thiên tính còn hơi hợt, khi thấy dòng suối này, thì họ thăm nghĩ : “Đây là vật gì, ta hãy nếm thử”. Họ liền nhúng tay vào suối để nếm thử, và nếm vài ba lần như thế, biết được vị ngọt của nước ấy, họ mới lấy tay bốc ăn, và ăn một cách say mê, không biết chán. Thế rồi các chúng sanh khác cũng bắt chước bốc ăn, họ ăn vài ba lần như thế thì biết được vị ngon của suối, và tiếp tục ăn mãi không thôi, do đó, thân họ trở thành thô thấp, cơ nhục cứng cáp, mất cả sắc đẹp tuyệt diệu của Trời, đồng thời không còn thần túc, phải đi trên đất, và ánh sáng trên thân cũng mất. Cả trời đất lúc đó đều tối tăm.

Này Bà-tất-tra nên biết, theo lệ thường sau khi tối tăm thì có mặt trời, mặt trăng, tinh tú xuất hiện ở trên hư không. Sau đó mới có ngày đêm, tối sáng, tháng năm. Chúng sanh lúc này chỉ

ăn mùi đất và sống rất lâu ở thế gian. Trong số đó, người nào càng ăn nhiều, thì nhan sắc càng thô xấu, ngược lại, nếu người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp, do đó mới có sự đẹp xấu, đoan chánh phát sanh. Chẳng hạn, người đoan chánh thì sanh tâm kiêu mạn, khinh người xấu xí, trái lại, người thô xấu thì sanh tâm ganh ghét người đoan chánh. Vì thế chúng sanh mới nảy ra sự tranh cãi và ganh ghét nhau kể từ đây.

Bấy giờ suối ngọt tự nhiên khô cạn, sau đó cội đất này lại sanh ra loại nấm đất tự nhiên đầy đủ hương vị và màu sắc, thơm tho, tinh khiết và có thể ăn được. Chúng sanh lúc ấy lại lấy nấm đất đó ăn, và sống ở thế gian này khá lâu. Trong số đó, người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu. Người nào ăn ít thì nhan sắc còn tươi đẹp. Thế rồi người đoan chánh sanh tâm kiêu mạn, khinh người thô xấu, ngược lại người thô xấu thì sanh tâm ganh ghét người đoan chánh. Do đó, chúng sanh mới nảy ra sự tranh tụng với nhau.

Bấy giờ nấm đất không sanh lại nữa, mà sanh một loại nấm đất khác, thô dày, tuy cũng có mùi thơm tho, ăn được nhưng không bằng loại trước. Chúng sanh lúc này lại lấy loại nấm đó để ăn và

sống khá lâu ở thế gian này. Trong số đó, người nào ăn nhiều, thì nhan sắc thô xấu, trái lại, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp, do đó, đưa đến tình trạng người đoan chánh khinh kẻ thô xấu, tranh tụng về thị phi mãi với nhau. Bấy giờ loại nấm ấy không còn sanh lại nữa, mà sanh ra loại gạo tự nhiên không có trấu cám, loại gạo này, đầy đủ những hương vị, màu sắc, thơm tho tinh khiết, có thể ăn được. Thế rồi chúng sanh lúc đó, lại lấy gạo này ăn và sống ở thế gian khá lâu. Sau đó, con trai con gái thân nhau, dần dà có tình dục, đưa đến việc thân nhau và gần nhau. Những chúng sanh khác thấy thế, nói : “Việc Người làm không đúng, việc người làm không đúng.” Thế rồi, người kia bị trục xuất, sau ba tháng mới cho trở lại.

Phật bảo Bà-tất-tra :

— Những điều trước kia người ta cho là không đúng, thì bây giờ người ta cho là đúng, và cứ tập quen theo điều không đúng như thế, đến nỗi buông lung tình dục không có thời tiết, do vì hổ thẹn nên họ tạo ra phòng, từ đó, thế gian mới có nhà cửa. Theo đà đó, họ quen với điều không đúng, sự dâm dục càng tăng và mới có bào thai sanh ra từ sự bất tịnh, từ đó ở thế gian bắt đầu có bào thai.

Khi đó, chúng sanh trên, chỉ ăn lúa gạo tự nhiên, hễ lấy đi bao nhiêu thì lúa lại sanh ra bấy nhiêu, vô cùng vô tận, lúc ấy, trong nhóm chúng sanh trên, lại có người biếng nhác, tự nghĩ thầm : “Nếu sáng ăn sáng lấy, chiều ăn chiều lấy, thì quá nhọc công, chỉ bằng nay ta hãy lấy đủ ăn cho một ngày”. Thế rồi, họ liền lấy đủ ăn cho một ngày. Sau đó bạn bè thấy vậy kêu nhau đi lấy gạo. Kẻ lười đáp : “Tôi đã lấy đủ ăn một ngày, còn người muốn lấy mấy thì tùy ý.” Những người bạn tự nghĩ : “Người này khôn ngoan thật, đã biết lấy lương thực trước, để tích trữ. Ta nay cũng muốn tích trữ lương thực để ăn ba ngày.” Lập tức họ lấy đủ ăn ba ngày. Khi ấy, những chúng sanh khác đều nói : “Chúng ta hãy cùng đi lấy gạo”. Đáp : “Ta đã lấy lương thực cất đủ ăn cho ba ngày. Còn các người muốn lấy mấy thì tùy ý.” Những chúng sanh khác tự nghĩ : “Người này khôn ngoan thật, đã cất lương thực đủ ăn cho ba ngày. Vậy ta hãy bắt chước cất lương thực đủ ăn cho năm ngày.” Họ bèn lấy lương thực cất đủ ăn cho năm ngày.

Cứ như thế, chúng sanh tranh nhau tích trữ lúa gạo làm cho gạo trở nên hư xấu, đồng thời càng sanh trấu cám, và khi gặt rồi thì không sanh trở lại như trước. Chúng sanh bất ngờ thấy thế, trong

lòng không vui, mới có sự lo lắng hoang mang và suy nghĩ : “Chúng ta lúc đầu mới sanh, chỉ sống bằng niệm lực, có thần túc, bay trên hư không, thân tự chiếu sáng, và sống ở thế gian này khá lâu. Sau đó trong cõi đất này có dòng suối ngọt trào ra giống như tô mật, thơm, ngon ngọt có thể ăn được. Chúng ta lúc đó, cùng ăn thức ăn này, ăn một thời gian lâu, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít, thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do vì ăn thứ này, nên khiến cho chúng ta có sự khác nhau về nhan sắc. Thế rồi, chúng sanh mãi ôm lòng tranh tụng, thị phi và ganh ghét lẫn nhau. Lúc đó, dòng suối ngọt tự nhiên khô cạn, và sau đó cõi đất này tự nhiên sanh ra một loại nấm đất, mùi vị đầy đủ thơm ngon có thể ăn được. Khi chúng ta gặp bèn lấy thứ nấm này ăn, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít, thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Chúng sanh lúc đó, mãi ôm lòng tranh tụng về thị phi và ganh ghét lẫn nhau. Khi đó nấm đất không sanh lại nữa, sau đó lại sanh một loại nấm khác, thô dày, cũng thơm ngon và ăn được. Chúng sanh thấy lại lấy ăn, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Thế rồi, chúng sanh lại sanh

lòng tranh tụng thị phi và ganh ghét lẫn nhau. Lúc đó năm đất không sanh nữa mà lại sanh một loại gạo tự nhiên, không có vỏ trấu. Khi chúng ta gặt loại gạo này lại lấy ăn, và sống khá lâu ở thế gian. Có người biếng nhác, cạnh tranh nhau tích trữ, do đó gạo trở nên hư xấu và có nhiều trấu, gặt xong, lúa không sanh trở lại. Họ không biết phải làm sao ! Tức thì họ tự bảo nhau : “Bây giờ chúng ta nên chia đất ra và cấm nêu làm dấu”. Họ liền chia đất ra và cấm nêu làm dấu.

Này Bà-tất-tra, do nhân duyên ấy mới phát sanh danh từ ruộng đất. Chúng sanh lúc đó đã cắt ruộng đất, lập ranh giới từng khu riêng biệt, nên dần dần họ sanh tâm trộm cắp lúa gạo của nhau. Những chúng sanh khác trông thấy, họ nói : “Việc Người làm không đúng, việc người làm không đúng ! Người đã có ruộng đất mà còn lấy trộm của người. Từ nay về sau người không được làm như thế nữa.” Những chúng sanh kia vẫn trộm cắp mãi, mặc dù những chúng sanh này đã quở trách nhiều lần, nhưng hấn vẫn không thôi, nên họ lấy tay đánh và tố cáo với mọi người : “Người này có ruộng lúa mà lại đi lấy trộm của người khác.” Kẻ trộm lại tố người đánh mình rằng : “Người này đánh tôi.” Khi đó, chúng sanh khác thấy hai người

cãi vạ nhau thì ưu sầu không vui và nói một cách ảo não : “Chúng sanh càng ác độc, nên thế gian mới có việc bất thiện phát sanh. Do đó điều xấu ác, bất tịnh là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết và phiền não khổ báo đọa trong ba đường ác. Bởi có ruộng đất riêng nên đưa đến kiện cáo, vậy chúng ta có thể lập lên một người chủ để xử lý về việc này : “Hễ ai đáng báo hộ, thì báo hộ, ai đáng khiển trách thì khiển trách”. Chúng ta sẽ giảm bớt phần gạo để cung cấp cho họ, để họ xử lý việc tranh tụng”. Bấy giờ họ mới chọn một người trong chúng, có hình vóc cao lớn, dung mạo đoan chánh, có oai đức, và bảo : “Người hãy vì chúng tôi mà làm ông chủ bình đẳng hễ ai đáng báo hộ thì báo hộ, ai đáng quở trách thì quở trách, ai đáng đuổi đi thì đuổi đi. Chúng tôi sẽ góp gạo cung cấp cho”. Lúc đó, người được chọn nghe nói thế liền nhận lời lên làm chủ để xử đoán việc kiện cáo, còn mọi người thì lo góp gạo cung cấp. Bấy giờ, người chủ ấy lại dùng lời dịu dàng an ủi mọi người, và mọi người nghe xong đều vô cùng hoan hỷ và tôn xưng : “Lành thay Đại vương ! Lành thay Đại vương !” Từ đó, thế gian mới có danh từ vua, và do dùng Chánh pháp trị dân nên gọi là Sát-lợi. Lúc đó thế gian bắt đầu có tên Sát-lợi.

Thế rồi, trong đám Sát-lợi trên, có người nghĩ như sau : “Nhà là đại hoạn, nhà là gai độc, nay ta thà bỏ nhà đi ở riêng trên núi rừng, đến nhàn tịnh tu hành”. Thế rồi, họ liền bỏ nhà vào trong rừng núi trầm lặng suy tư, đến giờ ăn thì mang bình bát vào làng khát thực, mọi người trông thấy đều vui vẻ cúng dường, hoan hỷ tán thán rằng : “Quý hóa thay, người này có thể bỏ nhà đi ở riêng trên núi rừng, trầm lặng tu đạo, xa lìa mọi điều ác.” Từ đó, trong thế gian mới bắt đầu có thêm Bà-la-môn.

Nhưng trong số Bà-la-môn trên, lại có kẻ không thích nhàn tịnh, tọa thiền và suy tư mà lại vào nhân gian hành nghề đọc tụng, và tự nói : “Ta là người không tọa thiền.” Lúc đó, người thế gian mới gọi họ là “Bà-la-môn không tọa thiền”. Do vì hay đi vào nhân gian nên gọi là “Nhân gian Bà-la-môn”. Và lúc đó, mới có dòng Bà-la-môn xuất hiện ở đời.

Lại trong những chúng sanh trên, có người ưa kinh doanh sự nghiệp, chứa nhiều cửa báu, như người ta gọi những người này là “Cư sĩ”. Ngoài ra, trong số đó có người nhiều kỹ thuật, khéo léo

về phần kiến tạo, nên thế gian mới bắt đầu có tên “Thủ-đà-la công xảo”.

Này Bà-tất-tra, nay thế gian có đủ tên giai cấp và hạng thứ năm là chúng Sa-môn. Vì sao ? Này Bà-tất-tra, vì trong dòng Sát-lợi hoặc có người tự thấy chán với lối sống của mình nên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y. Từ đó danh từ Sa-môn xuất hiện. Lại trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, hoặc có người tự thấy chán với lối sống của mình, nên cạo bỏ râu tóc mặc pháp y tu đạo, thì gọi là Sa-môn.

Này Bà-tất-tra, người dòng Sát-lợi, nếu họ hành động bất thiện về thân, về khẩu và về ý, khi thân hoại mạng chung nhất định phải thọ quả báo khổ, đồng thời dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la nếu họ hành động bất thiện về thân, về khẩu và về ý, thì sau khi thân hoại mạng chung tất nhiên cũng phải thọ quả báo khổ như thế.

Này Bà-tất-tra, nếu người dòng Sát-lợi mà họ hành thiện về thân, về khẩu và về ý, thì khi thân hoại mạng chung, tất nhiên được hưởng quả báo an vui, đồng thời người dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la mà họ hành thiện về thân, về khẩu và về ý thì khi thân hoại mạng chung, tất nhiên họ cũng được hưởng quả báo an vui như thế.

Này Bà-tất-tra, nếu người dòng Sát-lợi mà thực hành hai điều thiện ác về thân, về khẩu và về ý, thì nhất định sau khi thân hoại mạng chung sẽ thọ quả báo vừa khổ vừa vui. Đồng thời, dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-dà-la nếu họ thực hành hai điều thiện ác về thân, về khẩu và về ý, thì khi thân hoại mạng chung tất nhiên cũng thọ quả báo vừa khổ vừa vui như thế.

Này Bà-tất-tra, trong dòng Sát-lợi có kẻ cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu đạo và tu bảy pháp giác ý, không bao lâu thì thành đạo. Vì sao ? Vì những người dòng Sát-lợi đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu các phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh, thì trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-dà-la nếu có người cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục tu đạo, tu bảy pháp giác ý, không bao lâu thì chứng ngộ. Vì sao ? Vì những người trong dòng họ trên cũng đã mặc pháp phục, xuất gia tu phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, sanh tử đã chấm dứt, phạm hạnh đã thành lập, những gì cần làm đã làm xong, không còn thọ thân sau.

Này Bà-tất-tra, cả bốn giai cấp trên đều có thể thành tựu về Minh, Hạnh và A-la-hán là bậc nhất trong năm hạng trên.

Phật dạy :

— Này Bà-tất-tra, Phạm thiên vương có nói bài kệ rằng :

*Sanh Sát-lợi hơn cả,
Nếu xuất gia tu hành,
Minh, Hạnh đều thành tựu,
Bậc nhất trong thế gian.*

Phật dạy :

— Này Bà-tất-tra, Phạm thiên này khéo nói chứ không phải không khéo nói. Bài kệ của Phạm thiên ấy đáng lãnh thọ chứ không phải không đáng lãnh thọ, và khi đó Ta liền ấn khả lời nói ấy của Phạm thiên. Tại sao ? Vì Ta là đấng Như Lai chí chơn, cũng nói nghĩa đó :

*Sanh Sát-lợi hơn cả,
Nếu xuất gia tu hành,
Minh, Hạnh đều thành tựu,
Bậc nhất trong thế gian !*

Khi đức Thế Tôn nói pháp xong, Bà-tất-tra, Bà-la-đọa liền được tâm vô lậu giải thoát.

Khi Bà-tất-tra, Bà-la-đọa nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH

Tôi nghe như vậy :

Một thời đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo đang du hóa trong nhân gian, tại Ma-hê-sầu-la và lân đến nước Ma-la-lâu. Bấy giờ đức Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Nay các Tỳ-kheo, các Ngươi hãy tự thấp xuống mà đi, hãy thấp lên Chánh pháp chứ đừng thấp lên một pháp nào khác, và hãy tự nương tựa

chính mình, hãy nương tựa Chánh pháp, chứ đừng nương tựa một pháp nào khác !

— Này các Tỳ-kheo, thế nào là phải tự mình thấp đuối lên mà đi, hãy thấp lên Chánh pháp, đừng thấp lên một pháp nào khác, và hãy nương tựa với chính mình, hãy nương tựa Chánh pháp chứ đừng nương tựa một pháp nào khác ? Ấy là các Tỳ-kheo quán thân trong thân, siêng năng không biếng nhác, nhớ mãi không quên để trừ tâm tham ưu thế gian. Cho đến quán thân ngoài thân, và đồng thời quán thân trong, ngoài thân, siêng năng không biếng nhác, nhớ mãi không quên để trừ tâm tham ưu ở thế gian. Quán sát về thọ, về ý, về pháp cũng như thế. Đó là các Tỳ-kheo tự mình thấp đuối lên mà đi, thấp lên Chánh pháp, không thấp lên một pháp nào khác, và nương tựa chính mình, nương tựa Chánh pháp chứ không nương tựa một pháp nào khác.

Nếu ai tu hành được như thế thì ma không thể quấy nhiễu, công đức mỗi ngày một thêm. Tại vì sao ? Vì với thời gian lâu xa trong quá khứ, có một vị vua tên là Kiên Cố Niệm, thuộc dòng vua chúa, có nước rưới đầu, làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ. Lúc đó vua

rất tự tại, lấy Chánh pháp để trị vì. Đặc biệt nhất trong loài người là vua có đủ bảy thứ báu : 1. Xe vàng báu; 2. Voi trắng báu; 3. Ngựa xanh báu; 4. Thần châu báu; 5. Ngọc nữ báu; 6. Cư sĩ báu; 7. Chủ binh báu. Vua có đủ một ngàn người con trai mạnh mẽ bạo dạn, đủ sức dẹp giặc, không cần binh đao mà tự nhiên thái bình.

Vua Kiên Cố Niệm trị vì đã lâu ngày, một hôm xe vàng báu ở trên không trung bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ. Lúc ấy, người coi xe liền đến tâu với vua : “ Tàu Đại vương nên biết, xe báu nay đã rời khỏi chỗ cũ”. Nghe xong, vua Kiên Cố tự nghĩ : “Ta từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói : “Nếu xe báu của Chuyển luân Thánh vương rời khỏi chỗ cũ thì nhà vua không còn sống bao lâu nữa !” Ta nay đã hưởng phúc báu nhân gian xong, vậy nên tìm cách tu hành để hưởng phúc lộc cõi trời. Ta nên lập thái tử lên ngôi để thống lãnh bốn châu thiên hạ, và cất một ấp cho người thợ hớt tóc rồi ra lệnh xuống tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành”. Vua Kiên Cố Niệm lúc đó liền gọi thái tử lại và bảo : “Con có biết không, ta từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói : “Nếu xe báu của Chuyển luân Thánh vương rời khỏi chỗ cũ thì mạng sống nhà vua không còn bao lâu nữa !” Nay ta đem bốn

châu thiên hạ ủy thác cho con. Con hãy gắng sức thương yêu chúng sanh !" Khi ấy, thái tử vâng lệnh vua cha. Bấy giờ, vua Kiên Cố liền cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, xuất gia tu hành.

Vua xuất gia được bảy ngày thì xe báu bỗng nhiên không hiện nữa. Người giữ xe liền đến tâu đại vương như sau : "Đại vương nên biết, nay xe báu bỗng nhiên không hiện". Khi nghe qua, tâm nhà vua không vui, liền tìm đến phụ vương Kiên Cố Niệm thưa rằng :

— Thưa phụ vương nên biết, xe báu hiện nay bỗng nhiên không hiện.

Vua Kiên Cố đáp :

— Nay thái tử, Người chớ lo lắng cho đó là điều không vui. Xe báu đó không phải là của cha người. Người phải cố gắng thi hành theo Chánh pháp của Thánh vương. Khi thi hành xong, Người hãy vào ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngồi trên Chánh pháp điện, có thể nữ vây quanh thì tự nhiên xe vàng báu hiện đến. Xe có ngàn cãm, đầy đủ ánh sáng và màu sắc, do thợ trời tạo thành, không phải thế gian có.

Thái tử thưa phụ vương :

— Thế nào là Chánh pháp của Chuyển luân Thánh vương ? Và làm sao thì hành ?

Phụ Vương đáp :

— Nếu quy y theo Chánh pháp, gây dựng Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp, cung kính, tôn trọng quan sát Chánh pháp, lấy Chánh pháp làm đầu, giữ gìn Chánh pháp, lại đem Chánh pháp dạy dỗ cho các thế nữ, các tiểu vương, vương tử, đại thần, bá quan, dân chúng, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến loài cầm thú đều phải chăm nom một cách tận tụy.

Lại bảo thái tử :

— Trong lãnh thổ của Người, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào tu hành chân chánh, đầy đủ công đức, siêng năng, không lười biếng, xa lìa tâm kiêu mạn, nhẩn nhục, nhân từ, một mình ở nơi thanh vắng, tu tập một mình đạt được Niết-bàn. Họ không những tự diệt trừ tham, sân, si, mà còn dạy bảo người khác diệt trừ tham, sân, si. Hơn nữa, họ ở chỗ nhiễm mà không bị ô nhiễm, ở chỗ ngu si, mà không bị ngu si ám ảnh, ở chỗ đầy dẫy nhiễm mà không đắm nhiễm, ở chỗ đáng trụ mà không trụ, ở chỗ đáng ở mà không ở. Thân hành động ngay thẳng, miệng nói lời chân thật, ý nghĩ chân chính.

thân làm việc thanh tịnh, miệng thốt lời thanh tịnh, ý nghĩ thanh tịnh, có lòng nhân từ vô hạn, biết đủ trong sự ăn mặc và mang bát đi khắp thực để gây phúc lành cho chúng sanh. Có những hạng người như thế, người phải thỉnh thoảng tìm đến, tùy thời hỏi han về các việc tu hành, thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là phạm, thế nào là không phạm, người nào đáng gần, người nào không đáng gần, việc gì đáng làm và việc gì không đáng làm, và thi hành pháp gì mà suốt ngày đêm được vui vẻ ! Sau khi hỏi xong, Người hãy lấy ý mình quan sát, thấy việc nên làm thì làm, việc đáng bỏ thì bỏ, trong nước có những kẻ mờ côi, già cả thì hãy chần cấp, hoặc người nghèo nào khốn khổ đến xin thì cần thận chớ trái ý họ, nhất là trong nước có bao nhiêu luật pháp, phong tục có sẵn, thì người chớ nên tự ý sửa đổi. Đó là pháp tu hành của Chuyển luân Thánh vương, người nên tuân hành.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Khi Chuyển luân Thánh vương nghe phụ vương dạy xong thì tu hành đúng như lời dạy. Đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, ngồi trên điện cao có thể nữ bao quanh, thì tự nhiên có xe báu xuất hiện. Xe có ngàn cấm, đầy đủ ánh

sáng và màu sắc, do thợ trời tạo nên chứ không phải thế gian có, do vàng ròng làm thành, đường kính xe bằng một trượng tư. Khi ấy, vị Chuyển luân Thánh vương thầm nghĩ : “Ta từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói : “Nếu một vị vua thuộc dòng Sát-đế-ly, có nước rưới đầu, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội nước hương, lên ngồi trên bảo điện, có thể nữ vây quanh, thì bỗng nhiên có xe vàng xuất hiện trước mặt. Xe có ngàn cãm đây đủ ánh sáng và màu sắc, do thợ trời làm chứ chẳng phải thế gian có. Xe toàn bằng vàng ròng, đường kính bằng một trượng tư, thì vị ấy gọi là Chuyển luân Thánh vương”. Ta nay có xe báu hiện, há không phải hay sao ? Vậy ta hãy dùng xe báu này.”

Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương liền triệu tập bốn binh chủng, ngài tiến đến trước xe vàng báu, để lộ cánh tay phải, gối phải quỳ chấm đất, lấy tay phải xoa vỗ lên xe vàng và nói : “Người hãy theo đúng pháp mà chạy về hướng Đông, không nên trái với thông lệ.” Thế thì xe liền chạy về hướng Đông, lúc ấy vua liền dẫn bốn thứ binh chủng đi theo sau xe. Trước mặt xe vàng có bốn vị thần dẫn đường, hễ đến chỗ xe vàng dừng, thì vua cũng ngừng xe lại.

Khi đó, các tiểu quốc vương phương Đông thấy vua đến, họ đem bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng đến trước nhà vua và cúi đầu tâu :

— Quý hóa thay, Đại vương đã ngự giá đến đây ! Nay phương Đông này, đất đai phì nhiêu, dân cư đông đúc, tánh tình nhơn hòa, hiếu thảo trung trực, mong Đại vương hãy lấy Chánh pháp trị vì xứ này ! Chúng tôi sẽ cho người hầu hạ và thừa hành thích đáng.

Lúc đó Chuyển luân Thánh vương nói :

— Thôi, thôi, chư Hiền, như vậy là đã cúng dường ta rồi ! Hãy dùng Chánh pháp trị dân, chớ có thiên vị, và làm thế nào để những điều phi pháp không xảy ra trong nước, đó tức là ta đã trị vì rồi.

Khi nghe xong, các tiểu vương vâng lệnh và theo hộ giá đại vương đi kinh lý các nước đến tận bờ biển phía Đông; sau đó, đi về hướng Tây, hướng Nam và hướng Bắc cũng vậy. Hết xe vàng đến đâu thì các tiểu vương đều hiến dâng lãnh thổ của mình cũng như tiểu quốc vương ở phương Đông đã làm.

Trước hết, Chuyển luân Thánh vương theo xe vàng đi khắp bốn biển, đem chánh đạo để mở mang dân trí và an ủi nhân dân, sau đó mới trở về nước.

Khi ấy, xe vàng báu về đến cửa cung liền bay lên trên không trung mà đứng. Thấy vậy, Chuyển luân Thánh vương hớn hờ nói : “Xe vàng này thật là diễm lành cho ta, ta nay chính là Chuyển luân Thánh vương”. Đó là sự thành tựu về xe báu.

Vị Chuyển luân Thánh vương trị vì lâu ngày, một hôm xe báu ở giữa không trung bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ, người coi xe liền đến báo tin cho vua hay : “Tâu Đại vương, nay xe báu đã rời khỏi chỗ cũ”. Đại vương nghe xong, tự nghĩ : “Ta từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói : “Nếu xe báu của Chuyển luân Thánh vương rời khỏi chỗ cũ, thì nhà vua sống chẳng được bao lâu nữa !” Ta nay đã hưởng phúc báu cõi Người xong, vậy ta nên tìm cách tu hành để hưởng phúc báu cõi Trời”. Tức thì, liền lập thái tử lên ngôi để thống lãnh bốn châu thiên hạ, đồng thời cất một ấp cho người thợ hớt tóc rồi ra lệnh xuống tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành. Lúc đó vua liền gọi thái tử vào bảo : “Con có biết không, ta đã từng nghe các bậc tiền bối kỳ cựu nói : “Nếu xe báu của Chuyển luân Thánh vương rời khỏi chỗ cũ, thì nhà vua sống chẳng bao lâu nữa”. Ta nay đã hưởng phúc lạc cõi Người rồi, cần phải tìm cách tu hành để hưởng phúc cõi Trời. Vì thế ta nay muốn cạo bỏ râu tóc

mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, do đó ta đem bốn châu thiên hạ ủy thác cho con, con hãy gắng sức thương yêu dân chúng". Lúc ấy thái tử vâng lệnh phụ vương. Nhà vua liền cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành.

Khi nhà vua xuất gia được bảy ngày, thì xe vàng bỗng nhiên không hiện. Người giữ xe liền đến thưa với nhà vua : "Tâu Đại vương nên biết, nay xe báu bỗng nhiên không hiện". Nhà vua nghe xong, nhưng không lấy làm lo lắng, cũng không đến hỏi ý kiến vua cha, rồi bỗng vua cha băng hà.

Kể từ đây về trước có sáu vị Chuyển luân Thánh vương, đều lần lượt trao ngôi cho nhau, và đều lấy Chánh pháp trị dân, chỉ có một ông vua sau cùng tự chuyên quyền trị nước, không theo pháp cũ, chính trị bất công, khiến cho thiên hạ oán than, quốc gia suy sụp, dân chúng điêu linh. Khi đó có một đại thần Bà-la-môn đến thưa với vua : "Đại vương nên biết, nay quốc gia đã suy sụp, dân chúng điêu linh, càng ngày càng không được bình thường. Tâu Đại vương, nay trong quốc gia có nhiều nhà trí thức, thông minh, bác học, thấu rõ cổ kim, biết đủ các pháp chính trị của tiên vương, sao Ngài không mời họ lại để hỏi về những

điều họ biết ? Nếu Đại vương hỏi, thì chắc họ sẽ đáp". Bấy giờ nhà vua liền triệu tập quần thần đến hỏi về chính trị của tiên vương. Các vị quần thần trí thức lúc đó đều đáp đầy đủ những vấn đề chính trị. Nhà vua nghe qua liền thi hành pháp cũ, dùng Chánh pháp để trị dân, nhưng vẫn không chán tể cho kẻ mồi côi, già cả và bố thí cho người bần cùng. Do đó dân chúng đã đưa đến tình trạng nghèo khó và cướp giựt lẫn nhau, nạn đạo tặc hoành hành rất nhiều. Mỗi khi người ta rình bắt được thì đem đến nhà vua và tâu :

— Người này là giặc cướp, xin Đại vương hãy trừng trị họ.

Nhà vua liền hỏi :

— Người có phải là giặc cướp không ?

Đáp :

— Thật vậy, vì tôi quá nghèo đói, không thể sống nổi, cho nên tôi làm giặc.

Lúc đó nhà vua liền lấy đồ vật trong kho ban cho người ấy và nói :

— Người hãy đem của này về cung cấp cho cha mẹ và giúp đỡ bà con, từ nay về sau chớ có làm giặc nữa.

Các người khác thấy vậy đồn rằng : “Có kẻ giặc cướp mà được nhà vua cung cấp cho của báu”. Nên lúc đó có những người khác cũng bắt chước trộm cướp, và cũng bị người ta rình bắt được, dẫn đến nhà vua, và tâu :

— Người này là giặc cướp, xin nhà vua hãy trừng trị họ.

Nhà vua hỏi :

— Có thật Người là giặc cướp không ?

Người ấy đáp :

— Thật có. Vì tôi quá nghèo đói, không thể sống nổi, cho nên làm giặc cướp.

Nhà vua liền lấy tài vật trong kho cho người ấy và căn dặn :

— Người hãy đem của này về cung cấp cho cha mẹ và giúp đỡ bà con, từ nay về sau chớ có làm giặc cướp nữa.

Lại có người thấy vậy đồn rằng :

— Có kẻ làm giặc mà được nhà vua cung cấp của báu”. Họ lại bắt chước trộm cướp, lại bị người ta rình bắt được dẫn đến nhà vua và tâu rằng :

— Người này làm giặc, xin Đại vương hãy trừng trị họ.

Nhà vua hỏi :

— Người có thật làm giặc không ?

Đáp :

— Thật có. Vì tôi quá nghèo đói, không thể sống nổi, nên làm giặc.

Lúc đó, nhà vua tự nghĩ : “Trước có người làm giặc, ta thấy họ nghèo đói nên cấp cho của báu và bảo thôi. Nhưng người khác nghe thế lại bắt chước làm giặc, nạn giặc cướp do đó lan tràn mãi. Nay ta có thể bắt trói người ấy lại, dắt đi các ngã đường, sau đó đưa ra ngoài thành, đến nơi đất trống mà thi hành hình phạt để răn người sau”. Vua liền bảo cận vệ bắt trói lại, rồi đánh trống ra lệnh dắt đi qua các ngã đường, xong rồi đem ra ngoài thành đến nơi trống trải để thi hành hình phạt. Mọi người lúc đó đồn đãi và bảo nhau rằng : “Nếu chúng ta làm giặc, thì cũng bị như người ấy không khác !” Từ đấy mọi người trong nước tự phòng thủ lấy, tạo ra gậy gộc, gươm đao, cung tên và lần lần tàn hại, đánh đập, cướp giựt lẫn nhau.

Kể từ vị vua này mới có nạn nghèo đói; mà đã có nạn nghèo đói mới có nạn cướp bóc; khi đã có nạn cướp bóc thì có gây gộc; khi có gây gộc thì có tàn sát; khi có tàn sát thì nhan sắc con người tiêu tụy, mạng sống ngắn ngủi. Con người lúc đó sống tám vạn tuổi, về sau giảm dần còn hai vạn tuổi. Lại trong số đó, có người sống lâu, có người chết yếu, có người khổ, có người vui; những người khổ bèn sanh tâm tà dâm, tham lam, bày ra nhiều phương tiện để mưu đoạt đồ vật của người, nên tai nạn nghèo đói, trộm cướp, binh đao gây gộc, tàn sát lẫn nhau, lan tràn khắp nơi, càng ngày càng nhiều, làm cho mạng sống con người giảm dần chỉ còn một vạn tuổi.

Khi con người sống một vạn tuổi, thì vẫn trộm cướp lẫn nhau. Nếu có ai rình bắt được dẫn đến nhà vua và tâu :

— Người này làm giặc, xin Đại vương hãy trừng trị họ.

Nhà vua hỏi :

— Người có thật làm giặc không ?

Người ấy đáp :

— Tôi không làm !

Thế là ở giữa mọi người mà nói dối. Như vậy, chúng sanh lúc ấy vì nghèo cùng nên trộm cướp; vì trộm cướp nên có đao binh; vì có đao binh nên có sự tàn sát; vì tàn sát nên tham lam, tà dâm; vì tham lam tà dâm nên nói dối; vì nói dối nên tuổi thọ giảm dần và chỉ còn sống một ngàn tuổi.

Trong thời gian con người sống một ngàn tuổi, thì ba ác hạnh về miệng bắt đầu có ở thế gian : 1. Nói lời hai lưỡi; 2. Nói lời độc ác; 3. Nói thêm bớt. Ba ác nghiệp đó dần dần phát triển mạnh, nên tuổi thọ con người giảm xuống còn năm trăm tuổi.

Trong thời gian con người sống năm trăm tuổi thì có ba ác hạnh khởi : 1. Dâm dục phi pháp; 2. Tham lam phi pháp; 3. Tà kiến. Ba ác nghiệp đó dần dần phát triển mạnh, nên tuổi thọ con người giảm xuống chỉ còn ba trăm tuổi, hai trăm tuổi, người thời nay chúng ta chỉ sống một trăm tuổi. Ít người quá trăm tuổi, nhiều người dưới trăm tuổi và cứ làm ác mãi như thế, thì tuổi thọ còn giảm cho đến khi nhân loại chỉ còn sống mười tuổi là cùng.

Trong khi con người sống mười tuổi, con gái sanh ra vừa năm tháng đã lấy chồng. Thế gian lúc đó, những vị ngon ngọt như dầu, mỡ, đường, mật không còn nghe tên, đậu mè, lúa nếp biến thành

cỏ lác; các loại vải như tơ lụa, lãnh nhiều, vải trắng, vải kiếp-ba đều biến mất, do đó họ phải dệt lông, bện gai to xấu để làm áo mặc.

Lúc đó toàn cõi đất này sinh đầy gai góc, muỗi mòng, ruồi nhặng, rận rệp, rắn rết, bọ cạp, độc trùng. Vàng bạc, lưu ly, châu ngọc của báu, thảy đều ẩn vào trong đất, chỉ còn ngói đá, sạn sỏi xuất hiện trên mặt đất.

Chúng sanh lúc đó tuyệt nhiên không còn nghe đến tên thập thiện chỉ có thập ác đầy dẫy thế gian, bấy giờ không có cái tên thiện pháp thì người ta do đâu mà tu thiện hạnh ? Lúc đó chúng sanh thường làm điều cực ác. Những người bất hiếu với cha mẹ, không cúng kính sư trưởng, không trung nghĩa, phản nghịch, vô đạo, thì được tôn kính như hiện nay người ta tôn sùng người làm lành, hiếu thảo với cha mẹ, cung kính sư trưởng, trung tín, nhơn nghĩa, hợp đạo và tu hành.

Chúng sanh lúc bấy giờ phần nhiều là tạo thập ác, nên bị đọa ác đạo nhiều, hễ vừa trông thấy nhau là chúng giết nhau, giống như thợ săn khi trông thấy bầy nai.

Cõi đất này lúc ấy đầy cả hầm hố, khe suối, hang hốc, đất rộng, người thưa, đi lại ghê sợ, và

lúc đó có nạn đao binh nổi lên, ngay cả cọng cỏ, cành cây cầm trên tay cũng biến thành gươm đao. Họ lần lượt giết nhau trong bảy ngày như thế, trong số đó, có người có trí, tìm cách lánh vào rừng sâu, ở trong hang hốc, trong vòng bảy ngày lòng họ sợ hãi và phát ra lời từ thiện như sau : “Ta không hại người, người không hại ta”. Họ nhờ ăn trái cây mà sống, khi qua khỏi bảy ngày, họ từ núi rừng đi ra, hễ gặp người nào còn sống, vừa thấy nhau, họ đã mừng rỡ và chúc nhau : “Người không chết ư ? Người không chết ư ?” Cũng như cha mẹ chỉ có một đứa con xa cách lâu ngày đến khi gặp lại thì vui mừng không xiết kể. Những người như thế, họ đem lòng mừng rỡ, chúc tụng lẫn nhau. Sau đó, họ đi thăm hỏi về gia đình, bà con, thì hay tin họ đã chết hết, nên họ buồn khóc, kêu rên với nhau trong vòng bảy ngày.

Trong vòng bảy ngày sau, thì họ tiếp tục chúc mừng hoan hỷ, vui tươi với nhau. Và họ liền tự nghĩ : “Vì chúng ta chứa điều ác nên gặp phải tai nạn này, khiến cho thân tộc chết chóc, gia đình tan nát, vậy nay chúng ta nên tu chút ít điều thiện. Nhưng hãy tu điều thiện gì ? Là không nên sát sanh !”

Bấy giờ chúng sanh đều có lòng từ, không giết hại lẫn nhau, nhờ đó chúng sanh được tăng dần tuổi thọ và nhan sắc, tuổi thọ thì từ mười tuổi tăng lên hai mươi tuổi. Khi sống hai mươi tuổi, con người lại tự nghĩ : “Chúng ta nhờ tu chút ít điều thiện, như không tàn hại lẫn nhau, cho nên tuổi thọ tăng lên hai mươi tuổi. Vậy ta nên tu thêm chút ít điều thiện nữa. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Trước đã không sát sanh, thì nay nên tu không trộm cướp”. Khi họ không trộm cướp, thì tuổi thọ tăng lên bốn mươi tuổi. Khi con người sống bốn mươi tuổi thì lại nghĩ như sau : “Chúng ta do tu chút ít điều thiện mà tuổi thọ gia tăng. Vậy nay ta nên tu thêm chút ít điều thiện nữa. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là không tà dâm”. Từ đó mọi người đều không tà dâm, nên tuổi thọ tăng lên tám mươi tuổi. Khi con người sống tám mươi tuổi, lại nghĩ như sau : “Chúng ta nhờ tu chút ít điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Nay ta có thể tu thêm chút ít điều thiện nữa. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là không nên nói dối”. Con người lúc đó đều không nói dối, nên tuổi thọ tăng lên một trăm sáu mươi tuổi. Khi con người sống một trăm sáu mươi tuổi, thì lại nghĩ : “Chúng ta nhờ tu chút ít điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy chúng ta nên tu

thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là không nên nói lưỡi hai chiều”. Do đó, con người lúc đó đều không nói lưỡi hai chiều nên tuổi thọ tăng lên ba trăm hai mươi tuổi. Khi con người sống ba trăm hai mươi tuổi, thì lại suy nghĩ như vậy : “Chúng ta do tu chút ít điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy nay chúng ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là không nên nói lời ác khẩu”. Mọi người lúc đó đều không nói ác khẩu, nên tuổi thọ tăng lên sáu trăm bốn mươi tuổi. Khi con người sống sáu trăm bốn mươi tuổi, thì lại nghĩ như sau : “Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là không nên nói thêu dệt”. Thế thì mọi người lúc đó đều không nói thêu dệt, nên tuổi thọ tăng lên hai ngàn tuổi. Khi con người sống hai ngàn tuổi, thì lại nghĩ rằng : “Chúng ta do tu điều thiện, nên tuổi thọ gia tăng, vậy nay ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là không nên bòn xén”. Thế thì con người lúc đó đều không bòn xén mà thực hành bố thí, nên tuổi thọ tăng lên năm ngàn tuổi. Khi con người sống năm ngàn tuổi thì lại nghĩ : “Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy ta nên tu

thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là không ganh ghét, tâm lành tu thiện". Do đó mọi người đều không ganh ghét và tâm lành tu thiện nên tuổi thọ tăng lên một vạn tuổi. Khi con người sống một vạn tuổi thì lại suy nghĩ : "Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy nay ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Nên thực hành chánh kiến, không sanh điên đảo". Do đó mọi người luôn luôn thực hành chánh kiến không sanh điên đảo, tuổi thọ tăng lên hai vạn tuổi. Khi con người sống hai vạn tuổi thì lại nghĩ : "Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng, nay ta nên tu thêm chút ít điều thiện nữa ! Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là diệt ba pháp bất thiện : 1. Dâm phi pháp; 2. Tham phi pháp; 3. Tà kiến". Con người lúc đó đều diệt ba pháp bất thiện, nên tuổi thọ tăng lên bốn vạn tuổi. Khi con người sống bốn vạn tuổi thì suy nghĩ như sau : "Chúng ta do tu điều thiện nên tuổi thọ gia tăng. Vậy nay ta nên tu thêm chút ít điều thiện. Nhưng nên tu điều thiện gì ? Là nên hiếu dưỡng cha mẹ, tôn thờ sư trưởng". Thế thì con người lúc đó đều hiếu dưỡng cha mẹ, tôn thờ sư trưởng, nên tuổi thọ tăng lên tám vạn tuổi. Khi con người sống tám vạn tuổi, thì con gái năm trăm tuổi mới lấy

chồng. Con người thời đó có chín thứ bệnh phát sinh : 1. Lạnh; 2. Nóng; 3. Đói; 4. Khát; 5. Đại tiện; 6. Tiểu tiện; 7. Dục; 8. Tham lam ăn uống; 9. Già cả. Cõi đất lúc ấy bằng phẳng, không có khe rãnh, hầm hố, gò mống, gai góc, cũng không có muỗi mòng, rắn rít, độc trùng, ngói cát đá, sạn sỏi đều biến thành lưu ly, dân cư đông đúc, ngũ cốc rẻ tiền, giàu sang, vui vẻ vô cùng. Lúc đó có tám vạn thành được dựng lên. Thôn thành san sát, gần nhau, gà gáy đều nghe.

Vào thời đó, thì có đức Phật ra đời hiệu là Di-lặc là đấng Như Lai chí chơn Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu như đức Thích-ca Như Lai ngày nay. Đức Phật ấy tự mình tu chứng giữa chư Thiên, Đế-thích, Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn và nhân gian, đồng thời Ngài sẽ thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, ý nghĩa đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh, như Ta ngày nay nói pháp sơ, trung, hậu đều chân chánh, ý nghĩa đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh.

Đức Di-lặc có vô số ngàn vạn đệ tử, như Ta ngày nay có số đệ tử là vài trăm. Con người lúc đó gọi đệ tử Ngài là Từ tử, như người ta gọi đệ tử của ta ngày nay là Thích tử.

Lúc ấy, có vua tên Nhương-già, thuộc dòng vua chúa, có nước rười rầu, làm Chuyển luân Thánh vương, cai trị bốn châu thiên hạ, dùng Chánh pháp trị dân, ai nấy đều mến phục. Có đủ bảy báu : 1. Xe báu, 2. Tượng báu, 3. Mã báu, 4. Thần châu báu, 5. Ngọc nữ báu, 6. Cư sĩ báu, 7. Chủ binh báu. Vua có một ngàn người con mạnh mẽ oai phong, đủ sức dẹp giặc, bốn phương đều quy thuận, không cần sử dụng binh đao mà tự nhiên thái bình.

Lúc đó, vua thiết lập một đại bảo tràng, chu vi mười sáu tầm, cao một ngàn tầm, đủ một ngàn màu sắc lẫn lộn, để trang sức bảo tràng đó. Bảo tràng có một trăm thoi, mỗi thoi có một trăm nhánh, dệt bằng chỉ báu, có các châu báu xen lẫn. Sau khi lập bảo tràng để cúng thí cho hàng Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo đói trong nước xong, sau đó nhà vua bèn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, tu hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong đời hiện tại : sanh tử đã chấm dứt, phạm hạnh đã thành lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh.

Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Các Ông phải siêng năng tu các điều thiện, nhờ tu điều thiện mà mạng sống lâu dài, nhan sắc

thêm tươi và được an ổn, khoái lạc, của báu dồi dào, uy lực đầy đủ, giống như các vua Chuyển luân tuân theo các pháp của Thánh vương trước, thì tuổi thọ gia tăng, nhan sắc thêm xinh, an ổn khoái lạc, của báu dồi dào, uy lực đầy đủ. Các Tỳ-kheo cũng thế, phải nên tu điều thiện để tuổi thọ gia tăng, nhan sắc thêm tươi, an ổn vui vầy, của báu dồi dào, uy lực đầy đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo tuổi thọ được lâu dài ? Là hàng Tỳ-kheo lo tập dục định, siêng năng không biếng nhác nên diệt trừ được hành nghiệp và đạt được thần túc thông. Tiếp đến nhờ siêng năng tu tinh tấn định, ý định, tư duy định, siêng năng không lười biếng mà diệt trừ được hành nghiệp nên đạt được thần túc, và thọ mạng lâu dài.

Thế nào là Tỳ-kheo nhan sắc thêm tươi ? Là Tỳ-kheo giữ gìn giới luật đầy đủ, thành tựu oai nghi, thấy có lỗi nhỏ đã sanh lòng lo sợ, tu tập đầy đủ các giới cấm, đó là Tỳ-kheo nhan sắc thêm tươi.

Thế nào là Tỳ-kheo được an ổn khoái lạc ? Là hàng Tỳ-kheo lo dứt trừ dâm dục, loại bỏ pháp bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, hành thiền thứ nhất. Tiếp theo, diệt trừ giác quán và hoan lạc ở trong lòng, giữ tâm chuyên nhất không

giác, không quán, định sanh hỷ lạc, hành thiền thứ hai. Tiếp theo là xả bỏ hỷ và thủ hộ, chuyên tâm không loạn, tự biết an lạc về thân mà các Hiền thánh mong cầu lạc hạnh, hành thiền thứ ba. Tiếp theo, xả bỏ lạc trước, trừ ưu hỷ, không khổ không lạc, giữ niệm thanh tịnh, hành thiền thứ tư. Đó là Tỳ-kheo an ổn khoái lạc.

Thế nào là Tỳ-kheo được của báu dư giả ? Là hàng Tỳ-kheo tu tập từ tâm, rải khắp một phương, các phương khác cũng vậy bao trùm rộng khắp, bình đẳng vô lượng để trừ mọi điều oán hận, tâm không ganh ghét, im lặng, nhu hòa, để tự vui thú. Tiếp theo là tu tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng như thế. Đó là Tỳ-kheo có của báu dư giả.

Thế nào là Tỳ-kheo uy lực đầy đủ ? Là hàng Tỳ-kheo như thật hiểu biết về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Đó là Tỳ-kheo có uy lực đầy đủ.

Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Nay ta xem khắp những người có uy lực, không gì hơn ma lực, nhưng hàng Tỳ-kheo đã dứt hết lậu hoặc thì năng lực lại hơn cả Ma vương, và có thể thắng được cả Ma vương.

Khi các Tỳ-kheo nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH TỆ TÚC

Bấy giờ đồng nữ Ca-diếp, cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo, đi từ nước Câu-tát-la lân đến thôn Bà-la-môn tên là Tư-ba-ê. Khi ấy, đồng nữ Ca-diếp ở tại phía Bắc thôn Tư-ba-ê và nghỉ tại rừng Thi-xá-bà.

Lúc đó, có Bà-la-môn tên Tệ Túc, hiện đang sống tại thôn Tư-ba-ê, là một thôn dân cư đông đúc, giàu sang phúc lộc, cây cối sầm uất, do vua Ba-tư-nặc phong riêng cho Bà-la-môn Tệ Túc thôn này để lo phần cúng tế Phạm thiên. Bà-la-môn Tệ

Túc là người có kiến chấp theo ngoại đạo, và dạy mọi người rằng : “Không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác.”

Khi đó, người trong thôn Tư-ba-ê nhơn nghe đồng nữ Ca-diếp cùng năm trăm vị Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la lần đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà, thì họ bàn tán với nhau : “Vị đồng nữ Ca-diếp này rất có tiếng tăm, đã chứng quả A-la-hán, là bậc trưởng thượng, tôn túc, kỳ cựu, đa văn, quảng bác, thông minh, duệ trí, có tài biện luận đối đáp theo từng trường hợp, đàm đạo tài ba, nay nếu chúng ta gặp được ngài thì tốt lắm.” Do đó, người trong thôn lúc này, cứ ngày ngày tiếp tục tuần tự đi đến chỗ Ca-diếp.

Bấy giờ, Tệ Túc đang ở trên lầu cao trông thấy người trong từng đoàn kéo đi, nhưng không biết đi đâu, mới hỏi người cầm lọng hầu :

— Những người kia họ kéo nhau từng đoàn đi đâu vậy ?

Người hầu đáp :

— Tôi nghe đồng nữ Ca-diếp hướng dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo đi hóa đạo, từ nước Câu-tát-la yà đến nghỉ tại rừng Thi-xá-bà. Lại nghe : ngài là vị

rất có tiếng tăm, đã chứng quả A-la-hán, là bậc trưởng thượng, tôn túc, kỳ cựu, đa văn, quảng bác, thông minh, duệ trí, có tài đối đáp theo từng trường hợp, đàm luận tài ba, nên những người ấy họ kéo nhau từng đoàn đến gặp ngài.

Khi đó, Tệ Túc liền sai người hầu :

— Người hãy mau tới nói với họ dừng lại, để ta cùng đi đến gặp ngài với. Vì sao ? Vì đồng nữ Ca-diếp có ý mê hoặc người, lừa dối thế gian nên mới nói có đời sau, có tái sanh, có quả báo thiện ác. Nhưng kỳ thực, không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác.

Lúc ấy, người hầu vâng lời, đến nói với đoàn người thôn Tư-ba-ê :

— Bà-la-môn Tệ Túc bảo các người hãy dừng lại, để ngài cùng đi đến gặp Ca-diếp với.

Những người thôn Tư-ba-ê đáp :

— Hay lắm, hay lắm ! Nếu muốn đi thì hãy đến cùng đi.

Người hầu liền trở lại thưa :

— Họ đã dừng lại, nếu Ngài muốn đi thì cứ đi.

Thế rồi, Bà-la-môn liền xuống lầu, sai người hầu sửa xe cộ, cùng người thôn đó, trước sau vây quanh lũ lượt đến rừng Thi-xá-bà. Sau khi đến, họ xuống xe, đi bộ đến chỗ Ca-diếp. Và khi thăm hỏi xã giao xong, thì họ ngồi qua một bên. Những người cư sĩ và Bà-la-môn trong thôn đó lễ bái Ca-diếp rồi ngồi, có người hỏi han rồi ngồi, có người tự xưng tên mình rồi ngồi, có người vòng tay rồi ngồi, có người thì yên lặng ngồi xuống.

Lúc đó, Bà-la-môn Tệ Túc nói với đồng nữ Ca-diếp :

— Nay tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có rảnh và cho phép không ?

Ca-diếp đáp :

— Tùy ý Người cứ hỏi, sau khi nghe xong phải tự hiểu lấy.

Bà-la-môn Tệ Túc thưa :

— Nay, chủ thuyết của tôi là không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác, còn chủ thuyết của Ngài thì thế nào ?

Ca-diếp đáp :

— Ta hỏi Người, hãy tùy ý mà đáp. Hiện nay mặt trời, mặt trăng ở trên kia là thuộc về đời này hay đời khác ? Thuộc về Trời hay về Người ?

Tệ Túc đáp :

— Mặt trời, mặt trăng là thuộc về đời khác chứ không phải thuộc về đời này. Thuộc về Trời chứ không phải thuộc về Người.

Ca-diếp nói :

— Do đó có thể biết là có đời sau, có tái sanh, có quả báo thiện ác.

Tệ Túc nói :

— Tuy Ngài nói có đời sau, có tái sanh, có quả báo thiện ác, nhưng theo ý tôi thì không có tất cả.

Ca-diếp hỏi :

— Vì những lý do gì mà Người biết không có đời sau, không có tái sanh, không có quả báo thiện ác ?

Bà-la-môn đáp :

— Thưa có lý do.

Ca-diếp hỏi :

— Duyên có gì mà Người nói không có đời sau ?

Bà-la-môn đáp :

— Nay Ca-diếp, nguyên tôi có một người bà con quen biết, mắc phải bệnh ngặt nghèo, tôi đến nói với hắn rằng : "Các Sa-môn, Bà-la-môn thì có kiến chấp khác nhau, và quan niệm như sau : "Những người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói dối, nói thêm bớt, xan tham, tật đố, tà kiến sau khi qua đời đều dọa vào địa ngục". Nhưng tôi không tin, vì sao ? Vì tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại nói cho biết nơi họ bị dọa vào. Nếu có người trở lại nói cho biết nơi họ bị dọa vào thì tôi nhất định sẽ tin. Nay anh là bà con với tôi chẳng may anh đã tạo đủ mười điều ác. Nếu quả như lời Sa-môn nói, thì sau khi qua đời, anh phải bị dọa vào trong địa ngục lớn. Nay tôi còn tin vào anh, để xét có địa ngục hay không. Anh nên trở lại nói cho tôi biết, thì tôi mới tin."

Này Ca-diếp, nhưng từ khi anh ta thác đến nay biệt mất không trở lại; hơn nữa, anh ta là người thân của tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại ? Do đó tôi biết chắc không có đời sau.

Ca-diếp đáp :

— Những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ vì Người dẫn dụ để Người hiểu điều đó. Ví như một tên đạo tặc, thường ôm lòng gian trá, vi phạm phép cấm của nhà vua, bị người ta rình bắt được đem đến chỗ vua ngự, và tâu : “Người này là tên ăn trộm, xin Đại vương hãy trị nó.”

Vua liền sai tả hữu trói người đó đem bêu xấu ngoài đường, sau đó dẫn ra ngoài thành giao cho tên đao phủ. Thế rồi, kẻ tả hữu được lệnh liền bắt trói kẻ trộm giao cho tên đao phủ. Tên trộm đó, dùng lời mềm dẻo nói với người giữ tù rằng : “Xin ông thả cho tôi về thăm bà con, xóm làng để nói vài lời từ biệt, sau đó tôi sẽ trở lại.” Bà-la-môn nghĩ sao, người giữ tù kia có chịu thả không ?

Bà-la-môn đáp :

— Không !

Ca-diếp nói tiếp :

— Họ cùng là loài Người, cùng sống ở đời này mà còn không thả, huống gì người thân của Người làm đầy đủ mười điều ác, sau khi thác,堕 vào địa ngục, quỹ ngục không có từ tâm lại không phải là loài Người. Sống chết là không cùng đời. Nếu người kia dùng lời mềm dẻo cầu xin với quỹ ngục rằng :

“Xin Ngài tạm thả tôi trở lại thế gian gặp người bà con để nói lời từ biệt, sau đó sẽ trở lại” có được thả không ?

Bà-la-môn đáp :

— Không thể !

— Cứ so sánh theo đó đủ biết, tại sao Người còn giữ chặt sự mê lầm sinh điều tà kiến như thế.

— Tuy Ngài đã dẫn dụ đủ điều để chứng minh rằng có đời sau. Nhưng tôi vẫn cho là không có.

Ca-diếp lại hỏi :

— Người còn có lý do gì khác để biết rằng không có đời sau ?

— Tôi có lý do khác để biết rằng không có đời sau.

— Lý do gì ?

Bà-la-môn đáp :

— Nay Ca-diếp, tôi có một người bà con mắc phải bệnh nặng, tôi đến nói với người ấy : “Các Sa-môn, Bà-la-môn đều có quan điểm khác rằng có đời sau : “Người nào không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời

hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói sai, không nói thêm bớt, không tham lam, không tật đố, không tà kiến, thì sau khi thác đều được sanh về cõi trời." Tôi vốn không tin, vì sao ? Vì tôi chưa từng thấy người nào chết rồi trở lại cho tôi biết chỗ họ bị dọa. Nếu có người đến nói chỗ của họ hóa sanh thì tôi tin ngay. Nay anh là bà con của tôi, lại tạo đủ mười điều thiện, nếu quả như lời các Sa-môn nói thì sau khi thác sanh sẽ được sanh cõi trời. Giờ đây tôi chỉ còn tin theo anh để quyết định. Vậy nếu anh xét thấy thật có quả báo cõi trời thì anh phải nhớ trở lại báo cho tôi biết, sau đó tôi sẽ tin." Nhưng này Ca-diếp, từ khi anh ấy thác đến nay, không trở lại. Hơn nữa, anh ta là bà con của tôi, không lẽ dối tôi, hứa rồi không trở lại, nên tôi biết chắc không có đời sau.

Ca-diếp nói tiếp :

— Những người trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ nói một thí dụ khác cho Người. Ví như có người rớt xuống hầm xí đầu mình chìm ngấm, nay được vua cho người hầu cận vớt lên, lấy tro xoa thân người này ba lần và lấy nước tháo đậu, nước tro trong sạch rửa từ từ cho hần. Sau đó lấy nước thơm tắm gội thân thể người ấy, lấy bột hương

xoa trên thân người ấy và bảo thợ cạo râu tóc cho người ấy. Nhà vua bảo tên hầu cận tắm cho hẳn ba lần như thế. Lấy nước thơm rửa, lấy bột hương thoa mình, lấy y phục nổi tiếng trang sức cho thân thể người ấy. Tiếp theo người ta đem thức ăn trăm vị ngon, vị ngọt cho người ấy ăn, sau đó đưa người ấy đến ở một ngôi nhà cao, hưởng năm thứ dục lạc, người ấy có muốn rút vào hầm xí nữa không ?

Tệ Túc đáp :

— Không muốn. Đây là một chỗ hôi thối, còn muốn trở xuống làm gì ?

Ca-diếp nói tiếp :

— Chư Thiên cũng thế, họ cho cõi Diêm phù này là nơi tanh hôi bất tịnh, chư Thiên ở trên cách xa hàng trăm do tuần còn thấy mùi hôi của nhân gian xông lên còn hơn cả hầm xí. Nay Bà-la-môn, bà con quen biết của Người đã tạo đủ mười điều thiện, dĩ nhiên được sanh lên cõi Trời, hưởng thú vui ngũ dục vô cùng, liệu họ có chịu trở lại cõi hầm xí Diêm phù này không ?

— Không !

— Cứ so sánh theo đó đủ biết, tại sao còn giữ chặt sự mê lầm, sanh điều tà kiến như thế ?

Bà-la-môn nói :

— Tuy Ngài đã dẫn dụ để chứng minh có đời sau nhưng tôi vẫn cho là không có.

Ca-diếp hỏi :

— Người còn lý do gì khác để biết không có đời sau ?

— Tôi có lý do khác, để biết không có đời sau.

— Duyên có gì để biết ?

Tệ Túc thưa ;

— Nguyên tôi có một người bà con mắc bệnh trầm trọng, tôi đến nói với người ấy rằng : "Các Sa-môn, Bà-la-môn thường chấp theo kiến giải ngoại đạo, bảo có đời sau : "Người nào không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu thì sau khi thác được sanh lên cõi trời Đạo-lợi." Tôi cũng không tin, tại sao vậy ? Vì tôi chưa từng thấy ai chết rồi trở lại nói cho biết chỗ họ bị đọa. Nếu như có ai trở lại cho biết chỗ họ đọa sanh, thì chắc tôi tin ngay. Nay anh là chỗ bà con, đây đủ ngũ giới, do đó sau khi thác chắc sẽ được sanh lên cõi trời Đạo-lợi. Giờ đây, tôi chỉ còn tin theo anh để quyết định có đời sau hay không. Nếu xét thấy có phúc

báo cõi trời thì anh hãy trở lại báo cho tôi biết, sau đó tôi sẽ tin.” Nay Ca-diếp, Từ khi người ấy thác đến nay không trở lại. Anh ta là bà con với tôi, không lẽ nói dối, hứa rồi không trở lại. Nên tôi biết chắc không có đời sau.

Ca-diếp nói :

— Ở cõi này một trăm năm chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đao-lợi. Cõi Đao-lợi cũng lấy ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, mà người cõi trời ấy sống lâu một ngàn năm như thế. Vậy Tệ Túc nghĩ sao, khi bà con Người giữ đủ ngũ giới sau khi thác được sanh lên cõi trời Đao-lợi thì họ nghĩ rằng : “Ta mới sanh lên cõi này, vậy ta hãy vui thú trong vài ba ngày và sau đó ta sẽ trở lại báo tin cho bà con hay cũng không muộn.” Như vậy, liệu Người có gặp được bà con Người không ?

— Không ! Khi ấy tôi sẽ chết lâu rồi, làm sao gặp được.

Bà-la-môn nói :

— Tôi không tin ai đã nói với Ngài có cõi trời Đao-lợi sống lâu như thế ?

Ca-diếp nói :

— Những người có trí do thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ dẫn dụ cho Người. Ví như, có người khi mới sanh ra đã bị mù không hiểu về năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô, tế, dài, ngắn, đồng thời cũng không thấy mặt trời, mặt trăng, tinh tú, gò, khe, hang. Nếu có người hỏi về màu xanh, vàng, đỏ, trắng thế nào, thì người mù đáp : “Không có năm màu như thế”; cho đến dài ngắn, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi non, gò, khe, hang, người mù đều nói không có. Bà-la-môn nghĩ sao, người mù ấy trả lời như thế có đúng không ?

— Không đúng, vì sao ? Vì thế gian hiện có năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thô tế, dài ngắn, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi non, gò, khe, hang mà người kia nói không.

— Nay Bà-la-môn, Người cũng như thế, sự sống lâu của cõi trời Đạo-lợi là có thật chẳng phải không vì Người không thấy nên nói là không có.

Bà-la-môn nói :

— Tuy Ngài bảo có, tôi vẫn không tin.

Ca-diếp nói tiếp :

— Người còn có duyên cớ gì mà cho là không có đời sau ?

— Nay Ca-diếp, nguyên ở trong thôn tôi, có kẻ trộm cắp bị rình bắt được, đem đến tôi và nói : “Người này là kẻ trộm, xin Ngài hãy trị nó !” Tôi bảo : “Hãy trói hắn lại và bỏ vào trong một cái vạc, đập nắp, trét kín với một lớp đất dày không để cho thần thức tiếp xúc với bên ngoài.” Sau đó, bảo người nổi lửa đốt hắn. Lúc ấy vì tôi muốn tìm thử để biết chỗ tẩu thoát của thần thức hắn, nên tôi bảo người hầu đi quanh cái vạc và nhìn kỹ nhưng không thấy chỗ thần thức chui ra. Sau đó, tôi lại mở cái vạc ra mà nhìn cũng không thấy chỗ thần thức qua lại. Vì lý do đó nên tôi biết chắc không có đời sau.

Ca-diếp nói :

— Nay ta hỏi Người, hãy tùy ý mà đáp. Nay Bà-la-môn, khi Người ngủ nghỉ ở trên lầu cao đã từng nằm mộng, thấy núi rừng, sông ngòi, vườn nhà, ao tắm, quốc ấp, đường xá không ?

— Có mộng thấy !

— Nay Bà-la-môn, lúc Người đang nằm mộng, bà con trong nhà có ở chung quanh Người không ?

— Có !

— Bà-la-môn, bà con Người lúc đó có thấy thần thức của Người đi ra đi vào không ?

— Không thấy !

Ca-diếp nói :

— Người còn sống mà thần thức ra vào còn không thể thấy, huống là người chết. Hơn nữa, Người không thể lấy việc trước mắt mà xét đến việc chúng sanh.

Này Bà-la-môn, có vị Tỳ-kheo từ đầu hôm đến cuối hôm đều không ngủ chỉ lo siêng năng tu về đạo phẩm giác ý, không lười biếng, và dùng sức tam muội mà tu luyện thiên nhãn, nhờ sức thiên nhãn mà quán thấy chúng sanh thác chỗ này sanh chỗ kia, thác chỗ kia sanh về chỗ này, tuổi thọ dài ngắn, nhan sắc tốt xấu, tùy theo hành động mà thọ quả báo, theo đó mà biết con đường thiện hay ác. Người không thể dùng con mắt thịt như nhóp này để thấy hết chỗ thọ sanh của chúng sanh; thế mà lại bảo là không có đời sau. Này Bà-la-môn, do đó có thể biết chắc là có đời sau.

Bà-la-môn nói :

— Tuy Ngài đã dẫn dụ để chứng minh có đời sau, nhưng theo chỗ tôi thấy thì vẫn không có.

Ca-diếp nói :

— Vậy Người còn lý do gì khác để cho là không có đời sau ?

— Có.

Ca-diếp hỏi :

— Vì duyên cố gì mà biết ?

— Nguyên người ở trong thôn do vua phong cho tôi, có kẻ trộm cắp, bị người rình bắt được, dẫn đến chỗ tôi và nói : “Người này là tên trộm, xin Ngài hãy cho trị nó.” Tôi liền bảo người hầu cận trói hẩn lại, để sống vậy mà lột da tìm thần thức, nhưng đều không thấy; tôi lại sai người hầu cắt thịt ra từng mảnh để tìm thần thức hẩn nhưng lại không thấy; lại sai người hầu đập xương chày tủy tìm thần thức trong tủy, nhưng vẫn không thấy. Nay Ca-diếp, vì duyên cố đó, nên tôi biết chắc là không có đời sau.

Ca-diếp nói :

— Những người có trí, nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho Người. Về một kiếp xa xưa trong quá khứ, có một quốc độ điều tàn hoang phế, chưa phục hồi, lúc đó có đoàn buôn dất năm trăm cỗ xe đi đến quốc độ này, bỗng gặp một Phạm chí tu đạo thờ lửa, thường ở trong một khu

rừng, khi đó những người buồn trên đều xin ngủ trọ, rồi sáng mai từ giã lên đường. Phạm chí thờ lửa lúc ấy, thầm nghĩ : “Ta hãy đến chỗ những người buồn ngủ hồi hôm xem thử họ còn bỏ sót gì không ?” Thế rồi ông ta liền đến chỗ họ nghỉ, nhưng đều không thấy gì cả, chỉ trừ có một đứa con nít mới sanh được một tuổi đang ngồi khóc một mình. Phạm chí thầm nghĩ : “Ta đâuỡ nhỡn tâm thấy đứa bé này chết trước mặt. Hay là ta có thể mang đứa bé này về nhà nuôi ?” Tức thì ông ta bèn bồng đứa bé về nhà nuôi. Sau thời gian nuôi dưỡng, đứa bé mỗi ngày một lớn, cho đến năm hơn mười tuổi. Phạm chí lúc đó, vì có chút việc muốn đi vào nhân gian mới dặn đứa bé : “Ta có chút việc tạm đi khỏi ít hôm, ngươi khéo giữ gìn đồng lửa này, đừng cho lửa tắt. Nếu lửa có tắt thì hãy lấy hai thanh củi cọ vào nhau để lấy lửa đốt lên.” Cẩn dặn xong, Phạm chí ra đi. Sau khi ông ta đi, đứa bé ham chơi, không thường xuyên coi lửa, do đó lửa tắt. Đứa bé đi chơi về trông thấy lửa tắt, ảo não than thầm : “Ta dại quá, khi cha ta đi có dạy đủ cách giữ gìn lửa một cách cẩn thận, không cho tắt. Nhưng vì ta ham chơi đến nỗi để cho lửa tắt, bây giờ phải làm sao đây ?” Khi đó, đứa bé vội vàng bới tro tìm lửa nhưng không thấy lửa, bèn dùng búa chẻ củi tìm lửa, nhưng cuối cùng

vẫn không thấy lửa. Thế rồi lại chặt củi thành từng khúc, bỏ vào trong cối giã để tìm lửa nhưng vẫn không thấy. Bấy giờ, Phạm chí trở về và hỏi đứa bé : “Trước khi đi, ta có dặn Người coi chừng lửa để lửa khỏi tắt, Người có coi không ?” Đứa bé đáp : “Vì con chạy đi chơi, không thường xuyên coi chừng lửa; do đó, nay lửa tắt hết.” — “Người làm cách nào để lấy lửa lại ?” — “Lửa phát ra từ củi, nên con dùng búa chẻ củi ra để tìm lửa, nhưng không thấy lửa đâu. Và sau đó, con chặt củi thành khúc nhỏ, bỏ vào cối giã để tìm lửa, nhưng vẫn không có.”

Lúc đó, Phạm chí dùng hai thanh củi cọ với nhau thì lửa phát ra, đồng thời ông ta chặt củi lên đốt, và bảo đứa bé : “Như muốn tìm lửa phải làm đúng cách này, chứ không nên chẻ củi hay giã nát củi mà tìm lửa được đâu.”

Này Bà-la-môn, Người cũng như thế, không có theo đúng phương pháp, lại đi lột da người chết để tìm thần thức, đâu tìm được. Hơn nữa, Người không thể dựa vào việc trước mắt mà quán thấy chúng sanh đâu.

Này Bà-la-môn, có vị Tỳ-kheo đâu hôm, cuối hôm, không ngủ nghỉ, siêng năng không lười biếng, chuyên tu niệm về đạo phẩm (niệm giác ý) và dùng

sức tam muội để tu luyện về thiên nhân; do năng lực thiên nhân nên quán thấy chúng sanh thác đây sanh kia, thác kia sanh đây, thọ mạng dài ngắn, nhan sắc tốt xấu, tùy theo hành động thiện hay ác mà thọ quả báo tốt xấu, tất cả đều thấy hết. Do đó, không thể viện cớ con mắt thịt như bần, không thể thấy được chỗ thọ sanh của chúng sanh mà cho là không có. Nay Bà-la-môn, do đó có thể biết chắc là có đời sau.

Bà-la-môn nói :

— Tuy Ngài đã dẫn dụ để chứng minh có đời sau nhưng theo chỗ tôi thấy thì vẫn không có.

Ca-diếp nói tiếp :

— Người còn có lý do gì khác mà cho là không có đời sau ?

— Thưa, còn có lý do.

— Có lý do gì để biết ?

Bà-la-môn thưa :

— Nguyên ở trong thôn mà vua phong cho tôi, có kẻ trộm cắp, bị người rình bắt được đem đến cho tôi, và nói : “Người này là kẻ trộm, xin Ngài trị nó.” Tôi liền bảo người hầu đem người

này đi cân. Người hầu vâng lời đem cân người này. Rồi hãy đem người này giết chết một cách êm thấm, không làm mất một chút da thịt. Thế rồi tôi bảo người hầu đem cân người ấy trở lại. Nhưng lần này thấy nặng hơn lần trước. Ca-diếp, thân người ấy khi sống, thần thức đang còn, nhan sắc tươi đẹp, nói năng được mà đem cân thì nhẹ, trái lại, khi thác thần thức không còn, nhan sắc cũng không, nói năng không được, đem cân thì nặng, vì lý do đó nên tôi biết là không có đời sau.

Ca-diếp bảo Bà-la-môn :

— Nay ta hỏi Người, hãy tùy ý mà đáp : Như người cân sắt, khi sắt nguội đem cân thì nặng, như khi sắt nóng đem cân thì nhẹ. Tại sao sắt có màu đỏ sáng, mềm mại mà lại nhẹ ? Tại sao không có màu đỏ sáng và cứng mà cân lại nặng ?

Tệ Túc đáp :

— Sắt nóng có màu đỏ sáng, mềm mại, nên nhẹ, sắt nguội không có màu đỏ sáng và cứng nên nặng.

Ca-diếp nói :

— Con người cũng thế, khi sống thì có nhan sắc, mềm mại cho nên nhẹ, nhưng khi thác không

có nhan sắc và cứng cho nên nặng. Do đó, có thể biết chắc là có đời sau.

— Tuy Ngài đã dẫn dụ để nói có đời sau, nhưng theo chỗ tôi thấy, chắc chắn là không có đời sau.

Ca-diếp hỏi :

— Người còn lý do gì khác để cho thấy rằng không có đời sau ?

Bà-la-môn thưa :

— Nguyên tôi có người bà con mắc phải bệnh nặng, khi đó tôi đến bảo đỡ người bệnh nằm nghiêng về phía tay phải, và họ vẫn còn liếc ngó, co duỗi như thường. Thế rồi, tôi đỡ người ấy nằm nghiêng bên trái, rồi lật sấp, lật ngửa, hẳn vẫn còn co duỗi, liếc ngó, nói năng như thường. Sau đó, liền tắt thở, tôi lại bảo người đỡ tử thi nằm nghiêng tay phải, tay trái, lật sấp, lật ngửa, nhìn kỹ thì không thấy co duỗi, liếc ngó hay nói năng gì cả. Do đó, tôi biết chắc là không có đời sau.

Ca-diếp nói tiếp :

— Những người có trí, nhờ thí dụ mà hiểu. Nay ta sẽ dẫn dụ cho Người. Xưa có một quốc độ, không có ai từng nghe tiếng ốc tù và. Hôm

nọ, có người có thể thổi tù và sành nghề đến nước này, đi vào trong thôn, cầm ốc thổi ba tiếng rồi bỏ xuống đất.

Khi đó, trai gái trong thôn nghe tiếng, giật mình, đều đến hỏi : “Thứ tiếng gì mà trong trẻo, bi ai vang xa như vậy ?” Người chủ chỉ vào vỏ ốc nói : “Tiếng của cái đó”. Khi ấy, người người trong thôn lấy tay vỗ vào vỏ ốc, và nói : “Người hãy kêu lên ! Người hãy kêu lên !” Nhưng vỏ ốc vẫn không kêu, tức thời người chủ cầm vỏ ốc lên thổi ba tiếng, rồi bỏ xuống đất. Người trong thôn trầm trồ : “Đấy là tiếng hay ho mà chúng ta nghe khi nãy, chứ không phải do sức vỗ ốc mà có, phải có tay, có miệng, có hơi thổi nói mới kêu”. Con người cũng thế, cần phải có tuổi thọ (sức sống), có tri giác, có tinh thần và hơi thở ra vào mới có thể co duỗi, liếc ngó, nói năng được. Trái lại, nếu không có tuổi thọ, thần thức, tri giác, không có hơi thở, thì không thể co duỗi, liếc ngó và nói năng được.

Ca-diếp khuyên Bà-la-môn :

— Ông nên từ bỏ ác tà kiến đó đi. Chớ giữ nó suốt đời, chỉ thêm khổ não.

Bà-la-môn đáp :

— Tôi không thể bỏ được. Vì sao ? Vì từ khi sanh ra đến giờ, tôi đã thường xuyên đọc tụng, luyện tập kiên cố, thì đâu có thể bỏ được.

Ca-diếp nói :

— Những người có trí, do thí dụ mà hiểu rõ, nay ta sẽ dẫn dụ cho Người. Trong thuở xa xưa, có một quốc độ mà người dân ở biên cương nước đó điêu tàn, thế rồi trong nước ấy, có hai người. Một anh thì có trí, một anh thì ngu, họ bảo nhau : “Tôi là bạn thân anh, chúng ta hãy cùng nhau ra ngoài thành bứt lúa mọc hoang về làm của.” Rồi họ cùng đi. Khi đến một xóm hoang, thấy có cây gai mọc đầy trên mặt đất, tức thì người trí bảo người ngu kia cùng nhau lấy đem về.

Lúc đó, hai người ấy, mỗi người lấy mỗi gánh, sau khi đi ngang qua thôn cũ, họ thấy có đồng chỉ gai. Người trí nói :

— Chỉ gai đã làm thành, nhỏ, nhẹ đáng lấy hơn.

Người ngu nói :

— Tôi đã lấy gai bó buộc chặt chẽ, nay không thể bỏ được.

Bấy giờ chỉ có một mình người trí lấy một gánh chỉ gai đem về. Họ lại cùng nhau tiến bước, bỗng gặp một đồng vải gai. Người trí nói :

— Vải gai đã làm thành, nhỏ, nhẹ, đáng lấy hơn.

Người ngu nói :

— Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ, nay không thể bỏ được.

Người trí bèn bỏ gánh chỉ gai mà lấy vải gai, làm thành một gánh nặng đem về. Họ cùng nhau tiến bước, bỗng gặp một đồng cây kiếp bối. Người trí nói :

— Thứ cây kiếp bối này rất quý giá, nhỏ, nhẹ, đáng lấy hơn.

Người ngu nói :

— Trước tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ, mang đi đã xa, nay không thể bỏ được.

Lúc đó, người trí liền bỏ vải gai mà lấy cây kiếp bối. Họ cùng tiến bước, lại gặp chi kiếp bối, gặp bạch điệp, tiếp theo là gặp đồng trắng, rồi gặp bạc, gặp vàng.

Người trí nói :

— Nếu không có vàng thì ta sẽ lấy bạc, nếu không có bạc thì ta hãy lấy đồng, hoặc lấy chỉ gai, nếu không có chỉ gai, thì ta hãy lấy cây gai. Nhưng nay tại thôn này có rất nhiều vàng mà vàng là hơn hết trong các vật này. Vậy anh nên bỏ cây gai, ta sẽ bỏ bạc, để cùng nhau lấy vàng mỗi người một gánh nặng đem về.

Người ngu nói :

— Tôi đã lấy cây gai bó buộc chặt chẽ mang đi đã xa, nay không thể bỏ được. Nếu anh muốn lấy, thì lấy, tùy ý.

Thế rồi người trí một mình bỏ bạc lấy một gánh vàng mang về. Đến nhà, bà con từ xa vừa trông thấy bóng anh ta về, gánh nhiều vàng thì vui mừng nghinh đón; người được vàng, thấy bà con nghinh đón lại càng vui mừng hơn. Trong khi đó, người ngu gánh cây gai về nhà, bà con trông thấy không vui mừng, không nghinh tiếp, nên anh càng thêm buồn khổ.

Này Bà-la-môn, nay Người nên từ bỏ ác tà kiến ấy đi, chớ để suốt đời chỉ thêm khổ não. Như người gánh gai, cứ chấp chặt ý ngu, không chịu lấy vàng, lại cứ gánh gai đem về, mệt nhọc uống

công mà bà con không vui, và suốt đời phải chịu nghèo cùng, càng thêm buồn khổ.

Bà-la-môn đáp :

— Tôi nhất định không bỏ ác kiến ấy. Vì sao ? Vì tôi nhờ ác kiến đó mà dạy dỗ nhiều người, đem lại nhiều lợi ích, vua chúa bốn phương đều nghe tên tôi, đều biết rõ tôi là hàng học giả chủ trương đoạn diệt.

Ca-diếp nói tiếp :

— Những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho Người :

Về thuở xa xưa, có một quốc độ mà nhân dân ở biên cương đều điêu tàn. Lúc đó, có một đoàn người buôn, mang theo một ngàn cỗ xe đi ngang qua nước này. Vì họ không lo đủ gạo nước, củi rau không đủ cung cấp. Nay người chủ buôn suy nghĩ : “Hết thấy chúng ta không mang theo gạo, nước, rau... nay nên phân thành hai nhóm. Nhóm một đi trước dẫn đường.” Người dẫn đường nhìn thấy một người thân thể to lớn, mắt đỏ, mặt đen, xoa bìn cả mình từ đằng xa đi lại, bèn hỏi :

— Người từ đâu lại ?

— Tôi từ thôn phía trước đi lại.

— Chỗ Ngươi có nhiều nước, gạo, củi, rau không ?

— Chỗ tôi ở có gạo, nước, củi, rau dư giả. Và lúc tôi đi giữa đường, bỗng gặp trời mưa to nên ở thôn kia lại càng có nhiều nước, gạo củi, rau.

Người ấy lại bảo thương chủ :

— Nếu trên xe Ngươi có chở gạo, rau thì bỏ xuống, vì tại thôn ấy có nhiều gạo, rau, không cần chở cho nặng xe.

Thế rồi, người thương chủ bảo những người trong đoàn : "Ta đi về phía trước thấy có một người mặt đỏ, mặt đen, xoa bùn cả mình, ta hỏi : "Người từ đâu lại ?" Người ấy đáp : "Tôi từ thôn phía trước lại." Ta liền hỏi tiếp : "Chỗ ngươi ở có nhiều gạo, rau, củi, nước không ?" Đáp : "Thôn ấy rất giàu, hơn nữa, khi tôi đi giữa đường, bỗng gặp trời mưa lớn, do đó chỗ ấy càng thêm nhiều nước, rau, củi" và bảo ta : "Trên xe ngươi nếu có chở rau củi thì nên bỏ xuống hết, vì thôn ấy giàu sang không cần chở đến làm chi cho nặng xe." Vậy, các người nên bỏ gạo rau để cho xe được nhẹ, đi mau tới."

Thế theo lời người ấy, họ đều bỏ gạo rau để cho xe nhẹ đi mau tới nơi. Nhưng họ đi một ngày

như thế cũng không thấy nước, rau đậu cả. Đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày cũng không thấy gì cả. Lúc ấy, đoàn người buôn đã lâm vào nơi đồng vắng và bị quỷ bắt ăn thịt cả.

Về sau, toán thứ hai tiếp tục lên đường, người chủ buôn đi đầu, lại gặp người mắt đỏ, mặt đen, thoa bùn khắp mình. Người chủ đoàn hỏi :

— Người từ đâu lại ?

— Tôi từ thôn phía trước lại.

— Chỗ ấy có nhiều nước, gạo, rau, củi không ?

— Có rất nhiều ! Đồng thời bảo chủ đoàn : Ta đi giữa đường gặp trời mưa lớn, nên nơi ấy lại càng có nhiều nước, rau, củi, gạo; lại bảo : Nếu trên xe của người có chở rau, gạo thì nên bỏ xuống, vì thôn ấy giàu sang không cần chở đến làm chi cho nặng xe.

Khi đó, người chủ đoàn trở lại nói với những người trong đoàn : “Ta đi về phía trước gặp một người nói như thế này : “Trên xe các người nếu có chở gạo, rau, thì nên bỏ xuống hết, vì thôn kia giàu có, không cần chở đến cho nặng xe.””

Khi đó, người chủ đoàn nói : “Gạo, rau của các người hãy giữ kỹ, chớ vất bỏ, bao giờ được

lương thực mới, rồi sau đó hãy bỏ. Vì sao ? Vì đồ mới, đồ cũ phải có tiếp tục, mới mong qua khỏi cảnh đồng trống này.” Thế nên cả đoàn người buồn cứ chờ xe nặng mà đi. Đi được một ngày như thế nhưng không thấy nước rau dầu cà, tiếp tục đi ngày thứ hai, thứ ba cho đến ngày thứ bảy cũng chẳng thấy có nước dầu cà, nhưng chỉ thấy xương cốt ngổn ngang của đoàn người đi trước, bị quỷ ăn bỏ lại.

Này Bà-la-môn, người mắt đỏ, mặt đen kia chính là quỷ La-sát. Những người nghe theo lời nó, suốt đời chịu khổ, chẳng khác nào đoàn người buồn thứ nhất, vì không có trí tuệ, nên nghe lời người dẫn đường, do đó phải thiệt mạng. Này Bà-la-môn ! Trái lại, những Sa-môn, Bà-la-môn tinh tấn, có trí tuệ, họ có dạy gì, nếu ai nghe theo suốt đời được an vui, như đoàn người buồn thứ hai, vì nhờ có trí tuệ nên khỏi bị tai nạn.

Này Bà-la-môn, nay Người nên bỏ ác tà kiến ấy đi, chớ để suốt đời chỉ thêm khổ não.

Bà-la-môn đáp :

— Tôi nhất quyết không thể từ bỏ quan điểm đó được. Nếu có ai đến can gián tôi, thì chỉ làm

cho tôi phát giận, chứ tôi quyết không bao giờ bỏ quan điểm đó.

Ca-diếp nói tiếp :

— Những người có trí, nhờ thí dụ mà hiểu. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho Người. Trong kiếp xa xưa, có một quốc độ mà nhân dân ở biên cương đều điêu tàn. Lúc đó có một người thích nghề nuôi heo, đi đến một thôn vắng khác, thấy có nhiều phân khô, liền nghĩ thầm : “Nơi đây có nhiều phân mà đàn heo ta ở nhà đang đói, vậy nay ta nên lấy cỏ gói phân này đội trên đầu đem về.” Nghĩ vậy, anh ta liền lấy cỏ gói phân lại và đội đi. Đi được nửa đường gặp trời mưa to, xô phân chảy suốt đến chân. Mọi người thấy vậy đều chê anh là điên cuồng : “Thứ phân như ấy, già sử trời mát mê cũng không ai đội huống là đội đi giữa cơn mưa.” Anh ta nổi giận mắng lại : “Các người là đồ ngu, không biết heo ta ở nhà đang đói, nếu các người biết thì không nói ta ngu đâu.”

Này Bà-la-môn, nay Người nên từ bỏ ác tà kiến ấy đi, chớ giữ chặt sự mê lầm mà suốt đời phải chịu khổ đau. Cũng như người ngu kia, đội phân đi bị người khác chê và can gián rồi trở lại mắng nhiếc người ta là ngu si.

Bà-la-môn nói với Ca-diếp :

— Nếu các Ngài cho rằng : làm lành được sanh lên cõi trời, chết vui hơn là sống, sao các Ngài không lấy dao tự vận hoặc uống thuốc độc chết đi, hoặc trói tay chân xô từ nơi cao xuống, mà cứ thấy người nào người nấy đều ham sống, không ai tự sát cả. Như thế đủ biết chết không vui hơn sống.

Ca-diếp nói tiếp :

— Những người có trí, nhờ thí dụ hiểu rõ. Nay ta sẽ dẫn dụ nữa cho Người. Thuở xưa, ở thôn Tư-ba-ê này, có một người Phạm chí kỳ cựu trưởng lão, tuổi đã một trăm hai mươi, có hai người vợ, một người có con trước, một người mới mang thai.

Chẳng bao lâu, sau đó Phạm chí qua đời. Mẹ con người vợ lớn nói với vợ nhỏ rằng : “ Bao nhiêu của báu này đều giao hết cho tôi cả, Người không có phần nào.” Người vợ nhỏ nói : “Chị hãy chờ một thời gian ngắn, tôi sẽ sanh, nếu là con trai thì phải có một phần gia tài, nếu là con gái thì chị đem gả chồng để lấy tiền của.” Nhưng người vợ lớn cứ nài nỉ đến ba lần, đòi chia gia tài cho được. Nhưng người vợ nhỏ vẫn trả lời như trước. Con của người vợ lớn cứ ép bức mãi, người vợ nhỏ

nổi giận lấy dao bén tự mổ bụng mình để coi trong bụng con trai hay là con gái.

Này Bà-la-môn, người mẹ tự sát lại hại luôn đứa con trong bào thai. Bà-la-môn, các Người cũng thế, đã tự giết mình còn muốn giết kẻ khác. Trái lại, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào siêng tu thiện, giới đức đầy đủ, nếu sống lâu ở đời thì đem lại nhiều lợi ích an lạc cho cả Trời, Người.

Bà-la-môn, nay ta sẽ đem dẫn dụ cuối cùng cho Người, để Người thấy rõ tai hại của ác tà kiến. Thuở xưa, tại thôn Tư-ba-e này, có hai người giỏi về nghề luyện bi, một hôm hai người đấu nghề với nhau, một người thắng cuộc, một người thua cuộc. Thế rồi, người thua cuộc nói với người thắng cuộc rằng : “Thôi, ngày nay nghỉ, để ngày mai đấu lại.” Sau đó người thua cuộc trở về nhà lấy những hòn bi để chơi đem tẩm thuốc độc, rồi đem phơi khô. Sáng hôm sau, mang những hòn bi này đến chỗ người thắng cuộc yêu cầu đấu lại. Trước khi chơi, người thua cuộc lấy một hòn bi đã tẩm thuốc độc trao người thắng cuộc, người thắng cuộc lấy nuốt, người thua cuộc lại trao nữa, người thắng cuộc tiếp tục nuốt. Sau đó bị chất độc thấm làm rung động cả thân.

Bấy giờ người thua cuộc dùng kệ mắng rằng :

*Ta dùng thuốc thoa bị,
Mà ngươi nuốt không biết,
Ngươi nuốt nhờ tiểu kế,
Về lâu sau sẽ biết.*

Ca-diếp bảo Bà-la-môn :

— Nay ngươi nên mau bỏ ác tà kiến đó đi, chớ để mê muội mãi lại càng thêm khổ sở, như người chơi bi kia, nuốt độc mà không biết.

Lúc đó Bà-la-môn thưa Ca-diếp :

— Thưa Tôn giả, ngay thí dụ đầu tiên về mặt trắng, tôi đã hiểu rồi, sở dĩ tôi tráo trở không chấp nhận liền là vì tôi muốn thấy trí tuệ biện tài của Ngài để thêm vững chắc lòng tin. Nay tôi xin tín thọ quy y với Ca-diếp.

Ca-diếp đáp :

— Ngươi chớ quy y với ta, mà nên quy y với đáng Vô Thượng Tôn, như ta đã quy y.

Bà-la-môn nói :

— Không hiểu đáng Vô Thượng Tôn mà Ngài quy y nay ở đâu ?

Ca-diếp đáp :

— Đức Thế Tôn, thầy ta đã diệt độ chưa bao lâu.

Bà-la-môn nói :

— Nếu đức Thế Tôn còn, chẳng quản xa gần tôi cũng tìm đến gặp Ngài và quy y lễ bái. Nhưng nay nghe Ngài nói đức Thế Tôn đã diệt độ. Vậy nay tôi xin quy y đức Như Lai đã diệt độ, quy Pháp và quy chúng Tăng. Xin Ngài hãy chấp nhận tôi là kẻ ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp. Từ nay về sau tôi nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu. Tôi nay sẽ đại bố thí cho tất cả.

Ca-diếp nói :

— Nếu Người sát hại chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí, điều đó chẳng phải là phúc thanh tịnh. Và, nếu giết hại chúng sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí và bố thí cho hạng người tà kiến, thì đó chẳng phải là tạo phúc thanh tịnh. Ví như trên đất cạn, nhiều sạn sỏi, nhiều chông gai mà đem gieo giống vào, chắc chắn không gặt hái được gì. Trái lại, nếu mở hội đại thí mà không giết hại chúng sanh, không đánh đập tôi tớ, đem lòng hoan hỷ mở hội bố thí, bố thí cho hạng người thanh tịnh, thì Người sẽ thu được nhiều phúc lớn.

Cũng như ruộng tốt đúng mùa mà gieo giống, tất nhiên sẽ thu hoạch được nhiều tốt đẹp.

Tệ Túc bạch Ca-diếp :

— Từ nay về sau tôi sẽ thường xuyên cúng dường cho chúng Tăng, không bao giờ gián đoạn.

Lúc đó, có một thiếu niên Phạm chí tên là Ma-đầu đứng sau Tệ Túc. Tệ Túc xây lại bảo : “Nay ta muốn mở hội đại thí cho tất cả. Vậy Người hãy sửa soạn giúp ta.”

Khi thiếu niên Phạm chí nghe xong, liền sửa soạn. Lúc bố thí xong, anh ta cất tiếng nói rằng : “Nguyện cho Tệ Túc đời nay và đời sau không được phúc báu gì cả.”

Lúc đó, Tệ Túc nghe Phạm chí ấy, sau khi bố thí xong, thốt ra lời này : “Nguyện cho Tệ Túc đời nay và đời sau không được phúc báu gì cả” liền gọi Phạm chí lại hỏi :

— Người nọ vừa rồi có nói lời ấy không ?

Đáp :

— Thật có nói. Vì sao ? Vì nay Ngài chung dọn các thức ăn thô kệch, dờ tẻ như thế này để cúng dường cho chúng Tăng, nếu thử đem nó cho Ngài, Ngài còn không thèm sờ tay tới hưởng nữa

là ăn. Hơn nữa, hiện tại đây, Ngài chung bày thức ăn không hài lòng, thì làm sao đời sau được quả báo thanh tịnh ? Ngài bố thí y phục cho chúng Tăng mà thí toàn là vải gai, nếu thử đem nó cho Ngài, Ngài còn không lấy chân sờ tới hưởng nữa là có thể lấy mặc. Hiện tại đây, Ngài chung bày những thứ không hài lòng, thì làm sao đời sau được quả báo thanh tịnh ?

Khi đó, Bà-la-môn bảo Phạm chí :

— Từ nay về sau Người hãy lấy thức ăn ta ăn, y phục ta mặc để cúng dường cho chúng Tăng.

Phạm chí lúc ấy thực hành theo lời dạy, lấy thức ăn và y phục của Tệ Túc mà cúng dường cho chúng Tăng.

Do Tệ Túc mở hội tịnh thí này, nên sau khi thác sanh lên cõi Trời thấp hơn, trong khi đó, thiếu niên Phạm chí kia lo sửa soạn giúp cho hội thí, sau khi qua đời được sanh lên cõi trời Đao-lợi cao hơn.

Bấy giờ, Bà-la-môn Tệ Túc, thiếu niên Phạm chí, chúng Bà-la-môn và cư sĩ v.v... trong thôn Tư-ba-ê, nghe đồng nữ Ca-diếp nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH TÁN ĐÀ NA

Tôi nghe như vậy :

Một thời cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều ngự trong động cây thất diệp, tại núi Tỳ-ha-la, thuộc thành La-duyet-kỳ.

Bấy giờ trong thành Vương Xá, có một cư sĩ tên Tán-đà-na, tính ưa du ngoạn, cứ mỗi ngày ông đều ra khỏi thành đến chỗ Thế Tôn ngự. Một hôm ông xem bóng mặt trời, và thầm nghĩ : “Giờ này chưa phải lúc ta đến bái yết Phật, vì Thế Tôn còn

đang nhập định trong tịnh thất, hơn nữa các Tỳ-kheo, cũng đang thiền định. Vậy tốt hơn ta nên đến rừng nữ Phạm chí Ô-tạm-bà-lợi, đợi đúng giờ rồi sẽ đến bái yết Phật và vấn an các Tỳ-kheo.”

Khi đó, trong rừng nữ Phạm chí Ô-tạm-bà-lợi có ông Phạm chí tên Ni-câu-đa, cùng năm trăm đệ tử Phạm chí đều ở trong rừng đó. Lúc bấy giờ các Phạm chí tụ tập tại một chỗ lớn tiếng bàn luận, nhưng chỉ nói những lời thô tục, nhiễm ô, chướng đạo, chẳng hạn như suốt ngày họ chỉ bàn việc nước, việc binh đao, chiến tranh, việc quốc gia hòa nghĩa, việc đại thần, việc thứ dân, việc xe ngựa đi qua khu rừng này; hoặc là việc giường chiếu, việc y phục, việc ăn uống, việc phụ nữ; hoặc là bàn việc núi biển, rửa ba ba ... chỉ bàn luận những điều chướng đạo như vậy suốt ngày.

Khi ấy, ông Phạm chí vừa trông thấy dáng cư sĩ Tấn-dà-na từ xa đi đến, liền ra lệnh : “Hội chúng hãy im lặng, vì có đệ tử của Sa-môn Cù-dàm đang đi đến. Hơn nữa, trong hàng đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-dàm, thì ông này là hơn hết, chắc ông ta sẽ đến đây. Vậy các người hãy im lặng”. Khi đó các Phạm chí đều im lặng.

Sau khi cư sĩ Tán-dà-na đến chỗ ông Phạm chí chào hỏi xã giao xong, ngồi xuống một bên, và nói với Phạm chí :

— Thầy tôi là đức Thế Tôn, thường ưa yên tĩnh, không chịu ồn ào, không như các Ông và đệ tử các Ông, ở giữa đám đông lớn tiếng luận bàn, nhưng chỉ đề cập đến những điều chương đạo vô ích.

Phạm chí đáp lời :

— Sa-môn Cù-dàm có lần nào cùng Người đàm luận không ? Người làm sao biết được Sa-môn Cù-dàm có đại trí tuệ ? Hơn nữa thấy Người thường ưa ở nơi biên địa, chẳng khác nào như trâu đui ăn cỏ, sự thấy biết thiên lệch, ông Cù-dàm thầy của Người cũng vậy, ưa bảo thủ những quan niệm thiên lệch của riêng mình và thích ở chỗ không người. Nếu thầy Người đến đây, thì chúng ta sẽ gọi là con trâu đui. Còn Sa-môn Cù-dàm thường tự xưng là bậc đại trí tuệ, nhưng chúng ta chỉ cần dùng một câu là làm cho ông ta bí lối, mà phải làm thình. Ví như con rùa thun hết đầu đuôi, bốn chân vào vỏ, và cho thế là yên, nhưng chúng ta chỉ cần một mũi tên bắn ra là không còn chỗ trốn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang ngự trị trong tịnh thất dùng thiền nhĩ nghe Phạm chí nói với

Tán-đa-na những lời như thế, liền rời động cây thất diệp, đi đến rừng nữ Phạm chí Ô-tam-bà-lợi.

Lúc bấy giờ Phạm chí Ni-câu-đa vừa thấy Phật từ xa đi đến vội bảo các đệ tử : “Các Người hãy im lặng, Sa-môn Cù-đàm muốn đến đây. Vậy các Người chớ đứng dậy nghinh tiếp hoặc lễ bái hay cung kính, cũng chớ thỉnh ngồi; trái lại, hãy chỉ một chỗ riêng cho ông ta ngồi. Khi ông ta ngồi xong, các người hãy hỏi : “Sa-môn Cù-đàm từ đâu đến ? Ông dùng pháp gì để dạy bảo đệ tử khiến họ được tịch tịnh an vui và tịnh tu phạm hạnh ?”. Khi ông ta nói vừa dứt lời thì đức Thế Tôn cũng vừa đến. Nhưng các đệ tử Phạm chí, bất giác tự nhiên đứng dậy nghinh tiếp đức Thế Tôn, và nói : “Quý hóa thay, đức Cù-đàm đã đến đây ! Vinh hạnh thay đức Sa-môn đã đến đây ! Từ lâu không được gặp Ngài, nay có việc gì Ngài lại đến đây ? Xin mời Ngài ngồi tạm một chỗ phía trước”.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ngồi xuống, Ngài vui vẻ mỉm cười và thầm nghĩ : “Những người ngu này không tự chủ được, trước đã đặt lệnh ước với nhau, nhưng rốt cuộc không giữ vững lập trường. Vì sao ? Vì thần lực của Phật khiến cho ác tâm của họ tự nhiên tiêu tan.”

Lúc đó, cư sĩ Tán-đà-na đánh lễ dưới chân Thế Tôn và ngồi xuống một bên, đồng thời Phạm chí Ni-câu-đa sau khi chào hỏi Phật xong cũng ngồi xuống một bên và thưa :

— Sa-môn Cù-dàm từ đâu đến đây ? Ngài dùng pháp gì để dạy bảo đệ tử khiến họ được định, an ổn và tịnh tu phạm hạnh ?

Đức Thế Tôn bảo :

— Thôi đi Phạm chí ! Pháp của Ta dạy bảo đệ tử từ trước đến nay khiến họ được chỗ an ổn và tịnh tu phạm hạnh thì không thể nào Ông sánh kịp. Lại bảo Phạm chí, ngay cả thầy Ông và đệ tử của Ông tu hành tịnh hay bất tịnh Ta đều có thể nói được.

Lúc đó, năm trăm đệ tử Phạm chí đều nói với nhau : “Sa-môn Cù-dàm có oai lớn, có thần lực lớn thật, người ta hỏi nghĩa lý của mình, mà mình lại hỏi nghĩa lý của người ta”.

Khi ấy Phạm chí Ni-câu-đa bạch Phật :

— Thưa Cù-dàm, tốt lắm ! Xin Ngài hãy phân biệt rõ ràng cho !

Phật bảo Phạm chí :

— Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe ! Hãy suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, về vấn đề này Ta sẽ nói cho.

Phạm chí đáp :

— Vâng ! Tôi đang muốn nghe.

Khi ấy Phật dạy :

— Những việc làm của các Ông đều là thấp hèn. Như việc cởi hết áo chân để lỏa thể, rồi lấy tay che, hoặc không nhận đồ ăn đựng trong cái mái, không nhận đồ ăn đựng trong cái bát, không nhận đồ ăn giữa hai tay đưa, không nhận đồ ăn giữa hai người, không nhận đồ ăn giữa hai dao, không nhận đồ ăn giữa hai bát, không nhận đồ ăn nơi nhà đang ăn, không nhận đồ ăn nơi nhà có người đang thai nghén, không nhận đồ ăn nơi nhà nếu thấy có chó đứng trước cửa, không nhận đồ ăn nơi nhà có nhiều ruồi, không nhận đồ ăn do người tu mời, không nhận đồ ăn mà người ta đã cho biết trước, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không dùng hai bát đựng đồ ăn; hoặc một lần nhai một lần nuốt, cho đến bảy lần nhai một lần nuốt mà thôi; hoặc nhận đồ ăn thêm không quá bảy lần, hoặc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa; hoặc chỉ ăn rau, hoặc chỉ ăn cỏ, hoặc chỉ uống nước cháo, hoặc chỉ ăn mè, hoặc chỉ ăn gạo lúa, hoặc ăn phân bò, hoặc ăn phân nai, hoặc ăn rễ, nhánh, lá, trái, hạt cây, hoặc ăn trái

cây tự rụng; hoặc choàng áo trên vai, hoặc mặc áo cô cú, hoặc mặc vô cây, hoặc lấy cô quấn quanh mình, hoặc mặc da nai, hoặc để trần đầu tóc, hoặc mang tấm lông, hoặc mặc áo vắt ngoài gò má, hoặc thường đưa tay lên, hoặc không ngồi giường chiếu, hoặc thường ngồi chồm hóm, hoặc cạo tóc chùa râu, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên dưa trái, hoặc lỏa thể nằm trên phân bò, hoặc một ngày tắm ba lần, hoặc một đêm tắm ba lần. Tóm lại, dùng vô số việc khổ hạnh để hành hạ xác thân như thế, Ni-câu-đà nghĩ sao ? Tu những hạnh như vậy đáng gọi là thanh tịnh chăng ?

Phạm chí đáp :

— Đó là những pháp thanh tịnh chứ chẳng phải bất tịnh.

Phật dạy :

— Nếu Ông cho là tịnh, thì Ta sẽ từ trong cái tịnh của Ông mà chỉ ra những điều bất tịnh cho Ông xem.

Phạm chí đáp :

— Thưa Cù-đàm, tốt lắm, Ngài cứ nói, tôi đang muốn nghe.

Phật bảo Phạm chí :

— Những người tu khổ hạnh trên, trong tâm họ vẫn tự nghĩ như sau : “Nay ta tu như thế này sẽ được mọi người cúng dường, cung kính và lễ bái, đó là cầu uế.”

Như người tu khổ hạnh, khi được cúng dường, cung kính, lễ bái thì say đắm, chấp chặt không muốn từ bỏ, luyến ái không biết cách thoát ly. Đó là cầu uế.

Như người tu khổ hạnh, khi vừa trông thấy bóng ai đến, thì cùng nhau ngồi thiền, nhưng đến khi không có ai, thì tự ý ngồi nằm. Đó là cầu uế.

Như người tu khổ hạnh, khi nghe chánh nghĩa của người khác mà không chịu nhìn nhận. Đó là cầu uế.

Như người tu khổ hạnh, nếu có ai hỏi đúng mà tiếc rẻ không chịu đáp. Đó là cầu uế.

Như người tu khổ hạnh, nếu thấy ai cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn sanh lòng chê bai, cản trở. Đó là cầu uế.

Như người tu khổ hạnh, nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sinh ra được, liền chê trách. Đó là cầu uế.

Như người tu khổ hạnh, nếu thấy có thức ăn bất tịnh, không chịu cho người. Nếu có thức ăn thanh tịnh, tham lam giữ ăn một mình, không thấy lỗi của mình, không biết cách thoát ly. Đó là cấu uế.

Như người tu khổ hạnh mà sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói lời ly gián, nói lời độc ác, nói láo, nói thêm bớt, tham lam, tật đố, tà kiến điên đảo. Đó là cấu uế.

Nếu người tu khổ hạnh, mà lười biếng, ham vui mê mờ, không tu thiền định, không có trí tuệ, giống như cầm thú. Đó là cấu uế.

Nếu người tu khổ hạnh mà tự cao, kiêu mạn, tăng thượng mạn. Đó là cấu uế.

Nếu người tu khổ hạnh mà không có tín nghĩa, không có tâm báo đáp, không giữ tịnh giới, không siêng năng học hỏi, thường kết bạn với người ác, kết bè kết đảng mãi làm ác không thôi. Đó là cấu uế.

Nếu người tu khổ hạnh mà đầy lòng sân hận, thích làm xảo trá, tự ý lại sự hiểu biết của mình đi tìm tòi chỗ hay và chỗ dở của người, thường mang tà kiến, biên kiến. Như vậy là cấu uế.

Thế nào, Ni-câu-dà, lỗi tu khổ hạnh như vậy đáng gọi là thanh tịnh chăng ?

Đáp :

— Đó là bất tịnh, chứ không phải thanh tịnh.

Phật dạy :

— Nay Ta sẽ từ trong pháp cấu uế của Ông mà chỉ ra pháp thanh tịnh không cấu uế.

Phạm chí thưa :

— Xin Ngài cứ nói.

Phật dạy :

— Người tu khổ hạnh không tự nghĩ rằng :
“Ta tu như thế sẽ được cung kính cúng dường lễ bái.” Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy khi được cúng dường nhưng tâm không tham đắm, hiểu rõ, xa lìa và biết cách thoát ly. Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy lo tọa thiền theo thường lệ, chứ không vì có người hay không có người mà thay đổi. Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy khi nghe đến chánh nghĩa của người khác thì hoan hỷ tin nhận. Đó là pháp khổ hạnh không cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy khi có ai hỏi han thì vui vẻ giải đáp. Đó là pháp tu khổ hạnh xa rời cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy khi thấy ai cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì vui mừng thế cho họ chứ không cản trở. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn ăn vật có thể sống lại mà không quở trách. Đó là pháp khổ hạnh thanh tịnh.

Người tu khổ hạnh ấy khi được thức ăn bất tịnh, tâm không luyến tiếc và khi được thức ăn thanh tịnh, tâm không tham đắm, xét thấy lỗi của mình biết cách lìa bỏ. Đó là khổ hạnh xa lìa cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy không tự khen mình chê người. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa xấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói ác độc, không nói dối, không nói thêm bớt, không tham lam, không tật đố, và không tà kiến. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy siêng năng không quên ưa tu tập thiền định, tu nhiều về trí tuệ, không như cầm thú. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy không tự cao, ngã mạn, tự đại. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy thường giữ lòng tín nghĩa, thực hành hạnh báo đáp, giữ gìn tịnh giới, siêng năng học hỏi, thường kết bạn với người lành, mãi lo tích chứa điều lành. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế.

Người tu khổ hạnh ấy không có tâm niệm sân hận, không xảo quyệt, không ý mình hiểu biết, không tìm tòi những khuyết điểm của người, không tà kiến và biên kiến. Đó là pháp khổ hạnh xa lìa cấu uế.

Phạm chí nghĩ thế nào, pháp khổ hạnh như vậy có phải là pháp thanh tịnh xa lìa cấu uế không ?

Đáp :

— Đúng vậy ! Quả thật là pháp thanh tịnh xa lìa cấu uế.

Phạm chí bạch Thế Tôn :

— Chẳng hay pháp khổ hạnh đến mức độ này có được gọi là hạnh kiên cố đệ nhất chưa ?

Phật dạy :

— Chưa ! Đó là chỉ mới ngoài vô thôi.

Phạm chí thưa :

— Xin Ngài cho biết về lời này.

Phật dạy :

— Người hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ nói cho.

Phạm chí thưa :

— Vâng, tôi đang muốn nghe.

Phật dạy :

— Nay Phạm chí, người tu khổ hạnh, tự mình không sát sanh, không bảo người khác sát sanh, không trộm cướp, không bảo người khác trộm cướp, không tà dâm, không bảo người khác tà dâm, không nói dối, không bảo người khác nói dối. Người ấy đem tâm từ rải khắp một phương, rồi đến phương khác cũng như vậy với từ tâm quảng đại, bình đẳng, vô lượng không hai, khắp cả thế gian, không hề oán kiết. Với tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng như thế. Người tu pháp khổ hạnh này mới gọi là lõi cây.

Phạm chí bạch Phật :

— Cúi xin đức Thế Tôn hãy nói về nghĩa khổ hạnh kiên cố.

Phật bảo Phạm chí :

— Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho.

Phạm chí thưa :

— Bạch Thế Tôn, vâng ! Con đang muốn nghe.

Phật dạy :

— Người tu khổ hạnh tự mình không sát sanh, không bảo người sát sanh, không trộm cướp, không dạy người khác trộm cướp, không tà dâm, không dạy người khác tà dâm. Vị ấy đem tâm từ rải khắp một phương rồi đến phương khác cũng như thế, với tâm từ quảng đại, bình đẳng vô lượng không hai, khắp cả thế gian không hề oán kiết, với tâm bi, tâm hỷ, tâm xả cũng như vậy.

Hơn nữa, người tu khổ hạnh trên tự biết việc xảy ra trong vô số kiếp về trước, hoặc một đời, hai đời cho đến vô số đời, quốc độ thành hoại, hay kiếp số trước sau tất cả đều biết hết. Đồng thời còn có thể biết được mình từng sanh vào chủng tộc đó, tên tuổi như vậy, ăn uống như vậy, thọ mạng như vậy, trải qua khổ vui như vậy, từ đó sanh về đây và từ đây thác sanh về kia, tất cả những việc từ vô số kiếp như thế đều nhớ cả, đó là người Phạm chí có khổ hạnh kiên cố không hoại.

Phạm chí bạch Phật :

— Thế nào là pháp khổ hạnh đệ nhất ?

Phật bảo Phạm chí :

— Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho.

Phạm chí thừa :

— Bạch Thế Tôn, vâng, con đang muốn nghe.

Phật dạy :

— Nay Phạm chí, những người tu khổ hạnh, không những tự mình không sát sanh, không dạy người sát sanh, không trộm cướp, không dạy người trộm cướp, không tà dâm, không dạy người tà dâm, không nói dối, không dạy người nói dối. Vị ấy đem từ tâm rải khắp một phương, rồi đến phương khác cũng như thế, với tâm từ quảng đại, bình đẳng, vô lượng không hai khắp cả thế gian, không hề oán kiết. Với tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, cũng như vậy.

Hơn nữa, người tu khổ hạnh ấy, lại tự biết được việc xảy ra trong vô số kiếp về trước, hoặc một đời, hai đời cho đến vô số đời, ngay cả quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau, tất cả đều biết hết, đồng thời còn có thể thấy mình từng sanh vào chủng tộc đó, tên tuổi như vậy, ăn uống như vậy, thọ mạng như vậy, trải qua khổ vui như vậy, từ đó sanh về đây, từ đây sanh về kia. Tất cả những việc từ vô số kiếp như thế, vị ấy đều nhớ cả. Thiên nhãn thanh tịnh của vị ấy quan sát các

loài chúng sanh, thấy họ thác đây sanh kia, nhan sắc tốt xấu, ở cõi thiện hay cõi ác và bất cứ họ sanh đến đâu đều thấy và hiểu hết.

Lại còn, thấy biết có chúng sanh thân làm điều bất thiện, miệng nói lời bất thiện, ý nghĩ điều bất thiện, hủy báng Thánh Hiền, tin theo tà đạo sau khi lâm chung bị dọa vào ba đường ác. Hoặc có chúng sanh thân hành thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện, không phỉ báng Hiền Thánh, tu hành chánh tín, sau khi mệnh chung được sanh vào cõi Trời, cõi Người. Vị ấy với thiên nhân thanh tịnh thấy các chúng sanh theo hành nghiệp mà thác sanh, không có gì mà không thấy biết. Đó là khổ hạnh thù thắng bậc nhất.

Phật bảo :

— Nay Phạm chí, ở trong pháp này, còn có pháp thù thắng hơn mà ta đã thường đem pháp ấy dạy cho hàng Thanh văn, và họ nhờ pháp ấy mà tu được phạm hạnh.

Bấy giờ năm trăm đệ tử Phạm chí đồng lớn tiếng bảo nhau : “Nay chúng ta mới thấy đức Thế Tôn là bậc tối thượng, thầy ta không bằng.”

Cư sĩ Tán-đà-na lúc ấy nói với Phạm chí như sau : “Lúc này Người nói : “Hãy thấy Sa-môn Cù-đàm

đến đây thì chúng ta sẽ gọi là trâu dúi", bây giờ đức Thế Tôn đã đến, sao người không gọi đi ? và lúc này Người nói : "Chỉ cần một câu là đủ làm cho Sa-môn Cù-dàm bí lối mà phải làm thình, như con rùa thun cả đầu, đuôi, chân vào trong vỏ, và cho thế là yên, nhưng ta chỉ cần một mũi tên bắn ra là không còn chỗ trốn". Sao nay người không đem câu ấy làm bí Như Lai đi ?"

Phật bảo Phạm chí :

— Trước đây, Người có nói như thế không ?

Phạm chí thưa :

— Có !

Phật bảo :

— Người há không nghe các bậc Phạm chí tiền bối nói : “Chư Phật Như Lai ưa ở nơi núi rừng thanh vắng”, như Ta ngày nay ưa ở chỗ vắng, chứ không phải như pháp của các Ông, chỉ thích chỗ ồn ào, nói chuyện vô ích suốt ngày.

Phạm chí nói rằng :

— Tôi có nghe chư Phật trong thời quá khứ ưa chỗ vắng, độc cư trong rừng như Thế Tôn ngày nay, chẳng như pháp của tôi, ưa ở chỗ ồn ào, nói điều vô ích suốt ngày.

Phật bảo tiếp :

— Người há không nhớ Sa-môn Cù-dàm hay thuyết pháp về đạo bồ đề rằng : “Không những có thể tự điều phục mình, mà còn có thể điều phục kẻ khác, không những tự dứt phiền não cho mình, mà còn dứt phiền não cho kẻ khác, không những tự mình qua đến bờ giác mà còn độ người qua đến bờ giác, không những tự mình giải thoát mà còn giải thoát cho người khác, không những tự mình được diệt độ mà còn diệt cho người khác” ?

Khi ấy Phạm chí Ni-câu-dà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt đánh lễ, tay sờ chân Phật, tự xưng tên mình : “Con là Phạm chí Ni-câu-dà, nay xin quy y Phật và đánh lễ dưới chân Thế Tôn.”

Phật dạy :

— Thôi, Phạm chí hãy đứng dậy ! Chỉ cần tâm Người hiểu lời Ta dạy, là đã đánh lễ Ta rồi.

Lúc đó, Phạm chí lại đánh lễ dưới chân Phật và ngồi xuống một bên.

Phật dạy tiếp :

— Nay Phạm chí, có lẽ Người nghĩ rằng : “Đức Như Lai vì lợi dưỡng mà thuyết pháp ư ?” Người chớ nghĩ như vậy ! Vì nếu có lợi dưỡng, thì

Ta sẽ thí hết cho Người. Hơn nữa, Ta nói pháp vì diệt bậc nhất, với mục đích để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều thiện cho chúng sanh thôi.

Này Phạm chí ! Phải chăng Người nghĩ : “Đức Như Lai vì được sự tôn trọng vì muốn được tiếng khen, vì là người dẫn đầu, vì quyến thuộc, vì đại chúng mà nói pháp” ? Người chớ nghĩ như vậy ! Vì nay quyến thuộc người Ta đều trả về hết cho Người. Hơn nữa, Ta thuyết pháp với mục đích để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều thiện cho chúng sanh thôi.

Này Phạm chí, có lẽ Người nghĩ rằng : “Đức Như Lai sẽ đưa Người vào chỗ bất thiện, vào chỗ hắc ám chăng” ? Người chớ nghĩ như thế ! Vì đối với pháp bất thiện, hắc ám trên, chính Người chỉ cần xả bỏ, thì Ta sẽ nói thiện pháp cho Người.

Này Phạm chí, có lẽ Người nghĩ như sau : “Đức Như Lai sẽ đặt Người ở nơi thiện pháp thanh bạch chăng ?” Người chớ nghĩ như vậy ! Vì Người phải tự mình ở nơi thiện pháp thanh bạch và siêng năng tu hành, thì Như Lai sẽ nói thiện pháp thanh bạch cho Người, để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều thiện.

Bấy giờ, năm trăm đệ tử Phạm chí đem tâm ý đoan chánh nghe Phật nói pháp, khi thấy vậy

ma Ba-tuần, tự nghĩ rằng : “Năm trăm đệ tử Phạm chí đang đem tâm ý đoan chánh nghe theo Phật pháp. Vậy tốt nhất là ta đến phá hoại thiện tâm của họ”. Lúc đó, ác ma liền đem hết sức để phá hoại thiện tâm, làm loạn chánh ý của năm trăm đệ tử Phạm chí nói trên.

Bấy giờ đức Phật bảo Tán-đà-na rằng :

— Năm trăm đệ tử Phạm chí đem tâm ý đoan chánh nghe Như Lai thuyết pháp, Thiên ma Ba-tuần muốn phá chánh ý của họ, vậy nay Ta muốn trở về, Ngươi hãy đi với Ta.

Lúc đó Phật liền nắm tay mặt, dẫn cư sĩ Tán-đà-na đặt trong bàn tay và nương hư không trở về.

Khi cư sĩ Tán-đà-na, Phạm chí Ni-câu-đa và năm trăm đệ tử Phạm chí, nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH CHÚNG TẬP

Tôi nghe như vậy :

Một thời đức Phật cùng đông đủ chúng đại Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, du hành trong xứ Mạt-la, lần đến vườn Xà-đâu-am-bà trong thành Ba-bà.

Hôm ấy, ngày rằm, trăng tròn, đức Thế Tôn ngồi ngoài trời, cùng với đại chúng vây quanh. Sau khi nói pháp khá lâu, bấy giờ trời đã tối, đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất :

— Nay các Tỳ-kheo từ bốn phương tụ họp về đây, tất cả đều siêng năng, bỏ sự ngủ nghỉ, Ta vì đau lưng cần nghỉ ngơi một chút, giờ đây Ông thay Ta vì các Tỳ-kheo mà nói pháp.

— Vâng, con xin vâng lời Thế Tôn dạy.

Bấy giờ, đức Thế Tôn xếp tư chiếc y tăng-già-lê, nằm nghiêng về bên hữu, hai chân chồng lên nhau như dáng điệu sư tử.

Khi đó, ngài Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo :

— Nay tại thành Ba-bà này có một vị Ni-kiền-tử vừa mới từ trần, trong hàng đệ tử của ông ta lại phân chia thành hai phái, họ tranh tụng, mạ lỵ lẫn nhau về vấn đề thị phi, đồng thời luôn luôn tìm những ưu khuyết điểm của nhau, như nói : “Chỉ có ta biết điều này, còn Người thì không. Người ở nơi tà kiến, ta ở nơi Chánh pháp.” Ngôn ngữ đảo lộn, không có thứ tự, vậy mà họ tự xưng lời nói của mình là chân chánh, như nói : “Lời ta nói là thắng, lời Người nói là thua. Hơn nữa, nay ta có thể chủ tọa cuộc thảo luận này, vậy Người có hỏi điều chi thì nên hỏi với ta.”

Nay các Tỳ-kheo, lúc đó nhân dân trong nước, những người lâu nay phụng thờ Ni-kiền-tử đều

nhằm chán việc tranh tụng này. Vì pháp của họ không chơn chánh; mà đã không chơn chánh, thì làm sao giải thoát được ? Như ngôi tháp đã mục nát thì vô phương tu bổ lại. Đây không phải là lời nói của đấng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này các Tỳ-kheo, chỉ có pháp của đức Thích-ca Vô Thượng Tôn, thật là chơn chánh, mới có thể làm cho người được giải thoát. Ví như ngôi tháp mới thì sự trang trí rất dễ dàng. Đây là lời nói của đấng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này các Tỳ-kheo, nay ta phải kết tập pháp, luật để đề phòng sự tranh tụng, và nhất là khiến cho phạm hạnh được trường tồn lâu dài, Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói một chánh pháp, đó là tất cả chúng sanh đều do sự ăn mà sanh tồn.

Đức Như Lai lại nói một chánh pháp, đó là tất cả chúng sanh đều nhờ vào các hành mà an trụ. Đó là một pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải được kết tập để đề phòng sự tranh tụng, và khiến cho phạm hạnh trường tồn đồng thời Trời, Người được lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Có hai chánh pháp, đó là danh và sắc. Có hai pháp, đó là si và ái. Có hai pháp, là chấp có và chấp không (hữu kiến và vô kiến). Có hai pháp, đó là vô tâm và vô quý. Có hai pháp, đó là có tâm và có quý. Có hai pháp, đó là tận trí và vô sanh trí. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên, sanh từ ái dục : tịnh diệu sắc và không có tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên sanh từ sân nhuế : oán ghét và không có tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên phát sanh từ tà kiến : nghe từ người khác và tà tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên sanh ra từ chánh kiến : nghe từ người khác và chánh tư duy. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên : hữu học giải thoát và vô học giải thoát. Có hai pháp, đó là hai nhân, hai duyên : hữu vi giới và vô vi giới.

Này các Tỳ-kheo, đó là lời dạy của Thế Tôn cần được kiết tập để đề phòng sự tranh tụng, khiến cho phạm hạnh được trường tồn, Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Có ba pháp, đó là ba bất thiện căn :
1. Tham dục; 2. Sân nhuế; 3. Ngu si. Có ba pháp,

đó là ba hạnh bất thiện : 1. Hạnh bất thiện về thân; 2. Hạnh bất thiện về khẩu; 3. Hạnh bất thiện về ý. Có ba pháp, đó là ba thiện căn : 1. Không tham; 2. Không sân; 3. Không si. Có ba pháp, đó là ba hạnh bất thiện : 1. Thân làm điều bất thiện; 2. Miệng nói điều bất thiện; 3. Ý nghĩ điều bất thiện. Có ba pháp, đó là ba hạnh bất thiện : 1. Ác hạnh về thân; 2. Ác hạnh về khẩu; 3. Ác hạnh về ý. Có ba pháp, đó là ba thiện hạnh : 1. Thiện hạnh về thân; 2. Thiện hạnh về khẩu; 3. Thiện hạnh về ý. Có ba pháp, đó là ba bất thiện tướng : 1. Dục tướng; 2. Sân tướng; 3. Hại tướng. Có ba pháp, đó là ba thiện tướng : 1. Không có dục tướng; 2. Không có sân tướng; 3. Không có hại tướng. Có ba pháp, đó là ba ác tư duy : 1. Dục tư duy; 2. Sân tư duy; 3. Hại tư duy. Có ba pháp, đó là ba thiện pháp tư duy : 1. Không có dục tư duy; 2. Không có sân tư duy; 3. Không có hại tư duy. Có ba pháp, đó là ba phúc nghiệp : 1. Nghiệp bố thí; 2. Nghiệp bình đẳng; 3. Nghiệp tư duy. Có ba pháp, đó là ba thọ : 1. Lạc thọ; 2. Khổ thọ; 3. Bất khổ bất lạc thọ (xả thọ). Có ba pháp, đó là ba ái : 1. Dục ái; 2. Hữu ái; 3. Vô hữu ái. Có ba pháp, đó là ba hữu lậu : 1. Dục lậu; 2. Hữu lậu; 3. Vô minh lậu. Có ba pháp, đó là ba thứ lửa : 1. Lửa

dục; 2. Lửa sân; 3. Lửa si. Có ba pháp, đó là ba sự tìm cầu : 1. Sự tìm cầu về dục; 2. Sự tìm cầu về hữu; 3. Sự tìm cầu về phạm hạnh. Có ba pháp, đó là ba sự tăng thịnh : 1. Ngã tăng thịnh; 2. Thế tăng thịnh; 3. Pháp tăng thịnh. Có ba pháp, đó là ba giới : 1. Dục; 2. Sân; 3. Hại. Có ba pháp, đó là ba giới : 1. Giới giải thoát; 2. Giới vô sân; 3. Giới vô hại. Có ba pháp, đó là ba giới : 1. Sắc giới; 2. Vô sắc giới; 3. Tận giới. Có ba pháp, đó là ba tụ : 1. Giới tụ; 2. Định tụ; 3. Tuệ tụ. Có ba pháp, đó là ba giới : 1. Tăng thịnh giới; 2. Tăng thịnh định; 3. Tăng thịnh tuệ. Có ba pháp, đó là ba thứ tam muội : 1. Không tam muội; 2. Vô nguyện tam muội; 3. Vô tướng tam muội. Có ba pháp, đó là ba tướng : 1. Tướng chỉ tức; 2. Tướng tinh cần; 3. Tướng xả. Có ba pháp, đó là ba thứ minh : 1. Tự thức túc mệnh trí minh; 2. Thiên nhãn trí minh; 3. Lậu tận trí minh. Có ba pháp, đó là ba sự biến hóa : 1. Thần túc biến hóa; 2. Biết tâm niệm người khác và tùy theo họ mà thuyết pháp; 3. Giáo giới (dạy dỗ). Có ba pháp, đó là ba thứ căn bản do dục sanh : 1. Có chúng sanh do dục hiện tại chi phối nên sanh vào cõi trời, cõi người; 2. Có chúng sanh do hóa dục, sanh về trời Hóa tự tại; 3. Có chúng sanh do Tha hóa dục, sanh về cõi trời Tha hóa tự

tại. Có ba pháp, đó là ba trường hợp do lạc sinh :

1. Có chúng sanh tự nhiên thành tựu nên sanh tâm hoan lạc, như Phạm Quang âm thiên, khi mới sanh lên cõi ấy; 2. Có chúng sanh lấy niệm làm niềm an lạc, và tự nói : “Lành thay !” Như Quang âm thiên; 3. Được sự an vui của chi và tức, như Biến tịnh thiên. Có ba pháp, đó là ba thứ khổ :

1. Hành khổ; 2. Khổ khổ; 3. Biến dịch khổ (hoại khổ). Có ba pháp, đó là ba căn : 1. Vị tri dục tri căn (căn chưa biết mà muốn biết); 2. Tri căn (căn biết); 3. Tri dĩ căn (căn đã biết). Có ba pháp, đó là ba đường : 1. Hiền Thánh đường; 2. Thiên đường; 3. Phạm đường. Có ba pháp, đó là ba loại phát :

1. Kiến phát; 2. Văn phát; 3. Nghi phát. Có ba pháp, đó là ba luận : 1. Có luận sự bàn thế này : “Trong quá khứ có sự kiện này”; 2. Có luận sự bàn thế này : “Trong vị lai có sự kiện này”; 3. Có luận sự bàn thế này : “Trong hiện tại có sự kiện này”. Có ba pháp, đó là ba tụ : 1. Chánh định tụ; 2. Tà định tụ; 3. Bất định tụ. Có ba pháp, đó là ba thứ buồn : 1. Buồn về thân; 2. Buồn về khẩu; 3. Buồn về ý. Có ba pháp, đó là ba bậc trường lão :

1. Niên trường lão; 2. Pháp trường lão; 3. Tác trường lão. Có ba pháp, đó là ba loại nhân : 1. Nhục nhân; 2. Thiên nhân; 3. Huệ nhân.

Này các Tỳ-kheo, đây là chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kết tập, để đề phòng sự tranh tụng, khiến cho phạm hạnh được trường tồn, Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Có bốn chánh pháp, đó là bốn ác hạnh về khẩu : 1. Nói dối; 2. Nói hai lưỡi; 3. Nói độc ác; 4. Nói thêm bớt. Có bốn pháp, đó là bốn thiện hạnh về khẩu : 1. Nói chơn thật; 2. Nói nhu nhuyến; 3. Không nói thêm bớt; 4. Không nói hai lưỡi. Có bốn pháp, đó là bốn bất Thánh ngữ : 1. Không thấy nói thấy; 2. Không nghe nói nghe; 3. Không hiểu nói hiểu; 4. Không biết nói biết. Có bốn pháp, đó là bốn thánh ngữ : 1. Thấy nói thấy; 2. Nghe nói nghe; 3. Hiểu nói hiểu; 4. Biết nói biết. Có bốn pháp, đó là bốn thực : 1. Đoàn thực; 2. Xúc thực; 3. Niệm thực; 4. Thức thực. Có bốn pháp, đó là bốn thọ : 1. Hiện tại tạo khổ hạnh, về sau thọ khổ báo; 2. Hiện tại tạo khổ hạnh, về sau thọ lạc báo; 3. Hiện tại tạo lạc hạnh, về sau thọ khổ báo; 4. Hiện tại tạo lạc hạnh, về sau thọ lạc báo. Có bốn pháp, đó là bốn thọ : 1. Dục thọ; 2. Ngã thọ; 3. Giới thọ; 4. Kiến thọ. Có bốn pháp, đó là bốn sự trói buộc :

1. Sự trói buộc thân do tham dục; 2. Sự trói buộc thân do sân nhuế; 3. Sự trói buộc thân do trộm cắp; 4. Sự trói buộc thân do ngã kiến. Có bốn pháp, đó là bốn gai nhọn : 1. Gai nhọn về dục; 2. Gai nhọn về sân; 3. Gai nhọn về kiến; 4. Gai nhọn về mạn. Có bốn pháp, đó là bốn sanh : 1. Noãn sanh; 2. Thai sanh; 3. Thấp sanh; 4. Hóa sanh. Có bốn pháp, đó là bốn niệm xứ : 1. Ở đây vị Tỳ-kheo quán thân trong thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; 2. Quán thân ngoài thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; 3. Quán thân ngoài thân, siêng năng không lười biếng, chuyên niệm không quên, xả bỏ sự tham ưu ở đời; 4. Quán về thọ, về ý, cũng như thế. Có bốn pháp, đó là bốn ý đoạn : 1. Ở đây vị Tỳ-kheo đối với điều ác chưa sanh, thì chỉ tìm cách khiến không sanh; 2. Nếu điều ác đã sanh, thì tìm cách diệt trừ; 3. Nếu điều thiện chưa sanh, thì tìm cách làm cho phát sanh; 4. Nếu điều thiện đã sanh, thì tìm cách suy tư để cho chúng càng tăng trưởng. Có bốn pháp, đó là bốn thần túc : 1. Ở đây vị Tỳ-kheo nhờ suy tư về dục định mà hành nghiệp được diệt trừ; 2. Cho đến tinh tấn định; 3. Ý định;

4. Tư duy định cũng như thế. Có bốn pháp, đó là tứ thiên : 1. Ở đây vị Tỳ-kheo diệt trừ ác dục và bất thiện pháp, có giác, có quán, được ly sanh hỷ lạc và chứng sơ thiên; 2. Vị Tỳ-kheo ấy, diệt giác, diệt quán nội trú nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, chứng đệ nhị thiên; 3. Vị Tỳ-kheo ly hỷ, tu tập xả niệm, tinh tấn, tự biết thân lạc, đó là lạc ức niệm chứng đệ tam thiên; 4. Tiếp theo là sự diệt trừ khổ lạc và hỷ ưu đã cảm thọ ở trước, bất khổ bất lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ tứ thiên. Có bốn pháp, đó là bốn phạm đường : 1. Từ; 2. Bi; 3. Hỷ; 4. Xả. Có bốn pháp, đó là bốn vô sắc định : 1. Ở đây vị Tỳ-kheo khởi tưởng về tất cả sắc, trước hết diệt tận tướng sân nhuế, không có nghĩ tưởng nào khác, suy tư về vô lượng không xứ; 2. Xả không xứ, nhập thức xứ; 3. Xả thức xứ, nhập bất dụng xứ; 4. Xả bất dụng xứ, nhập hữu tướng vô tướng xứ. Có bốn pháp, đó là bốn pháp túc : 1. Pháp túc không tham; 2. Pháp túc không sân; 3. Pháp túc chánh niệm; 4. Pháp túc chánh định. Có bốn pháp, đó là bốn dòng họ Hiền Thánh : Ở đây vị Tỳ-kheo biết đủ về y phục, khi được loại tốt không mừng, khi được loại xấu không buồn, đồng thời không đắm nhiễm đúng như

giới cấm và biết đường giải thoát. Đối với pháp này, siêng năng không lười biếng thành tựu được pháp này, không thiếu sót, không tổn giảm, đồng thời cũng có thể dạy cho người khác thành tựu pháp này; đó là pháp tri túc thứ nhất và trụ trong dòng Hiền Thánh. Từ xưa đến nay chưa bao giờ bị náo loạn, ngay cả các loài Phạm, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn và Thiên, Nhơn đều không thể khinh khi. Cho đến thức ăn, thức uống và phương tiện ngủ nghỉ như giường nệm... thuốc thang trị bệnh đều tri túc cũng như thế.

— Có bốn pháp, đó là bốn nhiếp pháp : 1. Huệ thí; 2. Ái ngữ; 3. Lợi nhơn; 4. Đẳng lợi (đồng dự).

— Có bốn pháp, đó là bốn chi Tu-đà-hoàn : 1. Ở đây vị Tỳ-kheo đối với đức Phật được niềm tin bất hoại; 2. Đối với Pháp; 3. Đối với Tăng; 4. Đối với Giới, được niềm tin bất hoại. Có bốn pháp, đó là bốn thọ chứng : 1. Kiến sắc thọ chứng; 2. Thân thọ diệt chứng; 3. Niệm túc mệnh chứng; 4. Tri lậu tận chứng. Có bốn pháp, đó là bốn đạo : 1. Khổ tu hành, nhưng được kết quả chậm; 2. Khổ tu hành, nhưng được kết quả mau; 3. Vui thú tu hành, nhưng được kết quả chậm; 4. Vui thú tu hành, nhưng được kết quả mau. Có bốn pháp, đó

là bốn Thánh đế : 1. Khổ Thánh đế, 2. Khổ tập Thánh đế, 3. Khổ diệt Thánh đế, 4. Khổ xuất yếu Thánh đế. Có bốn pháp, đó là bốn quả Sa-môn : 1. Tu-đà-hoàn, 2. Tư-đà-hàm, 3. A-na-hàm, 4. A-la-hán. Có bốn pháp, đó là bốn xứ : 1. Thật xứ; 2. Thí xứ; 3. Trí xứ; 4. Chí tức xứ. Có bốn pháp, đó là bốn trí : 1. Pháp trí; 2. Vị trí trí; 3. Đăng trí; 4. Tri tha như tâm trí. Có bốn pháp, đó là bốn tài về biện luận : 1. Biện tài về pháp; 2. Biện tài về nghĩa; 3. Biện tài về từ; 4. Biện tài về ứng đối. Có bốn pháp, đó là bốn trú xứ của thức : 1. Sắc thức trú xứ, sắc thức trụ, duyên sắc thức trụ, cùng với ái đồng thời tăng trưởng; 2. Thọ; 3. Tưởng; 4. Hành trụ, cũng thế. Có bốn pháp, đó là bốn ách : 1. Ách của dục; 2. Ách của hữu; 3. Ách của kiến; 4. Ách của vô minh. Có bốn pháp, đó là bốn vô ách : 1. Không có ách của dục; 2. Không có ách của hữu; 3. Không có ách của kiến; 4. Không có ách của vô minh. Có bốn pháp, đó là bốn điều biết : 1. Biết thọ cái đáng thọ; 2. Biết làm cái đáng làm; 3. Biết vui cái đáng vui; 4. Biết bỏ cái đáng bỏ. Có bốn pháp, đó là bốn oai nghi : 1. Biết đi lúc nên đi; 2. Biết đứng lúc nên đứng; 3. Biết ngồi lúc nên ngồi; 4. Biết nằm lúc nên nằm. Có bốn

pháp, đó là bốn cách suy tư : 1. Suy tư ít; 2. Suy tư rộng; 3. Suy tư vô lượng; 4. Suy tư vô sở hữu. Có bốn pháp, đó là bốn cách ký luận : 1. Quyết định ký luận; 2. Phân biệt ký luận; 3. Chất vấn ký luận; 4. Chỉ trụ ký luận. Có bốn pháp, đó là bốn pháp phòng hộ của Phật : 1. Đức Như Lai thân hành thanh tịnh, không có thiếu sót, không có sơ xuất, đáng tự phòng vệ. Cho đến, 2. Khẩu hành thanh tịnh; 3. Ý hành thanh tịnh; 4. Mệnh hành thanh tịnh, cũng như thế.

Đó là chánh pháp do đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kết tập để đề phòng sự tranh tụng về sau, đồng thời khiến cho phạm hạnh trường tồn, Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Có năm chánh pháp, đó là năm nhập : 1. Nhân-sắc, 2. Nhĩ-thanh, 3. Tỷ-hương, 4. Thiệt-vị, 5. Thân-xúc. Có năm pháp, đó là năm thọ ấm : 1. Sắc; 2. Thọ; 3. Tưởng; 4. Hành và 5. Thức thọ ấm. Có năm pháp, đó là năm cái : 1. Tham dục; 2. Sân nhuế; 3. Thù miên; 4. Điều hỷ và 5. Nghi cái. Có năm pháp, đó là năm hạ phần kiết sử : 1. Thân kiến kiết; 2. Giới đạo kiết; 3. Nghi

kiết; 4. Tham dục kiết; 5. Sân nhuế kiết. Có năm pháp, đó là năm thượng phần kiết sử : 1. Sắc ái; 2. Vô sắc ái; 3. Vô minh; 4. Kiêu mạn; 5. Hối (trạo hối). Có năm pháp, đó là năm căn : 1. Tín căn; 2. Tấn căn; 3. Niệm căn; 4. Định căn; 5. Tuệ căn. Có năm pháp, đó là năm lực : 1. Tín lực; 2. Tấn lực; 3. Niệm lực; 4. Định lực; 5. Huệ lực. Có năm pháp, đó là năm diệt tận : 1. Vị Tỳ-kheo tin đức Phật là đấng Như Lai chí chơn Đẳng Chánh Giác, đây đủ mười hiệu; 2. Tỳ-kheo không bị bệnh tật, thân thường an ổn; 3. Ngay thẳng không nịnh hót, nếu có thể được như thế, thì đức Như Lai sẽ chỉ bày cho con đường tắt Niết-bàn; 4. Tự mình chuyên niệm nhất tâm, không cho tán loạn, những điều đọc tụng trước đây ghi nhớ mãi không quên; 5. Khéo quán sự sanh diệt của các pháp, dùng hạnh Hiền Thánh để tận diệt gốc khổ.

— Có năm pháp, đó là ngũ phát : 1. Phi thời phát; 2. Hư phát; 3. Phi nghĩa phát; 4. Hư ngôn phát; 5. Vô từ phát. Có năm pháp, đó là năm thiện phát : 1. Thời phát; 2. Thật phát; 3. Nghĩa phát; 4. Hòa ngôn phát; 5. Từ tâm phát. Có năm pháp, đó là năm sự ganh ghét : 1. Ganh ghét về chỗ ở; 2. Ganh ghét về đàn việt; 3. Ganh ghét về lợi

duơng; 4. Ganh ghét về sắc; 5. Ganh ghét về giáo pháp. Có năm pháp, đó là năm lối giải thoát : 1. Tướng thân là bất tịnh; 2. Tướng thức ăn là bất tịnh; 3. Tướng tất cả hành là vô thường; 4. Tướng tất cả thế gian không đáng vui; 5. Tướng đến sự chết. Có năm pháp, đó là năm giới giải thoát : 1. Ở đây vị Tỳ-kheo đối với dục, không ưa không động, không thân cận, chỉ nghĩ đến sự thoát ly, thích hạnh viễn ly, thân cận không lười biếng, tâm vị ấy nhu hòa, ly dục, giải thoát. Những dục mà phát sanh các lậu và ràng buộc vị ấy đều diệt hết mà được giải thoát. Đó là giải thoát khỏi dục; 2. Giải thoát khỏi sân nhuế; 3. Giải thoát khỏi tật đố; 4. Giải thoát khỏi sắc; 5. Giải thoát khỏi thân kiến cũng như thế. Có năm pháp, đó là năm hỷ giải thoát nhập : Nếu vị Tỳ-kheo siêng năng không lười biếng, thích ở nơi thanh vắng, chuyên niệm nhất tâm những gì chưa hiểu, được hiểu; những gì chưa hết, thì hết; những gì chưa an được an. Những gì là năm ?

1. Ở đây vị Tỳ-kheo nghe đức Như Lai nói pháp, hoặc nghe bậc phạm hạnh nói pháp, hay nghe sư trưởng nói pháp, tư duy quán sát phân biệt ý nghĩa của pháp trên, tâm được hoan hỷ; khi

đã được hoan hỷ thì được pháp ái; Khi đã được pháp ái thì thân tâm an ổn; khi thân tâm đã an ổn thì được thiên định; khi được thiên định thì thấy đúng như thật; đó là giải thoát nhập thứ nhất.

Ở đây vị Tỳ-kheo khi đã nghe pháp hỷ rồi thì 2. Thọ trì, đọc tụng cũng hoan hỷ; 3. Nói cho người khác cũng lại hoan hỷ; 4. Suy tư phân biệt cũng lại hoan hỷ; 5. Đối với pháp được định cũng như thế. Có năm pháp, đó là năm hạng người : 1. Trung bát Niết-bàn; 2. Sinh bát Niết-bàn; 3. Vô hành bát Niết-bàn; 4. Hữu hành bát Niết-bàn; 5. Thượng lưu A-ca-ni tra bát Niết-bàn.

Này các Tỳ-kheo, đây là chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập, để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho phạm hạnh được trường tồn và Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Sáu chánh pháp, đó là sáu loại nội nhập : 1. Nhân nhập; 2. Nhĩ nhập; 3. Tỹ nhập; 4. Thiệt nhập; 5. Thân nhập và 6. Ý nhập. Có sáu pháp, đó là sáu loại ngoại nhập : 1. Sắc nhập; 2. Thanh nhập; 3. Hương nhập; 4. Vị nhập; 5. Xúc nhập và

6. Pháp nhập. Có sáu pháp, đó là sáu thức thân : 1. Nhãn thức thân; 2. Nhĩ thức thân; 3. Tỷ thức thân; 4. Thiệt thức thân; 5. Thân thức thân; 6. Ý thức thân. Có sáu pháp, đó là sáu xúc thân : 1. Nhãn xúc thân; 2. Nhĩ xúc thân; 3. Tỷ xúc thân; 4. Thiệt xúc thân; 5. Thân xúc thân; 6. Ý xúc thân. Có sáu pháp, đó là sáu thọ thân : 1. Nhãn thọ thân; 2. Nhĩ thọ thân; 3. Tỷ thọ thân; 4. Thiệt thọ thân; 5. Thân thọ thân; 6. Ý thọ thân. Có sáu pháp, đó là sáu tưởng thân : 1. Sắc tưởng; 2. Thanh tưởng; 3. Hương tưởng; 4. Vị tưởng; 5. Xúc tưởng; 6. Pháp tưởng thân. Có sáu pháp, đó là sáu tư thân : 1. Sắc tư; 2. Thanh tư; 3. Hương tư; 4. Vị tư; 5. Xúc tư; 6. Pháp tư thân. Có sáu pháp, đó là sáu ái thân : 1. Sắc ái thân; 2. Thanh ái thân; 3. Hương ái thân; 4. Vị ái thân; 5. Xúc ái thân; 6. Pháp ái thân. Có sáu pháp, đó là sáu thứ căn bản đưa đến sự tranh chấp : hoặc có Tỳ-kheo ưa sân không bỏ, không kính đức Như Lai, không kính Pháp và không kính Tăng. Hơn nữa đối với giới có những khuyết điểm, nhiệm ô bất tịnh, ở trong chúng hay sinh cãi vã, bị người ghét bỏ, phá rối tịnh chúng, Trời, Người không yên.

Này các Tỳ-kheo, các Ông phải tự nội quán, giả sử có sân hận, như bị người kia quấy rối, thì phải nhóm chúng lại một cách hòa hợp, tìm đủ mọi cách chấm dứt nguyên nhân sự tranh cãi này. Các Ông lại phải chuyên niệm tự quán, giả sử kiết hận đã diệt, thì cũng nên tìm cách để ngăn chặn tâm mình, chớ để nó tái phát. Này các Tỳ-kheo, sự tranh chấp không thật, keo kiệt, tật đố, lừa gạt, giả dối. Nếu chấp chặt kiến thức của mình, chấp nhận một cách sai lầm mà không bỏ, thì mê lầm về tà kiến cùng biên kiến. Có sáu pháp, đó là sáu giới : tức là địa, hòa, thủy, phong, không và thức giới. Có sáu pháp, đó là sáu hạnh quán sát : Mắt quán sắc, tai quán âm thanh, mũi quán mùi hương, lưỡi quán vị, thân quán sự xúc chạm, ý quán pháp. Có sáu pháp, đó là sáu giới giải thoát : Nếu Tỳ-kheo nói như thế này : “Ta tu tâm từ mà lại sân nhuế”. Những Tỳ-kheo khác nói : “Người chớ nói thế, chớ hủy báng đức Như Lai. Vì sao ? Vì đức Như Lai không nói thế. Muốn tu hạnh từ giải thoát mà lại sanh tưởng sân nhuế, thì không có sự kiện đó.” Phật dạy : “Một khi đã trừ được sân nhuế thì sau đó mới được từ tâm”. Cho đến nếu Tỳ-kheo nói : “Ta tu hạnh bi giải thoát mà sanh tâm ghen ghét,

tu hạnh hỷ giải thoát mà sanh tâm ưu não, tu hạnh xả giải thoát mà sanh các loạn ưa ghét, tu hạnh vô ngã mà sanh tâm nghi ngờ, tu hạnh vô tướng mà sanh các loạn tướng, loạn động” cũng lại như thế. Có sáu pháp, đó là sáu thứ vô thượng : 1. Thấy; 2. Nghe; 3. Lợi dưỡng; 4. Giới; 5. Cung kính; 6. Nhớ nghĩ vô thượng. Có sáu pháp, đó là sáu tư niệm : 1. Niệm Phật; 2. Niệm Pháp; 3. Niệm Tăng; 4. Niệm giới; 5. Niệm thí; 6. Niệm Thiên.

Đó là chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập, để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho phạm hạnh được trường tồn và Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Có bảy pháp, đó là bảy phi pháp : tức 1. Vô tín; 2. Vô tầm; 3. Vô quý; 4. Nghe ít; 5. Lười biếng; 6. Hay quên; 7. Vô trí. Có bảy pháp, đó là bảy chánh pháp : 1. Tín; 2. Tầm; 3. Quý; 4. Đa văn; 5. Tinh tấn; 6. Tổng trì; 7. Đa trí. Có bảy pháp, đó là bảy chỗ thức trú : Hoặc có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tướng, như Trời, Người; đó là chỗ thức trú thứ nhất. Hoặc có chúng sanh có nhiều thứ thân, nhưng chỉ có một tướng,

như Phạm Quang âm thiên khi mới sanh lên cõi ấy; đó là chỗ thức trú thứ hai. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có ngàn loại tướng, như Quang âm thiên; đó là chỗ thức trú thứ ba. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một thứ tư tướng, như Biến tịnh thiên; đó là chỗ thức trú thứ tư. Hoặc có chúng sanh ở Không xứ; đó là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chúng sanh ở Thức xứ; đó là chỗ thức trú thứ sáu. Hoặc có chúng sanh ở Bất dụng xứ (vô sở hữu xứ); đó là chỗ thức trú thứ bảy.

— Có bảy pháp, đó là bảy pháp siêng năng :

1. Siêng năng giữ giới; 2. Siêng năng diệt tham dục; 3. Siêng năng phá tà kiến; 4. Siêng năng đa văn; 5. Siêng năng tinh tấn; 6. Siêng năng chánh niệm; 7. Siêng năng thiền định.

— Có bảy pháp, đó là bảy cách tướng :

1. Tướng bất tịnh; 2. Tướng thức ăn bất tịnh; 3. Tướng thể gian không đáng vui; 4. Tướng sự chết; 5. Tướng vô thường; 6. Tướng vô thường là khổ; 7. Tướng vô ngã là khổ.

— Có bảy pháp, đó là bảy pháp tam muội cụ

túc : 1. Chánh kiến; 2. Chánh tư duy; 3. Chánh

ngũ; 4. Chánh nghiệp; 5. Chánh mệnh; 6. Chánh phương tiện; 7. Chánh niệm.

— Có bảy pháp, đó là bảy pháp giác ý :
1. Niệm; 2. Trạch pháp; 3. Tinh tấn; 4. Hỷ;
5. Khinh an; 6. Định; 7. Hộ giác ý (xả giác ý).

Đó là chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập, để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho phạm hạnh được trường tồn và Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Có tám chánh pháp đó là tám pháp thế gian : 1. Lợi; 2. Suy; 3. Hủy; 4. Dự; 5. Xưng; 6. Cơ; 7. Khổ; 8. Lạc.

— Có tám pháp, đó là tám pháp giải thoát :
Dùng sắc quán sắc; đó là pháp giải thoát thứ nhất.
Dùng tướng vô sắc bên trong mà quán sắc bên ngoài; đó là pháp giải thoát thứ hai. Được tịnh giải thoát; đó là pháp giải thoát thứ ba. Vượt khỏi sắc tướng; diệt tư tướng sân nhuế, an trú vào không xứ; đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt khỏi không xứ, trụ vào thức xứ; đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt khỏi thức xứ, trụ vào bất dụng xứ; đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi bất dụng xứ, trụ vào

hữu tướng vô tướng xứ; đó là pháp giải thoát thứ bảy. Vượt khỏi hữu tướng vô tướng xứ, trụ vào diệt tướng tri; đó là pháp giải thoát thứ tám.

— Có tám pháp, đó là tám Thánh đạo :
1. Chánh kiến; 2. Chánh tư duy; 3. Chánh ngữ;
4. Chánh nghiệp; 5. Chánh mạng; 6. Chánh
phương tiện; 7. Chánh niệm; 8. Chánh định.

— Có tám pháp, đó là tám hạng người : Đang
hướng tới Tu-đà-hoàn và chứng quả Tu-đà-hoàn,
đang hướng tới Tư-đà-hàm và chứng quả
Tư-đà-hàm, đang hướng tới A-na-hàm và chứng quả
A-na-hàm, đang hướng tới A-la-hán và chứng quả
A-la-hán.

Đó là chánh pháp do chính đức Như Lai nói,
vậy phải cùng nhau kiết tập, để đề phòng sự tranh
tụng, đồng thời khiến cho phạm hạnh được trường
tồn và Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Có chín chánh pháp, đó là chín chỗ ở của
chúng sanh : Hoặc có chúng sanh có ngàn loại thân
thì có ngàn loại tư tưởng, như Trời và Người; đó
là chỗ ở thứ nhất của chúng sanh. Hoặc có chúng
sanh gồm có ngàn loại thân, nhưng chỉ có một tư

tưởng, như Phạm Quang âm thiên khi mới sanh lên cõi ấy; đó là chỗ ở thứ hai của chúng sanh. Lại có chúng sanh chỉ có một thân, nhưng có ngàn loại tư tưởng như Quang âm thiên; đó là chỗ ở thứ ba của chúng sanh. Lại có chúng sanh chỉ có một thân, và một thứ tư tưởng như Biến tịnh thiên; đó là chỗ ở thứ tư của chúng sanh. Lại có chúng sanh không có tư tưởng, không có tri giác, như Vô tưởng thiên; đó là chỗ ở thứ năm của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Không xứ; đó là chỗ ở thứ sáu của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Thức xứ; đó là chỗ ở thứ bảy của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Bất dụng xứ; đó là chỗ ở thứ tám của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở Hữu tướng vô tướng xứ; đó là chỗ ở thứ chín của chúng sanh.

Đó là chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập, để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho phạm hạnh được trường tồn và Trời; Người được nhiều lợi ích an vui.

Này các Tỳ-kheo, đức Như Lai nói :

— Có mười chánh pháp, đó là mười vô học :

1. Vô học chánh kiến; 2. Vô học chánh tư duy;
3. Vô học chánh ngữ; 4. Vô học chánh nghiệp;

5. Vô học chánh mạng; 6. Vô học chánh phương tiện; 7. Vô học chánh niệm; 8. Vô học chánh định; 9. Vô học chánh giải thoát ;10. Vô học chánh trí.

Đó là chánh pháp do chính đức Như Lai nói, vậy phải cùng nhau kiết tập, để đề phòng sự tranh tụng, đồng thời khiến cho phạm hạnh được trường tồn và Trời, Người được nhiều lợi ích an vui.

Bấy giờ đức Thế Tôn liền ấn khả cho lời nói của ngài Xá-lợi-phất. Khi các Tỳ-kheo nghe tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH THẬP THƯỢNG

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, đi đến thành Chiêm-bà, và nghỉ đêm trên bờ hồ Già-già. Hôm ấy nhằm ngày rằm, sáng trăng, đức Thế Tôn, với đại chúng vây quanh cùng ngồi ngoài trời nói pháp thâm diệu. Đức Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất rằng : “Hôm nay, Ông cùng các thầy Tỳ-kheo từ bốn phương tụ họp về đây, mỗi người đều tinh cần, bỏ sự ngủ nghỉ, chỉ vì muốn nghe pháp. Ta vì đau

lưng, cần nghỉ ngơi một chút, Ông có thể thay Ta vì các Tỳ-kheo mà nói pháp cho họ nghe”

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời dạy của đức Phật. Thế Tôn xếp tư chiếc y tăng-già-lê lại, nằm nghiêng về phía bên tay phải, hai chân chồng lên nhau, trông như dáng điệu sư tử chúa. Khi ấy trưởng lão Xá-lợi-phất nói với các thầy Tỳ-kheo rằng : “Nay tôi nói pháp, lời nói trước sau và giữa đều chơn chánh, nghĩa lý đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh, quý Thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, tôi sẽ vì quý Thầy mà nói cho”. Lúc đó các thầy Tỳ-kheo vâng lời tôn giả Xá-lợi-phất lắng nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các thầy Tỳ-kheo :

— Có pháp gọi là Thập thượng, trừ hết kiết phược ở đời, diệt tận mọi sự khổ đau, đồng thời đưa đến Niết-bàn, đầy đủ năm trăm năm mươi pháp. Bây giờ tôi sẽ phân biệt, các Thầy hãy lắng nghe.

Này các Tỳ-kheo, có một pháp có nhiều công năng, có một pháp cần phải tu tập, có một pháp cần phải hiểu biết, có một pháp cần phải diệt trừ, có một pháp làm cho thối thất, có một pháp làm cho tăng trưởng, có một pháp rất khó thấu hiểu, có một pháp cần phải phát sanh, có một pháp cần phải liễu tri, có một pháp cần phải tác chứng.

Một pháp có nhiều công năng là như thế nào ?
Đó là pháp mà đối với các thiện pháp không bao giờ phóng dật.

Một pháp cần tu tập là như thế nào ? Đó là pháp thường tự niệm thân.

Một pháp cần phải hiểu biết là như thế nào ?
Đó là pháp hữu lậu xúc.

Một pháp cần phải diệt trừ là như thế nào ?
Đó là pháp ngã mạn.

Một pháp làm cho thối thất là như thế nào ?
Đó là pháp ác.

Một pháp làm cho tăng trưởng là như thế nào ? Đó là pháp thiện.

Một pháp khó thấu hiểu là như thế nào ? Đó là Vô gián định.

Một pháp cần được phát sanh là như thế nào ?
Đó là Hữu lậu giải thoát.

Một pháp cần hiểu biết là như thế nào ? Đó là các loài chúng sanh đều lấy sự ăn uống để được sanh tồn.

Một pháp cần phải tác chứng là như thế nào ?
Đó là tâm giải thoát.

Lại có hai pháp có nhiều công năng, có hai pháp cần phải tu tập, có hai pháp cần phải hiểu biết, có hai pháp cần phải diệt trừ, có hai pháp làm cho thối thất, có hai pháp làm cho tăng trưởng, có hai pháp rất khó thấu hiểu, có hai pháp cần phải phát sanh, có hai pháp cần phải liễu tri, có hai pháp cần phải tác chứng.

Hai pháp có nhiều công năng là như thế nào ?
Đó là biết tâm và biết quý.

Hai pháp cần phải tu tập là như thế nào ?
Đó là chỉ và quán.

Hai pháp cần phải hiểu biết là như thế nào ?
Đó là danh và sắc.

Hai pháp cần phải diệt trừ là như thế nào ?
Đó là vô minh và ái.

Hai pháp làm cho thối thất là như thế nào ?
Đó là phá giới và phá kiến.

Hai pháp làm cho tăng trưởng là như thế nào ?
Đó là đầy đủ giới và đầy đủ kiến.

Hai pháp rất khó thấu hiểu là như thế nào ?
Đó là có loại nhân duyên làm cho chúng sanh sinh cấu uế và có loại nhân duyên làm cho chúng sanh được thanh tịnh.

Hai pháp cần phải phát sanh là như thế nào ?
Đó là tận trí và vô sanh trí.

Hai pháp cần phải liễu tri là như thế nào ?
Đó là xứ và phi xứ.

Hai pháp cần phải tác chứng là như thế nào ?
Đó là minh và giải thoát.

Lại có ba pháp có nhiều công năng, có ba pháp cần phải tu tập, có ba pháp cần phải hiểu biết, có ba pháp cần phải diệt trừ, có ba pháp làm cho thối thất, có ba pháp làm cho tăng trưởng, có ba pháp rất khó thấu hiểu, có ba pháp cần được phát sanh, có ba pháp cần phải liễu tri, có ba pháp cần phải tác chứng.

Ba pháp có nhiều công năng là như thế nào ? Đó là gần gũi với bạn lành, tai luôn nghe chánh pháp, các thiện pháp đều thành tựu.

Ba pháp cần phải tu tập là như thế nào ? Đó là ba thứ tam muội : không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội.

Ba pháp cần phải hiểu biết là như thế nào ? Đó là ba thọ : khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Ba pháp cần phải diệt trừ là như thế nào ? Đó là dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Ba pháp làm cho thối thất là như thế nào ? Đó là ba bất thiện căn : tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn.

Ba pháp làm cho tăng trưởng là như thế nào ? Đó là ba món thiện căn : vô tham thiện căn, vô sân thiện căn và vô si thiện căn.

Ba pháp khó hiểu là như thế nào ? Đó là ba pháp khó hiểu : Hiền Thánh khó hiểu, nghe pháp khó hiểu và Như Lai khó hiểu.

Ba pháp cần được phát sanh là như thế nào ? Đó là ba tướng : tướng chỉ tức, tướng tinh tấn và tướng xả ly.

Ba pháp cần phải liễu tri là như thế nào ? Đó là xuất ly ba cõi : thoát ly khỏi dục giới, thoát ly khỏi sắc giới, cho đến thoát ly khỏi vô sắc giới và xả ly tất cả pháp hữu vi, thì đó gọi là chấm dứt.

Ba pháp cần phải tác chứng là như thế nào ? Đó là ba minh : túc mạng trí, thiên nhãn trí, lậu tận trí.

Này các Tỳ-kheo, đó là ba mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng.

Lại có bốn pháp có nhiều công năng, có bốn pháp cần phải tu tập, có bốn pháp cần phải hiểu biết, có bốn pháp cần phải diệt trừ, có bốn pháp làm cho thối thất, có bốn pháp làm cho tăng trưởng, có bốn pháp rất khó thấu hiểu, có bốn pháp cần được phát sanh, có bốn pháp cần liễu tri, có bốn pháp cần phải tác chứng.

Bốn pháp có nhiều công năng là như thế nào ? Đó là bốn pháp chuyển vận : sanh ở thú đô, gần gũi bạn lành, tự mình cẩn thận, gieo trồng gốc lành.

Bốn pháp cần phải tu tập là như thế nào ? Đó là bốn niệm xứ : Vị Tỷ-kheo quán thân trong thân siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời. Vị Tỷ-kheo quán thân ngoài thân siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên xả bỏ tham ưu ở đời. Vị Tỷ-kheo quán thân nội ngoại thân, siêng năng không biếng lười, ghi nhớ không quên, xả bỏ tham ưu ở đời. Về thọ quán, ý quán, pháp quán cũng giống như vậy.

Bốn pháp nào cần phải hiểu biết ? Đó là bốn thực : đoàn thực, xúc thực, niệm thực, thức thực.

Bốn pháp nào cần phải diệt trừ ? Đó là bốn thọ : dục thọ, kiến thọ, giới thọ, ngã thọ.

Bốn pháp nào làm cho thối thất ? Đó là bốn ách : dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.

Bốn pháp nào làm cho tăng trưởng ? Đó là bốn vô ách : vô dục ách, vô hữu ách, vô kiến ách, vô vô minh ách.

Bốn pháp nào rất khó hiểu ? Đó là bốn Thánh đế : Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế, và Đạo Thánh đế.

Bốn pháp nào cần được phát sanh ? Đó là bốn loại trí : pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, và tha tâm trí.

Bốn pháp nào cần phải giác tri ? Đó là bốn biện tài : tài biện luận về pháp, tài biện luận về nghĩa lý, tài luận về từ ngữ và tài ứng đối.

Bốn pháp nào cần phải chứng ? Đó là bốn quả Sa-môn : quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Này các Tỳ-kheo, đó là bốn mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng.

Lại có năm pháp có nhiều công năng, có năm pháp cần phải tu tập, có năm pháp cần phải hiểu biết, có năm pháp cần phải diệt trừ, có năm pháp

làm cho thối thất, có năm pháp làm cho tăng trưởng, có năm pháp rất khó thấu hiểu, có năm pháp cần được phát sanh, có năm pháp cần phải liễu tri, có năm pháp cần phải tác chứng.

Năm pháp nào có nhiều công năng ? Đó là năm chi diệt tận : tin Phật là đấng Như Lai chí chơn, đầy đủ mười hiệu; thân không có tật bệnh thường an ổn; ngay thẳng, không có dua nịnh, thẳng tiến trên con đường Niết-bàn của Như Lai; chuyên tâm không loạn động, tụng đọc không hề quên; khéo quán sát sự khởi diệt của các pháp, dùng hạnh của Hiền Thánh để diệt tận các gốc khổ.

Năm pháp nào cần phải tu tập ? Đó là năm căn : tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Năm pháp nào cần phải hiểu biết ? Đó là năm thọ ấm : sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

Năm pháp nào cần phải diệt trừ ? Đó là năm triền cái : tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thù miên triền cái, điệu hý triền cái, nghi triền cái.

Năm pháp nào làm cho thối thất ? Đó là năm tâm ngại kiết : Vị Tỳ-kheo nghi Phật, nghi Phật rồi không gần gũi, không gần gũi rồi không cung kính. Đây là tâm ngại kiết thứ nhất. Lại nữa, vị Tỳ-kheo đối với Pháp, đối với chúng Tăng, đối với

giới luật có những hạnh tà vậy, không có những hạnh chơn chánh, làm hạnh nhiễm ô, không gần gũi với giới luật và cũng không cung kính. Đây là bốn tâm ngại kiết. Lại nữa, vị Tỳ-kheo đối với người phạm hạnh hay sanh tâm ác hại, tâm không ưa thích, đem lời thô ác mạ lỵ. Đây là tâm ngại kiết thứ năm.

Năm pháp nào làm cho tăng trưởng ? Đó là năm hỷ lớn : duyệt, niệm, ý, lạc, tịnh.

Năm pháp nào rất khó thấu hiểu ? Đó là năm giải thoát nhập : Nếu vị Tỳ-kheo nào siêng năng không biếng trễ, thích ở nơi nhàn tịnh, một lòng chuyên niệm, những gì chưa hiểu được hiểu, chưa diệt tận được diệt tận, chưa an ổn được an ổn. Những gì là năm ? Nếu vị Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp, hoặc nghe người phạm hạnh thuyết pháp, hoặc nghe sư trưởng thuyết pháp, vị ấy tư duy quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm được hoan hỷ, được hoan hỷ rồi liền được pháp ái, được pháp ái rồi thân tâm an ổn, thân tâm an ổn rồi được thiên định, được thiên định rồi được như thật trí. Đây là giải thoát nhập thứ nhất. Ở đây vị Tỳ-kheo nghe pháp rồi hoan hỷ, thọ trì đọc tụng cũng hoan hỷ, vì người khác thuyết pháp cũng hoan hỷ, tư

duy phân biệt cũng hoan hỷ, ở nơi pháp được thiên định cũng giống như vậy.

Năm pháp nào cần được phát sanh ? Đó là năm trí định của các bậc Hiền Thánh : tu tam muội, đời nay đời sau đều được an lạc, sanh nội ngoại trí; bậc Hiền Thánh không còn ái nhiễm, sanh nội ngoại trí; do sự tu hành của chư Phật và các bậc Hiền Thánh mà sanh ra nội ngoại trí; khen ngợi tướng tịch diệt, độc nhất, không bạn lữ, sanh nội ngoại trí; ở nơi tam muội, nhất tâm nhập, nhất tâm khởi, sanh nội ngoại trí.

Năm pháp nào cần phải liễu tri ? Đó là năm chỗ xuất yếu : Vị Tỳ-kheo đối với tham dục không ưa thích, không nhớ nghĩ, cũng không gần gũi, chỉ nghĩ đến việc xuất ly. Đối với việc xuất ly, vị ấy siêng năng gần gũi, tâm vị ấy nhu nhuyến vượt ra ngoài sự chi phối của tham dục. Các lậu hoặc như nơi tham dục khởi ra cũng xả tận, diệt hết mà được giải thoát. Đây gọi là xuất ly tham dục. Xuất ly về sân nhuế, xuất ly về tật đố, xuất ly về sắc, xuất ly về thân kiến cũng giống như vậy.

Năm pháp nào cần phải tác chứng ? Đó là năm vô học tụ : giới vô học tụ, định vô học tụ, tuệ vô học tụ, giải thoát vô học tụ, giải thoát tri kiến vô học tụ.

Này các Tỳ-kheo, đó là năm mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói một cách bình đẳng.

Lại có sáu pháp có nhiều công năng, có sáu pháp cần phải tu tập, có sáu pháp cần phải hiểu biết, có sáu pháp cần phải diệt trừ, có sáu pháp làm cho thối thất, có sáu pháp làm cho tăng trưởng, có sáu pháp rất khó thấu hiểu, có sáu pháp cần được phát sanh, có sáu pháp cần phải liễu tri, có sáu pháp cần phải tác chứng.

Sáu pháp nào có nhiều công năng ? Đó là sáu trọng pháp. Nếu vị Tỳ-kheo nào tu tập sáu trọng pháp này, thật đáng kính trọng; ở trong chúng được hòa hợp, không hề có sự tranh tụng, chỉ tu một hạnh đặc biệt không xen tạp. Những gì là sáu ? Ở đây vị Tỳ-kheo thân thường hành từ, cung kính người phạm hạnh, giữ lòng nhân ái. Vị ấy gọi là trọng pháp, đáng được kính trọng. Vị ấy ở trong chúng được hòa hợp, không có sự tranh tụng, tu một hạnh đặc biệt không xen tạp. Lại nữa, vị Tỳ-kheo khẩu thường hành từ, ý thường hành từ, dùng pháp vị để trưởng dưỡng, các thức ăn trong bát cho người khác cùng ăn, không phân biệt bỉ thử. Lại nữa, vị Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh của bậc Thánh không hề hủy phạm, không bị nhiễm ô,

được người trí ngời khen là giới hạnh đầy đủ và thành tựu được định ý. Lại nữa, vị Tỳ-kheo thành tựu được sự xuất ly của các bậc Thánh Hiền một cách bình đẳng, trừ sạch hết các khổ não, được chót kiết và các phạm hạnh. Vị ấy được gọi là trọng pháp, đáng kính trọng, ở trong chúng được hòa hợp, không có sự tranh tụng, chỉ tu một hạnh đặc biệt không xen tạp.

Sáu pháp nào cần phải tu tập ? Đó là sáu niệm : niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm Thiên.

Sáu pháp nào cần phải hiểu biết ? Đó là sáu nội nhập : nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.

Sáu pháp nào cần phải diệt trừ ? Đó là sáu ái dục : sắc ái dục, thanh ái dục, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái dục.

Sáu pháp nào làm cho thối thất ? Đó là sáu pháp bất kính : bất kính Phật, bất kính Pháp, bất kính Tăng, bất kính giới, bất kính định, bất kính cha mẹ.

Sáu pháp nào làm cho tăng trưởng ? Đó là sáu pháp kính : kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ.

Sáu pháp nào rất khó thấu hiểu ? Đó là Sáu pháp vô thượng : kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, niệm vô thượng.

Sáu pháp nào cần được phát sanh ? Đó là sáu đẳng pháp : Ở đây vị Tỳ-kheo mắt thấy sắc không buồn, không vui, trú xả chuyên niệm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối pháp không vui không buồn, trú xả chuyên niệm.

Sáu pháp nào cần phải liễu tri ? Đó là sáu chỗ xuất yếu : Hoặc có vị Tỳ-kheo nói rằng : “Tôi tu từ tâm lại sanh ra sân nhuế”, các vị Tỳ-kheo khác khuyên rằng : “Ông chớ nói như vậy, chớ có hủy báng đức Như Lai, đức Như Lai không bao giờ nói tu từ tâm giải thoát mà lại sanh ra sân nhuế, không bao giờ có việc đó. Phật bảo phải trừ sân nhuế trước, rồi sau được từ tâm”. Hoặc có vị Tỳ-kheo nói rằng : “Tôi hành bi tâm giải thoát lại sanh ra tâm ghen ghét, hành hỷ tâm giải thoát lại sanh ra tâm phiền muộn, hành xả tâm giải thoát lại sanh ra tâm yêu ghét, hành hạnh vô ngã lại sanh ra tâm nghi hoặc, hành hạnh vô tướng lại sanh ra các loạn tướng”, cũng giống như vậy.

Sáu pháp nào cần phải tác chứng ? Đó là sáu pháp thần thông : chứng thần túc thông, chứng thiên nhĩ thông, chứng tha tâm thông, chứng túc mạng thông, chứng thiên nhãn thông, chứng lậu tận thông.

Này các Tỳ-kheo, đó là sáu mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng.

Lại có bảy pháp có nhiều công năng, có bảy pháp cần phải tu tập, có bảy pháp cần phải hiểu biết, có bảy pháp cần phải diệt trừ, có bảy pháp làm cho thối thất, có bảy pháp làm cho tăng trưởng, có bảy pháp rất khó thấu hiểu, có bảy pháp cần được phát sanh, có bảy pháp cần phải liễu tri, có bảy pháp cần phải tác chứng.

Bảy pháp nào có nhiều công năng ? Đó là bảy tài : tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, thí tài, huệ tài.

Bảy pháp nào cần phải tu tập ? Đó là bảy giác ý : Ở đây vị Tỳ-kheo tu niệm giác ý, nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt, nương nơi viễn ly. Tu trạch pháp, tu tinh tấn, tu hỷ, tu ý, tu định, tu xả, nương nơi vô dục, nương nơi tịch diệt, nương nơi viễn ly.

Bảy pháp nào cần phải hiểu biết ? Đó là bảy chỗ thức trú : hoặc có loại chúng sanh có bao nhiêu thứ thân, có bấy nhiêu thứ tướng, như Trời, Người; đây là chỗ thức trú thứ nhất. Lại có loại chúng sanh có nhiều thân mà chỉ có một tướng, như Trời Phạm Quang âm lúc mới sinh về cõi ấy; đây là chỗ thức trú thứ hai. Lại có loại chúng sanh một thân mà có nhiều tướng, như cõi trời Quang Âm; đây là chỗ thức trú thứ ba. Lại có loại chúng sanh một thân có một tướng, như cõi trời Biến Tịnh; đây là chỗ thức trú thứ tư. Hoặc có chúng sanh trú vào Không xứ; đây là chỗ thức trú thứ năm. Hoặc có chúng sanh ở nơi Thức xứ; đây là chỗ thức trú thứ sáu. Hoặc có chúng sanh không dùng chỗ nào để trụ; đó là chỗ thức trú thứ bảy.

Bảy pháp nào cần phải diệt trừ ? Đó là bảy pháp sử : dục ái sử, hữu ái sử, kiến sử, mạn sử, sân nhuế sử, vô minh sử, nghi sử.

Bảy pháp nào làm cho thối thất ? Đó là bảy phi pháp : Vị Tỳ-kheo không có chánh tín, không có tâm, không có quý, nghe ít, biếng lười, mau quên, không có trí.

Bảy pháp nào làm cho tăng trưởng ? Đó là bảy pháp chơn chánh : Vị Tỳ-kheo có tín, có tâm,

có quý, nghe nhiều, không biếng lười, nhớ giỏi, có trí.

Bảy pháp nào rất khó thấu hiểu ? Đó là bảy thiện pháp chơn chánh : Ở đây vị Tỳ-kheo khéo hiểu nghĩa, khéo nghe pháp, khéo biết thời, khéo tri túc, khéo tự nhiếp, khéo tập chúng, khéo phân biệt cho người khác.

Bảy pháp nào cần được phát sanh ? Đó là bảy tướng : bất tịnh tướng, thực bất tịnh tướng, nhứt thiết thế gian bất khả lạc tướng, tử tướng, vô thường tướng, vô thường-khổ tướng, khổ-vô ngã tướng.

Bảy pháp nào cần phải liễu tri ? Đó là bảy sự siêng năng : siêng năng hành trì giới luật, siêng năng diệt các tham dục, siêng năng phá các tà kiến, siêng năng với việc đa văn, siêng năng với sự tinh tấn, siêng năng đối với chánh niệm, siêng năng với việc thiền định.

Bảy pháp nào cần phải tác chứng ? Đó là bảy năng lực dứt hết các lậu hoặc : Ở đây vị lậu tận Tỳ-kheo đối với tất cả các khổ nhân sanh khởi, sự diệt trừ, sự lôi cuốn, sự tội lỗi và sự thoát ly đều thấy như thực, biết như thực, xem dục lạc như hàm lửa, như đao kiếm, biết dục, thấy dục, không tham

đắm nơi dục, tâm không trụ nơi dục; vị lậu tận Tỳ-kheo nghịch thuận quán sát, như thật giác tri. Thấy biết một cách như thật, các sự tham lam tật đổ, ác bất thiện pháp ở thế gian không còn khởi nữa. Tu nhiều, hành nhiều về Tứ Niệm xứ, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác ý và Bát Chánh đạo.

Này các Tỳ-kheo, đó là bảy mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng.

Lại có tám pháp có nhiều công năng, có tám pháp cần phải tu tập, có tám pháp cần phải hiểu biết, có tám pháp cần phải diệt trừ, có tám pháp làm cho thối thất, có tám pháp làm cho tăng trưởng, có tám pháp rất khó thấu hiểu, có tám pháp cần được phát sanh, có tám pháp cần phải liễu tri, có tám pháp cần phải tác chứng.

Tám pháp nào có nhiều công năng ? Đó là tám nhân duyên khiến được phạm hạnh mà được trí tuệ; được phạm hạnh rồi, trí tuệ tăng trưởng. Nhưng gì là tám ? Ở đây vị Tỳ-kheo nương tựa nơi Thế Tôn, hoặc nương tựa nơi Sư trưởng, hoặc nương tựa nơi người phạm hạnh trí tuệ, sanh tâm tầm quý, có ái kính. Đó là nhân duyên thứ nhất khiến chưa được phạm hạnh mà được trí tuệ; được phạm hạnh rồi, trí tuệ tăng trưởng. Lại nữa vị

Tỳ-kheo nương tựa Thế Tôn, tùy thời thưa hỏi :
“Nghĩa là pháp này thế nào ? Ý hướng của pháp này là gì ?”... Bấy giờ các vị tôn trưởng liền vì các vị ấy mà khai diễn những ý nghĩa sâu xa. Đó là nhân duyên thứ hai. Khi đã nghe pháp rồi, thì thân tâm được an lạc và tịch tịnh. Đó là nhân duyên thứ ba, được an lạc và tịch tịnh, không còn đàm luận những việc vô ích, trái với đạo lý. Các vị ấy khi vào trong Chúng, hoặc tự thuyết pháp, hoặc mời người khác thuyết pháp, đều không rời sự yên lặng của Thánh Hiền. Đó là nhân duyên thứ tư. Nghe nhiều hiểu rộng, ghi nhớ không quên, các pháp thâm áo sơ thiện, trung thiện, hậu thiện nghĩa lý xác thật, phạm hạnh đầy đủ, nghe rồi nhập tâm, kiến thức không lay chuyển. Đó là nhân duyên thứ năm. Tu tập siêng năng, diệt ác, tăng thiện, gắng sức giữ gìn không bỏ sót một pháp nào. Đó là nhân duyên thứ sáu. Dùng trí tuệ để quán sát sự khởi diệt của các pháp, chỗ quy thú của Hiền Thánh, có thể diệt hết các khổ não. Đó là nhân duyên thứ bảy. Quán sát năm thọ ấm, quán sát tướng sanh, tướng diệt của các pháp :
“Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây

là thức tập, đây là thức diệt.” Đó là nhân duyên thứ tám tuy chưa được phạm hạnh mà đã được trí tuệ; khi đã được phạm hạnh rồi, thì trí tuệ càng tăng trưởng.

Tám pháp nào cần phải tu tập ? Đó là tám con đường của Hiền Thánh : chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

Tám pháp nào cần phải hiểu biết ? Đó là tám thế pháp : lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc.

Tám pháp nào cần phải diệt trừ ? Đó là tám tà pháp : tà kiến, tà trí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

Tám pháp nào làm cho thối thất ? Đó là tám pháp giải đãi. Sao gọi là tám pháp giải đãi ? Ở đây vị Tỳ-kheo đi khát thực về không được thức ăn, bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Hôm nay ta vào làng khát thực không được, thân thể bị mỏi mệt, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ chỉ có thể ngủ nghỉ”. Vị Tỳ-kheo ấy bèn nằm ngủ, không tỉnh cần, nhưng mà những gì chưa đắc thì muốn đắc, chưa được thì muốn được, chưa chứng thì muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ nhất. Vị Tỳ-kheo giải đãi ăn no đủ rồi bèn khởi ra ý nghĩ

như vậy : “Sáng nay ta vào làng khát thực được nhiều thức ăn no quá, thân thể nặng nề không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được bây giờ chỉ có ngủ nghỉ”. Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn đi ngủ, không siêng năng tinh cần, nhưng mà những gì chưa đắc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ hai. Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả có làm chút ít công việc, bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Hôm nay ta làm công việc, thân thể uest oải, không thể ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ phải ngủ nghỉ.” Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả sắp sửa làm việc gì, bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Ngày mai ta sẽ làm việc, chắc chắn có sự mỏi mệt, hôm nay không nên ngồi thiền hay kinh hành, bây giờ phải ngủ nghỉ”, vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn đi ngủ. Đó là cách giải đãi thứ tư. Vị Tỳ-kheo giải đãi hoặc giả có đi lại đôi chút, bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Sáng nay ta đi lại, thân thể bị mỏi mệt, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, bây giờ cần phải ngủ nghỉ”. Đó là cách giải đãi thứ năm. Vị Tỳ-kheo giải đãi, hoặc giả sắp đi đâu đó, bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Ngày mai ta sẽ đi công việc, chắc chắn có sự mỏi mệt, hôm nay không nên ngồi thiền hoặc kinh hành, mà cần phải ngủ nghỉ”. Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn đi ngủ, không siêng năng tinh cần,

nhưng mà những gì chưa đắc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ sáu. Hoặc giả vị Tỳ-kheo gặp phải bệnh hoạn đôi chút, bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Ta bị bệnh nặng, đau nhức vô cùng, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được, cần phải ngủ nghỉ”. Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn tìm chỗ ngủ nghỉ, không siêng năng tinh cần mà những gì chưa đắc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ bảy. Vị Tỳ-kheo giải đãi, bệnh đã khỏi rồi mà lại khởi ra ý nghĩ như vậy : “Ta bị bệnh vừa mới khỏi thân thể còn đau nhức, không thể nào ngồi thiền hay kinh hành được cần phải có sự ngủ nghỉ”. Vị Tỳ-kheo giải đãi ấy bèn tìm chỗ ngủ nghỉ, không siêng năng tinh cần nhưng mà những gì chưa đắc lại muốn đắc, chưa được lại muốn được, chưa chứng lại muốn chứng. Đó là cách giải đãi thứ tám.

Thế nào là tám pháp tăng trưởng ? Đó là pháp không lười biếng. Thế nào là tám pháp tinh tấn ? Vị Tỳ-kheo đi vào làng khát thực, khát thực không được, trở về bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Thân thể của ta hôm nay nhẹ nhàng, ít buồn ngủ, cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành, thì những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng”. Do vậy vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh

tấn. Đó là vị Tỳ-kheo tinh tấn pháp thứ nhất. Khi khát thực đầy đủ, bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Hôm nay ta vào làng khát thực được thức ăn đầy đủ, khí lực sung mãn, cần phải tinh tấn tọa thiền kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng”, vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn, hoặc giả có làm việc cũng khởi ra ý nghĩ như vậy : “Ta nay vì sự làm việc phải bỏ bê việc tu hành, bây giờ cần phải tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng”. Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn hoặc giả sẽ phải làm việc cũng khởi ra ý nghĩ như vậy : “Ngày mai ta sẽ làm việc, việc hành đạo của ta sẽ bị bỏ bê, do đó bây giờ ta cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng”. Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn, hoặc giả có việc phải đi lại cũng khởi ra ý nghĩ như vậy : “Buổi sáng ta có việc đã phải đi, việc hành đạo của ta bị bỏ bê, vậy bây giờ cần phải tinh tấn tọa thiền kinh hành để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng”. Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn, hoặc giả sắp có việc phải đi lại, bèn khởi ra ý nghĩ như vậy : “Ngày mai ta có việc phải đi lại, sự hành

đạo sẽ bị gián đoạn, bây giờ ta cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng”. Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn, hoặc giả có bị bệnh hoạn cũng khởi ra ý nghĩ như vậy : “Ta bị bệnh nặng, có thể chết, bây giờ cần phải tinh tấn, để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng”. Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn. Vị Tỳ-kheo tinh tấn, hoặc giả khi bệnh vừa thuyên giảm, liền khởi ra ý nghĩ như vậy : “Bệnh của ta đã được thuyên giảm đôi phần, nó có thể trở lại trầm trọng làm gián đoạn sự hành đạo của ta, vậy bây giờ ta cần phải tinh tấn tọa thiền, kinh hành, để những gì chưa đắc sẽ được đắc, chưa được sẽ được, chưa chứng sẽ chứng”. Vị Tỳ-kheo ấy bèn tinh tấn tọa thiền, kinh hành không giải đãi. Đây là tám pháp tinh tấn.

Thế nào là tám pháp khó hiểu ? Tám pháp bất nhân, làm chướng ngại việc tu phạm hạnh. Những gì là tám ? Đức Như Lai là bậc chí chơn xuất hiện ở đời nói ra những pháp sâu màu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, trong khi đó có người đang ở trong cõi địa ngục, là chỗ bất nhân, không thể nào tu phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc chí chơn xuất hiện ở đời, nói ra những pháp

sâu mầu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, trong khi đó có người đang sanh nhảm trong loài súc sanh, ngạ quỷ, cõi trời trường thọ, chỗ biên địa, không biết, không nghe được Phật pháp. Những chỗ này là chỗ bất nhân, không thể nào tu phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc chí chơn Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, nói ra những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, trong khi đó có những chúng sanh sinh ở nơi thú đồ mà lại có tà kiến, ôm lòng điên đảo, làm các việc ác, nhất định phải sa vào địa ngục. Chỗ đó là chỗ bất nhân, không thể nào tu phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc chí chơn Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, nói ra những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, trong khi đó có chúng sanh sinh ở nơi thú đồ mà lại bị cảm ngưng, đui, điếc, không nghe được Chánh pháp. Đây là chỗ bất nhân, không thể nào tu phạm hạnh được. Đức Như Lai là bậc chí chơn Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở đời, không nói những pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi đưa đến đạo giác ngộ, nhưng lại có chúng sanh sinh vào nơi thú đồ, các căn đầy đủ, có thể lãnh hội lời dạy của Phật, nhưng lại không gặp Phật, do đó không tu tập phạm hạnh được. Đây là tám chỗ bất nhân.

Thế nào là tám pháp phát sanh ? Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân, hành đạo thì phải thiếu dục; đa dục không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải tri túc; không biết nhàm chán thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải nhàn tịnh; ưa thích đông đảo ồn ào thì không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải tự thúc liễm thân tâm; vui đùa cười cợt không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải siêng năng; biếng nhác trễ lười không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải chuyên niệm; không nhớ, mau quên không phải là hành đạo. Hành đạo thì phải định ý; tâm ý tán loạn thì không phải là hành đạo. Hành đạo phải có trí tuệ; mê muội ngu si không phải là hành đạo.

Thế nào là tám pháp liễu tri ? Đó là tám pháp trừ nhập : bên trong có cái tướng về hữu sắc, cái sắc bên ngoài được quán tưởng thì có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ nhất. Bên trong có tướng về hữu sắc, cái sắc bên ngoài được quán tưởng thì không có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ hai. Bên trong có tướng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán tưởng thì có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ ba. Bên trong có cái tướng về vô sắc, cái

sắc bên ngoài được quán tưởng thì không có hạn lượng, hoặc tốt hoặc xấu, thường quán, thường niệm đó là pháp trừ nhập thứ tư. Bên trong có tướng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán là màu xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh. Ví như hoa sen xanh, như lụa Ba-la-nại xanh thuần nhất, màu sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh. Thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ năm. Bên trong có cái tướng về vô sắc, cái sắc bên ngoài được quán là màu vàng, màu sắc vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng, giống như hoa vàng, vải Ba-la-nại, màu sắc vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng. Thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ sáu. Quán nội sắc bên trong, thấy ngoại sắc bên ngoài là màu đỏ, màu sắc đỏ, ánh sáng đỏ, tướng thấy đỏ. Ví như hoa màu đỏ, như lụa Ba-la-nại đỏ thuần nhất, màu sắc đỏ, ánh sáng đỏ, tướng thấy đỏ, thường tưởng như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ bảy. Quán nội sắc bên trong thấy ngoại sắc bên ngoài là màu trắng, màu sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng. Ví như hoa màu trắng, như lụa Ba-la-nại trắng thuần nhất, màu sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng, thường tưởng

như vậy, thường quán, thường niệm. Đó là pháp trừ nhập thứ tám.

Thế nào là tám pháp cần phải tác chứng ? Đó là tám pháp giải thoát : — Dùng sắc quán sắc. Ấy là pháp giải thoát thứ nhất. — Bên trong có tướng hữu sắc mà quán sắc bên ngoài. Ấy là pháp giải thoát thứ hai. — Thanh tịnh và giải thoát. Đó là pháp giải thoát thứ ba. — Vượt qua sắc tướng, diệt sân nhuế tướng, trụ vào không xứ. Đó là giải thoát thứ tư. — Vượt qua không xứ, trụ vào thức xứ. Đó là giải thoát thứ năm. — Vượt qua thức xứ, trụ vào bất dụng xứ. Đó là giải thoát thứ sáu. — Vượt qua bất dụng xứ, trụ vào hữu tướng vô tướng xứ. Đó là giải thoát thứ bảy. — Vượt qua hữu tướng vô tướng xứ, trụ vào tướng tri diệt. Đó là giải thoát thứ tám.

Này các Tỳ-kheo đây là tám mươi pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng.

Lại có chín pháp có nhiều công năng, có chín pháp cần phải tu tập, có chín pháp cần phải hiểu biết, có chín pháp cần phải diệt trừ, có chín pháp làm cho thối thất, có chín pháp làm cho tăng trưởng, có chín pháp rất khó thấu hiểu, có chín

pháp cần được phát sanh, có chín pháp cần phải liễu tri, có chín pháp cần phải tác chứng.

Thế nào là chín pháp có nhiều công năng ? Đó là chín tịnh diệt pháp : giới tịnh diệt chi, tâm tịnh diệt chi, kiến tịnh diệt chi, độ nghi tịnh diệt chi, phân biệt tịnh diệt chi, đạo tịnh diệt chi, trừ tịnh diệt chi, vô dục tịnh diệt chi, giải thoát tịnh diệt chi.

Thế nào là chín pháp cần tu tập ? Đó là chín nguyên nhân của hỷ : hỷ, ái, duyệt, lạc, định, như thật tri, trừ xả, vô dục, giải thoát.

Chín pháp nào cần phải hiểu biết ? Đó là chín cõi chúng sanh : có loại chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bao nhiêu tướng, như Trời, Người chẳng hạn. Đây là cõi chúng sanh thứ nhất. Hoặc có loại chúng sanh nhiều thân mà chỉ có một tướng, như trời Phạm Quang âm thiên lúc mới sinh lên cõi ấy. Đây là cõi chúng sanh thứ hai. Hoặc có loại chúng sanh một thân có nhiều tướng, như trời Quang Âm. Đây là cõi chúng sanh thứ ba. Hoặc có loại chúng sanh một thân một tướng, như trời Biến Tịnh. Đây là cõi chúng sanh thứ tư. Hoặc có loại chúng sanh không có tướng, không có giác tri, như trời Vô Tướng. Đây là cõi chúng sanh thứ năm. Hoặc có chúng sanh trụ nơi không xứ. Đó là cõi

chúng sanh thứ sáu. Hoặc có chúng sanh trụ nơi thức xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ bảy. Lại có loại chúng sanh trụ nơi bất dụng xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ tám. Lại có loại chúng sanh trụ nơi hữu tướng vô tướng xứ. Đó là cõi chúng sanh thứ chín.

Thế nào là chín pháp cần phải diệt trừ ? Chín gốc ái ? Nhơn ái có tìm cầu, nhơn tìm cầu có lợi danh, nhơn lợi danh có hữu dụng, nhơn hữu dụng có tham dục, nhơn tham dục có say đắm, nhơn say đắm có ganh ghét, nhơn ganh ghét có bảo thủ, nhơn bảo thủ mà có cái gọi là “được”.

Thế nào là chín pháp làm cho thối thất ? Chín pháp nào hại : Người kia đã, đang và sẽ lăng mạ tôi. Người kia đã, đang và sẽ lăng mạ người mà tôi yêu mến. Người kia đã, đang và sẽ kính mến người mà tôi oán ghét.

Thế nào là chín pháp làm cho tăng trưởng ? Chín pháp không nào hại : Người kia đã lăng mạ tôi; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không sanh phiền muộn. Người kia đã xâm phạm đến người mà tôi yêu mến; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó, trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không

sanh phiền muộn. Người kia đã kính mến người mà tôi oán ghét; nếu tôi phiền muộn, nào có ích gì. Do đó, trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn, và về sau cũng không sanh phiền muộn.

Thế nào là chín pháp khó hiểu ? Đó là chín phạm hạnh : Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín mà không trì giới, thì phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo vừa có chánh tín, vừa trì giới thì phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, mà không đa văn, thì phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa có trì giới, vừa có đa văn, thì phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn mà thuyết pháp không được thì phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa đa văn, có thể thuyết pháp, thì phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp mà không nuôi đồ chúng, thì phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải có vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn vừa, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, thì phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng mà ở trong đại chúng không thể quảng diễn pháp ngôn, thì phạm hạnh

không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, vừa có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn những pháp ngôn, thì phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn mà không đắc tứ thiên, thì phạm hạnh không đầy đủ. Vị Tỳ-kheo phải vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại đắc tứ thiên, thì phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, lại đắc tứ thiên, mà đối với bát giải thoát không thể nghịch thuận du hành, thì phạm hạnh không đầy đủ. Nếu vị Tỳ-kheo vừa có chánh tín, vừa trì giới, vừa đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, đầy đủ tứ thiên đối với bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành, thì phạm hạnh mới được đầy đủ. Hoặc có vị Tỳ-kheo có chánh tín, có trì giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nuôi dưỡng đồ chúng, ở trong đại chúng có thể quảng diễn pháp ngôn, đắc tứ thiên, đối với

bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành, song không thể diệt tận các hữu lậu để thành tựu tâm vô lậu, tuệ vô lậu giải thoát, dù có tự thân tác chứng ngay trong hiện đời, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì đáng làm đã làm, không còn bị thọ sanh nữa, thì phạm hạnh vẫn không đầy đủ. Nếu vị Tỳ-kheo vừa có chánh tín vừa tri giới, vừa có thể quảng diễn pháp ngôn, thành tựu tứ thiền, đối với bát giải thoát có thể nghịch thuận du hành, xả hết hữu lậu, thành tựu tâm vô lậu giải thoát, tuệ vô lậu giải thoát, tự thân tác chứng ngay trong hiện đời, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, những gì đáng làm đã làm, không còn thọ báo nữa, thì phạm hạnh mới được đầy đủ hoàn toàn.

Thế nào là chín pháp cần được phát sanh ? Đó là chín tướng ? Bất tịnh tướng, quán thực bất tịnh tướng, nhứt thiết thế gian bất khả lạc tướng, tử tướng, vô thường tướng, vô thường-khổ tướng, khổ-vô ngã tướng, tận tướng, vô dục tướng.

Thế nào là chín pháp cần phải giác tri ? Đó là chín dị pháp : nhưn vì khác cội mà sanh ra cảm xúc khác, nhưn vì cảm thọ khác mà sanh ra tướng khác, nhưn vì tướng khác mà sanh ra tập khác, nhưn vì tập khác mà sanh ra dục khác, nhưn vì dục khác mà sanh ra lợi dưỡng khác, nhưn vì lợi

dưỡng khác mà sanh ra tìm cầu khác, nhưn vì tìm cầu khác mà sanh ra những phiền não khác nhau.

Thế nào là chín pháp cần phải tác chứng ? Đó là chín pháp diệt tận : nếu vào sơ thiền thì thanh liên diệt, vào nhị thiền thì giác quán liên diệt, vào tam thiền thì hỷ liên diệt, vào tứ thiền thì hơi thở ra vào liên diệt, vào không vô biên xứ thì sắc tướng liên diệt, vào thức vô biên xứ thì không tướng diệt, vào vô sở hữu xứ thì bất dụng tướng diệt, vào hữu tướng vô tướng xứ thì vô sở hữu xứ diệt, vào diệt tận định thời tướng, thọ diệt.

Này các Tỳ-kheo, đây là chín mươi pháp như thật không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng.

Lại có mười pháp có nhiều công năng, có mười pháp cần phải tu tập, có mười pháp cần phải giác tri, có mười pháp cần phải diệt trừ, có mười pháp làm cho thối thất, có mười pháp làm cho tăng trưởng, có mười pháp khó hiểu, có mười pháp cần được phát sanh, có mười pháp cần phải liễu tri, có mười pháp cần phải tác chứng.

Thế nào là mười pháp có nhiều công năng ? Đó là mười cứu pháp : Vị Tỳ-kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, đầy đủ oai nghi, nếu có chút ít tội

lỗi đã sanh tâm sợ hãi lớn, bình đẳng học giới, tâm không xiên xẹo. Gặp được thiện tri thức. Nói ra những lời ngay thẳng, có nhiều người đến nghe. Ưa thích tìm cầu những pháp lành, phân bố chẳng tiếc. Những người phạm hạnh có thì thiết điều gì liền đến trợ giúp, không nệ nhọc mệt, thường làm những điều khó làm, đồng thời cũng dạy người khác cùng làm. Nghe nhiều, nghe rồi ghi nhớ không hề quên lãng. Siêng năng diệt các pháp ác, làm cho pháp lành được tăng trưởng. Luôn luôn chuyên niệm, không sanh tác tướng khác, ghi nhớ những hạnh lành căn bản như ở trước mặt. Có đầy đủ trí tuệ, quán sát các pháp sanh diệt được thành tựu. Dùng luật nghi của các bậc Hiền Thánh để đoạn trừ cội gốc khổ ải. Thích ở nơi thanh vắng, chuyên niệm tư duy, trong khi thiền định không có sự điều hỷ.

Thế nào là mười pháp cần phải tu tập ? Đó là mười chánh hạnh : chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

Thế nào là mười pháp cần hiểu biết ? Đó là mười sắc nhập : nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập,

thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, xúc nhập.

Thế nào là mười pháp cần phải trừ diệt ? Đó là mười tà hạnh : tà kiến, tà tư, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

Thế nào là mười pháp làm cho thối thất ? Đó là mười ác hạnh về thân : sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Về khẩu : nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói dối, nói thêu dệt. Về ý : tham lam, tật đố, tà kiến.

Thế nào là mười pháp làm cho tăng trưởng ? Đó là mười hạnh lành : thân thì không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Miệng thì không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêu dệt. ý thì không tham lam, không tật đố, không tà kiến.

Thế nào là mười pháp rất khó thấu hiểu ? Đó là mười Hiền Thánh xứ : vị Tỷ-kheo phải diệt trừ năm chi, thành tựu sáu chi; xả nhất; chánh tứ y; diệt trừ các dị đế; cầu chỗ thắng diệu; không lậu tướng; thân hạnh đã lập; tâm được giải thoát; tuệ được giải thoát.

Thế nào là mười pháp được phát sanh ? Đó là mười điều khen ngợi : Nếu vị Tỷ-kheo tự mình

đã được chánh tín, vì người khác giảng nói sự chánh tín, khen ngợi sự chánh tín của những người khác. Tự mình đã trì giới, vì người khác giảng nói sự trì giới, khen ngợi sự trì giới của những người khác. Tự mình đã thiếu dục, vì người khác giảng nói sự thiếu dục, khen ngợi sự thiếu dục của những người khác. Tự mình đã tri túc, vì người khác giảng nói sự tri túc, khen ngợi sự tri túc của người khác. Tự mình ưa thích nhân tịnh, vì người khác giảng nói sự nhân tịnh, lại khen ngợi sự nhân tịnh của người khác. Tự mình đa văn, vì người khác giảng nói lợi ích của sự đa văn, đồng thời khen ngợi sự đa văn của người khác. Tự mình tinh tấn, vì người khác giảng nói sự tinh tấn và khen ngợi sự tinh tấn của người khác. Tự mình đã chuyên niệm, vì người khác giảng nói sự chuyên niệm, lại cũng khen ngợi sự chuyên niệm của người khác. Tự mình được thiên định, vì người khác giảng nói thiên định, đồng thời khen ngợi thiên định của người khác. Tự mình được trí tuệ, vì người khác giảng nói trí tuệ, lại cũng khen ngợi người khác đã được trí tuệ.

Thế nào là mười pháp cần phải liễu tri ? Đó là mười diệt pháp : Người có chánh kiến có thể diệt trừ được tà kiến, các nhơn duyên do tà kiến khởi lên vô số những ác pháp cũng đều trừ diệt hết. Các

nhân duyên chánh kiến sanh ra vô số pháp lành đều được thành tựu. Người có chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí, có thể trừ diệt hết tà trí, các nhơn duyên do tà trí khởi lên vô số các pháp ác thấy đều trừ diệt hết. Các nhơn duyên chánh trí khởi lên vô số những thiện pháp đều được thành tựu.

Thế nào là mười pháp cần phải tác chứng ? Đó là mười vô học pháp : vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh phương tiện, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh giải thoát, vô học chánh trí.

Này các Tỳ-kheo, đây là một trăm pháp như thật, không hư dối, đã được đức Như Lai chứng tri và nói ra một cách bình đẳng.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất được đức Phật ấn khả. Các vị Tỳ-kheo nghe những điều của ngài Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH TĂNG NHẤT

Tôi nghe như vậy :

Một thời đức Phật cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đều ngự trong rừng cây của Kỳ-đà, vườn ông Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ đức Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Nay Ta sẽ vì các Ông nói pháp vi diệu, lời nói đầu, giữa và sau đầy đủ chơn chánh, ý nghĩa thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ, đó là pháp tăng nhất. Vậy các Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe,

hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, về vấn đề này, Ta sẽ nói cho.

Khi đó các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy và lắng nghe. Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Pháp tăng nhất là một pháp có nhiều thành quả, một pháp cần phải tu, một pháp cần phải biết, một pháp cần phải diệt trừ, một pháp cần phải chứng ngộ.

Thế nào là một pháp có nhiều thành quả ? Đó là không từ bỏ thiện pháp.

Thế nào là một pháp cần phải tu ? Đó là thường xuyên tự niệm thân.

Thế nào là một pháp cần phải biết ? Đó là hữu lậu xúc.

Thế nào là một pháp cần phải diệt trừ ? Đó là pháp ngã mạn.

Thế nào là một pháp cần phải chứng ? Đó là tâm vô ngại giải thoát.

Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Lại có hai pháp có nhiều thành quả, hai pháp cần phải tu, hai pháp cần phải biết, hai pháp cần phải diệt trừ, hai pháp cần phải chứng ngộ.

Thế nào là hai pháp có nhiều thành quả ? Đó là biết hổ và thẹn.

Thế nào là hai pháp cần phải tu ? Đó là chi và quán

Thế nào là hai pháp cần phải biết ? Đó là danh và sắc.

Thế nào là hai pháp cần phải diệt trừ ? Đó là vô minh và hữu ái.

Thế nào là hai pháp cần phải chứng ? Đó là minh và giải thoát.

Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Lại có ba pháp có nhiều thành quả, ba pháp cần phải tu, ba pháp cần phải biết, ba pháp phải diệt trừ, ba pháp phải chứng ngộ.

Thế nào là ba pháp có nhiều thành quả ? Đó là thân cận thiện hữu, thường xuyên nghe pháp và mỗi pháp đều thành tựu.

Thế nào là ba pháp cần phải tu ? Đó là ba thứ tam muội : không, vô tướng và vô tác tam muội.

Thế nào là ba pháp cần phải biết ? Đó là ba thứ thọ : khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Thế nào là ba pháp cần phải diệt trừ ? Đó là ba thứ ái : dục ái, hữu ái, và vô hữu ái.

Thế nào là ba pháp cần phải chứng ? Đó là tam minh : túc mạng trí, thiên nhân trí và lậu tận trí.

Phật bảo các Tỳ-kheo :

— Lại có bốn pháp có nhiều thành quả, bốn pháp cần phải tu, bốn pháp cần phải biết, bốn pháp cần phải diệt trừ, bốn pháp cần phải chứng.

Thế nào là bốn pháp có nhiều thành quả ? Trú ở thủ đô, thân cận thiện hữu, tự mình phải cẩn thận, gieo trồng thiện căn trước.

Thế nào là bốn pháp cần phải tu ? Đó là tu Tứ niệm xứ : Ở đây về thân, vị Tỳ-kheo quán trong thân, siêng năng, không lười biếng, chuyên niệm, nhớ mãi không quên để loại bỏ tham ưu thế gian. Tiếp theo, vị Tỳ-kheo quán ngoài thân, siêng năng không lười biếng, nhớ mãi không quên để loại bỏ tham ưu thế gian. Và quán về thọ, về ý, về pháp cũng như thế.

Thế nào là bốn pháp cần phải biết ? Đó là tứ thực : đoàn thực, xúc thực, niệm thực và thức thực.

Thế nào là bốn pháp cần phải diệt trừ ? đó là bốn thứ thọ, tức dục thọ, ngã thọ, giới thọ, và kiến thọ.

Thế nào là bốn pháp cần phải chứng ? Đó là bốn quả Sa-môn : quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, và A-la-hán.

Lại có năm pháp có nhiều thành quả, năm pháp cần phải tu, năm pháp cần phải biết, năm pháp cần phải diệt trừ, năm pháp cần phải chứng ngộ.

Thế nào là năm pháp có nhiều thành quả ? Đó là năm chi diệt tận : tin đức Như Lai là đáng chí chơn, đầy đủ mười hiệu; không bệnh tật, thân thường an ổn; chất trực, không nịnh hót, thẳng đến con đường tắt Niết-bàn của Như Lai; chuyên tâm không tán loạn, đọc tụng không quên; khéo quán sát sự sanh diệt của các pháp, sử dụng hạnh Hiền Thánh để tận diệt gốc khổ.

Thế nào là năm pháp cần phải tu ? Đó là năm căn, tức tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và huệ căn.

Thế nào là năm pháp cần phải biết ? Đó là năm thọ ấm, tức sắc, thọ, tưởng, hành và thức thọ ấm.

Thế nào là năm pháp cần phải diệt trừ ? Đó là năm triền cái : tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối và nghi cái.

Thế nào là năm pháp cần phải chứng ngộ ? năm vô học tụ, tức vô học giới, vô học định, vô học tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến tụ.

Lại có sáu pháp có nhiều thành quả, sáu pháp cần phải tu, sáu pháp cần phải biết, sáu pháp cần phải diệt trừ, sáu pháp cần phải chứng ngộ.

Thế nào là sáu pháp có nhiều thành quả ? Đó là sáu trọng pháp. Nếu Tỳ-kheo tu sáu trọng pháp này thì đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với Chúng, không tranh tụng, tu một hạnh không xen tạp. Thế nào là sáu ?

Ở đây vị Tỳ-kheo thân thường thực hành hạnh từ và tu phạm hạnh, đồng thời có tâm nhơn ái, vị Tỳ-kheo đó gọi là trọng pháp, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với Chúng không tranh tụng, tu một hạnh duy nhất không xen tạp.

Lại nữa, vị Tỳ-kheo còn thực hành hạnh từ về khẩu và ý.

Vị Tỳ-kheo trên lại lấy vật được cúng dường của mình và đồ vật khác trong bát đem phân phối

đồng đều cho chúng Tăng, không có tâm phân biệt bỉ, thử.

Lại nữa, vị Tỳ-kheo đó đối với giới luật mà bậc Thánh hành trì không hề hủy phạm, không nhiễm ô, được người trí khen ngợi, khéo léo giữ gìn đầy đủ giới và thành tựu sự giải thoát bình đẳng của Hiền Thánh, hoàn toàn hết khổ.

Vị Tỳ-kheo ấy, có chánh kiến và có các phạm hạnh; vị đó được gọi là trọng pháp, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với Chúng, không tranh tụng, tu một hạnh duy nhất không xen tạp.

Thế nào là sáu pháp cần phải tu ? Đó là sáu niệm, tức niệm Phật niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm Thiên.

Thế nào là sáu pháp cần phải biết ? Đó là sáu nội nhập, tức nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập và ý nhập.

Thế nào là sáu pháp cần phải diệt trừ ? Đó là sáu ái, tức sắc ái, thanh, hương, vị, xúc, pháp ái.

Thế nào là sáu pháp cần phải chứng ngộ ? Đó là sáu thứ thần thông, tức thần túc thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thiên nhãn thông và lậu tận thông.

Lại có bảy pháp có nhiều thành quả, bảy pháp cần phải tu, bảy pháp cần phải biết, bảy pháp cần phải diệt trừ, bảy pháp cần phải chứng ngộ.

Thế nào là bảy pháp có nhiều thành quả ? Đó là bảy thứ tài sản, tức tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, thí tài, và tuệ tài. Đó là bảy thứ tài sản.

Thế nào là bảy pháp cần phải tu ? Đó là bảy giác ý. Ở đây, vị Tỷ-kheo tu niệm giác ý nương vào vô dục, tịch diệt và viễn ly; tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả giác ý, nương vào vô dục, tịch diệt và viễn ly.

Thế nào là bảy pháp cần phải biết ? Đó là bảy chỗ thức trú.

Hoặc có chúng sanh, nếu có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tướng, như Trời và Người. Đó là chỗ thức trú thứ nhất. Hoặc có chúng sanh tuy có nhiều thân, nhưng chỉ có một tướng, như chư Thiên ở cõi Phạm Quang âm khi mới sanh lên cõi ấy. Đó là chỗ thức trú thứ hai. Lại có chúng sanh, chỉ có một thân nhưng gồm nhiều tướng như Quang âm thiên. Đó là chỗ thức trú thứ ba. Lại có chúng sanh chỉ có một thân và chỉ có một tướng, như Biến tịnh thiên. Đó là chỗ thức trú thứ tư. Lại có chúng sanh ở không xứ. Đó là chỗ thức trú thứ

năm. Lại có chúng sanh ở thức xứ. Đó là chỗ thức trú thứ sáu. Lại có chúng sanh ở bất dụng xứ. Đó là chỗ thức trú thứ bảy.

Thế nào là bảy pháp cần phải diệt trừ ? Đó là thất sử pháp tức dục ái sử, hữu ái sử, kiến ái sử, mạn ái sử, sân nhuế sử, vô minh sử và nghi sử.

Thế nào là bảy pháp cần phải chứng ngộ ? Đó là thất lậu tận lực :

Ở đây vị Tỳ-kheo đã được lậu tận, đối với tất cả sự khổ, nhân sanh khởi, sự diệt trừ, sự lôi cuốn, sự nguy hại, và sự thoát ly của dục, đều như thật thấy và như thật biết. Đồng thời, xem dục như là hầm lửa, là đao kiếm. Biết dục, thấy dục, đối với dục không tham, tâm không trú nơi dục. Và ở trong đó lại khéo quan sát và biết đúng như thật. Khi đã thấy như thật, thì đối với pháp tham lam, dâm dục, ác, bất thiện pháp của thế gian thì không khởi, không diệt. Và tu hành nhiều về Tứ niệm xứ. Tu hành nhiều về Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác ý và Bát chánh đạo của bậc Hiền Thánh.

Lại có tám pháp có nhiều thành quả, tám pháp cần phải tu, tám pháp cần phải biết, tám pháp cần phải diệt trừ, tám pháp cần phải chứng ngộ.

Thế nào là tám pháp có nhiều thành quả ? Đó là tám thứ nhân duyên khi vị Tỳ-kheo chưa được phạm hạnh mà đắc trí tuệ thì trí tuệ càng tăng gấp bội. Thế nào là tám ?

Ở đây vị Tỳ-kheo y chi Thế Tôn, y chi sư trưởng hoặc có phạm hạnh trí tuệ, đối với cá nhân mình có tâm tâm, quý, có lòng nhân ái và biết kính trọng. Đó là nhân duyên thứ nhất, khi Tỳ-kheo chưa được phạm hạnh nhưng đã được trí tuệ, và khi đã được phạm hạnh thì trí tuệ càng tăng gấp bội.

Lại nữa, vị Tỳ-kheo y chi Thế Tôn, hoặc tùy thời thưa hỏi : “Pháp này thế nào ? Nghĩa này thế nào ? Mục đích ý nghĩa này thế nào ?” Bấy giờ, vị tôn trưởng đó sẽ mở bày diễn giải về ý nghĩa sâu xa đó cho Tỳ-kheo này. Đây là nhân duyên thứ hai.

Sau khi đã được nghe pháp thì thân tâm được an lạc và tịch tịnh. Đó là nhân duyên thứ ba.

Không bị sự bàn luận tạp nhạp, vô ích làm ngăn che Chánh đạo. Vị Tỳ-kheo trên, nhất là khi đến trong Chúng, hoặc tự mình nói pháp, hoặc thỉnh người khác nói vẫn không từ bỏ sự im lặng như Hiền Thánh. Đó là nhân duyên thứ tư.

Được tiếng tăm vang dội khắp nơi, nhất là giữ gìn không quên các pháp sâu xa, đầu, giữa và sau đều toàn thiện, ý nghĩa chân thật, phạm hạnh đầy đủ, và khi nghe xong, thì ghi tạc trong lòng, thấy pháp không dao động. Đó là nhân duyên thứ năm.

Siêng năng tu tập, diệt các hạnh bất thiện, do đó thiện hạnh càng ngày càng tăng trưởng, và nỗ lực kham nhận pháp này không bao giờ từ bỏ. Đó là nhân duyên thứ sáu.

Lại dùng trí tuệ biết được pháp sanh diệt và mục đích pháp của Hiền Thánh, đồng thời, có thể dứt hết tận cùng sự khổ. Đó là nhân duyên thứ bảy.

Lại quán tưởng sanh diệt của năm thọ ấm, như quán : đây là sắc, đây là nhân sanh sắc, đây là sự diệt của sắc; cho đến thọ, tưởng, hành, thức, như quán : đây là thức, đây là nhân sanh ra thức, đây là sự diệt của thức. Đó là nhân duyên thứ tám. Khi một vị Tỳ-kheo chưa được phạm hạnh, nhưng đã có trí tuệ và khi đã được phạm hạnh thì trí tuệ càng tăng gấp bội.

Thế nào là tám pháp cần phải tu ? Đó là Bát Chánh đạo của Hiền Thánh, tức chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

Thế nào là tám pháp cần phải biết ? Đó là lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc.

Thế nào là tám pháp cần phải diệt trừ ? Đó là tám tà, tức tà kiến, tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định.

Thế nào là tám pháp cần phải chứng ngộ ? Đó là tám pháp giải thoát :

Sắc quán là sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Bên trong có tướng hữu sắc quán về sắc bên ngoài; đó là pháp giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát; đó là pháp giải thoát thứ ba. Vượt khỏi sắc tướng, diệt sân nhuế tướng, an trú vào không xứ; đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt khỏi không xứ, trú vào thức xứ; đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt khỏi thức xứ, trú vào bất dụng xứ; đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi bất dụng xứ, trụ vào hữu tướng vô tướng xứ; đó là pháp giải thoát thứ bảy. Vượt hữu tướng vô tướng xứ, trụ diệt tận định; đó là pháp giải thoát thứ tám.

Lại có chín pháp có nhiều thành quả, chín pháp cần phải tu, chín pháp cần phải biết, chín pháp cần phải diệt trừ, chín pháp cần phải chứng ngộ.

Thế nào là chín pháp có nhiều thành quả ? Đó là chín chi tịnh diệt, Pháp giới tịnh diệt, tâm, kiến, độ nghi, phân biệt, đạo, vô dục, và giải thoát tịnh diệt.

Thế nào là chín pháp cần phải tu ? Đó là chín gốc ái : hỷ, ái, duyệt, lạc, định, như thật tri, trừ xả, vô dục và giải thoát.

Thế nào là chín pháp cần phải giác tỉnh ? Đó là chín chỗ ở của chúng sanh.

Hoặc có chúng sanh có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tướng, như Trời, Người chẳng hạn. Đó là chỗ ở thứ nhất của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh gồm nhiều thân nhưng chỉ có một tướng, như Phạm quang âm thiên khi mới sanh lên cõi ấy. Đó là chỗ ở thứ hai của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân nhưng có nhiều tướng, như Quang âm thiên chẳng hạn. Đó là chỗ ở thứ ba của chúng sanh. Hoặc có chúng sanh chỉ có một thân và một tướng, như Biến tịnh thiên. Đó là chỗ ở thứ tư của chúng sanh. Không có tư tướng, không có tri giác, như Vô tướng thiên. Đó là chỗ ở thứ năm của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở không xứ. Đó là chỗ ở thứ sáu của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở thức xứ. Đó là chỗ ở thứ bảy của chúng sanh. Lại có chúng sanh ở bất dụng xứ. Đó là chỗ ở thứ tám của chúng sanh.

Lại có chúng sanh ở hữu tướng vô tướng xứ. Đó là chỗ ở thứ chín của chúng sanh.

Thế nào là chín pháp cần phải diệt trừ ? Đó là chín gốc ái, tức nhưn ái mà có tìm cầu, nhưn tìm cầu có được lợi, nhưn được lợi mà có thọ dụng, nhưn thọ dụng mà có tham muốn, nhưn tham muốn mà có đam trước, nhưn đam trước mà có tật đồ, nhưn tật đồ mà có thủ, nhưn thủ mà có bảo hộ.

Thế nào là chín pháp cần phải chứng ngộ ? Đó là cửu tận. Nếu nhập sơ thiên, thì tác dụng của thanh diệt. Nếu nhập nhị thiên thì tác dụng của giác quán diệt. Nếu nhập tam thiên thì tác dụng của hỷ diệt. Nếu nhập tứ thiên thì tác dụng của hơi thở ra vào diệt. Nếu nhập không xứ, thì tác dụng của sắc tướng diệt. Nếu nhập thức xứ, thì tác dụng của không tướng diệt. Nếu nhập hữu tướng vô tướng xứ, thì tác dụng của bất dụng xứ diệt. Nếu nhập diệt tận định, thì tác dụng của thọ, tướng diệt.

Lại có mười pháp có nhiều thành quả, mười pháp cần phải tu tập, mười pháp cần phải hiểu, mười pháp cần phải diệt trừ, mười pháp cần phải chứng ngộ.

Thế nào là mười pháp có nhiều thành quả ? Đó là mười cửu pháp :

Vị Tỳ-kheo đây đủ hai trăm năm mươi giới và các oai nghi, nếu thấy có lỗi nhỏ thì sanh lòng lo sợ, đối với các học giới bình đẳng tu học không thiên lệch; có thiện tri thức; lời nói ngay thẳng, được nhiều người chấp nhận; ham cầu thiện pháp, truyền bá phổ cập, không lẩn tiếm; đối với những người có phạm hạnh, khi họ thực hiện việc gì thì liền đến hỗ trợ không lấy làm nhọc; đồng thời hay làm những việc khó làm và bảo người khác cùng làm; nghe nhiều, khi nghe xong thì có thể thọ trì, không bao giờ lãng quên; siêng năng diệt pháp bất thiện và làm tăng trưởng thiện pháp; thường xuyên chuyên niệm, không tưởng gì khác, nhớ lại điều thiện trong quá khứ như ở trước mắt; thành tựu trí tuệ, quán pháp sanh diệt, dùng luật nghi của Hiền Thánh, đoạn trừ gốc khổ; thích ở nơi thanh vắng, chuyên niệm, suy tư, trong khoảng thời gian tọa thiền không có diệu hỷ.

Thế nào là mười pháp cần phải tu ? Đó là mười chánh hạnh, tức chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

Thế nào là mười pháp cần phải biết ? Đó là mười sắc nhập, tức nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập,

thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập và xúc nhập.

Thế nào là mười pháp cần phải diệt trừ ? Đó là mười tà hạnh, tức là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

Thế nào là mười pháp cần phải chứng ngộ ? Đó là mười pháp vô học, tức vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh phương tiện, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh giải thoát, vô học chánh trí.

Này các Tỳ-kheo, đây gọi là pháp tăng nhất, nay Ta đã nói pháp này cho các Ông, Ta là đức Như Lai vì các đệ tử, những gì cần làm, Ta đã làm đầy đủ, từ mẫn, ân cần dạy dỗ các Ông. Vậy đối với pháp trên, các Ông phải siêng năng phụng hành.

Này các Tỳ-kheo ! Phải ở chỗ thanh vắng, hoặc dưới gốc cây hay nơi trống trải, siêng năng tọa thiền, chớ tự buông lung. Nếu nay không nỗ lực cố gắng, về sau có ăn năn cũng đã muộn. Đây là lời dạy của Ta, các Người phải siêng năng thọ trì.

Khi các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, liền hoan hỷ phụng hành.

KINH TAM TỰ

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều ngự trong rừng cây của ông Kỳ-dà, vườn ông Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

— Ta sẽ nói pháp vi diệu, ý nghĩa thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ cho các Ông, đó là pháp tam tự. Vậy các Ông hãy lắng nghe, suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, Ta sẽ nói cho.

Khi đó, các Tỷ-kheo vâng lời Phật dạy và lắng nghe.

Phật bảo các Tỷ-kheo :

— Pháp tam tụ là một pháp đưa đến cõi ác, một pháp đưa đến cõi thiện, một pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là một pháp đưa đến cõi ác ? Đó là không có nhơn từ, trái lại có tâm độc hại, đây là một pháp đưa đến cõi ác.

Thế nào là một pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là không dùng tâm ác làm hại chúng sanh, đây là một pháp đưa đến cõi thiện.

Thế nào là một pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là hay siêng năng tu niệm về thân, đây là một pháp đưa đến Niết-bàn.

Lại có hai pháp đưa đến cõi ác, hai pháp đưa đến cõi thiện, hai pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là hai pháp đưa đến cõi ác ? Đó là phá giới, và phá kiến.

Thế nào là hai pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là đầy đủ về giới, và đầy đủ về kiến.

Thế nào là hai pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là chỉ và quán.

Lại có ba pháp đưa đến cõi ác, ba pháp đưa đến cõi thiện, ba pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là ba pháp đưa đến cõi ác ? Đó là ba bất thiện căn : tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn.

Thế nào là ba pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là ba thiện căn : vô tham, vô sân và vô si thiện căn.

Thế nào là ba pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là ba thứ tam muội : không, vô tướng và vô tác tam muội.

Lại có bốn pháp đưa đến cõi ác, bốn pháp đưa đến cõi thiện, bốn pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là bốn pháp đưa đến cõi ác ? Đó là ái ngữ, nhuế ngữ, khùng bố ngữ và si ngữ.

Thế nào là bốn pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là bất ái ngữ, bất nhuế ngữ, bất si ngữ và bất khùng bố ngữ.

Thế nào là bốn pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là bốn niệm xứ : thân niệm xứ, thọ niệm xứ, ý niệm xứ và pháp niệm xứ.

Có năm pháp đưa đến cõi ác, năm pháp đưa đến cõi thiện và năm pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là năm pháp đưa đến cõi ác ? Đó là phá năm giới : sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu.

Thế nào là năm pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là giữ năm giới : không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

Thế nào là năm pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là năm căn : tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

Lại có sáu pháp đưa đến cõi ác, sáu pháp đưa đến cõi thiện, sáu pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là sáu pháp đưa đến cõi ác ? Đó là sáu pháp bất kính : không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính định, không kính cha mẹ.

Thế nào là sáu pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là sáu pháp : kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định và kính cha mẹ.

Thế nào là sáu pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là sáu tư niệm : niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm Thiên.

Có bảy pháp đưa đến cõi ác, bảy pháp đưa đến cõi thiện và bảy pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là bảy pháp đưa đến cõi ác ? Đó là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói ác độc và nói thù ghét.

Thế nào là bảy pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói ác độc và không nói thù ghét.

Thế nào là bảy pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là bảy giác ý : niệm, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định, hỷ và xả giác ý.

Lại có tám pháp đưa đến cõi ác, tám pháp đưa đến cõi thiện và tám pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là tám pháp đưa đến cõi ác ? Đó là tám điều tà : tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm và tà định.

Thế nào là tám pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

Lại có chín pháp đưa đến cõi ác, chín pháp đưa đến cõi thiện và chín pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là chín pháp đưa đến côi ác ? Đó là chín sự phiền muộn như : “Có người đã, đang và sẽ xâm phạm tôi. Có người đã, đang và sẽ xâm phạm người mà tôi yêu. Có người đã, đang và sẽ kính mến người mà tôi ghét.”

Thế nào là chín pháp đưa đến côi thiện ? Đó là chín pháp không phiền muộn :

“Người kia đã xâm phạm tôi, nếu tôi phiền muộn thì có ích lợi gì”, do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn và về sau cũng không sanh phiền muộn.

“Người kia đã xâm phạm đến người tôi yêu, nếu tôi phiền muộn thì có ích lợi gì”, do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn và về sau cũng không sanh phiền muộn.

“Người kia đã kính mến người tôi ghét, nếu tôi phiền muộn thì có ích lợi gì”, do đó trước kia không sanh phiền muộn, bây giờ không sanh phiền muộn và về sau cũng không sanh phiền muộn.

Thế nào là chín pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là chín pháp hỷ : hỷ, ái, duyệt, lạc, định, thật biết, trừ xả, vô dục, giải thoát.

Có mười pháp đưa đến cõi ác, mười pháp đưa đến cõi thiện và mười pháp đưa đến Niết-bàn.

Thế nào là mười pháp đưa đến cõi ác ? Đó là mười pháp bất thiện, về thân gồm có : sát sanh, trộm cắp, tà dâm; về miệng gồm có : nói hai chiều, nói độc ác, nói dối, nói thêu dệt; về ý gồm có : tham lam, tật đố và tà kiến.

Thế nào là mười pháp đưa đến cõi thiện ? Đó là mười điều thiện, về thân gồm có : không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục; về khẩu gồm có : không nói hai chiều, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêu dệt; về ý gồm có : không tham lam, không tật đố và không tà kiến.

Thế nào là mười pháp đưa đến Niết-bàn ? Đó là mười con đường chơn chánh : chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát và chánh trí.

Này các Tỳ-kheo, mười pháp như thế có hiệu năng đưa đến Niết-bàn, những pháp trên đây gọi là chánh pháp tam tự vi diệu, Ta là Như Lai vì các đệ tử, đối với những gì cần làm, đã làm một

cách đầy đủ, vì thương tưởng các Ông nên đã nói kinh này. Các Ông cũng phải tự lo nghĩ đến thân của mình, phải ở nơi thanh vắng, hoặc dưới gốc cây, suy tư chớ có lười biếng, nếu ngày nay không cố gắng thì về sau đâu có ăn năn cũng đã muộn !

Khi các Tỳ-kheo nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo, một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều ngự tại xứ Kiếp-ma-sa, thuộc nước Câu-lưu-sa.

Bấy giờ ngài A-nan ở nơi thanh vắng, tự suy nghĩ : “Thật kỳ diệu thay, đức Thế Tôn dạy cho sự hiển nhiên của pháp Thập nhị Nhân duyên, thật sâu xa khó hiểu. Nhưng theo ý ta quán sát thì như ở trước mắt, đâu có gì là sâu xa.”

Do đó, A-nan liền rời khỏi tịnh thất đến nơi Thế Tôn ngự, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi xuống một bên và thưa Thế Tôn :

— Khi nãy, con ở trong tịnh thất tự nghĩ thầm : “Thật kỳ diệu thay, đức Thế Tôn dạy cho sự hiển nhiên của pháp Thập nhị Nhân duyên, thật là sâu xa khó hiểu. Nhưng theo ý ta quán sát thì như thấy trước mắt, không có gì là sâu xa”.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan :

— Đừng, đừng A-nan ! Chớ nói như thế. Thật ra sự hiển nhiên của pháp Thập nhị Nhân duyên thật là sâu xa khó hiểu. Nay A-nan ! Pháp Thập nhị Nhân duyên thật là sâu xa khó hiểu. Nay A-nan ! Pháp Thập nhị Nhân duyên thật khó thấy, khó biết, cho đến hàng chư Thiên, Ma-phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, những người chưa thấy pháp Nhân duyên mà muốn suy lường, quán sát, phân biệt nghĩa lý của nó đều bị hoang mang, không thể thấy nổi.

Nay A-nan, nay Ta nói với Ông : “Lão tử có duyên.” Nếu có người hỏi :

— Cái gì làm duyên cho lão tử ? Nên đáp :

— Sanh làm duyên cho lão tử.

Nếu lại hỏi :

— Cái gì làm duyên cho sanh ? Nên đáp :

— Hữu làm duyên cho sanh. Nếu hỏi :

— Cái gì làm duyên cho hữu ? Nên đáp :

— Thủ làm duyên cho hữu. Nếu lại hỏi :

— Cái gì làm duyên cho thủ ? Nên đáp :

— Ái làm duyên cho thủ. Nếu lại hỏi :

— Cái gì làm duyên cho ái ? Nên đáp :

— Thọ làm duyên cho ái. Nếu lại hỏi :

— Cái gì làm duyên cho thọ ? Nên đáp :

— Xúc làm duyên cho thọ. Nếu lại hỏi :

— Cái gì làm duyên cho xúc ? Nên đáp :

— Lục nhập làm duyên cho xúc. Nếu lại hỏi :

— Cái gì làm duyên cho lục nhập ? Nên đáp :

— Danh sắc làm duyên cho lục nhập. Nếu lại hỏi :

— Cái gì làm duyên cho danh sắc ? Nên đáp :

— Thức làm duyên cho danh sắc. Nếu lại hỏi :

— Cái gì làm duyên cho thức ? Nên đáp :

- Hành làm duyên cho thức. Nếu lại hỏi :
- Cái gì làm duyên cho hành ? Nên đáp :
- Si làm duyên cho hành.

Này A-nan, bởi nhân duyên như thế là do si làm duyên cho hành; hành làm duyên cho thức; thức làm duyên cho danh sắc; danh sắc làm duyên cho lục nhập; lục nhập làm duyên cho xúc; xúc làm duyên cho thọ; thọ làm duyên cho ái; ái làm duyên cho thủ; thủ làm duyên cho hữu; hữu làm duyên cho sanh; sanh làm duyên cho lão tử, ưu, bi, khổ, não. Chúng tập trung thành một khối đại hoạn, đó là nhân duyên của đại khổ ảm (thân) vậy.

Phật bảo A-nan :

— Duyên sanh mà có lão tử là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh, không có sanh thì liệu có lão tử không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, do đó mà biết lão tử do sanh, nhưn sanh mà có lão tử. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, duyên hữu mà có sanh là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu, thì liệu có sanh không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, do đó mà biết sanh do hữu, nhưn hữu có sanh. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, duyên thủ mà có hữu, là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, và ngã thủ, thì liệu có hữu không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Này A-nan, do đó mà biết hữu do thủ, duyên thủ có hữu. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, duyên ái mà có thủ là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có dục ái, hữu ái và vô hữu ái, thì liệu có thủ không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, do đó mà biết thủ do ái mà có. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, duyên thọ mà có ái là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ (xả thọ), thì liệu có ái không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, do đó mà biết ái do thọ, nhưn thọ có ái. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

A-nan nên biết, nhưn ái có cầu, nhưn cầu có lợi, nhưn lợi có dụng, nhưn dụng có dục, nhưn dục có trước, nhưn trước có đổ, nhưn đổ có thủ, nhưn thủ có hộ. Này A-nan, nhưn hộ mới có ra dao gậy, tranh tụng, tạo vô số điều ác. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan ! Nghĩa đó thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh nếu không có hộ, thì liệu có dao, gậy, tranh tụng, tạo ra vô số điều ác không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, do đó mà biết dao gậy, tranh tụng là do hộ phát sanh, duyên sự hộ mà có dao gậy, tranh tụng. A-nan, nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhân thủ mà có hộ, nghĩa này thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có thủ, thì liệu có tâm hộ không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, do đó mà biết hộ là do thủ, nhưn thủ mà có hộ. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhân tậ đồ mà có thủ, là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có tâm tậ đồ, thì liệu có tâm thủ không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Này A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết thủ do tậ đồ, nhân tậ đồ có thủ. Nghĩa Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhân đấm trước mà có tậ đồ, nghĩa là thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không đấm trước thì liệu có tậ đồ không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Nay A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết tất đó là do đấm trước, nhân đấm trước mà có tất đó. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhân ham muốn mà có đấm trước, nghĩa là thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh, không có ham muốn thì liệu có đấm trước không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Nay A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết đấm trước do ham muốn, như ham muốn mà có đấm trước. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhân thọ dụng mà có ham muốn, nghĩa là thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không thọ dụng thì liệu có ham muốn không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Nay A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết ham muốn là do thọ dụng, nhân thọ dụng mà có tham muốn. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Lại nữa, này A-nan, như được lợi mà có thọ dụng là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có được lợi thì liệu có thọ dụng không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Này A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết thọ dụng do được lợi, như được lợi mà có thọ dụng. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Lại nữa, này A-nan, như tìm cầu mà có được lợi, là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có tìm cầu, thì liệu có được lợi không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Này A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết được lợi là do tìm cầu, như tìm cầu mà được lợi. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, như tham ái mà có tìm cầu là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh nếu không có tham ái thì liệu có tìm cầu không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết tìm cầu là do tham ái, nhưn tham ái mà có tìm cầu. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhưn tham ái có tìm cầu, cho đến có thủ hộ, như thế nào thì nhân thọ mà có tìm cầu, cho đến có thủ hộ cũng như thế ấy.

Phật bảo A-nan :

— Nhưn xúc có thọ là nghĩa thế nào ? A-nan, giả sử không có nhãn căn, không có sắc trần, không có nhãn thức thì liệu có xúc không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Giả sử không có nhĩ căn, không có thanh trần, không có nhĩ thức; không có tỷ căn, không có hương trần, không có tỷ thức; không có thiệt căn, không có vị trần, không có thiệt thức; không có thân căn, không có xúc trần, không có thân thức; không có ý căn, không có pháp trần, không có ý thức, thì liệu có xúc không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Nay A-nan, giả sử tất cả chúng sanh không có xúc thì liệu có thọ không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết thọ do xúc, như xúc mà có thọ. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Nay A-nan, như danh sắc mà có xúc, là nghĩa thế nào ? Là giả sử tất cả chúng sanh không có danh sắc thì liệu có xúc không ?

A-nan đáp :

— Không !

— A-nan, giả sử tất cả chúng sanh không có hình sắc, tướng mạo, liệu có xúc không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Nay A-nan nếu không có danh sắc thì liệu có xúc không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết xúc do danh sắc, nhân danh sắc mà có xúc. Nghĩa của Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhơn thức có danh sắc là nghĩa thế nào ? Là giả sử thức không nhập thai mẹ thì có danh sắc không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Nếu thức nhập nhưng không xuất thai thì liệu có danh sắc không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Nếu thức ra khỏi thai mà đứa hài nhi hư hòng thì liệu danh sắc có được tăng trưởng không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Này A-nan, nếu không có thức thì có danh sắc không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó mà biết danh sắc do thức, nhân thức có danh sắc. Nghĩa Ta nói là ở đó.

Này A-nan, nhân danh sắc mà có thức là nghĩa thế nào ? Là giả sử thức không trú nơi danh sắc, thì thức không có chỗ trú, như vậy liệu có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Này A-nan, nếu không có danh sắc thì có thức không ?

A-nan đáp :

— Không !

— Thế nên A-nan, Ta vì lẽ đó nên biết thức do danh sắc, nhân danh sắc có thức, nghĩa của Ta nói là ở đó .

Này A-nan, thế nên biết danh sắc làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sắc; danh sắc làm duyên cho lục nhập, đồng thời lục nhập làm duyên cho xúc; xúc làm duyên cho thọ, thọ làm duyên cho ái; ái làm duyên cho thủ, thủ làm duyên cho hữu; hữu làm duyên cho sanh, sanh làm duyên

cho lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Chúng tập trung thành đại khổ ấm (thân).

Này A-nan, ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là hạn lượng, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh.

Này A-nan, các Tỳ-kheo đối với pháp trên chánh quán như thật với tâm vô lậu giải thoát, các vị Tỳ-kheo ấy sẽ gọi là huệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo giải thoát như vậy. Như Lai không có kiếp sau, vị này cũng biết; Như Lai có kiếp sau, vị này cũng biết; đức Như Lai vừa không vừa có kiếp sau, vị này cũng biết; đức Như Lai chẳng phải không, chẳng phải có kiếp sau, vị này cũng biết. Tại sao ? Này A-nan, vì ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là giới hạn, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán và ngang đây là chúng sanh. Đối với vị Tỳ-kheo đã thấu rõ trọn vẹn như vậy rồi, vị Tỳ-kheo với tâm vô lậu giải thoát không còn biết, không còn tri kiến như vậy nữa.

Này A-nan, phàm người chấp ngã, họ chấp ngang đây mà gọi là ngã kiến. Đối với danh sắc và thọ, họ đều chấp làm ngã. Hoặc có người chấp :

thọ chẳng phải là ngã, nhưng ngã là thọ . Có người chấp : thọ chẳng phải là ngã, nhưng thọ pháp là ngã. Có người chấp : thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã, nhưng chỉ có thọ là ngã.

Này A-nan, người chấp ngã ấy nói : “Thọ là ngã”, thì nên nói với họ : “Đức Như Lai nói : “Có ba thứ thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ (xả thọ).” Và lại, trong khi có lạc thọ, thì không có khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Trong lúc có bất khổ bất lạc thọ, thì không có khổ thọ và lạc thọ.”

Tại sao thế ? Này A-nan, vì có xúc chạm cảnh vui làm duyên mới sanh ra lạc thọ. Nếu như sự xúc chạm cảnh vui diệt, thì thọ cũng diệt. Này A-nan, vì có sự xúc chạm cảnh khổ làm duyên nên sanh ra khổ thọ, nếu như sự xúc chạm cảnh khổ diệt thì thọ cũng diệt. Này A-nan, vì sự xúc chạm cảnh không khổ không vui làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ, nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không vui diệt thì thọ cũng diệt.

Này A-nan, như hai khúc cây cọ vào nhau thì phát ra lửa, nếu hai khúc cây đều để hai vị trí khác thì không có lửa; sự kiện trên cũng như thế. Vì nhân nơi xúc chạm cảnh vui làm duyên nên

sanh ra lạc thọ; nếu sự xúc chạm cảnh vui diệt, thì thọ cũng diệt. Nhân sự xúc chạm cảnh khổ làm duyên nên sanh ra khổ thọ; nếu sự xúc chạm cảnh khổ diệt, thì thọ cũng diệt. Nhân nơi sự xúc chạm cảnh không khổ không lạc làm duyên nên sanh ra bất khổ bất lạc thọ; nếu sự xúc chạm cảnh không khổ không lạc diệt, thì thọ cũng diệt.

Này A-nan, ba thứ thọ này là pháp hữu vi vô thường, do nhân duyên mà sanh nên là pháp phải tan, phải diệt, là pháp hư hoại, nó chẳng phải từ ngã mà có, và ngã cũng chẳng phải từ nó mà có... Nếu dùng chánh trí quán sát đúng như thật thì, này A-nan, người chấp ngã đó, chấp thọ làm ngã, là chấp sai.

Này A-nan, nếu người chấp ngã ấy nói : “Thọ chẳng phải là ngã, nhưng ngã là thọ,” thì nên nói với họ : “Đức Như Lai nói : “Có ba thứ thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ”. Nếu lạc thọ là ngã, thì khi lạc thọ diệt, lẽ ra phải có hai cái ngã. Do đó nên biết đây là chấp sai. Hơn nữa, nếu khổ thọ là ngã, vậy khi khổ thọ diệt, thì có hai cái ngã sao ?” Như thế là họ chấp sai.

Nếu có người chấp : “Bất khổ bất lạc thọ là ngã,” thì trong khi bất khổ bất lạc thọ diệt, lẽ ra phải có hai cái ngã. Do đó là họ chấp sai.

Này A-nan, nếu người chấp ngã nói như thế này : “Thọ chẳng phải là ngã, ngã là thọ”, là họ chấp sai.

Này A-nan, nếu người chấp ngã nói : “Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp là ngã”, thì Ông nên hỏi họ : “Tất cả không có thọ, thế nào Người lại nói có thọ pháp ? Chính Người là thọ pháp chẳng ?” Họ đáp : “Không phải !” Thế nên A-nan, người chấp ngã nói : “Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp là ngã”, là họ chấp sai.

Này A-nan, nếu người chấp ngã nói : “Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã, chỉ có thọ là ngã”, thì nên hỏi họ : “Tất cả không có thọ, thế nào Người lại nói có thọ ? Chính Người là thọ ư ?” Đáp : “Không !” Thế nên A-nan, người chấp ngã nói : “Thọ chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là thọ, thọ pháp chẳng phải là ngã, nhưng chỉ có thọ là ngã”, là họ chấp sai. Này A-nan, ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là hạn lượng, ngang đây

là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh. Nay A-nan, những Tỳ-kheo đối với pháp đó dùng chánh trí quán sát đúng như thật, với tâm vô lậu giải thoát. A-nan, những vị Tỳ-kheo này gọi là tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo với tâm giải thoát như thế, thì hữu ngã cũng biết, vô ngã cũng biết, hữu ngã vô ngã cũng biết, phi hữu ngã phi vô ngã cũng biết. Vì sao ? Nay A-nan, vì ngang đây là đáng nói, ngang đây là thích ứng, ngang đây là hạnh lượng, ngang đây là điều diễn thuyết, ngang đây là chỗ trí quán, ngang đây là chúng sanh. Đối với vị Tỳ-kheo đã thấu rõ trọn vẹn như vậy rồi, vị Tỳ-kheo với tâm vô lậu giải thoát không còn biết, không còn tri kiến như vậy nữa.

Phật bảo A-nan :

— Những người chấp ngã lấy cái riêng mình quyết định. Hoặc có người chấp : thiếu phần sắc thân làm ngã; hoặc chấp : đa phần sắc chất làm ngã; hoặc nói : thiếu phần vô sắc làm ngã hoặc chấp đa phần vô sắc làm ngã; Nay A-nan, người chấp thiếu phần sắc chất làm ngã, thì họ cố định vào thiếu phần sắc chất làm ngã, và cho rằng chỉ có điều họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Người chấp

đa phần sắc chất làm ngã, thì họ cố định lấy đa phần sắc chất làm ngã, và cho rằng chỉ có điều họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Còn người chấp thiếu phần vô sắc làm ngã, thì họ cố định vào thiếu phần vô sắc làm ngã, và cho rằng chỉ có điều họ thấy là đúng, ngoài ra là sai. Đối với người chấp đa phần vô sắc làm ngã, thì họ cố định vào đa phần vô sắc làm ngã, và cho rằng chỉ có điều họ thấy là đúng, ngoài ra là sai.

Phật bảo A-nan :

— Có bảy chỗ thức trụ, và hai chỗ nhập định, mà các Sa-môn, Bà-la-môn đều cho đây là an ổn, là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Những gì là bảy ?

1. Có thể giới mà chúng sanh trong đó có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tướng, như cõi Trời, cõi Người chẳng hạn. Đó là chỗ thức trụ thứ nhất, mà các Sa-môn, Bà-la-môn cho đây là an ổn, là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết chỗ thức trụ thứ nhất, biết sự sanh khởi, biết sự tiêu diệt, biết sự lôi cuốn, sự nguy hại và sự thoát ly nó một cách

như thật, thì Tỳ-kheo đó sẽ bảo : “Nó chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là Nó”, là thấy biết như thật.

2. Có thế giới mà chúng sanh trong đó gồm có nhiều thân, nhưng chỉ có một tướng, là cõi trời Phạm Quang âm thiên chẳng hạn.

3. Có thế giới chúng sanh chỉ có một loại thân, nhưng lại có nhiều tướng, như cõi trời Quang Âm chẳng hạn.

4. Có thế giới chúng sanh chỉ một thân và một tướng, như cõi trời Biến Tịnh chẳng hạn.

5. Có chúng sanh ở không xứ.

6. Có chúng sanh ở thức xứ.

7. Có chúng sanh ở bất dụng xứ (vô sở hữu xứ).

Đây là bảy chỗ thức trụ mà các Sa-môn, Bà-la-môn thường cho là an ổn, là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Nay A-nan, nếu vị Tỳ-kheo nào biết rõ bảy chỗ thức trụ này, biết sự sanh khởi và sự tiêu diệt của nó, đồng thời biết sự lôi cuốn và sự nguy hại của nó cùng sự

thoát ly nó một cách như thật, thì vị Tỳ-kheo đó sẽ bảo : “Nó chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là nó”, là thấy biết như thật. Đó là bảy chỗ thức trú.

Thế nào là hai chỗ nhập định ? Là nhập định vô tướng và nhập định phi tướng phi vô tướng. Nay A-nan, đó là hai chỗ nhập định mà các Sa-môn, Bà-la-môn cho đây là an ổn, là chỗ cứu hộ, là nhà cửa, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi quy thú, là không hư vọng, là không phiền não. Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo nào biết hai chỗ nhập định, biết nhân sanh khởi, biết sự tiêu diệt, biết sự lôi cuốn, sự nguy hại của nó và sự thoát ly nó một cách như thật, thì Tỳ-kheo đó sẽ bảo : “Nó chẳng phải là ngã, ngã chẳng phải là nó”, là thấy biết như thật. Đó là hai chỗ nhập định.

Này A-nan, lại có tám pháp giải thoát. Thế nào là tám ? Dùng sắc quán sắc là pháp giải thoát thứ nhất. Dùng nội tướng sắc quán ngoại sắc là pháp giải thoát thứ hai. Tịnh giải thoát là pháp giải thoát thứ ba. Vượt qua sắc tướng, diệt trừ tư tướng có đối tượng (hữu đối), không niệm tướng tạp loạn, trụ vào không xứ; đó là pháp giải thoát thứ tư. Vượt khỏi không xứ, trụ vào thức xứ; đó là pháp giải thoát thứ năm. Vượt khỏi thức xứ, trụ

vào bất dụng xứ; đó là pháp giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi bất dụng xứ, trụ vào hữu tướng vô tướng xứ; đó là pháp giải thoát thứ bảy. Diệt tận định; đó là pháp giải thoát thứ tám.

Này A-nan, các Tỳ-kheo đối với tám pháp giải thoát trên, ngược xuôi qua lại, tự tại ra vào, vị Tỳ-kheo như vậy chứng được câu phần giải thoát.

Bấy giờ , ngài A-nan nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH THÍCH ĐỀ HOÀN NHÂN VẤN

Tôi nghe như vậy :

Một thời đức Phật ngự trong động Nhẫn-đà-bà-la, tại núi Tà-đà, phía Bắc thôn An-bà-la, thuộc nước Ma-kiệt-đà.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân phát khởi tâm niệm vi diệu, muốn đến yết kiến Phật như sau :
“Nay ta sẽ đến nơi Thế Tôn ngự”.

Khi ấy chư Thiên Dao-lợi nghe Thích-đề-hoàn-nhân khởi thiện tâm vi diệu, muốn đến nơi Phật ngự, liền đến chỗ Đề-thích và thưa :

— Lành thay ! Nay Đế-thích phát khởi thiện tâm vì diệu, muốn đến chỗ Như Lai, thì chúng tôi cũng muốn theo hầu, để được đến nơi Thế Tôn ngự.

Lúc đó Thích-đề-hoàn-nhân bảo thần đánh nhạc là Bàn-giá-dục rằng :

— Nay ta muốn đến nơi Thế Tôn ngự, vậy Người và chư Thiên Dao-lợi có thể cùng đi với ta, đến nơi Phật ngự.

Đáp :

— Vâng !

Khi ấy Bàn-giá-dục cầm cây đàn lưu ly ở trước Đế-thích và trong chúng chư Thiên Dao-lợi, khây đàn cúng dường.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân, chư Thiên Dao-lợi và Bàn-giá-dục bằng thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay, ở trên pháp đường bỗng nhiên biến mất và đến trong núi Tỳ-dà, phía Bắc nước Ma-kiệt-dà.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhập hòa diệm tam muội, chính lúc đó núi Tỳ-dà toàn là một màu lửa, dân chúng trong nước trông thấy họ tự nói với nhau : “Núi Tỳ-dà này là một màu lửa, chắc là do năng lực của Như Lai hoặc là chư Thiên”.

Lúc đó Thích-đề-hoàn-nhân bảo Bàn-giá-dục như sau :

— Đức Như Lai chí chơn, Ngài ra đời thật khó gặp được. Nay đây Ngài đang ở nơi thanh vắng, im lặng không nói, được cầm thú làm bạn, tại nơi đây thường có chư Thiên, đại quý thần theo hầu đức Thế Tôn. Nay Người có thể đến đó khuấy đàn lưu ly để vui thú với Thế Tôn, còn ta và chư Thiên sẽ đến sau.

Bàn-giá-dục đáp :

— Vâng !

Khi vâng lời dạy xong, Bàn-giá-dục cầm cây đàn lưu ly, ở trước và cách Phật không xa, khuấy lên và dùng bài kệ để ca ngợi như sau :

*Bạt-đà ! Lễ cha nàng,
Cha nàng rất đoan nghiêm,
Lúc sanh nàng tốt lành,
Lòng ta rất vui thích.
Vốn vì một chút duyên,
Mà lòng dục phát sanh,
Dần dần phát triển mạnh.
Như cúng dường La-hán,
Thích tử tu tứ thiền,*

Thường thích ở chỗ vắng,
Chánh tâm cầu giải thoát.
Ta chuyên niệm cũng thế,
Năng như phát đạo tâm,
Chắc muốn thành Chánh Giác,
Nay ta muốn năng ấy.
Muốn được gặp cũng thế,
Lòng ta sanh đắm đuối,
Ưa thích không rời bỏ,
Muốn bỏ không thể được.
Như voi bị móc câu,
Như nóng gặp gió mát,
Như khát được suối lạnh,
Như người được Niết-bàn,
Như nước dập tắt lửa,
Như bệnh được thuốc hay,
Như đói được đồ ngon,
No đủ sinh vui vẻ.
Như La-hán du pháp,
Như voi bị móc chặt,
Mà cũng không chịu phục,
Chạy rong khó ngăn cản,
Phóng túng không dừng nghỉ.
Cũng như ao mát sạch,

*Các hoa phủ mặt nước,
Voi mệt, nóng vào tắm,
Toàn thân được mát mẻ.
Ta bố thí trước sau,
Cúng dường các La-hán,
Người có phúc trên đời,
Sẽ cùng họ như nhau.
Nàng chết ta sẽ chết,
Không nàng, sống ích gì,
Thà để cho ta chết !
Sống không thể không nàng.
Chủ chư Thiên Dao-lợi,
Đế-thích cùng ta nguyện,
Muốn sinh lễ với nàng,
Mong nàng suy xét kỹ.*

Bấy giờ, đức Thế Tôn xuất định và bảo
Bàn-giá-dục rằng :

— Hay thay, hay thay ! Người có thể dùng
âm thanh thanh tịnh, hòa điệu với tiếng đàn lưu
ly để khen ngợi đức Như Lai, tiếng đàn cùng với
tiếng của Người không dài, không ngắn, bị ai, uyển
chuyển, làm cảm động lòng người. Hơn nữa, tiếng
đàn hòa tấu của Người có đầy đủ ý nghĩa, đồng

thời nói tham dục là trói buộc, và cũng nói về phạm hạnh, về Sa-môn và về Niết-bàn.

Lúc ấy, Bàn-giá-dục bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn, con nhớ thuở xưa khi Phật mới thành đạo dưới gốc cây du-ba-dà-ni-câu-luật, bên dòng sông Ni-liên-thuyền, thuộc xứ Uất-bệ-la. Khi đó có con trai của Thiên đại tướng là Thi-hán-đa, và ngọc nữ con của thần đánh nhạc, cùng ở một địa điểm, và chỉ nói về dục lạc, con lúc đó thấy được tâm trạng họ như thế nên xướng lên bài tụng để nói về dục là trói buộc, đồng thời cũng nói về phạm hạnh, về Sa-môn, và về Niết-bàn. Khi thiên nữ nghe xong bài kệ này, nhướng mắt và cười, đồng thời nói với con : “Này Bàn-giá-dục, ta chưa từng thấy đức Như Lai, và chư Thiên từng ở trên thiện pháp đường thuộc cõi trời Đao-lợi, nghe chư Thiên cõi ấy tán thán đức Như Lai có phúc đức như thế, có năng lực như thế. Hơn nữa, Người thường ôm ấp lòng tin và thân cận đức Như Lai, nay theo ý ta là muốn cùng Người làm thiện tri thức.” Bạch Thế Tôn, khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ thế này : “Bàn-giá-dục đã vui thú với đức Như Lai, nay ta có thể nghĩ đến hẩn”. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân liền nghĩ

đến Bàn-giá-dục, đồng thời Bàn-giá-dục lại nghĩ :
“Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta”, lập tức cầm cây
đàn lưu ly đến nơi Đế-thích ngự, và Đế-thích bảo :
“Người hãy nhân danh ta và ý của chư Thiên
Đao-lợi đến thăm hỏi Thế Tôn có được mạnh khỏe
không ? Đi đứng có được thoải mái không ?”

Lúc đó Bàn-giá-dục vâng lời Đế-thích dạy, liền
đến chỗ Thế Tôn ngự, đầu mặt đánh lễ dưới chân
Phật, rồi đứng qua một bên, đồng thời thưa :

— Bạch Thế Tôn ! Thích-đề-hoàn-nhân và
chư Thiên Đao-lợi sai con đến thăm hỏi đức Thế
Tôn có được mạnh khỏe không ? Đi đứng có được
thoải mái không ?

Thế Tôn đáp :

— Ta ước mong cho Đế-thích của Người và
chư Thiên Đao-lợi được sống lâu, được an vui và
không hoạn nạn. Vì sao ? Vì chư Thiên, Thế gian,
A-tu-la và những chúng sanh khác... đều ham sống
lâu, đều thích vui vẻ và muốn không hoạn nạn.

Bấy giờ Đế-thích tự nghĩ : “Chúng ta phải
đến ra mắt và đánh lễ đức Thế Tôn.” Tức thời,
cùng chư Thiên Đao-lợi đi đến chỗ Phật ngự, đầu

mặt đánh lễ dưới chân Phật và đứng qua một bên.
Đế-thích bạch Phật :

— Không biết nay con có được phép ngồi gần,
hay phải ngồi cách xa đức Thế Tôn ?

Phật bảo Đế-thích :

— Thiên chúng của Người quá đông, vậy nên
ngồi gần Ta.

Lúc đó, tại chỗ Thế Tôn ngự, trong động
Nhân-dà-la, tự nhiên rộng rãi, không có chướng
ngại. Đế-thích, chư Thiên Đạo-lợi, và Bàn-giá-dục,
bấy giờ đều đánh lễ dưới chân Phật và ngồi qua
một bên.

Đế-thích bạch Phật rằng :

— Có một thời, Phật ngự tại nhà Bà-la-môn,
thuộc nước Xá-vệ, đức Thế Tôn lúc ấy đang nhập
hỏa diệt tam muội, ngay lúc đó, con vì có chút
việc nên ngự trên xe báu ngàn cãm đến chỗ
Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, khi đi ngang qua hư không,
con thấy một thiên nữ chấp tay đứng trước đức
Thế Tôn, con liền nói với nàng ấy rằng : “Nếu khi
đức Thế Tôn xuất định, Người hãy nhơn danh ta
thăm hỏi đức Thế Tôn có được khỏe mạnh không,
đi đứng có được thoải mái không.” Nhưng không

biết nàng ấy cuối cùng có hiểu được hậu ý trên không, đồng thời Thế Tôn có còn nhớ sự kiện ấy không.

Phật đáp :

— Nhớ ! Nàng ấy đã nhờn danh Người mà thăm hỏi Ta, đồng thời, khi Ta xuất định cũng nghe tiếng xe của Người.

Đế-thích lúc đó bạch Phật :

— Thuở xưa, con vì chút việc nên cùng chư Thiên Đao-lợi tập họp tại thiện pháp đường, lúc ấy có những Thiên chúng kỳ cựu nói thế này : “Nếu đức Như Lai xuất hiện ở thế gian, thì Thiên chúng được tăng thêm và chúng A-tu-la bị giảm bớt. Nay đích thân thấy đức Như Lai, tự biết rõ và tự xác chứng rằng đức Như Lai chỉ chơn khi nào xuất hiện ở thế gian, thì chư Thiên sẽ được gia tăng, chúng A-tu-la sẽ giảm bớt.”

Khi ấy, có Thích nữ Cù-di, ở nơi Thế Tôn ngự, tu phạm hạnh, sau khi mạng chung được sanh về cõi trời Đao-lợi, và làm con của con. Chư Thiên Đao-lợi lúc đó đều khen ngợi Thích nữ Cù-di là có công đức lớn, có oai lực lớn. Lại có ba vị Tỷ-kheo cũng ở nơi Thế Tôn ngự, tịnh tu phạm hạnh, nhưng

sau khi mệnh chung, lại sanh vào địa vị thấp hơn, làm kẻ đánh nhạc cho con. Cù-di lúc đó, trông thấy họ, liền dùng bài kệ để khuấy rối như sau :

*Ngươi là đệ tử Phật,
Khi ta còn tại gia,
Dùng y thực cúng dường,
Lễ bái cung kính ngươi.
Các Ngươi là người gì ?
Nhận lãnh lời Phật dạy,
Đức Tịnh Nhân thuyết pháp,
Ngươi không quán sát kỹ.
Ta đã kính lễ Ngươi,
Từ Phật nghe thượng pháp,
Được sanh Đạo-lợi thiên,
Làm con của Đế-thích.
Sao các Ngươi không xem
Bao công đức của ta,
Vốn là thân người nữ,
Nay con trai Đế-thích.
Các Ngươi đã cùng nhau,
Đồng tu một phạm hạnh,
Nay ở nơi thấp hèn,
Và hầu hạ chúng ta.
Vì làm các việc ác,*

Nên nay chịu quả này,
Là ở nơi thấp hèn,
Mà hầu hạ chúng ta.
Sinh chốn bất tịnh này,
Bị người khác khuấy rối,
Nghe xong nên nhàm chán,
Chốn này đáng nhàm chán.
Từ nay nên tinh tấn,
Không bị người sai khiến,
Hai người nên tinh tấn,
Suy tư pháp Như Lai.
Hãy bỏ luyện ái dục,
Xem dục là bất tịnh,
Tham dục không chân thật,
Đối gạt cả thế gian.
Như voi đứt dây cương,
Siêu việt Đạo-lợi thiên,
Đế-thích Đạo-lợi thiên,
Họ ở pháp giảng đường.
Họ có sức mạnh mẽ,
Siêu việt Đạo-lợi thiên.
Đế-thích khen : Hy hữu !
Chư thiên thấy quá khứ,
Đây là con Thích-ca.

*Siêu việt Đạo-lợi thiên,
Quán sự dục trời buộc,
Cù-di nói lời này :
Nước Ma-kiệt có Phật,
Hiệu là Thích-ca-văn,
Con Ngài đã thất niệm,
Về sau được phục hồi.
Một người trong ba người,
Làm vị thần đánh nhạc,
Hai người thấy đạo đế,
Siêu việt Đạo-lợi thiên.
Pháp Thế Tôn nói ra,
Đệ tử không hoài nghi,
Đều cùng nhau nghe pháp,
Hai người hơn một người.
Tự thấy đã thù thắng,
Đều sanh Quang Âm thiên,
Ta đã thấy người ấy,
Nên đến chỗ Phật ngự.*

Đế-thích bạch Phật :

— Nếu Ngài có rảnh xin giải quyết cho con một điều nghi.

Phật nói :

— Tùy ý Người cứ hỏi, Ta sẽ tùy từng trường hợp mà giải thích cho.

Bấy giờ Đế-thích bạch Phật như sau :

— Chư Thiên, Người thế gian, Càn-thát-bà, A-tu-la và những chúng sanh khác đều cùng tương ứng với kiết sử nào mà sanh oán thù và đánh đập nhau bằng đao gậy ?

Phật đáp :

— Sự sinh ra oán kết đều do tham dục và lòng ganh ghét, nên khiến chư Thiên, Người đời, A-tu-la và chúng sanh khác đánh đập nhau bằng đao gậy.

Đế-thích khi ấy thưa Phật :

— Bạch Thế Tôn, thật đúng như thế ! Sự sinh ra oán kết đều do xan tham và ganh ghét, nên khiến cho chư Thiên, Người đời và A-tu-la cùng chúng sanh khác đánh đập nhau bằng đao gậy. Nay con nghe Phật nói pháp, lưới nghi đều diệt trừ, không còn nghi gì cả. Nhưng có một điều, con không hiểu sự phát sanh tham lam và lòng ganh ghét do đâu phát khởi ? Do nhân duyên gì ? Cái gì làm đâu mối ? Từ đâu có ? Từ đâu không ?

Phật bảo Đế-thích :

— Sự phát sinh ra xan tham và ganh ghét đều do sự thương ghét, thương ghét làm nhân duyên, thương ghét làm đầu mối. Từ đây mà có, từ đây mà không. Nếu không có thương ghét thời không có xan tham và ganh ghét.

Bấy giờ Đế-thích bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy ! Sự phát sinh của xan tham và ganh ghét đều do thương ghét mà ra, thương ghét làm nhân duyên, làm đầu mối. Từ đây mà có, từ đây mà không. Nay con nghe Phật nói pháp, mê hoặc đều diệt trừ, không còn nghi gì cả. Nhưng có một điều, con không hiểu thương ghét do đâu mà sanh ? Do nhân duyên gì ? Cái gì làm đầu mối ? Từ đâu có ? Từ đâu không ?

Phật bảo Đế-thích :

— Sự phát sinh của thương ghét, đều do tham dục, tham dục làm nhân duyên, làm đầu mối, từ đây mà có, từ đây mà không. Không có tham dục thời không thương ghét. Khi ấy, Đế-thích bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn, thật đúng như thế ! Sự phát sinh thương ghét đều do tham dục, tham dục làm nhân duyên, làm đầu mối, từ đây mà có, từ

dây mà không. Nếu không có tham dục thì không có thương ghét. Nay con nghe Phật nói pháp mê hoặc đều dứt hết, không còn nghi gì cả. Nhưng có một điều, con không biết là tham dục từ đâu sanh ? Do nhân duyên gì ? Cái gì làm đầu mối ? Từ đâu có, từ đâu không ?

Phật bảo Đế-thích :

— Ái do tướng sanh, do tướng làm nhân duyên làm đầu mối, từ đây có, từ đây không. Nếu không có tướng thì không có ái.

Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy ! Ái do tướng sanh, do tướng làm nhân duyên, làm đầu mối, từ đây có, từ đây không. Nếu không có tướng thì không có ái. Nay con nghe Phật nói pháp, không còn nghi gì cả. Nhưng có một điều, con không hiểu là tướng do đâu sanh ? Do nhân duyên gì ? Cái gì làm đầu mối ? Từ đâu có và từ đâu không ?

Phật bảo Đế-thích :

— Sự phát sinh của tướng là do diệu hý, do diệu hý làm nhân duyên, làm đầu mối, từ đây có, từ đây không. Không có diệu hý thì không có tướng, nếu không có tướng thì không có tham dục,

nếu không có tham dục thì không có thương ghét. Nếu không có thương ghét, thì không có tham lam và ganh ghét. Hơn nữa, nếu không có tham lam và ganh ghét, thì tất cả chúng sanh không giết hại nhau. Nay Đế-thích, chỉ do diệu hý làm căn bản, do diệu hý làm nhân duyên, diệu hý làm đầu mối. Từ diệu hý mà có tướng, từ tướng mà có dục, từ dục mà có thương ghét, từ thương ghét mà có tham lam và ganh ghét, do có tham lam và ganh ghét nên khiến cho chúng sanh tàn hại lẫn nhau.

Bấy giờ Đế-thích bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy ! Do diệu hý mà có tướng, do diệu hý làm nhân duyên, làm đầu mối, từ diệu hý mà có tướng, do diệu hý làm nhân duyên, làm đầu mối; từ diệu hý mà có tướng, có diệu hý thì có tướng, trái lại nếu không có diệu hý thì không có tướng. Hơn nữa, nếu không có diệu hý thì không có tướng; không có tướng thì không có tham dục; không có tham dục thì không có thương ghét; không có thương ghét, thì không có tham lam và ganh ghét. Nếu không có tham lam và ganh ghét, thì tất cả chúng sanh không tàn hại lẫn nhau. Chỉ do diệu hý mà có tướng, diệu hý làm nhân duyên, làm đầu mối. Từ

điều hý mà có tướng; từ tướng có dục; từ dục có thương ghét; từ thương ghét có tham lam và ganh ghét; từ tham lam và ganh ghét nên khiến cho tất cả chúng sanh tàn hại lẫn nhau. Nay con nghe Phật nói pháp, sự mê lầm đã diệt trừ, không còn gì nghi ngờ.

Bấy giờ Đế-thích bạch Phật :

— Có phải tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều trừ hết điều hý mà an trú cảnh giới tịch diệt chăng ? Hay là không trừ hết điều hý mà có thể an trú cảnh giới tịch diệt ?

Phật bảo Đế-thích :

— Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều không trừ hết điều hý mà an trú cảnh giới tịch diệt. Vì sao ? Nay Đế-thích vì ở thế gian có những cõi, và những chúng sanh đều y cứ theo loại cảnh ấy và giữ gìn chắc chắn không thể rời bỏ, đồng thời họ cho đây là thật, ngoài ra là hư dối. Thế nên Đế-thích, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều không trừ hết điều hý mà an trú cảnh giới tịch diệt.

Khi ấy, Đế-thích bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn, thật đúng như vậy ! Ở thế gian có những loại chúng sanh đều y cứ vào cõi và

giữ gìn chắc chắn không thể rời bỏ, đồng thời cho mình là thật, ngoài ra đều hư dối; cho nên tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều không thể trừ hết diệu hý mà an trú cảnh giới tịch diệt. Nay con nghe Phật dạy, những sự nghi hoặc đều diệt trừ, không còn nghi ngờ gì cả.

Bấy giờ Đế-thích bạch Phật như sau :

— Ngang đây có bao nhiêu diệu hý ?

Phật bảo Đế-thích :

— Diệu hý có ba : về khẩu, về tướng, về mong cầu. Về lời nói thuộc khẩu hành có : hại mình, hại người, hại cả hai. Nếu xả bỏ lời nói như thế là không hại mình và không hại người và không hại cả hai. Vị Tỳ-kheo biết thời thì nói đúng như thật, chuyên niệm không tán loạn.

Này Đế-thích, về phần tướng cũng có : hại mình, hại người, hại cả hai. Nếu xả bỏ tướng ấy và tướng như thật thì không hại mình và không hại người và không hại cả hai. Còn vị Tỳ-kheo biết thời thì tướng đúng như thật và chuyên chú, nhớ mãi không quên.

Này Đế-thích, về mong cầu cũng có : hại mình, hại người, hại cả hai. Nếu xả bỏ sự mong cầu ấy

và mong cầu đúng như thật thì không có hại mình, không có hại người và không hại cả hai. Còn vị Tỳ-kheo biết thời thì mong cầu đúng như thế và chuyên chú nhớ mãi không quên.

Lúc bấy giờ, Đế-thích thưa :

— Con nghe Phật nói pháp, không còn hồ nghi gì cả.

Rồi bạch Phật :

— Bậc Hiền Thánh xả thân có ba : hỷ thân, ưu thân, xả thân.

— Nay Đế-thích, về hỷ thân cũng có : hại mình, hại người và, hại cả hai. Nếu xả bỏ hỷ ấy và hỷ đúng như thật, thì không hại mình, hại người và hại cả hai. Còn vị Tỳ-kheo biết thời, thì chuyên chú nhớ mãi không quên. Đây gọi là thọ cụ túc giới.

Này Đế-thích, về ưu thân cũng có : hại mình, hại người, hại cả hai. Nếu xả bỏ sự ưu ấy, và ưu đúng như thật, thì không có hại mình, hại người và hại cả hai. Còn vị Tỳ-kheo biết thời thì chuyên chú nhớ mãi không quên. Đây gọi là thọ cụ túc giới.

Lại nữa Đế-thích, về xả thân cũng có : hại mình, hại người, hại cả hai. Nếu bỏ được xả ấy và

xả đúng như thật, thì không có hại mình, hại người và hại cả hai. Vị Tỷ-kheo biết thời thì chuyên chú, nhớ mãi không quên. Đây gọi là thọ cụ túc giới.

Bấy giờ Đế-thích bạch Phật :

— Con nghe Phật nói pháp, không còn hồ nghi gì cả.

Tiếp theo Đế-thích thưa Phật :

— Về các căn đây đủ trong luật nghi của Hiền Thánh, ngang đây có chừng bao nhiêu tâm ?

Phật bảo Đế-thích :

— Về mắt thấy sắc, Ta nói có hai : đáng thân cận và không đáng thân cận. Cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp, Ta nói có hai : một là đáng thân cận, hai là không đáng thân cận.

Khi đó Đế-thích bạch Phật :

— Thưa Thế Tôn, đức Như Lai mới lược nói, chưa phân biệt sâu rộng. Nay con muốn giải thích đây đủ về mắt thấy sắc, con nói có hai : một là đáng thân cận, hai là không đáng thân cận. Cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trần đều

có hai thứ : một là đáng thân cận, hai là không đáng thân cận.

Bạch Thế Tôn, như mắt thấy sắc mà thiện pháp tổn giảm, bất thiện pháp gia tăng, thì đối với mắt thấy sắc như thế, con nói không đáng thân cận. Cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trần mà thiện pháp tổn giảm, bất thiện pháp gia tăng, thì con nói không đáng thân cận.

Bạch Thế Tôn, như mắt thấy sắc mà thiện pháp tăng trưởng, bất thiện pháp tổn giảm, thì mắt thấy sắc như thế, con nói là đáng thân cận. Cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trần mà thiện pháp tăng trưởng, bất thiện pháp tổn giảm, thì con nói là đáng thân cận.

Bấy giờ Phật bảo Đế-thích :

— Hay thay, hay thay ! Đây gọi là các căn đầy đủ, thuộc luật nghi của Hiền Thánh.

Đế-thích khi đó bạch Phật :

— Con nghe Phật nói pháp không còn hồ nghi gì cả.

Tiếp theo Đế-thích thưa Phật rằng :

— Đối với vị Tỳ-kheo gọi là cứu cánh : cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn, và cứu cánh vô dư (Niết-bàn), ngang đây có chừng bao nhiêu tên ?

Phật bảo Đế-thích :

— Bị ái làm khổ thân mà diệt được, thì gọi là cứu cánh, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn và cứu cánh vô dư (Niết-bàn).

Bấy giờ Đế-thích bạch Phật như sau :

— Con đã ôm ấp lưới nghi từ lâu, nay nhờ đức Như Lai giải mối nghi đó rồi.

Phật bảo Đế-thích :

— Ngày xưa Người đã từng đến chỗ của Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi về nghĩa này chưa ?

Đế-thích đáp :

— Con còn nhớ thuở xưa, đã từng đến nơi Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi về nghĩa này rồi. Đó là thuở xưa, con đã có lần tập họp tại giảng đường cùng chư Thiên đàm luận về đức Như Lai sẽ xuất hiện ở thế gian, hay là chưa xuất hiện ở thế gian ? Lúc đó, chúng con cũng tìm kiếm nhưng không thấy đức Như Lai xuất hiện ở thế gian, cho nên chúng con đều hồi cung để vui thú ngũ dục.

Bạch Thế Tôn, về sau con thấy chư Thiên, đại Thiên thần, sau khi đã mặc tình vui thú ngũ dục, thì lần lượt mệnh chung. Bạch Thế Tôn, con khi đó sợ hãi vô cùng, đến nỗi lông tóc đều dựng ngược. Lúc ấy, con thấy Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi thanh vắng, bỏ nhà lánh tục, con liền đến chỗ họ và hỏi như sau : “Thế nào gọi là cứu cánh ?” Khi con hỏi về ý nghĩa ấy thì họ không đáp được. Họ đã không biết mà còn hỏi ngược lại con : “Người là ai ?” Con liền đáp : “Tôi là Thích-đề-hoàn-nhân.” Họ lại hỏi : “Người là Thích gì ?” Con đáp : “Tôi là Thiên Đế-thích, vì trong lòng có nghi nên đến hỏi.”

Khi đó, con và họ, cứ theo sự hiểu biết của mình mà nói về ý nghĩa Thích. Họ nghe con nói xong, lại xin làm đệ tử con. Nay con là Phật tử được quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào cõi khác, chỉ còn sinh lại cõi này bảy lần là nhất định thành tựu đạo quả. Cúi xin đức Thế Tôn hãy thọ ký cho con sẽ được quả Tư-đà-hàm.

Khi nói lời này xong, Đế-thích tụng như sau :

*Do tướng nhiễm ô ấy,
Nên con sanh hồ nghi,
Mãi cùng với chư Thiên,*

*Tìm kiếm đức Như Lai.
Thấy những người xuất gia,
Thường ở nơi thanh vắng,
Cho là Phật, Thế Tôn,
Nên đến cúi đầu thưa :
Nay tôi muốn đến hỏi,
Thế nào là cứu cánh ?
Hỏi, họ đáp không được
Mục đích của dấu đạo.
Đáng vô thượng hôm nay,
Là con tìm từ lâu.
Đã quán sát hạnh mình,
Tâm đã chánh tư duy,
Chỉ Thánh mới biết trước
Việc làm của tâm con,
Đã tu hành từ lâu,
Xin Ngài thọ ký cho.
Kính lễ đấng Thế Tôn,
Đấng siêu việt ba cõi,
Dứt được gai ân ái.
Nay lễ đấng Nhật Quang.*

Phật bảo Đế-thích :

— Người còn nhớ khi được hỷ lạc và niệm lạc không ?

Đế-thích đáp :

— Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, con còn nhớ lúc được hỷ lạc và niệm lạc. Thưa Thế Tôn : Thuở xưa con đã cùng A-tu-la đánh nhau, lúc đó con thắng trận, A-tu-la bại trận. Con khi ấy trở về, được hỷ lạc và niệm lạc, đồng thời ghi nhớ mãi hỷ lạc và niệm lạc ấy. Tuy nhiên, đấy chỉ là hỷ lạc và niệm lạc đao gây, ác độc và nhơ bẩn, vì hỷ lạc về chiến tranh, cãi vã. Nay con ở nơi Phật ngự được hỷ lạc và niệm lạc là thú vui không có đao gây, tranh tụng.

Phật bảo Đế-thích :

— Nay Người được hỷ lạc và niệm lạc thì ở trong hai pháp đó muốn cầu quả đức gì ?

Bấy giờ, Đế-thích bạch Phật :

— Nay con ở trong hỷ lạc và niệm lạc muốn cầu năm công đức. Những gì là năm ?

Liên nói kệ rằng :

*Nếu sau con mạng chung,
Có xả bỏ tuổi trời,*

Trong thai không lo buồn,
Khiến lòng con vui vẻ.
Phật độ người chưa độ,
Hay nói đạo chơn chánh,
Trong pháp Phật ba đời,
Con thường tu phạm hạnh.
Ở trong thân trí tuệ,
Tâm tự thấy chơn đế,
Thấy được xu hướng xưa,
Ở đây giải thoát mãi.
Cần phải siêng tu hành,
Tu tập chân thật trí,
Dù không chứng được đạo,
Công đức cũng hơn Trời.
Bao nhiêu thân diệu Thiên,
Và A-ka-ni-tra,
Cho đến thân sau cùng,
Sẽ sinh về cõi ấy.
Nay con ở cõi này,
Thọ thân Trời thanh tịnh,
Và được tăng tuổi thọ,
Tịnh nhân, con tự biết.

Đế-thích nói xong bài kệ này, thời bạch Phật :

— Con ở trong hỷ lạc và niệm lạc được năm công đức như thế. Bấy giờ Đế-thích bảo chư Thiên Dao-lợi như sau : “Các Người ở trước Phạm đồng tử trên cõi Dao-lợi thiên, cung kính lễ bái. Nay ở trước Phật, các Người lại cung kính như vậy thì không đẹp lắm sao ?” Khi Đế-thích nói chưa xong, thời Phạm đồng tử bỗng nhiên xuất hiện giữa hư không, đứng trên Thiên chúng, đồng thời hướng về Đế-thích và nói bài kệ sau đây :

*Thiên vương hạnh thanh tịnh,
Nhiều lợi ích chúng sanh,
Ma-kiệt, Đế-thích chủ,
Hay hỏi nghĩa Như Lai !*

Lúc ấy Phạm đồng tử nói xong bài kệ này, thời bỗng nhiên biến mất. Đế-thích khi ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Thế Tôn và đi quanh ba vòng rồi lui ra. Chư Thiên Dao-lợi, Bàn-giá-dục, cũng đánh lễ dưới chân Phật và lui ra.

Lúc ấy Đế-thích đi trước và xoay lại nói với Bàn-giá-dục : “Hay thay, hay thay ! Người có thể ở trước Phật khây đàn vui thú, sau đó ta và chư Thiên từ hậu phương đến. Nay ta sẽ bổ sung Người vào chức vị của cha Người là bậc tối thượng trong

hàng Càn-thát-bà, đồng thời sẽ gả Bạt-đa Càn-thát vương nữ cho người làm vợ.”

Khi đức Thế Tôn nói pháp này thời tám vạn bốn ngàn chư Thiên xa lìa vĩnh viễn trần cấu; đối với các pháp, phát sanh pháp nhãn.

Thích-đề-hoàn-nhơn, chư Thiên Dao-lợi và Bàn-giá-dục, khi nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH A NẬU DI

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều ngự tại lãnh thổ A-nậu-di, thuộc nước Minh Ninh.

Bấy giờ, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành A-nậu-di khát thực; khi ấy, đức Thế Tôn thâm nghĩ : “Bây giờ, nếu Ta đi khát thực thì quá sớm. Vậy Ta nên đến xem vườn của Phạm chí Phòng-già-bà, đợi các Tỳ-kheo đến, đúng giờ rồi sẽ đi khát thực”.

Khi đó, đức Thế Tôn liền đi đến khu vườn của Phạm chí nói trên.

Lúc đó, Phạm chí Phòng-già-bà, thấy Phật từ xa đi đến, liền đứng dậy nghinh tiếp và chào hỏi như sau :

— Quý hóa thay đức Cù-dàm ! Từ lâu Ngài không đến, nay Ngài chiếu cố đến đây chắc có chuyện gì. Kính mời Cù-dàm hãy an tọa tại chỗ ngồi này.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bèn tiến đến chỗ ngồi, và an tọa tại đấy.

Lúc ấy, Phạm chí Phòng-già-bà ngồi xuống một bên, và bạch với Thế Tôn :

— Đầu hôm có Ly-xa-tử, là Tỷ-kheo Thiện Túc, đến chỗ tôi và nói với tôi như sau : “Này Đại sư ! tôi không ở chỗ Phật để tu phạm hạnh nữa. Vì sao ? Vì Phật đã bỏ rơi tôi. Vị Tỷ-kheo ấy đến gặp tôi và nói lời của Cù-dàm, dù ông ta có nói như thế, nhưng tôi cũng không nghe”.

Phật bảo Phạm chí :

— Ta biết những lời nói của Thiện Túc mà Ông không bao giờ nghe.

Ngày xưa, có một thời Ta ở trên nhà tập pháp, bên ao Nhĩ Bâu, thuộc thành Tỳ-xá-ly; lúc ấy Thiện Túc đến nơi Ta ngự và nói với Ta như sau :

— Đức Như Lai đã bỏ rơi con, con không ở chỗ Như Lai tu phạm hạnh nữa.

Khi ấy, Ta bảo :

— Ông vì lý do gì mà nói đức Như Lai đã bỏ rơi Ông, Ông không ở chỗ Như Lai để tu phạm hạnh nữa ?

Thiện Túc đáp :

— Vì đức Như Lai không vì con mà hiện thân thông biến hóa.

Bấy giờ, Ta nói :

— Ta có yêu cầu Ông ở trong pháp Ta tu phạm hạnh, rồi Ta sẽ hiện thân tức biến hóa không ? Và Người có nói với Ta rằng đức Như Lai phải vì con mà hiện thân thông biến hóa rồi sau đó con mới tu phạm hạnh không ?

Thiện Túc đáp :

— Bạch Thế Tôn, không !

Ta bảo Thiện Túc :

— Ta cũng không yêu cầu Ông ở trong pháp Ta tịnh tu phạm hạnh, rồi Ta sẽ vì Ông mà hiện thần túc biến hóa. Hơn nữa, Ông cũng không nói là Ta hiện thần túc biến hóa rồi Ông sẽ tu phạm hạnh. Thế nào, theo ý Ông có cho rằng đức Như Lai có thể hiện thần túc hay không thể hiện thần túc ? Hơn nữa, pháp của Ta nói ra có thể làm cho Ông được giải thoát và vĩnh viễn xa lìa các khổ không ?

Thiện Túc thưa :

— Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đức Như Lai có thể hiện thần túc chứ không phải là không. Và pháp của Ngài nói ra có thể làm cho người được giải thoát và xa lìa vĩnh viễn các khổ, chứ không phải là không.

— Nay Thiện Túc, nếu pháp Ta nói ra, đối với người tu phạm hạnh có thể hiện thần túc chứ không phải là không, và đồng thời có thể làm cho người được giải thoát, xa lìa vĩnh viễn các khổ chứ không phải là không, vậy Ông ở nơi pháp này còn muốn cầu điều gì ?

Thiện Túc thưa :

— Thế Tôn không thể tùy thời dạy con, hơn nữa về bí thuật của cha con, đức Thế Tôn đã biết hết, nhưng lại tiếc không dạy cho con.

Ta bảo Thiện Túc :

— Ta có từng bảo Ông ở trong pháp Ta tu phạm hạnh, rồi sau đó Ta sẽ dạy bí thuật của cha Ông không ? Lại nữa, Ông có từng yêu cầu Ta dạy bí thuật của cha Ông, sau đó Ông mới ở chỗ Phật tịnh tu phạm hạnh không ?

— Thưa không !

— Nay Thiện Túc, nếu trước kia Ta không nói lời ấy, và Ông cũng không nói như vậy, thì nay vì lý do gì Ông lại nói như thế ? Thế nào Thiện Túc, Ông có cho rằng đức Như Lai có thể nói các bí thuật của cha Ông hay không ? Hơn nữa, pháp Ta nói ra có thể làm cho Ông được giải thoát và xa lìa vĩnh viễn các khổ không ?

— Vâng ! Đức Như Lai có thể nói các bí thuật của cha con, chứ không phải là không, và pháp của Ngài nói ra có thể làm cho người được giải thoát và xa lìa các khổ, và xa lìa hẳn các khổ chứ không phải là không.

Ta bảo Thiện Túc :

— Nếu Ta có thể nói các bí thuật của cha Ông, cũng như có thể nói pháp làm cho người được giải thoát và xa lìa các khổ, vậy thì ở trong pháp Ta, Ông muốn cầu điều gì ?

Ta bảo Thiện Túc tiếp :

— Trước kia Ông ở lãnh thổ Bạt-xà, thuộc thành Tỳ-xá-ly, Ông dùng vô số phương tiện để khen ngợi đức Như Lai, khen ngợi Chánh pháp và khen ngợi chúng Tăng. Ví như có người dùng tám cách khen ngợi để khen ngợi ao thanh lương, khiến cho người ưa thích : mát lạnh; nhẹ nhàng ; mềm mại; trong trẻo; ngọt dịu; không bẩn; uống mãi không chán; uống vào thân thể dễ chịu. Ông cũng thế, khi ở lãnh thổ Bạt-xà, thuộc thành Tỳ-xá-ly, Ông đã khen ngợi đức Như Lai, khen ngợi Chánh pháp, và khen ngợi chúng Tăng khiến cho người ưa thích và tin tưởng. Thiện Túc nên biết ! Nay Ông thôi chí, thì người đời sẽ nói : “Tỳ-kheo Thiện Túc có nhiều trí thức, lại gần gũi đức Như Lai, đồng thời cũng là đệ tử của Như Lai mà trái lại không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh, lại xa giới

hoàn tục, ở vào địa vị thấp hèn, hành động xấu xa.”

Phạm chí nên biết, Ta lúc ấy nói đủ điều nhưng Thiện Túc không chịu nghe, cứ xả giới hoàn tục.

Này Phạm chí, có một thời Ta ở trên nhà giảng pháp, bên ao Nhĩ Bâu, bấy giờ có Ni-kiền-tử tên là Già-la-lâu, hiện đang cư ngụ tại đó, mọi người đều tôn kính, danh tiếng đồn xa, có nhiều tri thức, đầy đủ lợi dưỡng.

Khi ấy, Tỳ-kheo Thiện Túc đáp y, mang bát vào thành Tỳ-xá-ly khát thực, lần hồi đi đến chỗ của Ni-kiền-tử. Lúc ấy, Thiện Túc đem ý nghĩa sâu xa để hỏi vị Ni-kiền-tử nói trên, và ông ta không đáp được, bèn sanh tâm tức giận, thế rồi, Thiện Túc tự nghĩ : “Ta khuấy rối người ấy, mãi mãi sẽ không có quả báo về khổ não.”

Phạm chí nên biết, sau khi Thiện Túc khát thực rồi, mang y bát đi đến chỗ Ta, đầu mặt đánh lễ và ngồi xuống một bên. Lúc ấy, Thiện Túc cũng đem sự kiện trên mà thuật lại với Ta, Ta nói với Thiện Túc rằng :

— Ông là kẻ vô trí ! Ông đâu có thể tự xưng là Sa-môn Thích tử được.

Thiện Túc hỏi lại Ta :

— Thưa Thế Tôn, vì lý do gì Ngài gọi con là đồ ngu và con không nên tự xưng là Thích tử ?

Ta bảo Thiện Túc :

— Ông là kẻ vô trí, vì Ông đã đi đến chỗ Ni-kiền-tử để hỏi về ý nghĩa sâu xa, và ông ta không đáp được, bèn lại sanh tâm giận tức. Và khi ấy, Ông tự nghĩ : “Nay ta khuấy rối vị Ni-kiền-tử này, sẽ mãi mãi không có quả báo về khổ não.” Thật Ông có nghĩ như vậy không ?

Thiện Túc bạch :

— Ông ta là La-hán, thì đâu vì lý do gì mà có tâm sân hận và ganh tỵ ?

Lúc đó Ta đáp :

— Ông là kẻ vô trí ! Đã là La-hán, thì vì lý do gì lại có tâm sân hận và ganh tỵ ? Chẳng lẽ Ta là La-hán lại có tâm sân hận và ganh tỵ ư ? Hơn nữa, Ông tự cho vị ấy là La-hán, nhưng trên thực tế thì Ông ta có bảy pháp khổ hạnh và luôn luôn giữ gìn. Những gì là bảy ?

1. — Trọn đời không mặc xiêm y.

2. — Trọn đời không uống rượu, ăn thịt, chẳng ăn cơm và mì khô.

3. — Suốt đời không phạm phạm hạnh.

4. — Ở thành Tỳ-xá-ly có bốn tháp đá, đó là : phương Đông có Ưu Viên tháp, phương Nam có Tượng tháp, phương Tây có Đa Tử tháp, phương Bắc có Thất Tụ tháp; đối với bốn tháp này, trọn đời không rời khỏi, để làm bốn thứ khổ hạnh. Nhưng ông ta về sau lại phạm hết bảy điều khổ hạnh trên và đã thác ở ngoài thành Tỳ-xá-ly. Vì như con giả can mắc bệnh ốm yếu, lờ lói và thác ở ngoài gò má. Vị Ni-kiền-tử ấy cũng thế, ông ta đã tự tạo ra những pháp cấm, thế rồi sau lại phạm cả.

Ông ta trước đã tự thề trọn đời không mặc y phục, nhưng về sau lại mặc. Ông ta đã tự thề trọn đời không uống rượu, ăn thịt, không ăn cơm và mì khô, nhưng về sau lại ăn cả. Ông ta đã tự thề không phạm phạm hạnh, nhưng về sau lại phạm. Trước đó ông ta nói : “Không bao giờ vượt qua bốn tháp như Đông, Ưu Viên tháp; Nam, Tượng tháp; Tây, Đa Tử tháp; Bắc, Thất Tụ tháp, nhưng nay

Ông ta đã trái với lời thề trên, và rời khỏi, không còn thân cận nữa. Ông ta đã tự trái với bảy lời thề trên, đã ra khỏi thành Tỳ-xá-ly và thác ở ngoài gò mả. Ta bảo Thiện Túc :

— Ông là kẻ vô trí ! Nếu Ông không tin lời Ta, thì nên đi đến đó xem, là tự nhiên sẽ biết.

Phật bảo Phạm chí :

— Có một thời, Tỳ-kheo Thiện Túc đắp y, mang bát vào thành khát thực, khi khát thực xong, lại ra khỏi thành, đến nơi mồ hoang, thấy Ni-kiền-tử đã thác tại đó. Khi thấy xong, Thiện Túc đến nơi Ta ngụ, đầu mặt đánh lễ dưới chân và ngồi xuống một bên, nhưng không đem sự kiện trên trình bày với Ta.

Phạm chí nên biết, bấy giờ Ta nói với Thiện Túc :

— Thế nào Thiện Túc, Ta đã dự ký về Ni-kiền-tử, sự việc có đúng như lời Ta nói không ?

— Đúng như vậy, đúng như lời Thế Tôn đã nói !

— Phạm chí nên biết, Ta đã hiện thần thông để chứng minh cho Thiện Túc, nhưng mà Thiện

Túc vẫn nói Thế Tôn không vì con mà hiện thần thông.

Lại nữa, có một thời Ta ngụ tại ấp Bạch Thổ, thuộc nước Minh Ninh, bấy giờ có một vị Ni-kiền-tử tên là Cứu-la-đế, hiện đang cư ngụ tại đó, được mọi người tôn kính, danh tiếng đồn xa, được nhiều người lợi dưỡng. Bấy giờ, Ta đắp y, mang bát vào thành khát thực; khi khát thực xong, Thiện Túc lúc đó đi theo sau Ta, vừa thấy Ni-kiền-tử Cứu-la-đế ở trên đồng phần, lén liếm bã rượu.

Phạm chí nên biết khi Tỳ-kheo Thiện Túc thấy vị Ni-kiền-tử ấy ở trên đồng phần, lén liếm bã rượu, thì liền có ý nghĩ sau đây : “Có hàng A-la-hán hướng và A-la-hán đạo ở thế gian, đều không bằng được vị Ni-kiền-tử này, vì đạo của vị Ni-kiền-tử này thật là thù thắng. Vì sao ? Vì vị ấy tu khổ hạnh mới có thể trừ được tâm kiêu mạn như thế, mà ở trên đồng phần lén liếm bã rượu.”

Này Phạm chí, lúc đó, Ta xoay lại bên hữu và bảo Thiện Túc :

— Ông là kẻ vô trí, đâu có thể tự xưng là Thích tử được.

Thiện Túc bạch Ta :

— Thưa Thế Tôn, vì lý do gì Ngài gọi con là kẻ vô trí và không nên tự xưng là Thích tử ?

Ta bảo Thiện Túc :

— Ông là kẻ vô trí, vì khi Ông thấy Cữu-la-đế ngồi xồm trên đồng phần, lén ăn bã rượu, thì Ông bèn nghĩ rằng : “Trong các hàng A-la-hán hướng và A-la-hán đạo ở thế gian thì Cữu-la-đế là cao cả hơn hết. Vì sao ? Vì hiện nay Cữu-la-đế này có thể tu khổ hạnh, trừ được kiêu mạn, như ngồi xồm trên đồng phần, lén liếm bã rượu,” thật Ông có ý nghĩ như vậy không ?

— Thật con có nói như vậy !

Thiện Túc nói tiếp :

— Tại sao đức Thế Tôn đối với vị A-la-hán mà còn sanh tâm ganh tỵ ?

Ta bảo :

— Ông là người vô trí ! Ta không bao giờ sanh tâm ganh ghét đối với một vị A-la-hán. Và làm gì có vấn đề đối với vị A-la-hán mà sanh tâm ganh ghét ? Nay Ông là kẻ vô trí, nên cho rằng Cữu-la-đế là A-la-hán. Người này sau bảy ngày nữa sẽ mắc bệnh bụng to mà qua đời và sẽ sinh vào loài ngạ quỷ khởi thi, thường khổ sở vì đói khát.

Hơn nữa, sau khi ông ta mệnh chung, thì được dùng dây lau và dây tơ bó lại rồi lòi vát ngoài gò mả. Nếu Ông không tin thì có thể đi đến báo trước cho ông ta.

Bấy giờ Thiện Túc liền đi đến chỗ Cứu-la-đế và nói : “Sa-môn Cù-dàm bảo rằng : “Sau bảy ngày nữa, Ông sẽ mắc bệnh bụng to mà qua đời và sẽ sinh vào loài ngạ quỷ khởi thi, nhất là sau khi thác, người ta dùng dây lau, dây tơ bó lại rồi lòi vát ngoài gò mả.””

Thiện Túc nói tiếp : “Ông nên bớt ỉn, chớ để lời nói của Cù-dàm đúng sự thật.”

Phạm chí nên biết, bấy giờ Cứu-la-đế đến hết bảy ngày thì bụng to và thác, liền sanh vào loài ngạ quỷ khởi thi, đồng thời khi thác xong, người ta dùng dây lau, dây tơ bó lại rồi lòi vát ngoài gò mả.

Sau khi nghe Phật nói xong, Thiện Túc co lóng tay tính từng ngày, khi đến hết ngày thứ bảy, thì Thiện Túc liền đi đến thôn của kẻ lừa hình, khi đến xong, Thiện Túc hỏi những người trong thôn rằng :

— Nay chư Hiền, Cứu-la-đế nay ở đâu ?

— Đã chết rồi !

— Do bệnh gì mà chết ?

— Bụng to !

— Việc mai táng thế nào ?

— Dùng dây lau, dây tơ bó lại rồi lôi vất xác ngoài gò mả.

Này Phạm chí, khi Thiện Túc nghe lời này, liền đi đến gò mả. Sắp đến, nhưng chưa đến, thì lúc đó, chân, đầu gối của tử thi liền động dậy và bỗng nhiên ngồi nhồm dậy.

Khi ấy, Thiện Túc đến trước tử thi và nói :

— Này Cửu-la-đế ! Ông đã chết rồi ư ?

— Ta đã chết rồi !

— Do bệnh gì chết ?

— Cù-dàm dự ký bây ngày bụng to và chết, ta đúng như lời dự ký của Ngài, là hết bây ngày bụng to và chết.

— Ông sanh về đâu ?

— Cù-dàm đã dự ký là sẽ sinh vào loài ngựa quý khởi thi, đúng là sau khi chết, ta đã sinh vào loài ngựa quý khởi thi.

— Khi Ông chết thì việc chôn cất như thế nào ?

— Cù-đàm dự ký là dùng dây lau, dây tơ trắng bó lại rồi lòi vát ngoài gò mả. Thật đúng như lời của Phật, là dùng dây lau, dây tơ trắng bó lại rồi lòi vát ngoài gò mả.

Tử thi lúc đó nói với Thiện Túc rằng :

— Ông tuy là xuất gia, nhưng không được lợi lạc gì, vì Sa-môn Cù-đàm đã nói việc này như thế mà Ông không tin. Khi nói xong lời này, tử thi nằm lại như cũ.

Này Phạm chí, bấy giờ Tỳ-kheo Thiện Túc đi đến chỗ Ta ngự, đầu mặt đánh lễ dưới chân và ngồi xuống một bên, nhưng không đem sự kiện trên trình bày với Ta. Ta nói :

— Như Ta đã dự ký về Cửu-la-đế, có thật như vậy không ?

— Thật vậy, Đúng như lời Thế Tôn đã nói.

Này Phạm chí, Ta thương vì Tỳ-kheo Thiện Túc mà hiện thần thông để chứng minh như thế, nhưng Thiện Túc vẫn nói rằng : “Thế Tôn không vì con mà hiện thần thông.”

Phật bảo Phạm chí :

— Có một thời Ta ngự trên nhà giảng, bên ao nhĩ hầu, lúc đó có Phạm chí tên Bà-lê-tử đang sống ở đấy, mọi người đều tôn kính, danh tiếng đồn xa, có nhiều lợi dưỡng. Phạm chí này ở giữa đại chúng, trong thành Tỳ-xá-ly nói như sau :
“Sa-môn Cù-đàm tự xưng có trí tuệ, ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự xưng có thần túc, ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm được đạo siêu việt, ta cũng được đạo siêu việt. Ta sẽ cùng Sa-môn Cù-Đàm hiện thần túc. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai; Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn; Sa-môn hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Sa-môn hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai; Sa-môn hiện ba mươi hai, thì ta sẽ hiện sáu mươi bốn. Tùy theo Sa-môn hiện nhiều hay ít, thì ta đều hiện gấp đôi.”

Này Phạm chí, bấy giờ Tỳ-kheo Thiện Túc đắp y mang bát vào thành khát thực, trông thấy Phạm chí Bà-lê ở giữa đại chúng nói như vậy :
“Sa-môn Cù-đàm tự xưng có trí tuệ, ta cũng có trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm tự xưng có thần túc, ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm được đạo siêu việt, ta cũng được đạo siêu việt. Và ta sẽ cùng Cù-Đàm hiện thần túc. Như Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện

hai; Sa-môn hiện hai, ta sẽ hiện bốn; Sa-môn hiện tám cho đến tùy theo Sa-môn hiện nhiều hay ít, thì ta đều có thể hiện gấp đôi.”

Bấy giờ Tỳ-kheo Thiện-túc sau khi khát thực xong, đi đến chỗ Ta nự, đầu mặt đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên và nói với Ta :

— Vào sáng sớm, con đắp y mang bát vào thành khát thực, nghe ông Ba-lê-tử ở giữa đại chúng, trong thành Tỳ-xá-ly, nói như sau : “Sa-môn Cù-dàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ. Sa-môn Cù-dàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Như Cù-dàm hiện một, ta sẽ hiện hai. Cho đến tùy theo Cù-dàm hiện nhiều hay ít, thì ta đều hiện gấp đôi”.

Tỳ-kheo Thiện Túc lúc đó, đem sự kiện này trình bày đầy đủ với Ta.

Ta bảo với Thiện Túc :

— Nếu ông Ba-lê ở giữa đại chúng không bỏ lời nói này, không bỏ kiến giải này, không bỏ sự kiêu mạn này mà đi đến chỗ Ta, thì hoàn toàn không có sự kiện ấy.

Nếu ông ta có ý nghĩ như sau : “Ta không bỏ lời nói này, kiến giải này và sự kiêu mạn này

mà đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thì đầu ông ấy sẽ vỡ ra làm bảy phần”.

Hơn nữa, muốn cho ông ta không bỏ lời nói này, không bỏ kiến giải này và kiêu mạn này mà có thể đến chỗ Ta, thì không có sự kiện ấy.

Thiện Túc nói :

— Thế Tôn nên giữ lời, Như Lai nên giữ lời.

Ta bảo Thiện Túc :

— Có gì mà Ông bảo Thế Tôn nên giữ lời, Như Lai nên giữ lời ?

— Ông Ba-lê có đại oai thần, đại công đức, thoát khỏi đời sau, sẽ không thấy được sự hư dối của Thế Tôn ư ?

Ta bảo Thiện Túc :

— Như Lai có thường nói hai lời không ?

— Thừa không !

— Nếu Như Lai không nói hai lời, thì có gì Ông lại nói Thế Tôn nên giữ lời, Như Lai nên giữ lời ?

Thiện Túc bạch :

— Thế Tôn tự biết ông Ba-lê-tử hay vì chư Thiên đến nói ?

— Ta tự biết; chư Thiên cũng đến nói, cho nên biết. Về trường hợp đại tướng A-do-dà trong thành Tỳ-xá-ly này, chết rồi sanh lên trời Đao-lợi, và tướng A-do-dà đến nói với Ta như sau : “Ông Phạm chí Ba-lê-tử chẳng biết hổ thẹn, phạm giới vọng ngữ, ở giữa đại chúng trong thành Tỳ-xá-ly, nói lời chê bai như thế này : “Đại tướng A-do-dà chết rồi sẽ sanh trong loài quý khời thi, nhưng thật ra tôi chết rồi được sanh lên trời Đao-lợi.”” Về việc ông Ba-lê-tử thì Ta tự biết trước và chư Thiên cũng đến nói, cho nên biết.

— Nay Thiện Túc, kẻ vô trí, Ông không tin lời Ta thì vào thành Tỳ-xá-ly, tùy ông muốn nói gì thì nói, và khi thọ trai xong Ta sẽ như lời mà đến chỗ của ông Phạm chí Ba-lê-tử.

Phật bảo Phạm chí :

Khi ấy, Thiện Túc đợi đến hôm sau, đắp y mang bát vào thành khát thực, và hướng về những chúng Bà-la-môn, Sa-môn, Phạm chí, nói đây đủ những lời này : “Ông Phạm chí Ba-lê-tử ở trong đại chúng nói những lời như vậy : “Sa-môn Cù-đàm

có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ. Sa-môn Cù-đàm có đại oai lực, ta cũng có đại oai lực. Sa-môn Cù-đàm có đại thần túc, ta cũng có đại thần túc. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai, cho đến tùy theo Sa-môn hiện bao nhiêu thì ta đều sẽ hiện gấp đôi. Thế nên nay Sa-môn Cù-đàm muốn đến chỗ của ông Ba-lê-tử, vậy mọi người có thể đi đến đó.”

Bấy giờ, Phạm chí Ba-lê-tử đang đi trên đường, Thiện Túc trông thấy, vội đi đến chỗ ông Ba-lê-tử, và nói :

— Ông ở giữa đại chúng trong thành Tỳ-xá-ly, nói như thế này : “Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ. Nhấn đến Sa-môn Cù-đàm hiện bao nhiêu thần túc, tùy theo đó, ta đều có thể hiện gấp đôi”. Cù-đàm nghe lời này rồi, nay muốn đến chỗ ông, vậy ông nên mau trở về.

— Ta sẽ về ! Ta sẽ về !

Khi ông nói xong lời này, lại tự hoảng sợ, lông tóc đều dựng ngược, chẳng dám về chỗ của mình, mà đến trong rừng của Phạm chí Đạo-đầu-ba, ngồi trên giường dây, buồn rầu mê loạn.

Phật bảo Phạm chí :

— Sau khi thọ trai xong, Ta cùng với nhiều chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đi đến chỗ ở của ông Ba-lê-tử; Ta tiến đến chỗ ngồi và an tọa tại đấy.

Ở trong chúng kia có ông Phạm chí tên là Giá-la. Bấy giờ mọi người đều gọi Giá-la và bảo :

— Ông đến trong rừng Đạo-đầu nói với ông Ba-lê-tử rằng : “Nay bao nhiêu chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều tập hợp cả nơi rừng của ông, mọi người cùng nhau bàn luận như sau : “Ông Phạm chí Ba-lê-tử ở trong đại chúng tự nói rằng : Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta cũng có đại trí tuệ, cho đến tùy theo Cù-đàm hiện bao nhiêu thần túc, ta đều có thể hiện gấp đôi. Cho nên Sa-môn Cù-đàm đi đến trong rừng của ông, ông nên trở về xem””.

Khi Giá-la nghe mọi người nói xong, liền đi đến rừng Đạo-đầu đó, nói với ông Ba-lê-tử rằng :

— Nhiều chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều nhóm họp nơi rừng của ông, mọi người cùng nhau bàn luận như sau :

— Ông Phạm chí Ba-lê-tử ở trong đại chúng tự nói lời này : “Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, ta

cũng có đại trí tuệ, cho đến Sa-môn Cù-đàm hiện thần túc bao nhiêu, tùy theo đó ta sẽ hiện gấp đôi". Cù-đàm hiện ở trong rừng của Ông, vậy nay Ông nên trở về.

Bấy giờ, Phạm chí Ba-lê-tử liền trả lời với Giá-la rằng :

— Sẽ về, ta sẽ về ! Khi nói xong lời này, ở trên giường dây xoay trở không yên. Bấy giờ dường như giường dây dính chặt vào chân ông, khiến ông không thể rời khỏi giường, huống nữa là đi đến chỗ Thế Tôn.

Khi ấy, Giá-la nói với Ba-lê-tử :

— Ông chính là kẻ vô trí, chỉ có lời nói suông là sẽ về, sẽ về ! Tự mình còn không thể rời khỏi giường dây này, thì làm gì có thể đi đến được chỗ của đại chúng ?

Quở trách ông Ba-lê-tử rồi, Giá-la liền trở về chỗ đại chúng và nói :

— Tôi đem những lời của mọi người nói với ông Ba-lê-tử, và ông ta nói với tôi là sẽ về, sẽ về và liền ở trên giường dây chuyển động toàn thân, nhưng giường lại dính chân, không thể rời khỏi, thì làm gì có thể đi đến với đại chúng đây ?

Bấy giờ, ông Lê-xa Nhứt-đầu-ma ngồi ở trong đại chúng, liền từ tòa đứng dậy, trích áo bày vai hữu, quỳ dài chấp tay mà bạch đại chúng :

— Đại chúng nên đợi một lát, nay tôi sẽ đi đến đó, đem ông Ba-lê-tử về.

Phật nói :

— Lúc ấy, Ta bảo Lê-xa-đầu-ma rằng : “Ông ta nói lời như thế, bảo thủ kiến chấp như thế, khởi kiêu mạn như thế mà muốn khiến ông ta đi đến chỗ Phật, thì không có sự kiện này.”

Này Đầu-ma, dù Ông lấy dây buộc nhiều vòng, cho bày trâu chung kéo, làm cho thân ông ta tan nát, nhưng ông ấy cũng nhất định không thể bỏ lời nói như thế, kiến chấp như thế, kiêu mạn như thế để đi đến chỗ Ta, nếu không tin lời Ta, thì Ông nên đến đó và sẽ tự biết.

Bấy giờ, ông Lê-xa-đầu-ma đi đến chỗ ông Ba-lê-tử và nói với Ba-lê-tử rằng :

— Nhiều chúng Lê-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ đều nhóm họp tại rừng của Ông, mọi người đều bàn luận với nhau như sau :

— Ông Phạm chí Ba-lê-tử ở trong đại chúng tự nói thế này : “Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ,

ta cũng có đại trí tuệ; cho đến Sa-môn Cù-dàm hiện thần túc, tùy theo nhiều hay ít, thì ta đều hiện gấp đôi." Sa-môn Cù-dàm hiện đang ở trong rừng của Ông, vậy Ông nên trở về.

Lúc ấy ông Ba-lê-tử liền đáp :

— Sẽ về, sẽ về !

Khi nói xong lời này, ông ở trên giường dây, toàn thân chuyển động, lúc đó giường dây lại dính vào thân, khiến ông không thể rời khỏi giường dây, huống nữa là đi đến chỗ Thế Tôn.

Bấy giờ, Đâu-ma nói với Ba-lê-tử rằng :

— Ông chính là kẻ vô trí, chỉ có lời nói suông, như nói là sẽ về, sẽ về mà chính mình không thể rời khỏi giường dây này, thì làm gì có thể đi đến được chỗ đại chúng ư ?

Đâu-ma lại nói với Ba-lê :

— Những người có trí, nhờ thí dụ mà hiểu. Về quá khứ lâu xa, có một con sư tử là vua của loài thú sống ở trong rừng sâu, con sư tử này vào sáng sớm, đầu tiên khi ra khỏi hang là ngó quanh bốn hướng, kêu to ba tiếng, sau đó mới dạo đi và lựa thịt mà ăn.

Này Ba-lê-tử, sư tử vua của loài thú ấy, khi ăn xong trở về rừng, thường có một dã can theo sau sư tử để ăn đồ thừa, nhờ đó khí lực đầy đủ, và tự nói : “Sư tử trong rừng trên là thứ gì mà có thể hơn ta được. Nay ta có thể đi săn mỗi riêng tại một khu rừng.” Vào sáng sớm, dã can ra khỏi hang, ngó quanh bốn hướng, kêu to ba tiếng, rồi dạo đi và lựa thịt mà ăn. Sau đó, dã can liền tìm đến một khu rừng và ở riêng tại đó, vào sáng sớm ra khỏi hang, kêu to ba tiếng, rồi sau mới dạo đi, dù muốn bắt chước tiếng kêu của sư tử, nhưng vẫn kêu tiếng dã can.

Này Ba-lê-tử, nay Ông cũng vậy, nhờ ân đức và oai lực của Phật nên được sống còn ở thế gian, được người đời cúng dường, thế mà nay lại muốn cạnh tranh cùng đức Như Lai.

Bấy giờ, ông Đâu-ma dùng bài kệ để trách như sau :

*Dã can xưng sư tử,
Tự cho là vua thú,
Muốn rống tiếng sư tử,
Lại ra tiếng dã can.
Ở rừng vắng một mình,
Tự cho là vua thú,*

*Muốn rống tiếng sư tử,
Lại ra tiếng dã can.
Quì đất tìm hang chuột,
Moi mồi kiếm tử thi,
Muốn rống tiếng sư tử,
Lại ra tiếng dã can.*

Đầu-ma bảo tiếp :

— Ông cũng như thế, nhờ ân đức oai thần của Phật mà được sống còn ở đời, được người cúng dường mà nay lại cạnh tranh cùng đức Như Lai.

Bấy giờ, ông Đầu-ma dùng bốn thứ thí dụ quở trách Ba-lê tử rồi, lại trở về chỗ đại chúng và nói :

— Tôi đem lời nói của mọi người gọi ông Ba-lê-tử, và ông ta nói với tôi rằng : “Sẽ về, sẽ về !”

Ông ta liền ở trên giường dây chuyển động toàn thân, nhưng giường dây dính vào chân, không thể rời khỏi được. Ông ta không thể tự rời khỏi giường dây thì làm gì có thể đến được với đại chúng đây ?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo ông Đầu-ma rằng :

— Ta trước nói với Ông, muốn khiến cho Ông Ba-lê-tử đi đến chỗ Phật thì không có sự kiện này. Dù cho Ông có lấy dây da buộc nhiều vòng, cho

bầy trâu cùng nhau kéo, cho đến thân thể tan nát, Ba-lê-tử cũng không chịu bỏ lời nói như thế, kiên chấp và kiêu mạn như thế để đi đến chỗ Ta.

Này Phạm-chí ! Bây giờ Ta liền cùng với đại chúng trên, nói các thứ pháp, chỉ dạy những điều lợi ích an vui. Ở trong chúng ấy, Ta rống lên tiếng sư tử, rồi thân bay lên hư không, lại trở về chỗ cũ.

Phật bảo Phạm chí :

— Hoặc có Sa-môn hay Bà-la-môn nói rằng :
“Tất cả thế gian do Phạm Tự tại thiên tạo ra”, Ta hỏi họ rằng :

— Tất cả thế gian thật do Phạm Tự tại thiên tạo ra chăng ?

Họ không thể đáp và họ hỏi lại Ta :

— Thưa Cù-Đàm, việc này thế nào ?

Ta đáp với họ rằng :

— Hoặc có thế gian, đầu tiên khi hư hoại, có chúng sanh khác thọ mạng và hành nghiệp hết từ cõi Quang Âm thiên qua đời, thác sanh về xứ Không phạm. Ở tại đấy họ bèn khởi ái, sanh tâm đắm nhiễm, lại muốn khiến những chúng sanh khác đến sống nơi đây. Thế rồi những chúng sanh khác thọ mạng và hành nghiệp hết, lại sanh về cõi

Không phạm. Bấy giờ chúng sanh trên tự nghĩ như vậy : “Nay ta là Đại Phạm vương tự nhiên mà có, không ai tạo ra ta, ta có thể thấu suốt được mục đích của các nghĩa, ở nơi ngàn thế giới rất được tự tại, có thể tạo ra, có thể hóa ra, vi diệu thứ nhất, là cha mẹ của con Người. Ta trước kia đến đây một mình không có bạn, vì do sức ta, nên có chúng sanh này, ta tạo ra chúng sanh này. Những chúng sanh khác cũng lại thuận theo ta, gọi ta là Phạm vương và tự nhiên có, thấu suốt các nghĩa, ở nơi ngàn thế giới rất được tự tại, có thể tạo ra, có thể hóa ra, vi diệu thứ nhất, là cha mẹ của con Người, trước chỉ có một vị, sau đó mới có chúng ta, vị Đại Phạm vương này biến hóa và tạo ra chúng ta.” Thế rồi những chúng sanh ấy tùy theo thọ mạng mà qua đời và thác sanh trở lại thế gian này, dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, bèn nhập định ý tam muội. Do tâm nhập định nên biết được nơi sanh quán đời trước, và họ nói : “Vị Đại Phạm thiên này bỗng nhiên có, không có tác giả (không ai tạo ra), hiểu biết các nghĩa, ở nơi ngàn thế giới vô cùng tự tại, ngài có thể hóa ra, có thể tạo ra, vi diệu bậc nhất, là cha mẹ của con Người. Vị Đại Phạm thiên vương ấy, thường trụ bất biến, là pháp

cố định; hơn nữa, chúng ta được Phạm thiên hóa ra là vô thường nên không được tồn tại lâu dài.”

Này Phạm chí, Như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn vì nhân duyên ấy nên đều nói : “Phạm Tự tại thiên tạo ra thế giới này.”

Này Phạm chí, sự tạo ra thế giới này không phải là chỗ Sa-môn biết được, chỉ có Phật mới biết. Và hơn cả sự kiện này, Phật cũng biết hết. Tuy biết, nhưng mà không chấp trước; ngay cả khổ, nguyên nhân sanh khổ, sự diệt trừ khổ, sự lời cuốn, sự tai hại, và sự thoát ly chúng, cũng đều biết đúng như thật, do một khi đã quán bình đẳng, thì không còn một sự giải thoát nào khác, nên gọi là Như-Lai.

Phật bảo Phạm chí :

— Như có Bà-la-môn nào nói như sau :

— Cười giỡn, biếng nhác là khởi điểm của chúng sanh.

Ta lại nói với họ :

— Vì sao các Ông cho rằng cười giỡn, biếng nhác thật là khởi điểm của chúng sanh ?

Họ không đáp được, và hỏi lại Ta :

— Thưa Cù-dàm, điều này thế nào ?

Ta đáp :

— Hoặc có chúng sanh ở cõi Quang Âm thiên, cười giỡn biếng nhác, sau khi thác sanh trở lại thế gian này, dần dần lớn lên, cạo tóc râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, bèn nhập định ý tam muội. Nhờ năng lực tam muội nên biết được nơi sanh quán đời trước, và nói thế này : “Những chúng sanh khác do không cười giỡn và không vui đùa nên thường ở cõi Quang Âm thiên, thường trụ bất biến. Trái lại, chúng ta vì thường thường cười giỡn và vui đùa nên bị sự vô thường này, là pháp biến dịch.”

Này Phạm chí, như vậy Sa-môn, Bà-la-môn vì nhân duyên ấy nên nói cười giỡn và vui đùa là khởi điểm của chúng sanh. Như thế, Phật đều biết hết, và hơn cả sự kiện này Phật cũng biết hết; dù biết nhưng không chấp trước, ngay cả khổ, nguyên nhân sanh khởi khổ, sự diệt trừ khổ, sự lười cuốn, sự tai hại, và sự thoát ly chúng đều biết đúng như thật, cho nên gọi là Như Lai.

Phật bảo Phạm chí :

— Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói thất ý là khởi điểm của chúng sanh, Ta nói với họ :

— Có phải các Ông nói thất ý là khởi điểm của chúng sanh không ?

Họ không đáp được, và hỏi lại Ta :

— Thưa Cù-đàm, điều này thế nào ?

Ta đáp :

— Hoặc có chúng sanh lần lượt trông nhau, và tự mình bèn thất ý, do đó mạng chung nên thác sanh trở lại thế gian này, dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, bèn vào định ý tam muội, nhờ sức tam muội nên biết được nơi sanh quán đời trước, và nói thế này : “Như những chúng sanh ấy, do vì không lần lượt trông nhau, nên không thất ý, do đó được thường trụ bất biến; trái lại, chúng ta khi ở Quang Âm thiên vì thường thường trông nhau nên tự mình thất ý và bị sự vô thường này là pháp biến dịch.”

Phạm chí, như vậy Sa-môn, Bà-la-môn trên vì nhân duyên này nên nói thất ý là khởi điểm của chúng sanh; như đây, chỉ có Phật mới biết, và hơn cả việc này, Phật cũng biết hết; dù đã biết hết nhưng không chấp trước, ngay cả khổ, nguyên nhân sanh khổ, sự diệt trừ khổ, sự lười cuốn, sự tai hại, và sự thoát ly chúng cũng đều biết đúng như

thật; một khi đã quán bình đẳng, thì không còn sự giải thoát nào khác, cho nên gọi là Như Lai.

Phật bảo Phạm chí :

— Hoặc có có Sa-môn, Bà-la-môn nói : “Ta từ vô nhân sanh”, Ta nói với họ : “Thật có phải các Ông nói từ vô nhân sanh không ?” Họ liền không đáp được, hỏi ngược lại Ta. Khi ấy Ta bảo : “ Hoặc có chúng sanh không tướng, không có tri giác, hoặc có chúng sanh vừa khởi tướng là mệnh chung, từ đó thác sanh trở lại thế gian này, dần dần lớn lên, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu hành, bèn nhập định ý tam muội, nhờ sức tam muội nên biết được nơi sanh quán đời trước, và nói như vậy : “Ta trước đây không có, nay bỗng nhiên có, thế gian này trước thì không, nay thì có, chỉ đây là thật, ngoài ra là giả dối.””

Này Phạm chí, như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn vì nhân duyên ấy nên nói từ vô nhân sanh, chỉ có Phật mới biết được điều này, và hơn cả sự kiện này Phật cũng biết hết; dù biết nhưng không chấp trước, ngay cả khổ, nhân sanh khởi, sự diệt trừ, sự lỗi cuốn, sự tai hại, và sự thoát ly chúng, cũng đều biết đúng như thật; một khi đã quán bình

đẳng, thì không còn sự giải thoát nào khác, nên gọi là Như Lai.

Phật bảo Phạm chí như thế này :

— Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi thanh vắng chê bai Ta rằng : “Sa-môn Cù-dàm tự nói đệ tử của Sa-môn khi vào được tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, thì vị đệ tử ấy tự biết mình thanh tịnh, nhưng không biết mọi vật đều thanh tịnh.” Nhưng thực ra, Ta không nói là khi đệ tử Ta vào được tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, thì vị ấy tự biết mình thanh tịnh, nhưng không biết mọi vật đều thanh tịnh. Trái lại, này Phạm chí, Ta nói như sau : “Khi đệ tử Ta vào được tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, thì vị ấy tự biết mình thanh tịnh và biết tất cả đều thanh tịnh.”

Khi ấy Phạm chí bạch Phật rằng :

— Những hạng người trên sẽ không được lợi lạc, vì họ chê bai Sa-môn Cù-dàm, như nói : “Sa-môn tự nói đệ tử của Sa-môn vào được tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, vị ấy tự biết mình thanh tịnh, nhưng không biết tất cả đều thanh tịnh”. Nhưng thật ra, Thế Tôn không nói như thế. Trái lại, Thế Tôn nói : “Đệ tử Ta khi vào được

tịnh giải thoát, thành tựu tịnh hạnh, vị ấy tự biết mình thanh tịnh và biết tất cả đều thanh tịnh.”

Lại bạch Phật :

— Con nay cũng sẽ vào tịnh giải thoát này, và thành tựu tịnh hạnh, đồng thời tất cả đều thanh tịnh.

Phật bảo Phạm chí :

— Ông muốn vào được tịnh giải thoát đó thì thật là khó. Vì sao ? Vì Ông đã có kiến giải khác, sự kham nhẫn khác, sự thực hành khác mà muốn dựa vào những kiến giải sai khác ấy để vào được tịnh giải thoát thì khó có thể được. Nhưng chỉ khiến cho tâm ưa thích Phật của Ông không dứt hẳn, thì sẽ mãi mãi được an vui.

Bấy giờ Phạm chí Phòng-già-bà nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH THIỆN SANH

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, đều ngự trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyet-kỳ. Khi ấy đã đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đáp y, mang bát vào thành khất thực. Lúc đó trong thành La-duyet-kỳ, có con ông trưởng giả, tên là Thiện Sanh, vào sáng sớm, ra khỏi thành, vào vườn dạo xem và ở trong vườn cây, vừa tắm rửa xong, cả

mình đều còn ướt, đồng thời hướng về lễ khắp các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên và Dưới.

Bấy giờ đức Thế Tôn thấy con ông trưởng giả là Thiện Sanh, vừa tắm rửa xong, cả mình đều còn ướt, liền ra khỏi thành vào vườn dạo xem; đồng thời hướng về lễ khắp các phương. Đức Thế Tôn thấy vậy, Ngài liền đến chỗ ấy nói với Thiện Sanh rằng :

— Ngươi vì lý do gì, vào sáng sớm ra khỏi thành, ở trong vườn cây, vừa tắm rửa xong, cả mình còn ướt mà lại chấp tay hướng về lễ các phương ?

Khi đó Thiện Sanh bạch Phật :

— Cha con lúc lâm chung, có dặn con rằng : “Nếu con muốn lễ bái, thì trước hết phải lễ bái phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới.” Con vâng theo lời dạy, nên không dám chống trái. Do đó, sau khi tắm rửa xong, con chấp tay hướng về danh lễ khắp các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên và Dưới.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Thiện Sanh rằng :

— Nay Thiện Sanh ! Có tên của những phương này, chứ không phải là không có, nhưng trong pháp Hiền Thánh của Ta, không phải là lễ sáu phương này mà gọi là cung kính đâu.

Thiện Sanh bạch Phật :

— Cúi xin đức Thế Tôn hãy vì con mà nói về cách thức lễ bái sáu phương trong pháp Hiền Thánh.

Khi ấy Phật bảo Thiện Sanh rằng :

— Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và suy nghĩ về vấn đề này, Ta sẽ nói cho.

— Vâng, bạch Thế Tôn, con muốn nghe !

Phật bảo Thiện Sanh :

— Hoặc là trưởng giả, hoặc con trưởng giả, nếu biết bốn kết nghiệp, không ở trong bốn xứ mà làm các ác hạnh, và lại nếu có thể biết sáu nghiệp làm hao tổn tài vật, thì gọi là khéo sống (Thiện Sanh).

Hoặc là trưởng giả, hoặc là con trưởng giả từ bỏ bốn ác hạnh, kính lễ sáu phương, chẳng những đời này được phước lành, mà đời sau cũng hưởng quả báo lành; chẳng những đời này có nền tảng vững chãi, mà đời sau cũng có nền tảng vững chãi. Ở trong hiện tại, được bậc trí khen ngợi, hưởng được ba mươi một quả lành, khi thân hoại mạng hết, sanh về cõi trời lành. Thiện Sanh nên biết, bốn kết nghiệp là : sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ. Đây là bốn hành động kết ác nghiệp.

Bốn xứ là gì ? Dục, nhuế, bố, si. Hoặc là trưởng giả hay con trưởng giả, đối với bốn xứ này mà làm ác, thì sẽ bị hao tổn.

Khi Phật nói như thế xong, Ngài đọc bài kệ sau đây :

*Dục, sân, bố và si,
Người có bốn pháp này,
Danh dự ngày tổn giảm,
Như trăng về cuối tháng.*

Phật bảo Thiện Sanh :

— Hoặc trưởng giả hay con trưởng giả, đối với bốn xứ trên mà không làm ác, thì lợi ích gia tăng. Bấy giờ đức Thế Tôn đọc bài kệ như sau :

*Với dục, nhuế, bố, si,
Người không làm điều ác,
Danh dự ngày thêm lớn,
Như trăng hướng về rằm.*

Phật bảo Thiện Sanh :

— Sáu nghiệp tổn tài là : Đam mê rượu chè; cờ bạc; phóng dăng; say mê kỹ nhạc; kết bạn với người ác; biếng lười. Đây là sáu nghiệp tổn tài.

Này Thiện Sanh, hoặc trưởng giả hay con trưởng giả, nếu biết bốn kiết hạnh, đồng thời đối với bốn xứ không làm điều ác và biết sáu nghiệp tổn tài, thì gọi là “khéo sống”. Hơn nữa, nếu là bốn xứ, cũng dường sáu phương thì đời này và đời sau đều được quả báo lành; đồng thời, đời này và đời sau đều có nền tảng vững chắc, nhất là trong hiện tại, được người trí khen ngợi, và được ba mươi mốt quả lành, sau khi thác được sanh về cõi trời.

Thiện Sanh nên biết, uống rượu có sáu lỗi : mất của; sanh bệnh; gây gổ; tiếng xấu đồn xa; dễ sanh nóng giận; trí tuệ mỗi ngày một giảm dần. Thiện Sanh nên biết, nếu trưởng giả, hoặc con trưởng giả, người nào mãi mê uống rượu, thì sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một tiêu tan.

Này Thiện Sanh, cờ bạc có sáu lỗi : Tài sản hao mòn; thắng thì bị người oán; người trí chê cười; mọi người không kính trọng; bị người xa dần; sanh tâm trộm cướp.

Thiện Sanh, đó là sáu lỗi của cờ bạc. Nếu trưởng giả, hoặc con trưởng giả, người nào mãi mê cờ bạc, thì sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một sa sút.

Này Thiện Sanh, phóng dăng có sáu lỗi : không tự giữ lấy thân; không giữ gìn được của cải; không bảo trợ được con cháu; thường sợ hãi; những điều ác, khổ sẽ ràng buộc xác thân; thường sanh đối trá.

Thiện Sanh, đây là sáu điều lỗi của sự phóng dăng. Nếu trưởng giả hoặc con trưởng giả, người nào mãi mê phóng dăng, thì sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một hao mòn.

Này Thiện Sanh, say mê kỹ nhạc có sáu lỗi : ưa ca hát; thích khiêu vũ; mê đàn địch; chuộng tiêu sáo; ước đánh trống; mê thổi kèn.

Thiện Sanh, đây là sáu lỗi của sự say mê kỹ nhạc. Nếu trưởng giả, hay con trưởng giả, người nào mãi mê kỹ nhạc, thì sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một sa sút.

Này Thiện Sanh, kết bạn với người ác có sáu lỗi : dễ sanh khinh lờn; ưu chỗ thầm kín; dụ người nhà khác; mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người; mưu đồ tài lợi về mình; ưa phan phui lỗi người. Đó là sáu lỗi về sự kết bạn với người ác. Nếu trưởng giả hay con trưởng giả, mãi làm bạn với kẻ ác, thì sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một hao mòn.

Thiện Sanh, lười biếng có sáu lỗi : khi giàu sang không chịu làm việc; khi nghèo cũng không chịu làm việc; khi lạnh không chịu làm việc; khi nóng không chịu làm việc; sáng sớm không chịu làm việc; chiều tối không chịu làm việc. Đó là sáu lỗi của sự lười biếng. Nếu là trưởng giả hay con trưởng giả cứ mãi lười biếng, thì sản nghiệp của nhà họ mỗi ngày một sa sút. Sau khi trình bày xong, đức Phật nói kệ :

*Người mê say rượu chè,
Thì có bạn rượu theo,
Có bao nhiêu tài sản,
Đều theo mình hết sạch.
Uống rượu không điều độ,
Thường thích ca nhảy múa,
Ngày thì dạo nhà người,
Nhân đây sự sa đoạ.
Mãi chạy theo bạn ác,
Chê bai người xuất gia,
Tà kiến bị đời khinh,
Uế hạnh bị người xa.
Ưu bạc, mê ngoại sắc,
Chỉ luận việc hơn thua,
Gần ác, không tình nghĩa,*

Uế hạnh bị người xa,
Bị rượu làm mê dại,
Nghèo cùng không tự liệu,
Tiêu xài không tiếc của,
Phá nhà, vương tai ương.
Xúm đánh bạc uống rượu,
Cùng nhau tìm gái dâm,
Tập theo nét bỉ ổi,
Như trăng về cuối tháng.
Tạo ác phải chịu ác,
Cộng tác với bạn ác,
Đời nay và đời sau,
Trước sau không được gì.
Ngày thời ưa ngủ nghỉ,
Đêm thức những chờ mong,
Mê tối, không bạn lành,
Chẳng lo được việc nhà.
Sáng chiều không làm việc,
Lười biếng vì lạnh nóng,
Làm việc không suy xét,
Nên chỉ uống công thôi.
Nếu không quản nóng lạnh,
Sáng chiều siêng làm việc,

*Sự nghiệp gì cũng thành,
Trọn đời khỏi buồn lo.*

Phật bảo Thiện Sanh :

— Lại có bốn hạng oan gia dường như thân cận, Ông nhớ biết rõ. Sao gọi là bốn ? Hạng úy phục; hạng mỹ ngôn; hạng kính thuận; hạng ác hữu.

Phật bảo Thiện Sanh :

— Về hạng úy phục có bốn. Sao gọi là bốn ? Trước cho, sau đoạt lại; cho ít mong trả nhiều; vì sợ nên gượng làm thân; vì lợi nên làm thân. Đây là bốn việc của hạng úy phục.

Phật bảo Thiện Sanh :

— Hạng mỹ ngôn có bốn việc. Những gì là bốn ? Lành dữ đều chiêu theo; gặp nạn thì lánh xa; có điều lành thì âm thầm ngăn đón; khi thấy lâm nguy thì liền bài xích và đả đảo. Đây là bốn việc của hạng mỹ ngôn.

Hạng kính thuận có bốn việc. Sao gọi là bốn ? Trước đối trá; sau đối trá; hiện tại đối trá; thấy có chút lỗi đã vội lánh xa. Đây là bốn việc của hạng người kính thuận.

Hạng ác hữu có bốn việc. Sao gọi là bốn ? Khi uống rượu là bạn; lúc đánh bạc là bạn; lúc đâm dật là bạn; lúc ca vũ là bạn. Đây là bốn việc của hạng ác hữu.

Thế Tôn nói như thế xong, Ngài đọc bài kệ sau đây :

*Úy phục gương làm thân,
Hạng mỹ ngôn cũng vậy,
Kính thuận thì đối trá,
Bạn ác là gần ác.
Chớ nhờ hạng thân đó,
Người trí thường biết rõ,
Nên mau xa lánh họ,
Như tránh con đường hiểm.*

Phật bảo Thiện Sanh :

— Có bốn hạng người đáng thân cận, vì sẽ được cứu hộ và được nhiều lợi ích. Sao gọi là bốn ? Hạng ngăn mình làm quấy; hạng có lòng thương xót; hạng lợi người; hạng đồng sự. Đây là bốn hạng người đáng thân cận, vì sẽ được cứu hộ và được nhiều lợi ích; vậy phải nên thân cận.

Thiện Sanh ! Hạng ngăn quấy có bốn việc, vì sẽ cứu hộ người và được nhiều lợi ích. Sao gọi là bốn ? Thấy người làm ác thì hay ngăn cản; chỉ bày cho người những điều ngay thẳng; có lòng thương xót; chỉ bày cho người con đường lớn. Đây là bốn việc của hạng người ngăn quấy, vì sẽ cứu hộ người và được nhiều lợi ích.

Lại nữa, hạng từ mẫn có bốn việc : mừng thay khi thấy người được lợi; buồn thay khi thấy người gặp nạn; hay khen ngợi đức của người khác; thấy người nói ác thì liền can ngăn. Đây là bốn việc của hạng người từ mẫn, vì sẽ cứu hộ người và được nhiều lợi ích.

Hạng lợi ích có bốn việc. Sao gọi là bốn ? Hộ vệ người không cho phóng dật; hộ vệ sự phóng dật của người để khỏi hao tài; hộ vệ người khiến không sợ hãi; can nhắc người lúc ở chỗ vắng. Đây là bốn việc của hạng lợi người, vì sẽ được cứu hộ và được nhiều lợi ích.

Hạng đồng sự có bốn việc. Sao gọi là bốn ? Vì người không tiếc thân mạng; vì người không tiếc của báu; giúp người khỏi sự sợ hãi; khuyên bảo người khi ở chỗ vắng. Đây là bốn việc của hạng

đồng sự, vì được cứu hộ và được nhiều lợi ích. Khi đức Thế Tôn nói như vậy xong, Ngài đọc bài kệ sau đây :

*Thân với hạng ngăn quấy,
Thân với hạng từ mẫn,
Thân với hạng lợi người,
Thân với hạng đồng sự.
Bốn hạng đó đáng thân,
Người trí đã thân cận,
Thân hơn người thân khác,
Như từ mẫu thân con.
Muốn thân hạng đáng thân,
Hãy thân bạn kiên cố,
Thân rồi đủ giới hạnh,
Như lửa sáng soi người.*

Phật bảo Thiện Sanh :

— Phải biết rõ về sáu phương. Những gì là sáu ? Cha mẹ là phương Đông; sư trưởng là phương Nam; thê thiếp là phương Tây; bạn bè là phương Bắc; tôi tớ là phương Dưới; Sa-môn, Bà-la-môn, và những người đức hạnh là phương Trên.

Này Thiện Sanh, phạm làm con phải lấy năm điều sau đây để kính thuận với cha mẹ. Những gì

là năm ? Cung phụng hiếu dưỡng cha mẹ không để thiếu thốn; phạm làm điều gì trước phải thưa cho cha mẹ biết; cha mẹ làm điều gì mình phải kính thuận, không được chống báng; không trái với việc làm của cha mẹ; không ngăn cản việc lành của cha mẹ.

Này Thiện Sanh, phạm làm con phải lấy năm việc trên để kính thuận cha mẹ. Ngược lại, cha mẹ cũng lấy năm điều sau đây chăm sóc con cái. Những gì là năm ? Ngăn con, không cho nghe và làm điều ác; chỉ dạy con điều lành; thương yêu thấm thiết, tận xương, tận tủy; tùy thời mà cung cấp cho con những đồ cần dùng.

Này Thiện Sanh, nếu con đối với cha mẹ, kính thuận cung phụng, thì phương Đông sẽ được an ổn, không còn lo sợ.

Này Thiện Sanh, đệ tử kính thuận sư trưởng lại có năm điều sau đây. Những gì là năm ? Hầu hạ, cung cấp điều cần thiết; cung kính cúng dường; tôn trọng, quý mến; thầy dạy bảo điều gì phải kính thuận, không chống trái; theo thầy nghe pháp, nhớ kỹ không quên.

Này Thiện Sanh, phạm làm đệ tử phải lấy năm điều trên mà kính thờ sư trưởng. Trái lại, sư trưởng cũng phải lấy năm điều sau đây để săn sóc đệ tử, những gì là năm ? Dạy dỗ có phương pháp; dạy những điều chưa biết; giới thiệu bạn lành cho đệ tử; làm cho sáng tỏ điều hiểu biết của đệ tử; đem hết sự hiểu biết của mình truyền dạy, không lẫn tiếc.

Này Thiện Sanh, nếu đệ tử kính thuận, cung phụng sư trưởng, thì phương Nam được an ổn, không còn lo sợ.

Này Thiện Sanh, chồng đối với vợ cũng có năm điều. Những gì là năm ? Lấy lễ đối đãi với nhau; oai nghiêm đĩnh đạc; ăn mặc tùy thời; trang sức hợp thời; giao phó việc nhà.

Này Thiện Sanh, chồng lấy năm điều trên để đối đãi với vợ, thì ngược lại vợ cũng lấy năm điều sau đây cung kính với chồng. Những gì là năm ? Dạy trước; ngủ sau; nói lời hòa nhã; kính nhường, tùy thuận; sớm nhận lãnh ý chồng.

Này Thiện Sanh, đây là năm điều, nếu vợ đối đãi, kính thuận với chồng như thế, thì phương Tây được an ổn, không còn lo sợ.

Này Thiện Sanh, làm người phải lấy năm điều thân kính đối với bà con. Những gì là năm ? Giúp đỡ tiền bạc; nói lời điều hòa; làm việc lợi ích; chung làm chung hưởng; không hề khi dối.

Này Thiện Sanh, đây là năm điều thân kính với bà con. Trái lại, bà con cũng phải lấy năm điều thân kính với người. Những gì là năm ? Hộ vệ khiến họ không phóng dật; hộ vệ về sự phóng dật để khỏi mất của; khuyên răn nhau lúc ở chỗ không người; thường ngợi khen nhau.

Này Thiện Sanh, người biết thân kính bà con như thế, thì phương Bắc được an ổn, không còn lo sợ.

Này Thiện Sanh, chủ đối với tớ cũng có năm điều dạy bảo. Những gì là năm ? Tùy khả năng mà sai khiến; tùy thời mà cho ăn uống; tùy thời mà thưởng công lao; khi bệnh thì lo thuốc thang điều trị; để cho tôi tớ có thì giờ nghỉ ngơi.

Này Thiện Sanh, đây là năm điều dạy bảo tôi tớ. Ngược lại, tôi tớ cũng phải lấy năm điều sau đây để phụng sự chủ mình. Những gì là năm ?

Dạy sớm; làm việc cẩn thận; của không cho thì không lấy; làm việc có thứ tự; khen ngợi danh đức của chủ.

Này Thiện Sanh, nếu chủ đối với tôi tớ được như thế, thì phương Dưới được an ổn, không có điều chi lo sợ.

Này Thiện Sanh, đàn việt phải lấy năm điều sau đây để cung phụng Sa-môn, Bà-la-môn. Những gì là năm ? Thân làm từ thiện; miệng nói từ thiện; ý nghĩ từ thiện; đúng thời cúng thí; đến nhà không ngăn đón.

Này Thiện Sanh, nếu đàn việt dùng năm điều trên cung phụng Sa-môn, Bà-la-môn, thì trái lại hàng Sa-môn, Bà-la-môn cũng phải lấy sáu điều sau đây mà dạy bảo họ. Những gì là sáu ? Phòng hộ không cho làm ác; chỉ dạy điều lành; dạy giữ tâm lành; làm cho họ nghe điều chưa nghe; điều đã nghe, làm cho họ hiểu rõ; mở bày con đường sanh Thiên.

Này Thiện Sanh, nếu đàn việt cung phụng Sa-môn như thế, thì phương Trên được an ổn, không có điều chi lo sợ.

Khi đức Thế Tôn dạy như vậy xong, Ngài nói bài kệ rằng :

*Cha mẹ là phương Đông,
Sư trưởng là phương Nam,
Thê thiếp là phương Tây,
Bà con là phương Bắc,
Tôi tớ là phương Dưới,
Sa-môn là phương Trên.
Các Trưởng giả hay con,
Kính thuận không bỏ thời,
Chết đều được sanh Thiên.
Miệng thì nói hòa nhã,
Nhiều lợi ích cho người,
Lợi lộc chia đồng đều,
Có của cho người hưởng,
Bốn việc ấy gánh nhiều.
Ví như xe chở nặng,
Đời không bốn việc trên,
Thời không có hiếu dưỡng,
Pháp này ở thế gian,
Được người trí lựa chọn.
Làm thì được đại quả,
Danh tiếng được đồn xa.*

Trang sức nơi tòa ngòai,
Trần thiết đồ ăn uống,
Cung cấp nơi thích đáng,
Danh tiếng được đồn xa.
Không bỏ người thân cũ,
Chỉ dạy việc lợi ích,
Trên dưới thường hòa hợp,
Ắt được danh dự tốt.
Trước phải học kỹ nghệ,
Sau mới thu tài lợi,
Khi đã đủ sản nghiệp,
Thì phải nhớ giữ gìn,
Tiêu dùng đừng xa xỉ.
Trước phải chọn người thân,
Hạng khi dối, xung đột,
Thà xa, chớ kết thân.
Chứa của từ khi ít,
Như ong góp mật hoa,
Của báu ngày chứa đồn,
Trọn đời không hao tổn.
Một, ăn biết vừa đủ;
Hai, làm việc siêng năng;
Ba, phải dự trữ trước;
Để phòng khi thiếu thốn;

Bốn, cày ruộng buôn bán,
Lựa đất để chăn nuôi;
Năm, phải dựng tháp miếu;
Sáu, xây cất Tăng xá.
Tại gia sáu việc ấy,
Siêng lo chớ lơ thời.
Ai làm được như thế,
Thời nhà không sa sút,
Của báu ngày một thêm,
Như biển chứa các dòng.

Bấy giờ Thiên Sanh thưa :

— Bạch Thế Tôn, hay thay, thật là quá chỗ mong ước của con. Vì Ngài dẫn dụ ý nghĩa về lời dạy của cha con, khiến con như người áp mặt xuống được ngược lên, những gì đang đầy kín được mở ra, như người đang mê được tỉnh ngộ, như trong nhà tối thấp đèn lên để người có mắt thấy được các vật chung quanh. Đức Như Lai thuyết pháp cũng như thế, Ngài đã dùng vô số phương tiện khai ngộ cho kẻ phàm phu ngu muội, được thấy pháp sáng suốt thanh tịnh. Vì sao ? Vì Phật là đấng Như Lai chí chơn Đẳng Chánh Giác, có thể làm một vị hướng đạo sư khai thị cho đời. Vậy,

nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, cúi mong đức Thế Tôn hãy nhận con làm kẻ Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp của Ngài. Kể từ ngày hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện không sát sinh không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

Khi Thiện Sanh nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH THANH TỊNH

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, đang ngự tại khu rừng của một vị ưu-bà-tắc tên là Miến Chi, thuộc nước Ca-duy-la-vệ.

Bấy giờ có một vị Sa-di tên là Châu-na, ở tại nước Ba-ba, sau ba tháng hạ đã mãn, vâng giữ y bát lên đường lần hồi tìm đến nước Ca-duy-la-vệ, tới tại khu rừng của ưu-bà-tắc Miến Chi, nơi tôn giả A-nan ở, cung kính đánh lễ dưới chân tôn

già A-nan, rồi lui đứng qua một bên, và bạch với A-nan rằng :

— Tại thành Ba-ba có một vị Ni-kiên-tử vừa mới từ trần, thời gian chưa được bao lâu, trong hàng đệ tử của vị đó lại phân chia ra thành hai phái; họ tranh tụng, mạ lỵ nhau, không kể gì đến tôn ti thượng hạ. Họ luôn luôn tìm những khuyết điểm của nhau, và đồng thời tranh tụng với nhau về những tri kiến bất đồng. Họ bảo : “Chỉ có ta biết được điều này, còn Người không biết. Điều ta nói là đúng, điều Người nói là sai; điều ta làm là chơn chánh, điều Người làm không chơn chánh; điều đáng làm trước Người lại làm sau, điều đáng làm sau Người lại làm trước, sai lầm rối loạn, đảo lộn tất cả, không có phép tắc. Điều ta làm thì tốt đẹp, điều Người nói là sai lầm. Vậy các Người có điều chi nghi ngờ thì nên hỏi ta.”

Bạch Tôn giả, bấy giờ nhân dân trong nước Ba-ba, những người lâu nay phụng thờ Ni-kiên-tử đó, sau khi nghe thấy những sự việc tranh tụng xảy ra như thế, khiến họ sanh tâm nhầm chán, lo buồn.

Khi nghe nói vậy, tôn giả A-nan bèn nói với Sa-di Châu-na rằng :

— Chúng ta có một vấn đề cần thưa với Thế Tôn, vậy nay Người hãy đến yết kiến đức Thế Tôn, nếu Thế Tôn có dạy bảo điều chi, thì chúng ta nùy theo đó hành trì.

Lúc bấy giờ Sa-di Châu-na khi nghe A-nan nói rồi, liền cùng nhau đến yết kiến đức Thế Tôn. Sau khi đến nơi, hai vị cùng dâng lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng qua một bên. Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn rằng :

— Sa-di Châu-na này là người ở nước Ba-ba. Sau ba tháng hạ an cư đã mãn, vâng giữ y bát lên đường lần hồi tìm đến đây, dâng lễ con và thưa rằng : “Bạch Tôn giả, ở nước Ba-ba có một vị Ni-kiền-tử vừa từ trần, thế mà những hàng đệ tử của vị đó phân chia thành hai phái, họ tranh tụng mạt ly nhau không kể tôn ti thượng hạ. Họ luôn luôn tìm những khuyết điểm của nhau, đồng thời tranh tụng với nhau về những tri kiến bất đồng. Họ nói : “Chỉ có ta biết được điều này, còn Người không biết. Điều ta làm thì đúng, điều Người làm thì sai; điều đáng làm trước, Người lại làm sau;

điều đáng làm sau Người lại làm trước. Sai lầm rồi loạn, không có phép tắc. Các Người có điều gì nghi ngờ thì nên hỏi ta.””

Lúc bấy giờ nhân dân trong nước Ba-ba, những người lâu nay phụng thờ Ni-kiền-tử, sau khi nghe thấy những sự việc xảy ra như vậy, khiến họ sanh tâm nhàm chán lo buồn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo với Sa-di Châu-na rằng :

— Đúng vậy, Châu-na ! Những điều phi pháp đó, không đáng nghe. Đó không phải là điều của bậc Chánh Đẳng Giác nói. Những điều phi pháp đó chẳng khác nào như một tòa tháp hư nát cũ kỹ, thật khó tô vẽ. Những người đó, tuy có thầy, nhưng đều mang tà kiến; tuy có pháp, nhưng pháp đó không chơn chánh, không đáng lãnh thọ, không có gì vượt trội. Đó không phải là điều bậc Chánh Giác nói. Những điều phi pháp đó chẳng khác nào như một tòa tháp hư nát cũ kỹ, thật khó mà tô vẽ lại được. Trong hàng đệ tử của vị ấy cũng có người không thuận theo pháp ấy, nên xả bỏ dị kiến mà hành chánh kiến.

Này Châu-na, nếu có người đến bảo với những người đệ tử đó rằng : “Này các Hiền giả, pháp của

thầy các Hiền giả là đúng, nên theo đó mà thực hành, sao lại bỏ đi ?” Người đệ tử kia tin theo lời nói đó, thì cả hai bên đều sai, chuốc vô lượng tội. Vì sao ? Những người ấy tuy có pháp nhưng không chơn chánh.

Này Châu-na, nếu ông thầy không tà kiến thì pháp của ông chơn chánh, tốt đẹp. Có thể lãnh thọ được, có thể xuất yếu được. Vì đó là những điều do bậc Chánh Đẳng Giác nói ra. Ví như tòa tháp còn mới thì việc tô vẽ rất dễ dàng. Thế mà, các đệ tử ở trong pháp ấy, không thể siêng năng tu tập, không thể thành tựu con đường bình đẳng mà đi vào tà kiến. Nếu có người đến bảo với những vị đệ tử đó rằng : “Này các Hiền giả, Pháp của thầy các Hiền giả là chơn chánh, nên theo đó mà thực hành, sao lại xả bỏ mà vào tà kiến ?” Nếu trong hàng đệ tử kia người nào tin theo lời nói đó thì cả hai đều thấy được sự chơn chánh, thu được vô lượng phước. Vì sao ? Vì pháp đó chơn chánh.

Phật bảo Châu-na :

— Những người kia tuy có thầy, nhưng vẫn mang tà kiến; tuy có pháp, nhưng đều không chơn chánh, không đáng để lãnh thọ, không thể xuất

yếu, không phải là điều bậc Chánh Đẳng Giác nói ra. Ví như tòa tháp hư nát cũ kỹ thật khó tô vẽ. Cũng vậy, pháp nào của các đệ tử ấy cũng đều thành tựu, thuận theo cùng thực hành, thì khởi lên tà kiến. Nay Châu-na, nếu có người đến báo với họ rằng : “Pháp của thầy các Hiền giả là chơn chánh, điều các Hiền giả làm là đúng. Nay sự tu tập các Hiền giả siêng năng lao nhọc như vậy, đáng được thành tựu đạo quả ở trong pháp này.” Những người đệ tử kia tin theo lời nói đó, thì cả hai bên đều sai lầm, chuốc vô lượng tội. Vì sao ? Vì pháp đó không chơn chánh.

Nay Châu-na, nếu vị thầy không có tà kiến, thì pháp của ông là chơn chánh, tốt đẹp, có thể lãnh thọ và có thể được xuất yếu. Đó là điều mà bậc Chánh Đẳng Giác nói ra. Ví như tòa tháp mới được xây cất thì tô vẽ, sơn phết một cách dễ dàng.

Lại nữa, nếu những người đệ tử này, mỗi pháp mỗi pháp đều thành tựu, tùy thuận tu hành thì phát sanh chánh kiến. Như vậy, nếu có ai đến báo với những đệ tử đó rằng : “Pháp của thầy các Hiền giả là chơn chánh, sự thực hành của các Hiền giả là đúng. Nay sự tu hành của các Hiền giả siêng năng lao nhọc như vậy, đáng được thành tựu đạo

quả ở trong pháp này.” Những người đệ tử kia tin theo lời nói đó thì cả hai đều thành tựu chánh kiến, được vô lượng phước. Vì sao ? Vì pháp đó là chơn chánh.

Này Châu-na, hoặc có vị đạo sư chết khiến cho đệ tử lo âu, hoặc vị đạo sư chết khiến cho đệ tử không lo âu. Này Châu-na, tại sao vị đạo sư chết khiến cho đệ tử lo âu ?

Khi vị đạo sư vừa mới chết, việc hình thành đạo chưa bao lâu, pháp của vị đó đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, như thật chân yếu, nhưng chưa được hiển bày rộng rãi. Vị đạo sư lại diệt độ quá mau. Đệ tử của vị đó chưa được tu hành đều sâu muộn mà nói : “Đạo sư của ta chết sớm, sự hình thành đạo chưa được bao lâu, pháp của thầy ta thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ, chân yếu, thế mà lại không được hiển bày rộng rãi. Nay vị đạo sư lại diệt độ quá mau. Đệ tử chúng ta không được tu hành.” Đó là trường hợp vị đạo sư chết khiến cho hàng đệ tử ưu sầu.

Còn thế nào là vị đạo sư chết mà hàng đệ tử không ưu tư ?

Nghĩa là vị đạo sư chết, pháp của vị đó hoàn toàn thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ, giải thoát như thật, lại được giảng dạy truyền bá sâu rộng, sau đó vị đạo sư mới diệt độ. Hàng đệ tử của vị đó đều được tu hành, không ô nhiễm lòng sâu muộn. Nghĩ là : “Vị đạo sư vừa mới chết, thành đạo thời gian tuy chưa được bao lâu, nhưng giáo pháp thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ, giải thoát như thật đã được giảng dạy truyền bá sâu rộng ở đời, rồi sau đó ngài mới diệt độ, khiến cho hàng đệ tử chúng ta ai nấy cũng đều được tu hành”. Nay Châu-na, đó là trường hợp vị đạo sư chết mà hàng đệ tử không một chút ưu sầu.

Phật bảo Châu-na :

— Những chi phần phạm hạnh ở đây được thành tựu như vậy, song nếu có vị đạo sư chết, xuất gia thời gian chưa được bao lâu, danh tiếng chưa được đồn khắp thì ở đó cho ta biết về phần phạm hạnh chưa được đầy đủ.

Nay Châu-na, lại có trường hợp vị đạo sư chết, xuất gia đã lâu, danh tiếng đồn khắp, đó là phần phạm hạnh đầy đủ, sung mãn. Nay Châu-na, bậc đạo sư chết, xuất gia đã lâu, danh tiếng đồn khắp.

Nhưng hàng đệ tử chưa nhận được sự giáo huấn, phạm hạnh chưa đầy đủ, chưa đạt được chỗ an ổn, chưa được lợi mình, chưa có khả năng lãnh thọ giáo pháp để thuyết giảng rộng rãi, chưa có thể chứng được thần thông biến hóa. Đó là phần phạm hạnh không đầy đủ.

Này Châu-na, lại có trường hợp vị đạo sư chết, xuất gia đã lâu, danh tiếng đồn khắp, trong hàng đệ tử đã được lãnh thọ những lời giáo huấn, phạm hạnh đầy đủ, đạt đến an ổn, lợi mình đã xong; lại có thể lãnh thọ giáo pháp, phân biệt giảng giải; nếu có tà thuyết nào khởi lên, có đủ năng lực diệt trừ đúng như pháp, thành tựu thần thông biến hóa, thì đó cho ta biết là phần phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ.

Này Châu-na, lại có trường hợp vị đạo sư chết, xuất gia đã lâu, danh tiếng đồn khắp, trong hàng đệ tử Tỳ-kheo-ni chưa lãnh thọ những lời giáo huấn, chưa đạt đến chỗ an ổn, chưa được lợi mình và chưa đủ khả năng giữ gìn giáo pháp để giảng dạy truyền bá sâu rộng. Nếu có những luận thuyết nào khác khởi lên, chưa đủ khả năng dùng giáo pháp để diệt trừ một cách hợp lý, lại cũng chưa

thành tựu thần thông biến hóa; đó là phần phạm hạnh chưa được đầy đủ.

Này Châu-na, lại có trường hợp vị đạo sư chết, xuất gia đã lâu, danh tiếng đồn khắp, trong hàng đệ tử Tỳ-kheo-ni ai nấy đều được lãnh thọ những lời giáo huấn, phạm hạnh đầy đủ, đã đạt đến chỗ an ổn, việc lợi mình đã xong, lại có khả năng giữ gìn giáo pháp, phân biệt diễn giảng; nếu có tà thuyết khởi lên thì có đủ khả năng như pháp để diệt trừ, thành tựu đầy đủ thần thông biến hóa; đó là phần phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ.

Này Châu-na, lại có những hàng đệ tử Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rộng tu phạm hạnh cho đến trọn nên những sự biến hóa, chứng được thần thông, cũng là như vậy.

Này Châu-na, nếu có vị đạo sư không còn ở đời, danh tiếng không có, lợi dưỡng sa sút, thì phần phạm hạnh không được hoàn toàn đầy đủ.

Nếu vị đạo sư ở đời, danh tiếng lợi dưỡng thầy đều đầy đủ, không bị sa sút, đó là phần phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ.

Nếu vị đạo sư ở đời, tiếng tăm lợi dưỡng thầy đều đầy đủ, nhưng danh tiếng và lợi dưỡng của

hàng Tỳ-kheo không được đầy đủ, là vì phần phạm hạnh không đầy đủ.

Nếu vị đạo sư ở đời, danh tiếng và lợi dưỡng đầy đủ không bị sa sút; chúng Tỳ-kheo cũng đầy đủ như vậy, tức là phần phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ.

Này Châu-na, Ta từ khi xuất gia đến nay thời gian đã lâu, danh tiếng đồn khắp xa gần; trong hàng Tỳ-kheo của Ta đã lãnh thọ giáo huấn, đã đạt đến sự an ổn, việc lợi mình đã xong, lại có khả năng giữ gìn giáo pháp, vì người khác mà diễn nói, nếu có tà luận khởi lên, thì có thể đúng như pháp mà diệt trừ, trợn nên những sự biến hóa, chứng đắc thần thông. Trong hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng đều như vậy.

Này Châu-na, Ta đem phạm hạnh lưu bố sâu rộng, cho đến chúng được thần thông biến hóa đầy đủ.

Này Châu-na, đối với tất cả những vị đạo sư xuất hiện ở đời, Ta không thấy có một vị nào có được danh tiếng, lợi dưỡng như Ta, đức Như Lai chí chơn Đẳng Chánh Giác.

Này Châu-na, đối với tất cả đồ chúng hiện có trên thế gian này, Ta không thấy có đồ chúng nào đầy đủ danh xưng và lợi dưỡng như đồ chúng của Ta.

Này Châu-na, nếu kẻ muốn nói lời chơn chánh thì phải nói rằng : thấy và không thể thấy. Thế nào là thấy được và không thấy được ? Tất cả phạm hạnh thanh tịnh viên mãn đã được trình bày, khai thị truyền bá, thì đó gọi là thấy được và chẳng thấy được.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo :

— Ông Uất-đầu-lam ở trong đại chúng mà nói như thế này : “Có cái thấy được và có cái không thấy được. Thế nào gọi là thấy được và không thấy được ? Như con dao, chỉ thấy được lưỡi dao chứ không thấy được cạnh sắc bén của nó.” Này các Tỷ-kheo, ông Uất-đầu-lam lại dẫn chứng lời của kẻ phạm phu mê muội để làm thí dụ ?

Như vậy, Châu-na, nếu người muốn nói lời chơn chánh thì phải nói rằng : thấy và không thấy. Thế nào là thấy và không thấy ? Ông nên nói một cách chơn chánh như vậy : tất cả phạm hạnh thanh tịnh tròn đầy viên mãn đã được tuyên thuyết, khai

thị, truyền bá, giải bày, những sự kiện đó là thấy và không thấy. Nay Châu-na, vì pháp tương tục kia không đầy đủ, nhưng có thể thành tựu, còn pháp không tương tục, dù có đầy đủ nhưng không thể thành tựu. Nay Châu-na, phạm hạnh ở trong các pháp cũng như đề hồ ở trong lạc tô.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo với hàng Tỳ-kheo rằng :

— Ta đối với những pháp đó đã tự chứng ngộ, những pháp đó là : Bốn Niệm xứ, Bốn Thần túc, Bốn Ý đoạn, Bốn Thiên, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác ý, Tám Thánh đạo. Vậy các Người phải hòa hợp với nhau một cách triệt để, chớ có sự chê bai chỉ trích lẫn nhau, đã đồng học một thầy thì phải hòa hợp như nước với sữa. Đối với Chánh pháp của Như Lai, cần phải tự làm sáng tỏ lên, mong được an vui. Khi đã được an vui rồi, nếu có vị Tỳ-kheo trong khi thuyết pháp bị người nói rằng : “Câu nói của Ông không đúng, nghĩa lý sai lầm”. Vị Tỳ-kheo đó nghe xong, không thể cho lời nói đó là đúng hay là không đúng, nên nói với vị Tỳ-kheo đó rằng : “Thưa Thầy, điều đó thế nào ? Văn cú của tôi như vậy, văn cú của Thầy như vậy nghĩa lý của tôi như vậy, nghĩa lý của Thầy như vậy,

bên nào tối thắng, bên nào hạ liệt ?” Nếu vị Tỳ-kheo kia đáp rằng : “Văn cú của tôi như vậy, nghĩa lý của tôi như vậy, văn cú của Thầy như vậy, nghĩa lý của Thầy như vậy, văn cú của Thầy cũng tối thắng”. Tỳ-kheo kia nói như thế thì không nên cho là sai cũng không cho là đúng, nên can gián vị Tỳ-kheo kia : “Thôi đi, đừng nên chỉ trích mà hãy cùng nhau tham khảo ý kiến, hòa hợp cùng nhau một cách triệt để, chớ có tranh tụng, vì cùng học một thầy, phải nên hòa hợp như nước với sữa. Ở trong Chánh pháp của Như Lai, phải tự làm sáng tỏ lên, mong được an vui”. Khi đã được an vui rồi, nếu có vị Tỳ-kheo trong khi thuyết pháp, có vị Tỳ-kheo nói rằng : “Câu cú của Thầy không đúng, nghĩa lý sai lầm” Vị Tỳ-kheo đó nghe xong, không thể nói đúng hay là không đúng nên nói với vị Tỳ-kheo đó rằng : “Thưa Thầy Tỳ-kheo điều đó thế nào ? Văn cú của tôi như vậy, văn cú của Thầy như vậy, ai là đúng, ai là sai ?” Nếu Tỳ-kheo kia đáp : “Văn cú của tôi như vậy, văn cú của Thầy như vậy, văn cú của Thầy cũng tối thắng”. Tỳ-kheo kia nói như vậy không thể nói đúng hay là không đúng, mà chỉ nên can gián Tỳ-kheo kia rằng : “Thôi đi, đừng nên chỉ trích chê bai nhau nữa, mà

hãy cùng nhau tham khảo ý kiến, hòa hợp với nhau một cách triệt để, chớ có tranh tụng lẫn nhau, vì đồng học một thầy như nước với sữa. Ở trong Chánh pháp của Như Lai phải tự làm sáng tỏ lên, mong được an vui”. Khi được an vui rồi, nếu có Tỳ-kheo trong khi thuyết pháp, có Tỳ-kheo khác nói như vậy : “Văn cú vị kia nói đúng, còn nghĩa lý thì không đúng”. Tỳ-kheo kia nghe nói vậy không thể nói đó là đúng hay là sai, mà chỉ bảo với Tỳ-kheo kia rằng : “Thưa Thầy, điều đó thế nào ? Nghĩa lý của tôi như vậy, nghĩa lý của Thầy như vậy, thế nào là đúng, thế nào là sai ?” Nếu người kia đáp : “Nghĩa lý của tôi như vậy, nghĩa lý của Thầy như vậy, thì nghĩa lý của Thầy tối thượng”. Tỳ-kheo kia sau khi nghe nói vậy, cũng không thể bảo đó là đúng hay là sai, mà chỉ khuyên ngăn Tỳ-kheo kia rằng : “Thôi đi, đừng có tranh chấp chê bai. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải hòa hợp triệt để, chớ có chê bai, tranh tụng, vì đồng học một thầy như nước với sữa. Đối với Chánh pháp của Như Lai cần phải tự làm sáng tỏ, mong được an vui”. Khi được an vui rồi, nếu có Tỳ-kheo trong khi thuyết pháp, có Tỳ-kheo khác nói như thế này : “Những điều người kia nói văn chánh, nghĩa

chánh”. Tỳ-kheo đó nghe rồi, không thể nói đó là sai, mà phải nên xưng tán Tỳ-kheo kia rằng : “Những điều Thầy nói là đúng, những điều Thầy nói là đúng !” Thế nên, Tỳ-kheo đối trong mười hai bộ kinh phải tự mình chứng ngộ, rồi đem truyền bá sâu rộng ở đời. Mười hai bộ kinh là : 1. Quán kinh 2. Kỳ dạ kinh 3. Thọ ký kinh 4. Kệ kinh 5. Pháp cú kinh 6. Tương ưng kinh 7. Bốn duyên kinh 8. Thiên bốn kinh 9. Quảng kinh 10. Vị tăng hữu kinh 11. Thí dụ kinh 12. Đại giáo kinh. Mười hai bộ kinh như vậy, các Người phải khéo léo thọ trì, xứng lượng quán sát, tinh thông nghĩa lý và truyền bá sâu rộng.

Này các Tỳ-kheo, y phục mà Ta chế ra cho các Ông mặc, gồm có ba y, y ngắn mặc bên trong, y dài mặc bên ngoài và một y mang theo bên mình phòng khi ngủ nghỉ, những loại y này may sắm bằng những loại vải người ta vất bỏ nơi bãi tha ma, hoặc là những loại thô xấu không ai ưa thích. Y phục, ta chế như vậy là để ngăn che sự nóng lạnh, ngăn chặn ruồi muỗi và cũng để che kín thân tứ đại.

Này các Tỳ-kheo, còn vấn đề ăn uống thì Ta chế cho hai việc : hoặc tự đi khát thực để nuôi

sống, hoặc do cư sĩ cúng dường. Đối với vật thực như vậy, phải biết đủ, để nuôi dưỡng thân thể, trừ các khổ não đói khát ép ngặt, có thể nguy kịch đến tánh mạng. Thế nên phải biết, đối với những sự ăn uống chỉ biết vừa đủ thôi.

Này các Tỳ-kheo, còn việc trú xứ thì Ta chế cho các Ông được ở những nơi : hoặc dưới cội cây, hoặc trên mặt đất, được ở phòng ốc, hoặc ở lầu cao, ở trong hang động, hoặc đi chu du đây đó. Những nơi chốn an trú như vậy, phải tự biết đủ để ngăn che lạnh nóng, ngừa ruồi muỗi, cho đến được ở những nơi thanh vắng.

Này các Tỳ-kheo, còn các dược phẩm mà Ta chế cho các Ông dùng gồm có những thứ như : trần khí, mật, dầu, và đường phèn. Những loại dược phẩm như vậy, chỉ được vừa đủ, để ngăn chặn sự đau ốm khổ não, hoạn nạn ép ngặt, sợ e khó sống, cho nên Ta cho phép tạm dùng để giữ gìn sức khỏe.

Phật bảo Châu-na :

— Hoặc có kẻ ngoại đạo Phạm chí đến nói như vậy : “Sa-môn Thích tử chỉ biết vui thích với những điều hỷ lạc”. Nếu họ nói như vậy, thì các

ông phải trả lời như vậy : “Thưa Ngài, các Ngài chớ có nói lời như thế, rằng Sa-môn Thích tử chỉ biết vui thích với những điều hỷ lạc. Vì sao ? Vì có những hỷ lạc bị Như Lai quở trách, có những hỷ lạc được Như Lai ngợi khen.” Ngoại đạo Phạm chí nếu lại hỏi rằng : “Vui thích hỷ lạc thế nào mà bị đức Như Lai quở trách ?” Nếu họ hỏi vậy, thì trả lời với họ như sau : “Công đức của năm món dục rất là khả ái, khả lạc, đã làm cho người đời đắm nhiễm. Năm món dục đó là gì ? Mắt thấy sắc sanh tâm đắm nhiễm, tai nghe tiếng sanh tâm đắm nhiễm, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm sanh tâm đắm nhiễm; năm dục như thế làm cho người ta tham trước không rời bỏ”.

“Này các Hiền giả, do năm món dục này làm duyên sinh ra bao sự ưa thích đắm nhiễm, do đó nên bị Như Lai chỉ chơn Đẳng Chánh Giác quở trách.”

Lại như có người chỉ biết giết hại chúng sanh để làm sự vui thích, đây là điều mà đức Như Lai chỉ chơn Đẳng Chánh Giác quở trách. Lại cũng có người chuyên trộm cướp để tự vui thích, đó là điều mà đức Như Lai quở trách. Lại cũng có người làm việc phá hư phạm hạnh để tự vui thích, đó là điều

mà đức Như Lai quả trách. Lại cũng có người cố ý nói dối để tự vui thích đó là điều mà đức Như Lai quả trách. Lại cũng có người buông lung phóng túng để làm vui thích, đó là điều Như Lai quả trách.

Lại cũng có người thực hành những điều khổ hạnh của ngoại đạo, chẳng phải là hạnh chơn chánh của Như Lai nói ra để tự vui thích, những điều đó đều bị Như Lai quả trách. Nay các Tỳ-kheo, người tham đắm năm dục công đức là đáng quả trách.

Mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, người đó bị đắm nhiễm; cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc đáng yêu, đáng thích, người ấy bị đắm nhiễm. Như vậy, những cái lạc của Sa-môn Thích tử không giống những cái lạc này.

Cũng như có người chỉ lấy việc giết hại chúng sanh để tự làm vui thích, còn Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại cũng có người lấy việc trộm cướp để tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại như có người phá hư phạm hạnh để tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại cũng có người nói lời vọng ngữ để tự vui thích,

Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại cũng có người buông lung phóng túng để tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy; lại cũng có người thực hành những điều khổ hạnh của ngoại đạo để tự vui thích, Sa-môn Thích tử không vui như vậy.

Nếu ngoại đạo Phạm chí lại hỏi như vậy :
“Niềm vui nào được Sa-môn Cù-đàm ca ngợi ?”

Này chư Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo kia hỏi như vậy thì nên trả lời thế này : “Thưa Hiền giả năm dục công đức đáng yêu, đáng thích là những điều làm cho con người đắm nhiễm. Thế nào là năm ? Từ mắt thấy sắc, cho đến ý biết pháp, đáng yêu, đáng thích là những điều làm cho con người đắm nhiễm. Này Hiền giả, do năm dục làm như sinh ra những sự ưa thích, cần phải mau diệt trừ. Như có người chỉ lấy sự giết hại chúng sanh để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Cũng như có người lấy sự trộm cướp để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Lại cũng có người làm tổn thương phạm hạnh để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Lại cũng có người cố ý nói lời hư vọng để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Lại cũng có người lấy sự

phóng túng để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Lại cũng có người thực hành những điều khổ hạnh của ngoại đạo để tự vui thích, vui thích như vậy phải mau diệt trừ. Còn như có người rời bỏ tham dục, rời bỏ ác pháp, có giác có quán, cảm nhận một trạng thái an vui do ly dục sanh, chứng và an trú thiền thứ nhất; đó là điều vui thích được chư Phật ngợi khen. Lại cũng có người diệt giác, diệt quán với niềm hoan hỷ trong lòng; nhất tâm, không giác, không quán, cảm nhận một trạng thái vui thích do định sanh, chứng và an trú thiền thứ hai; vui thích như vậy là chỗ mà chư Phật ngợi khen. Lại cũng có người trừ hỷ nhập xả cảm biết tự thân vui thú như Hiền Thánh mong cầu; giữ niệm nhất tâm chứng và an trú thiền thứ ba; đó là điều vui thích mà chư Phật ngợi khen. Cũng có người diệt trừ khổ, lạc và hỷ ưu ở trước, một trạng thái không khổ, không lạc giữ niệm thanh tịnh, chứng và an trú thiền thứ tư; đó là điều vui thích được chư Phật ngợi khen.”

Này Châu-na, nếu có ngoại đạo Phạm chí lại hỏi như thế này : “Đối với bốn điều vui thích hỷ lạc như thế, các Người cầu những quả vị công đức gì ?” Thời nên đáp với họ như sau : “Những điều

vui thích hỷ lạc cao thượng đó, có bảy phần công đức. Những gì là bảy ? Là thành tựu đạo quả ngay trong đời hiện tại; nếu hiện đời chưa thành, thì sau khi qua đời mới thành; nếu sau khi qua đời mà cũng chưa thành, thì phải diệt trừ hết năm hạ phần kiết sử, đồng thời, được trung gian Bát-niết-bàn hay sanh về Bát-niết-bàn kia : Hành Bát-niết-bàn, Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu, A-ca-ni-tra Bát-niết-bàn. Đây các Hiền giả, đó là bảy phần công đức của sự hỷ lạc cao thượng.”

Này các Hiền giả, nếu hàng Tỳ-kheo còn ở nơi địa vị Hữu học muốn đạt đến chỗ an ổn mà chưa diệt trừ năm triền cái — Thế nào là năm triền cái ? Tham dục, sân nhuế, hôn trầm, thụy miên, trạo hỷ và nghi ngờ — nếu trong hàng Tỳ-kheo Hữu học muốn đạt đến nơi kia an ổn, mà chưa diệt trừ năm triền cái, không tinh cần để tâm vào bốn pháp niệm xứ, không siêng tu bảy pháp giác chi mà muốn thành tựu tri kiến, thành tựu pháp của bậc Thượng nhơn, trí tuệ tăng thượng của các bậc Hiền Thánh, thì không thể được.

Này các Hiền giả, nếu trong hàng Tỳ-kheo Hữu học có ý muốn đạt được an ổn, phải thường diệt trừ năm triền cái : tham dục, sân nhuế, thụy

miên, trạo hý và nghi ngờ. Lại phải tinh cần giác tỉnh, để tâm đến bốn pháp niệm xứ, bảy pháp giác chi, như thật tu hành; như vậy mới mong thành tựu pháp của bậc Thượng nhơn, trí tuệ tăng thượng của các bậc Hiền Thánh; những kẻ mong cầu tri kiến như vậy thì mới hợp lý. Nay các Hiền giả, nếu có vị Tỷ-kheo bậc lậu tận A-la-hán, các việc cần làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lợi mình đã xong, đoạn trừ hết các hữu kiết sử, thành tựu chánh trí giải thoát thì không còn làm chín việc. Thế nào là chín ? 1. Không sát sanh 2. Không trộm cướp 3. Không dâm dục 4. Không vọng ngữ 5. Không bỏ đạo 6. Không ưa thích dục lạc 7. Không sân hận 8. Không sợ hãi 9. Không si mê. Nay các Hiền giả, đó là chín việc mà bậc lậu tận A-la-hán đã làm xong, gánh nặng đã đặt xuống, lợi mình đã xong, dứt sạch các hữu kiết sử, đạt tới chánh trí giải thoát, xa lìa chín việc.

Hoặc có ngoại đạo Phạm chí nói như vậy : “Sa-môn Thích tử có pháp, nhưng chẳng thường trụ.” Các Ông nên trả lời với họ rằng : “Thưa Hiền giả, chớ có nói như thế, rằng Sa-môn Thích tử có pháp, nhưng pháp đó chẳng thường trụ. Vì sao ? Vì Sa-môn Thích tử có pháp thường trụ rất vững

chắc, không ai có thể làm lay chuyển được. Ví như tường thành kiên cố bất động, Sa-môn Thích tử cũng lại như vậy; pháp đó thường trụ không có gì làm nó dời đổi được.”

Hoặc có ngoại đạo Phạm chí nói như vậy :
“Sa-môn Gô-ta-ma chỉ biết được những việc quá khứ, không thể biết được những việc vị lai.”

— Đối với trong hàng Tỳ-kheo và hàng đệ học Phạm chí có những nhận thức sai khác, thấy biết sai khác, lời nói hư vọng. Như Lai đối với những việc thuộc về quá khứ thấy biết một cách rõ ràng, không có điều chi không biết. Đối với những việc trong đời vị lai, chứng được đạo trí; còn những việc thuộc về quá khứ hư vọng luống dối không có hỷ lạc, không có lợi ích thì Phật không bao giờ nói. Hoặc giả những việc thuộc về quá khứ chơn chánh như thật, nhưng không hỷ lạc, không có lợi ích, Phật cũng không nói. Nếu những việc thuộc về quá khứ chơn chánh như thật, hỷ lạc, nhưng không lợi ích thì đức Phật cũng không đề cập làm gì. Còn nếu những việc thuộc về quá khứ chơn chánh như thật, hỷ lạc lợi ích mà Như Lai biết đúng như thật, vậy sau mới nói. Còn những việc thuộc về vị lai hay trong hiện tại cũng lại như vậy.

Như Lai đối với các pháp thuộc về quá khứ, thuộc về vị lai hay trong hiện tại, đức Như Lai chỉ nói khi nào xét thấy đúng thời. Nói những lời chơn thật, đúng nghĩa, đúng pháp, đúng luật, lợi ích không có hư vọng. Như Lai từ đêm đầu chứng đạo vô thượng Chánh Giác, cho đến đêm rốt sau nhập Niết-bàn, trong khoảng thời gian đó, Như Lai nói ra điều gì, trình bày nghĩa lý gì thảy đều hoàn toàn như thật, do đó, nên được gọi là Như Lai. Lại nữa, Như Lai nói những gì thì làm những điều ấy, cho nên gọi là Như Lai. Do những nghĩa này nên gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Sự thấy biết, sự tận diệt, sự hiểu rõ của Phật quán triệt hết mọi sự nên gọi là Đẳng Chánh Giác.

Hoặc có kẻ ngoại đạo Phạm chí lại nói như sau : “Thế gian là thường còn. Chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra là hư dối”. Hoặc bảo : “Thế gian là vô thường. Chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra là hư dối”. Lại nói : “Thế gian vừa thường vừa vô thường. Chỉ có điều này nói là sự thật, ngoài ra đều là hư dối”. Hoặc có người nói : “Thế gian này chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra đều là hư dối”. Hoặc nói : “Thế gian là hữu biên, chỉ có điều này là sự

thật, ngoài ra đều hư dối”. Hoặc bảo : “Thế gian là vô biên, chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối”. Hoặc cho rằng : “Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên, chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối”. Hoặc cho rằng : “Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối”.

Hoặc chấp rằng : “Thọ mạng tức là thân, chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối”. Hoặc có người nói : “Chẳng phải mạng, chẳng phải thân, chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối”. Hoặc có người nói : “Mạng khác, thân khác, chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối”. Hoặc có người bảo : “Chẳng phải mạng khác thân khác, chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối”.

Hoặc họ có bốn kiến chấp như sau : “Như Lai không tồn tại. Điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối”. Hoặc họ cho rằng : “Như Lai tồn tại, đây là sự thật, ngoài ra đều hư dối”. Hoặc cho rằng : “Như Lai tồn tại và không tồn tại, điều này là sự thật ngoài ra đều hư dối”. Hoặc họ lập luận : “Như Lai chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại,

điều này là sự thật, ngoài ra đều là hư dối”. Những kiến chấp như vậy gọi là bốn sanh, gọi là bốn kiến.

Nay Ta nói rõ cho các Người biết thế nào là bốn sanh, bốn kiến. Bốn sanh, bốn kiến là những kiến chấp cho rằng : “Thế gian là thường tồn cho đến Như Lai chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại. Chỉ có điều này mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối”. Đó là nghĩa bốn sanh, bốn kiến mà Ta đã nói với các Người.

Lại có chỗ gọi là mạt kiến, mạt sanh, mà Ta cũng đã nói. Thế nào là mạt kiến, mạt sanh mà Ta đã nói ? Đó là những kiến chấp : Chấp “Sắc là ngã; do tướng, có diệt. Điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối”; chấp “vô sắc có ngã; do tướng, có diệt; chấp “sắc vô sắc có ngã; do tướng, có diệt; chấp “chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc là ngã; do tướng, có diệt.” Lại chấp “ngã là hữu biên; ngã là vô biên; ngã là hữu biên vô biên; ngã chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; do tướng, có diệt”. Lại chấp “ngã có lạc; do tướng, có diệt; ngã vô lạc; do tướng, có diệt; ngã có khổ lạc; do tướng, có diệt; ngã không khổ lạc; do tướng, có diệt”.

Lại có những chấp :

“Nhất tướng là ngã; do tướng, có diệt; tất cả tướng là ngã; do tướng, có diệt; ít tướng là ngã; do tướng, có diệt; vô lượng tướng là ngã; do tướng, có diệt. Chỉ có đây là sự thật, ngoài ra đều là hư dối”. Đó là những tà kiến thuộc về bốn kiến bốn sanh mà Ta đã nói.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra những luận thuyết, những kiến chấp thế này : “Thế gian là thường tồn chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra đều là hư dối”. Cho đến chấp vô lượng tướng là ngã, điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có những luận thuyết như vậy, kiến chấp như vậy : “Chỉ có điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối”, thì nên bảo với họ rằng : “Các Ông bảo thủ những luận thuyết như thế, cho rằng thế gian này là thường tồn, điều này là sự thật, ngoài ra đều hư dối”. Những luận thuyết như vậy, đức Phật không bao giờ chấp nhận. Vì sao ? Vì trong những kiến chấp đó mang đầy tính chất kiết sử; nếu biết dùng lý luận mà phân xét, thì Sa-môn, Bà-la-môn đó không thể cộng thông với chúng tôi được, huống nữa là muốn nêu ra những tà kiến, trong đó chỉ có lời nói suông, không có gì đáng để cùng

nhau nghị luận. Như vậy, từ kiến chấp ban đầu, cho đến kiến chấp : "Vô lượng tướng là ngã" cũng giống như vậy."

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn chấp thế này :

"Thế gian này là tự mình tạo ra, thế gian này do người khác tạo ra, thế gian này là do tự mình tạo ra và do người khác tạo ra, thế gian này chẳng phải tự mình tạo, chẳng phải do người khác tạo ra, bỗng nhiên mà có".

Những Sa-môn, Bà-la-môn kia nếu bảo thế gian này là do tự mình tạo ra, thì những Sa-môn, Bà-la-môn đó đều do nhân duyên xúc chạm; nếu rời nhân duyên xúc chạm mà thuyết minh là đều vô lý cả. Vì sao ? Vì do lực nhập duyên với thân mà sinh ra sự cảm xúc; do cảm xúc mới sinh ra thọ; do thọ mới sinh ra ái; do ái mới sinh ra thủ; do thủ mới sinh ra hữu; do hữu mới sinh ra sanh; do vì có sanh cho nên mới có già, chết, buồn rầu, lo lắng, tập hợp bao nhiêu điều khổ não. Vậy nếu không có lực nhập, thời không có xúc; không có xúc thì không có thọ; không có thọ thì không có ái; không có ái thì không có thủ. Nếu không có thủ thì không có hữu; do không có hữu nên không có

sanh. Do vì không sanh nên không có già chết, buồn rầu, lo lắng, tập hợp bao nhiêu điều khổ não.

Còn nói rằng : “Thế gian này do người khác tạo ra”. Hoặc nói rằng : “Thế gian này tự mình tạo ra và do người khác tạo”. Hoặc nói rằng : “Thế gian này chẳng phải do tự mình tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra, bỗng nhiên mà có”. Những điều đó cũng giống như vậy, nghĩa là do xúc mà có, nếu không có xúc thì không có.

Phật bảo :

— Nay các Tỳ-kheo, nếu muốn diệt trừ những loại tà kiến, ác kiến này, đối với bốn pháp niệm xứ phải tu tập ba điều. Thế nào là Tỳ-kheo muốn diệt trừ những ác kiến, đối với bốn pháp niệm xứ phải tu tập ba điều ?

Này các Tỳ-kheo, nghĩa là ở đây vị Tỳ-kheo quán thân trong thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không lãng quên để diệt trừ tham ưu ở đời. Quán thân ngoài thân, cũng phải tinh cần không biếng trễ, ghi nhớ không lãng quên để diệt trừ tham ưu ở đời. Sau cùng là đồng thời quán cả trong thân lẫn ngoài thân, tinh cần không biếng

nhắc, ghi nhớ không quên để diệt trừ tham ưu ở đời; cho đến quán thọ, quán tâm, quán pháp cũng phải đầy đủ ba điều như thế. Như vậy, gọi là diệt trừ những ác pháp đối với bốn niệm xứ thực hành ba việc. Tu hành như vậy sẽ được tám môn giải thoát. Tám môn giải thoát là gì ?

Tự mình có sắc thì quán sắc, đó là môn giải thoát thứ nhất; — Do bên trong tướng, không có sắc, mà quán sắc bên ngoài, đó là môn giải thoát thứ hai; — Do quán sắc là tịnh, nên được giải thoát, đó là môn giải thoát thứ ba; — Vượt khỏi sắc tướng và diệt trừ tướng đối đãi, an trú không xứ, đó là môn giải thoát thứ tư; — Vượt khỏi không xứ, an trú thức xứ, đó là môn giải thoát thứ năm; — Vượt khỏi thức xứ, an trú bất dụng xứ, đó là môn giải thoát thứ sáu; — Vượt khỏi bất dụng xứ, an trú hữu tướng vô tướng xứ, đó là môn giải thoát thứ bảy; — Nhập diệt tận định, đó là môn giải thoát thứ tám.

Bấy giờ, tôn giả A-nan đang cầm quạt, quạt hầu sau lưng đức Thế Tôn liền trích áo để lộ vai hữu, gối hữu quỳ xuống đất, chấp tay cung kính, bạch đức Phật rằng :

— Thưa Thế Tôn, thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay ! Pháp thoại thanh tịnh vi diệu tối thắng mà đức Thế Tôn giảng hôm nay nên gọi tên là gì ? Và chúng con phải phụng trì như thế nào ? Phật bảo A-nan :

— Kinh này tên là Thanh Tịnh, vậy Ông hãy như thế, thanh tịnh thọ trì.

Lúc ấy, tôn giả A-nan nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH TỰ HOAN HỖ

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, ngự trong rừng Ba-bà-lợi-am-bà, tại Na-lan-dà.

Lúc bấy giờ trưởng lão Xá-lợi-phất ở chỗ thanh vắng thâm nghĩ rằng : “Về phương diện trí tuệ, thần thông, công đức, đạo lực của các Sa-môn, Bà-la-môn ở quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai, không một ai hơn đức Như Lai Đẳng Chánh Giác.”

Khi ấy, trưởng lão Xá-lợi-phất liền từ tịnh thất, đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên và bạch Phật rằng :

— Khi con ở trong tịnh thất thầm nghĩ như vậy : “ Các Sa-môn, Bà-la-môn về phương diện trí tuệ, thần thông, công đức, đạo lực ở quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai, không một ai hơn đức Thế Tôn.”

Phật bảo Xá-lợi-phất :

— Lành thay ! Ông có thể ở trước Như Lai nói lên những lời như vậy, đồng thời một mực thọ trì, chính là Ông đã rống lên tiếng rống con sư tử. Thế nên, các Sa-môn, Bà-la-môn khác không một ai có thể bằng Ông.

Thế nào, này Xá-lợi-phất, Ông có biết được tâm niệm của chư Phật quá khứ, chư Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, an trú giải thoát như vậy chăng ?

Đáp :

— Bạch Thế Tôn, con không biết !

— Thế nào, này Xá-lợi-phất, Ông có biết được tâm niệm của Chư Phật ở vị lai có giới như vậy,

pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, an trú giải thoát như vậy chăng ?

Đáp :

— Bạch Thế Tôn, con không biết !

— Thế nào, này Xá-lợi-phất, tâm niệm của Ta nay là bậc Như Lai chí chơn Đẳng Chánh Giác, có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, an trú giải thoát như vậy, mà Ông có biết được chăng ?

Đáp :

— Bạch Thế Tôn, con không biết !

— Lại nữa, này Xá-lợi-phất, tâm niệm của Như Lai chí chơn Đẳng Chánh Giác, ở quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai Ông chẳng có thể biết được, tại sao Ông khởi lên những ý nghĩ như vậy ? Nguyên nhân nào khiến phát sanh những ý nghĩ ấy và một mực kiên trì, đồng thời chính là Ông đã rống lên tiếng rống sư tử, thế nên các Sa-môn, Bà-la-môn khác khi nghe được những điều Ông nói rằng : “Tôi biết chắc rằng Sa-môn, Bà-la-môn về phương diện trí tuệ, thần thông, công đức, đạo lực ở quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai không một ai hơn đức Như Lai,

vô sở trước Đẳng Chánh Giác” thì họ sẽ không bao giờ tin lời Ông nói.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật rằng :

— Con ở trong quá khứ, vị lai và hiện tại, về tâm niệm của chư Phật con không thể biết được, song về pháp tổng tướng của Như Lai thời con có thể biết được, đức Như Lai vì con mà nói pháp càng cao càng xa, đồng thời nói những hắc pháp, bạch pháp, những pháp do nhân duyên và không do nhân duyên, những pháp đối chiếu và không đối chiếu. Bạch Thế Tôn, Ngài nói những pháp cao xa vi diệu ấy, khi con nghe xong, biết mỗi mỗi pháp đều là ở trong pháp cứu cánh; đồng thời con tin đức Như Lai là bậc chí chơn Đẳng Chánh Giác, tin đức Như Lai đối với các pháp khéo phân biệt; tin đức Như Lai đã diệt được các khổ, các pháp thiện được thành tựu; trong các thiện pháp, đây là tối thượng. Thế nên, trí tuệ của Như Lai thật tuyệt vời, thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn Ngài.

Lại nữa đức Thế Tôn nói pháp có những pháp được gọi là vô thượng, gọi là pháp chế ngự là : Tứ Niệm xứ, Tứ chánh Cần, Tứ Thần túc, Tứ Thiên,

Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác ý và Bát Chánh đạo. Đây là pháp vô thượng. Thế nên trí tuệ của Phật thật tuyệt vời và thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng. Đó là vấn đề chế ngự các nhập, các nhập đó là : mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Các đức Như Lai chỉ chơn Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng chế ngự các nhập này; các nhập là nhãn và sắc, cho đến ý và pháp; và các đức Như Lai, chỉ chơn Đẳng Chánh Giác vị lai cũng chế ngự các nhập này, các nhập xứ là : nhãn và sắc, cho đến ý và pháp; nay Như Lai chỉ chơn Đẳng Chánh Giác cũng chế ngự các nhập này. Các nhập xứ đó là nhãn và sắc, cho đến ý và pháp, các pháp này thật tối thượng, không một pháp nào có thể thù thắng hơn. Thế nên, trí tuệ của Như Lai tuyệt vời và thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Thế Tôn nói pháp có những pháp được gọi là vô thượng đó là vấn đề thức nhập thai.

Bạch Thế Tôn, có bốn hạng nhập thai : một là, có hạng không biết mình nhập thai, không biết mình trú trong thai, và không biết mình ra khỏi thai. Hai là, có hạng biết mình nhập thai, mà không biết mình trú trong thai và không biết mình ra khỏi thai. Ba là, có hạng biết mình nhập thai, biết mình trú trong thai, nhưng không biết mình ra khỏi thai. Bốn là, có hạng biết mình nhập thai, biết mình trú thai và biết mình ra khỏi thai.

Thế nên, hạng biết mình nhập thai, biết mình trú thai và biết mình ra khỏi thai là bậc nhập thai cao cả. Pháp này là vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là Đạo. Nghĩa là các Sa-môn, Bà-la-môn dùng những phương tiện nhập định huệ ý tam muội, nương vào định tâm để tu Niệm Giác ý, Tinh Tấn giác ý, Hỷ Giác ý, Ý Giác ý, Định Giác ý và Xả Giác ý. Nương vào sự mong cầu, nương vào sự lla bỏ, nương vào sự diệt tận, nương vào pháp giải thoát ? Pháp này là tối thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng, các Sa-môn,

Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là Diệt. Diệt có nghĩa là diệt khổ, mà chứng chậm, vì cả hai phương diện vừa khổ vừa chậm, nên là hạ liệt. Còn diệt khổ mà chứng mau, chỉ có khổ là hạ liệt; Còn diệt vui thú mà chứng chậm, chỉ có chậm là hạ liệt; Còn diệt vui, chứng mau, nhưng không được rộng rãi, vì không rộng rãi, nên gọi là hạ liệt. Trái lại, như Thế Tôn ngày nay là đức Như Lai, diệt vui chứng mau, mà còn rộng rãi nữa, cho đến hàng Nhơn, Thiên đều thấy được thần thông biến hóa.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật :

— Bạch Thế Tôn, những lời của Thế Tôn nói là vi diệu đệ nhất, dưới đến hàng nữ nhân cũng có thể thọ trì, đồng thời dứt được các hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát và tự thân chứng ngộ trong hiện tại, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Đây là đức Như Lai thuyết pháp vô thượng Diệt, thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông tuyệt vời. Các Sa-môn,

Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là vấn đề thanh tịnh. Pháp thanh tịnh này chính là đức Thế Tôn đối với các Sa-môn, Bà-la-môn chẳng nói những lời hư vọng vô ích, không muốn hơn người, cũng không có bè đảng; trái lại, với những lời từ hòa, nói đúng thời, nói chân thật. Đây là những lời thanh tịnh. Thế nên pháp này là vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là kiến định. Các Sa-môn, Bà-la-môn nhờ các phương tiện nhập định ý tam muội; do tâm nhập định, các vị ấy quan sát từ đầu đến chân, rồi trở lại từ chân đến đầu, trực nhận chúng đều bao bọc bởi da trong, da ngoài, chứa đầy những vật bất tịnh như : tóc, lông, móng, da, thịt, gân, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước

mũi, nước tiểu dư bần, đều là vật bất tịnh, không dám tham đắm. Đây là kiến định thứ nhất.

Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập ý định ý tam muội, do tâm nhập định, họ lại trừ bỏ da thịt ngoài và các thứ bất tịnh, chỉ quán xương trắng và răng. Đây là kiến định thứ hai.

Lại nữa, như các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định ý tam muội; do tâm nhập định, họ lại trừ bỏ da thịt bên ngoài, các đồ bất tịnh và xương trắng, quán tâm thức trụ ở nơi nào, trụ ở đời này hay đời sau; đời này không gián đoạn, đời sau không gián đoạn; đời này không giải thoát, đời sau không giải thoát. Đây là kiến định thứ ba.

Lại nữa, có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định ý tam muội; do tâm nhập định, họ lại trừ bỏ da thịt bên ngoài, các thứ bất tịnh, và trừ bỏ xương trắng, họ lại quán sát thức; như tâm thức ở đời sau, không ở đời này; nếu như ở đời này gián đoạn, thì đời sau không gián đoạn; nếu đời này giải thoát, thì đời sau không giải thoát. Đây là kiến định thứ tư.

Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định ý tam muội, do tâm nhập định, họ trừ bỏ da thịt bên ngoài, các thứ bất tịnh, và trừ

bỏ xương trắng lại quán tâm thức chẳng ở đời này, chẳng ở đời sau và cả hai đời đều gián đoạn, cả hai đời đều giải thoát. Đây là kiến định thứ năm.

Pháp này là vô thượng, là trí tuệ tuyệt vời, là thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có những pháp được gọi là vô thượng đó là pháp thường trú. Có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định ý tam muội; do tâm nhập định, họ nhớ biết được hai mươi thành kiếp, hoại kiếp, họ nói rằng : “Thế gian là thường còn, đây là thật, ngoài ra đều là giả dối. Vì sao ? Vì do tôi nhớ nghĩ nên biết có thành kiếp, hoại kiếp này, nhưng ở quá khứ tôi không biết, sự thành hoại vị lai tôi không biết.” Từ sáng đến tối, do vì không có trí, nên nói thế gian này là thường còn, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là giả dối. Đây là pháp thường trú thứ nhất.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định ý tam muội do tâm nhập định, nên nhớ biết được bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, và họ nói rằng : “Thế gian này là thường còn, đây là

chân thật, ngoài ra đều là giả dối. Vì sao ? Vì do tôi nhớ nghĩ nên biết được thành kiếp hoại kiếp. Tôi lại có thể biết được thành kiếp, hoại kiếp ở quá khứ, nhưng tôi không biết được thành kiếp hoại kiếp ở vị lai.” Đây là nói biết đầu tiên mà không biết sau cùng. Người này từ sáng đến chiều, vì họ vô trí, nên nói thế gian này là thường còn, chỉ có điều này là thật, ngoài ra đều là giả dối. Đây là pháp thường trú thứ hai.

Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định ý tam muội, do tâm nhập định, nên họ nhớ biết được tám mươi thành kiếp, hoại kiếp, và nói rằng : “Thế gian này là thường còn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều là giả dối. Vì sao ? Vì do tôi nhớ nghĩ nên biết được có thành kiếp, hoại kiếp. Hơn nữa, còn biết được thành kiếp, hoại kiếp ở quá khứ, thành kiếp, hoại kiếp ở vị lai.” Người này từ sáng đến tối vì họ vô trí, nên nói thế gian này là thường còn, chỉ đây là thật, ngoài ra đều là giả dối. Đây là pháp thường trú thứ ba. Thế nên pháp này vô thượng trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai thuyết pháp, có những pháp được gọi là vô thượng, đó là vấn đề quán sát. Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng tướng quán sát tâm của mọi người; quán sát thẳng đến tâm của người này, thẳng đến tâm người kia, khi họ nghĩ tưởng, hoặc là giả dối, hoặc là chân thật. Đây là quán sát thứ nhất.

Hoặc các Sa-môn, Bà-la-môn chẳng dùng tướng quán sát mà lại nghe những lời của chư Thiên và phi nhân nói : “Tâm của Người như thế này, tâm của Người như thế kia, hoặc là chơn thật, hoặc là giả dối”. Đây là quán sát thứ hai.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn chẳng dùng tướng quán sát, cũng chẳng nghe những lời của chư Thiên và phi nhân nói, mà lại tự quán sát thân mình và nghe những lời người khác nói : “Tâm Người như thế này, tâm Người như thế kia, hoặc chơn thật, hoặc giả dối.” Đây là pháp quán sát thứ ba.

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn chẳng dùng tướng quán sát, cũng chẳng có nghe những lời của chư Thiên và phi nhân nói, lại chẳng tự quán sát thân mình, mà quán sát người khác, trừ bỏ giác quán của mình, được định ý tam muội. Khi quán sát tâm người khác mà nói những lời sau : “Tâm Người

như thế này, tâm Người như thế kia, quán sát như thế mới là chân thật.” Đây là pháp quán sát thứ tư. Thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Thế Tôn, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp có những pháp được gọi là vô thượng đó là vấn đề giảng dạy. Về phương tiện giảng dạy, hoặc có người thực hành không trái với sự giảng dạy, nên dứt sạch pháp hữu lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự mình chứng ngộ trong đời hiện tại, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn tái sanh. Đây là loại giảng dạy thứ nhất.

Lại nữa, hoặc có người thực hành không trái với sự giảng dạy, nên diệt trừ được năm hạ phần kiết sử. Sau khi diệt độ, không còn trở lại cõi này. Đây là loại giảng dạy thứ hai.

Lại nữa, hoặc có người thực hành không trái với sự giảng dạy, nên đã diệt trừ được ba phần kiết sử, giảm bớt dâm, nộ, si, chứng được quả Tư-dà-hàm, chỉ trở lại cõi này một lần và nhập Niết-bàn. Đây là loại giảng dạy thứ ba.

Hoặc có người thực hành không trái với sự giảng dạy, nên đã diệt trừ hẳn được ba phần kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, chỉ trở lại cõi ngày bảy lần và chắc chắn thành đạo quả, không còn đọa vào ác đạo. Đây là loại giảng dạy thứ tư. Thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng, các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có điểm được gọi là vô thượng, đó là đức Thế Tôn vì người khác mà nói pháp, khiến giới được thanh tịnh. Các giới thanh tịnh là Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời chí thành, không nói hai lưỡi, thường tự cung kính, trừ bỏ ngu ngù, chẳng nịnh hót dối trá, không nói dối, không vì người đời mà xem tướng tốt xấu, chẳng tự khen mình, hoặc bảo người khác khen với mục đích đề cao mình lên. Không tham cầu lợi dưỡng, tọa thiền tu trí tuệ, biện tài vô ngại, chuyên chú nghĩ nhớ, không tán loạn, siêng năng không lười biếng. Đây là pháp vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian này không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp, có điểm này được gọi là vô thượng đó là vấn đề giải thoát trí. Đức Thế Tôn do nhân duyên khác trong lòng tự nghĩ và nói : “Người này là Tu-đà-hoàn, người kia là Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán”. Thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian này không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp có điểm này được gọi là vô thượng, đó là vấn đề chứng Túc mạng trí. Như các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định ý tam muội, do tâm nhập định họ nhớ được vô số đời sống thuở quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, cho đến trăm nghìn đời, và thành kiếp, hoại kiếp cho đến vô số kiếp, họ nhớ rằng : “Khi ta sanh tại chỗ ấy, với tên như thế ấy, giòng họ như thế ấy, tuổi thọ như thế ấy, ăn uống như thế ấy, khổ lạc như thế ấy. Từ chỗ này ta chết đi được sanh lại chỗ kia, từ chỗ kia chết đi, ta được sanh đến chỗ này.” Với bao nhiêu thứ tướng như thế, tự nhớ những công việc trong vô số kiếp về trước ở quá khứ và ngày đêm họ thường nghĩ những chỗ trải qua : đây là sắc, là vô sắc, đây là tướng, là phi tướng đều nhớ hết rõ ràng.

Thế nên pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian này không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai nói pháp có điểm này được gọi là vô thượng, đó là vấn đề Thiên nhãn trí. Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng phương tiện nhập định ý tam muội, do tâm nhập định, vị ấy quán sát các chúng sanh thấy sự sống chết của họ; lại thấy chúng sanh có người xinh đẹp, có kẻ thô xấu, sanh cõi lành, cõi dữ, hoặc có người cao sang, có kẻ hạ liệt, đều tùy theo hạnh nghiệp của họ tạo ra, vị ấy đều thấy biết rõ. Hoặc có chúng sanh tạo các ác nghiệp về thân, khẩu, ý, phỉ báng các bậc Hiền Thánh, tin theo tà kiến điên đảo, nên những người này sau khi mạng chung phải đọa vào ba ác đạo. Hoặc có chúng sanh thân tạo những điều thiện, ý nghĩ những việc thiện, lại chẳng hủy báng các bậc Hiền Thánh, tin theo chánh kiến, tạo nghiệp chánh kiến, nên những người này sau khi mạng chung được sanh lên cõi Trời, hoặc sanh vào cõi Người. Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh quán sát các chúng sanh thấy biết rõ ràng như thực về sự sống chết của họ. Thế nên, pháp này vô thượng, trí tuệ tuyệt vời, thần thông diệu dụng. Các Sa-môn,

Bà-la-môn ở thế gian này không một ai có thể bằng đức Như Lai, huống nữa là muốn hơn.

Lại nữa, đức Như Lai thuyết pháp có điểm này được gọi là vô thượng, đó là vấn đề chứng Thần túc thông. Các Sa-môn, Bà-la-môn dùng các phương tiện nhập định ý tam muội, do tâm nhập định nên tạo ra vô số thần lực. Vị ấy có thể biến một thân thành nhiều thân, nhiều thân hiệp lại thành một thân, hiện hình đi ngang qua đá, vách một cách vô ngại, ngồi kiết già trên hư không như chim bay qua lại, đi trên nước cũng như đi trên đất, đi trong đất cũng như lặn dưới nước, thân phát ra khói lửa bốc cháy phừng phụt, lại dùng tay sờ nắm mặt trời, mặt trăng, thân đứng tới trời Phạm thiên. Nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn nào ngợi khen thần thông đó, phải đáp như vậy : “Những thần thông như thế không ai là chẳng có, vì thần thông này hạ liệt của hàng phàm phu, chẳng phải là sự tu tập của các bậc Hiền Thánh”. Nếu Tỷ-kheo ở thế gian tiếp xúc với sắc mà không đắm nhiễm, lại rời bỏ việc này, như thế mới gọi là thần thông của các bậc Hiền Thánh. Lại nữa, đối với sắc không đáng ưa, cũng không có tâm giận ghét, nếu đã xa lìa sự kiện này, thực hành như thế mới gọi là thần thông của các bậc Hiền Thánh.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo ở thế gian tiếp xúc với sắc, tâm chẳng đắm sắc, cả hai đều đã từ bỏ đồng thời tu tập bình đẳng, chuyên chú nhớ mãi không quên, đây mới gọi là thần thông của các bậc Hiền Thánh.

Nay, như đức Thế Tôn tinh tấn dưng mãnh, có đại trí tuệ, đầy đủ tri giác, được đệ nhất giác ngộ, nên gọi là Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn không còn đam mê ngũ dục, vì ngũ dục này là dê hèn, là chỗ tu tập của phàm phu; đức Thế Tôn cũng lại không đam mê các sự tu hành khổ hạnh. Bạch Thế Tôn, nếu ai trừ được các pháp tệ ác này, lại đầy đủ giác quán, được ly sanh hỷ lạc, nên chứng sơ thiền. Cho đến nếu trừ được các pháp tệ ác này thì đầy đủ giác quán, được ly sanh hỷ lạc, chứng được sơ thiền, như vậy có thể đoạn trừ được các ác pháp và tệ pháp; nhị thiền, tam thiền, tứ thiền cũng như thế. Vì đức Thế Tôn tinh tấn dưng mãnh, có đại trí tuệ, đầy đủ tri giác, đã đạt được đệ nhất giác ngộ, cho nên gọi là Đẳng Chánh Giác.

Đức Thế Tôn bảo trưởng lão Xá-lợi-phất rằng :

— Nếu có ngoại đạo nào đến hỏi Ông : “Ở thời quá khứ có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Sa-môn Cù Đàm không ?” Thì Ông sẽ đáp như thế nào ? Nếu người kia lại hỏi : “Ở thời vị lai có

Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Sa-môn Cù Đàm không ?” thời ông sẽ đáp với họ như thế nào ? Nếu người kia lại hỏi : “Ở thời hiện tại có Sa-môn, Bà-la-môn Cù Đàm không ?” thời Ông sẽ đáp với họ như thế nào ?

Bấy giờ trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật rằng :

— Bạch đức Thế Tôn, giả như họ có hỏi ở thời quá khứ có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Phật không, thì con sẽ đáp : “Có”. Giả như họ hỏi ở thời vị lai có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Phật không, thì con sẽ đáp : “Có”. Giả như họ hỏi ở thời hiện tại có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với đức Như Lai không ? thì con sẽ đáp : “Không !”

Phật bảo trưởng lão Xá-lợi-phất :

— Những ngoại đạo Phạm chí kia họ sẽ hỏi ông : “Vì sao Trưởng lão khi thì xác nhận là có, khi lại xác nhận là không” như thế thời Ông sẽ phải trả lời với họ như thế nào ?

Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật :

— Con sẽ đáp với họ là đấng vô thượng Chánh Đẳng Giác ở thời quá khứ cũng với đức Như Lai đồng nhau. Đấng vô thượng Đẳng Chánh Giác ở

thời vị lai cùng với đức Thế Tôn đồng nhau. Tuy nhiên, đích thân tôi nghe Phật dạy là : “Đấng vô thượng Chánh Đẳng Giác ở thời hiện tại cùng với đức Như Lai nếu đồng nhau, thì không có việc đó”. Bạch Thế Tôn, như con từng nghe, nếu thuận pháp, đúng pháp mà đáp thì không có lỗi gì.

Phật bảo :

— Nếu Ông đáp đúng pháp, thuận pháp như vậy thì không có trái phạm. Vì sao ? Vì đấng vô thượng Chánh Đẳng Giác ở thời quá khứ đồng với Ta, đấng vô thượng Chánh Đẳng Giác ở thời vị lai đồng với Ta, nhưng nếu bảo ở thời hiện tại mà có hai vị Phật xuất hiện ở thế gian cùng một lúc, thì không có sự kiện đó.

Lúc bấy giờ, tôn giả Uất-đà-di, đang cầm quạt đứng quạt hầu sau lưng đức Phật.

Đức Phật bảo :

— Nay Uất-đà-di, ông phải ghi nhớ, đức Như Lai là bậc thiếu dục tri túc như vậy. Nay Ta có đại thần lực, có đại oai đức, thiếu dục, tri túc, không đắm nhiễm ngũ dục mà chẳng tự mình phô trương. Nay Uất-đà-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào khác ở trong pháp này siêng năng cần khổ, chính họ

chúng được, đâu chỉ một pháp nào đó, thời họ sẽ giương cờ thông báo khắp trong bốn chúng. Còn Như Lai ngày nay thiếu đức tri túc như vậy, có đại thần lực như vậy, có đại oai đức như vậy mà chẳng tự phô trương.

Lúc đó tôn giả Uất-đà-di, sửa sang y phục để lộ cánh tay phải gối phải quỳ xuống đất, chấp tay bạch Phật rằng :

— Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thế Tôn thiếu đức tri túc như vậy, Thế Tôn có đại thần lực như vậy, có đại oai đức như vậy mà không tự mình phô trương. Bạch Thế Tôn, nếu lại có các Sa-môn, Bà-la-môn nào khác ở trong pháp này siêng năng cần khổ chúng được chỉ một pháp nào đó, thì họ sẽ giương cờ thông báo khắp trong bốn chúng.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo trưởng lão Xá-lợi-phất :

— Nay Xá-lợi-phất, ông phải vì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di luôn luôn nói pháp này. Nếu những người kia đối với Phật, Pháp, Tăng còn có chỗ nghi ngờ, một khi họ nghe được pháp này rồi thì không còn nghi ngờ nữa.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo trưởng lão Xá-lợi-phất :

— Ông phải luôn luôn vì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà nói pháp này. Vì sao ? Vì những người kia nếu đối với Phật, Pháp, Tăng còn chỗ nào nghi ngờ một khi họ được nghe ông nói pháp này, thì họ sẽ được khai ngộ.

Đáp :

— Bạch Thế Tôn, vâng !

Khi ấy, trưởng lão Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà thường xuyên nói pháp này. Vì tự mình đã được thanh tịnh cho nên gọi là “Thanh Tịnh Kinh”

Khi trưởng lão Xá-lợi-phất nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH ĐẠI HỘI

Tôi nghe như vậy :

Một thời, đức Phật cùng đông đủ năm trăm vị đại Tỳ-kheo, toàn là những bậc A-la-hán, đều ngự trong rừng Ca-duy, thuộc nước Thích-si-đề, đồng thời có chư Thiên với thần thông vi diệu ở mười phương đều tập hợp để kính lễ đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ có bốn vị Tịnh cư thiên đang ngự trên Thiên cung, và đều nghĩ : “Nay đức Thế Tôn và năm trăm vị Tỳ-kheo, toàn là những bậc

A-la-hán, đều ngự trong rừng Ca-duy, thuộc nước Thích-sí-đề đồng thời có chư Thiên với thần thông vi diệu ở mười phương đều tập hợp để kính lễ đức Như Lai và chúng Tỳ kheo. Vậy chúng ta nên đến chỗ đức Thế Tôn ngự, khi đến xong, chúng ta sẽ dùng bài kệ để khen ngợi đức Như Lai”.

Lúc ấy, bốn vị Tịnh cư thiên, nhanh như vị lực sĩ đuổi cánh tay, biến mất từ cõi trời Tịnh cư và đến chỗ Thế Tôn ngự trong rừng Ca-duy, thuộc nước Thích-si-đề. Sau khi đến, bốn vị Tịnh cư thiên, đầu mặt đánh lễ trước chân Phật, và đứng qua một bên. Sau đó, có một vị Tịnh cư thiên, liền ở trước Phật dùng kệ khen rằng :

*Ngày nay đại chúng hội,
Chư Thiên đều tụ tập,
Là vì Pháp mà đến,
Đảnh lễ chúng vô thượng.*

Khi nói xong bài kệ này liền đứng qua một bên. Tiếp theo có một vị Tịnh cư thiên khác, ở trước đức Thế Tôn, dùng bài kệ khen ngợi như sau :

*Tỳ-kheo thấy các uế,
Chánh tâm tự phòng vệ,*

*Như biển nhận các dòng,
Người trí hộ các căn.*

Khi nói bài kệ này xong lại đứng qua một bên; tiếp đến có một vị Tịnh cư thiên khác, ở trước đức Thế Tôn đọc bài kệ sau đây :

*Khỏa đầy hăm tham ái,
Cùng lấp hố vô minh,
Riêng đạo cõi thanh tịnh,
Như voi khéo điều phục.*

Khi nói bài kệ này xong, liền đứng qua một bên; sau đó có một vị Tịnh cư thiên khác, ở trước đức Thế Tôn đọc bài kệ để tán thán như sau :

*Những ai quy y Phật,
Trọn chẳng dọa ác thú,
Sau khi bỏ thân này,
Được thân Trời thanh tịnh.*

Khi bốn vị Tịnh cư thiên nói bài kệ ấy xong, đức Thế Tôn liền ấn khê cho họ, đồng thời những vị ấy đánh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng, và bỗng nhiên biến mất. Khi họ đi chưa bao lâu, đức Thế Tôn bảo chúng Tỳ-kheo rằng :

— Nay các Tỳ-kheo, nay phần lớn chư Thiên mười phương đều tụ tập, với thần thông vi diệu, không một ai mà chẳng đến đây để chiêm ngưỡng, lễ bái đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Nay các Tỳ-kheo, thưở quá khứ chư Như Lai chỉ chơn Đẳng Chánh Giác cũng có chư Thiên tụ họp chung quanh như Ta ngày nay. Và vị lai, chư Như Lai chỉ chơn Đẳng Chánh Giác cũng có chư Thiên tụ họp chung quanh như Ta ngày nay. Nay các Tỳ-kheo, phần lớn chư Thiên mười phương đều tụ họp với thần thông vi diệu, không một ai mà chẳng đến đây để lễ bái chiêm ngưỡng đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo.

Nay các Tỳ-kheo, nay Ta sẽ nêu lên danh tánh của chư Thiên ấy và vì họ mà nói kệ. Vậy các ông phải khéo biết và suy nghĩ kỹ :

*Chư Thiên ở trong hang,
Ẩn sâu, thấy đáng sợ,
Thân mặc toàn bạch y,
Thuần tịnh, không cấu uế.
Trời Người khi nghe xong,
Đều quy về Phạm thiên,
Nay Ta nêu tên họ,
Lần lượt không nhầm lẫn.
Chư Thiên nay đã đến,*

*Các Tỳ-kheo nên biết,
Phàm người trí thế gian.
Trong trăm, không thấy một,
Do đâu có thể thấy,
Quý thần bảy muôn chúng,
Hoặc có mười muôn thần,
Còn không thấy được một,
Huống là các quý thần,
Biến khắp cả thiên hạ.*

Chẳng hạn như, địa Thần có bảy ngàn quý Dạ-xoa, tất cả đều có thần túc, sắc tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ, đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo.

Lấy giờ có Tuyết sơn thần, đem sáu ngàn quý Dạ-xoa, tất cả đều có thần túc, sắc tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ, đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo.

Lại có một vị Xà-la thần, đem ba ngàn quý Dạ-xoa, tất cả đều có thần túc, sắc tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ, đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo.

Lại có mười sáu ngàn quý Dạ-xoa, tất cả đều có thần túc, sắc tướng, danh xưng, mang tâm hoan

hỷ, đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo.

Lại có Tỳ-ba-mật thần, trú tại Mã Quốc, đem năm trăm quý Dạ-xoa đều có thần túc và đại oai đức.

Lại có Kim-tỳ-la thần, trú tại thành Vương Xá, bên núi Tỳ-phú-là, có vô số chúng quý thần đều cung kính vây quanh.

Lại có Đề-đâu-lại-tra Thiên vương (Trì quốc Thiên vương), trị vì ở phương Đông, là chúa tể của Càn-đạp-hòa thần (Càn-thát-bà) có đại oai đức, với chín mươi một người con đều gọi là Nhân-dà-la, và có đại thần lực.

Lại có Tỳ-lâu-lặc Thiên vương (Tăng trưởng Thiên vương), trị vì tại phương Nam, thống lãnh các Long vương, là bậc đại oai đức, có chín mươi một người con, cũng gọi là Nhân-dà-la, đều có đại thần lực.

Lại có Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương (Quảng mục Thiên vương), trị vì ở phương Tây, thống lãnh loại Cưu-bàn-trà, là bậc đại oai đức, có chín mươi một người con cũng gọi là Nhân-dà-la, đều có đại thần lực.

Lại có Thiên vương (Đa-văn Thiên vương), trị vì ở phương Bắc, tên gọi là Tỳ-sa-môn, thống lãnh loài quý Dạ-xoa, là bậc đại oai đức có chín mươi một người con cũng gọi là Nhân-dà-la, đều có đại thần lực.

Bốn bậc Thiên vương này hộ trì thế gian, có đại oai đức, thân phóng ra hào quang, đều đến rừng Ca-duy.

Bấy giờ đức Thế Tôn muốn hàng phục tám giả dối huyền ảo của họ mà nói thần chú rằng:

Ma câu lâu la ma câu lâu la tỳ lâu la tỳ lâu
la chiền đà na ma già thế trí a ni diên đậu ni diên
đậu ba na lô ô hô nô nô chủ đề bà tô mộ ma đầu
la chi đa la tư na cần đập ba na la chủ xá ni sa
thi ha vô liên đà la tỳ ba mật đa la thọ trần đà la
na lữ ni ha đậu phù lâu thâm chi bà tích bà.

Như thế cho đến các vua Càn-thát-bà và La-sát đều có thần túc, sắc tướng, danh xưng, mang tâm hoan hỷ đến tận rừng Ca-duy để chiêm ngưỡng chúng Tỳ-kheo. Lúc đó, đức Thế Tôn lại vì họ nói thần chú như sau :

A hê na đà sắc na đầu tỳ xá li sa ha đối xoa
xà bà đề đề đầu lại tra đế bà sa ha nhĩ lợi da gia

tỳ la nhiếp bà na già a đà già ma thiên đề già y
la bà đà ma ha na già tỳ ma na già đa tha già đà
già la xà ba ha sa ha, xoa kỳ đề bà đề la đề tỳ mai
dại tích xúc tỳ ha tứ bà ninh a bà bà tứ chất đa
la tốc hòa ni na cầu tứ dạ a bà do na già la trừ a
tứ tu bạt la tát đế nô na a già phật đà sái thất la
ninh bà đa ưu la đầu bà diên lâu tổ bản nậu phật
đầu xá la nậu già loại lâu.

Bấy giờ đức Thế Tôn vì hàng A-tu-la mà nói
thần chú rằng :

Kỳ đà bạt xà ha đế tam vật đệ a tu la a thật
đà bà diên địa bà tam bà tứ y đệ a đà đề bà ma
thiên địa già lê diệu ma ha bí ma. A tu la đà na
bí la đà bố ma chất đầu lâu tu chất đế lệ bà la ha
lê vô di liên na bà... xá lê a tế bạt lê phất đa la
na tát bệ bệ lâu da na na lê tát na mê đế bà lê tế
du la da bạt đầu lâu thi ha am bà la mẽ tam ma
do y đà bà na bạt đà nhĩ tỳ kheo na tam di thế
nê bạt.

Khi ấy, đức Thế Tôn lại vì hàng chư Thiên
mà nói thần chú như sau :

A phù đề bà tỳ lê hê bệ đề dự bà do đa xá
nậu bạt lâu nậu bạt lâu ni thế đế tô di đa xá a đầu
di đa la bà già la na di bà a lã đề bà ma thiên the

dữ dà xá đề xá già dư tất bí lệ na na đa la bà bạt
na y địa bàn đại thù địa bàn na bàn đại da xá tỷ
nậu mộ đà bà na a lê kiến đại tỷ kheo na bà châu
đề bà ni bệ nô đề bộ xá già lợi a hê địa đồng mê
na sát đế lệ phú la tức kỷ đại a đà man đà mạn
đà mạn đà la bà la bệ chiên đại tô bà ni sảo đề bà
a đà chiên đà phú la xí chi đại tô lê da tô bà ni
sảo đề bà a đà tô đề da phú la đại lô thúc đà đà
la na la a na đại bệ na ni bà ô bà đề kỳ ha ba la
vô ha bệ bà la vi a ni tất đà ma đa a hê lê di sa
a ni bác thù thô thán nô a lô dư đề xá a hê bạc
sa ma ma ha xa ma ma nậu ta am ma nậu số ma
khất đà ba đầu sái a đà ma nậu ba đầu sái a hệ a
la dạ đề bà a đà lê đà da bà tư ba la ma ha ba la
a đà đề bà na thiên hê dạ sai ma đầu xuất đà dạ
ma đà sa ni a ni lam bệ lam bà yết đế thọ đề na
ma y sái niệm ma la đề a đà lê ba ha niệm di đại
a hê đề bà xà la đề a kỳ thi hô ba ma a lật tra lô
da hô, ma phù ni bà tư viên giá bà đà mộ a châu
đà a ni thâu đậu đàn a nậu a đầu a lã tỷ sa môn
y sái.

Đây là sáu mươi loại Trời, lúc bấy giờ đức Thế
Tôn lại vì sáu mươi tám vị ngũ thông Bà-la-môn
mà nói thần chú rằng :

La da lê sa da hà hà hê kiền đại bà ni dà tỳ
 la·bạt đầu bệ địa xà nậu a đầu sai mộ tát đề ương
 kỳ bệ địa mâu ni a đầu bế lê da sai già thi lê sa
 bà ha nhã nậu a đầu phạm la đề bà đề na bà bệ
 địa mâu ni a đầu câu tát lê y ni lô ma xà lã ương
 kỳ la dã bát xà a lâu minh viễn đầu ma ha la dã
 a câu đề lâu bí nậu a đầu lục bế câu tát lê a lâu
 giá lãg ỷ giá di la đàn hê hội phù dã phước đồ
 lô lê sái tiên đà bộ a đầu đề na già phù bà ha di
 già da la dã đa đà a già độ bà đa mạn dà nậu ca
 mục la dã a đầu nhân đà la lâu mê ca phù đà lô
 mộ ma già hê a sắc thương câu tỳ dư a đầu hệ lan
 nhã già phù lê rị dư lê đa tha già đô a hê bà hảo
 la dư di lô lư đa tha a già độ bà tư phật ly thù đà
 la sư đa tha a già độ y lê đa sai ma ha la dư tiên
 a bộ đa già a già độ bát xà bà dư bà lê địa xí a la
 dư đa già a già độ uất a lan ma ha la dư tiên bị
 bà lê ma lê thân bà hê đại na ma a bàn địa khô
 ma lê la dư a cu tư lợi đà na bà địa a đầu xí bệ la
 dư thi y nác di nác ma ha la dư phục bà lâu đa
 già a xà độ bặt đà bà lợi ma ha la dư câu tát lê
 ma đề thân thi hàn đề khiêm bà lợi lê la dư tu đà
 la lâu tha già độ a nhân đầu lâu a đầu ma la dư tô
 lợi dữ tha bệ địa đề bộ a ha bệ lợi tứ a đầu hằng
 a da lâu ba la mục giá đa mộ a di nậu a đầu nhưt

ma da xà tỳ na bà sai ma la dư hà lê kiên đô dư
tỳ độ bát chi dư thị số ba na lộ ma tô la dư da tứ
da do hê lan nhã tô bát na bí sâu độ trí da số la
xá ba la bệ đà uất đà bà ha bà sái bà ha bà bà
mưu bà ha xa tham phúc xa đại xa pháp xà xa lệ
la đà na la bát di đa đá la càng đập bà xa ha bà
tát ba đề tô bệ la dư a hê kiên độ tỳ kheo tam di
địa bà ni địa bà ni.

Lúc đó lại có một ngàn năm mươi Bà-la-môn,
và đức Như Lai vì họ mà nói thần chú này. Khi
ấy, tại thế giới này có đệ nhứt Phạm vương và chư
Phạm thiên thần thông vi diệu, trong số đó có một
vị Phạm đông tử tên gọi là Đề-xá, có đại thần lực,
đồng thời có mười muôn Phạm thiên vương khác
cùng với quyến thuộc đi đến vây quanh. Hơn nữa,
qua khỏi ngàn thế giới này, lại có Phạm thiên
vương, thấy đại chúng đang ở chỗ Thế Tôn ngự,
liền cùng với quyến thuộc tìm đến vây quanh, đi
đến nơi Thế Tôn ngự.

Lúc bấy giờ, Ma vương thấy đại chúng ở chỗ
đức Thế Tôn ngự, lại khởi tâm ác độc, tự nghĩ :
“Ta phải đem các loại quỷ thần đến phá hoại chúng
ấy và bao vây bắt hết, không để sót một người.”
Khi ấy họ liền triệu tập bốn binh chủng dùng tay

lăn bánh xe, âm thanh như sấm sét, những ai trông thấy đều vô cùng sợ hãi. Sau đó, binh ma bèn làm mưa to gió lớn, sấm sét dữ dội tiến về rừng Ca-duy bao vây đại chúng. Khi đó, đức Thế Tôn bao các Tỷ-kheo :

— Các Ông nên biết, hôm nay chúng Ma ôm lòng ác độc đến đây. Liền đó đức Thế Tôn nói bài kệ rằng :

*Ông nay phải kính thuận,
Kiến lập về pháp Phật,
Phải diệt chúng Ma này,
Như voi phá rừng lau.
Chuyên niệm chớ buông lung,
Đầy đủ về tịnh giới,
Tâm định tự suy niệm,
Khéo giữ ý chí mình.
Nếu ở trong Chánh pháp,
Những ai không buông lung,
Thì thoát khỏi già chết,
Dứt hẳn các gốc khổ.
Các đệ tử nghe rồi,
Phải siêng năng tinh tấn,
Tránh xa những dục lạc,*

*Mây lông không lay động.
Vì chúng đây tối thắng,
Có đại trí tiếng tăm,
Đệ tử đều dưng mãnh,
Là chúng đáng tôn kính.*

Bấy giờ chư Thiên, Quỷ thần, Ngũ thông Tiên
nhơn đều tụ tập trong rừng Ca-duy, thấy việc làm
của Ma thật là kỳ chưa từng có.

Khi đức Thế Tôn nói pháp này xong, có tám
muôn bốn ngàn chư Thiên lìa trần cấu, được pháp
nhân tịnh. Các Trời, Rồng, Quỷ, Thần, A-la-hán,
Ca-lâu-ka, Chân-đà-la, Ma-hầu-la-già, Người cùng
phi Nhơn, nghe Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng
hành.

KINH TRƯỜNG A HÀM

TẬP I

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. KINH ĐẠI BỐN DUYÊN	13
2. KINH DU HÀNH	83
3. KINH ĐIỂN TÔN	237
4. KINH XÀ NI SA	267
5. KINH TIỂU DUYÊN	285
6. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TU HÀNH	305
7. KINH TỆ TÚC	329
8. KINH TÁN ĐÀ NA	365
9. KINH CHÚNG TẬP	385
10. KINH THẬP THUẬN	409
11. KINH TĂNG NHẤT	447
12. KINH TAM TỰ	463

13.	KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN	471
14.	KINH THÍCH ĐỀ HOÀN NHÂN VẤN	493
15.	KINH A NẬU DI	521
16.	KINH THIỆN SANH	555
17.	KINH THANH TỊNH	575
18.	KINH TỰ HOAN HỖ	607
19.	KINH ĐẠI HỘI	629

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM**



**KINH TRƯỜNG A HÀM
TẬP I**

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Thanh Xuân

Biên tập
Nguyễn Thị Hà

Ban thực hiện

Thượng tọa	:	Thích Thiện Minh
Đại đức	:	Thích Bửu Chánh
Đại đức	:	Thích Viên Trí
Đại đức	:	Thích Tâm Minh

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Số 4 - Lô 11 - Trần Duy Hưng - Hà Nội.

ĐT : 04. 5566701 - Fax : 04. 5566702

Số lượng in : 1.000 cuốn, khổ 14x20cm, tại xí nghiệp in
Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP HCM.
E-mail : xn-inngminhhoang@hem.vnn.vn. ĐT : 8555812.
Số xuất bản 83-131/XB-QLXB ngày 03/02/2005. In xong và nộp
lưu chiếu quý III năm 2005.

